

3

SỬ VIỆT-NAM

của TRẦN - HỮU - QUẢNG

NGUYỄN DU
XUẤT BẢN

TRẦN HỮU QUẢNG

Giáo-sư Sử-Địa



LỊCH - SỬ
VIỆT - NAM

LỚP ĐỆ - TAM

Sọan thảo đúng theo chương-trình
mới nhất của Bộ Quốc-gia Giáo-dục

NGUYỄN - DU XUẤT - BẢN

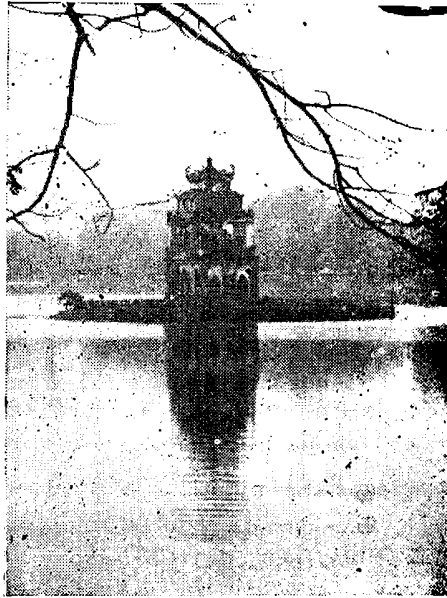
CHƯƠNG-TRÌNH LỊCH-SỬ ĐỆ-TAM

Việt-sử : từ năm 1418 đến năm 1802.

- 1.— *Minh-thuộc và cuộc khởi-nghĩa của Lê-Lợi.*
- 2.— *Nhà Hậu Lê — Lê-thái-Tổ và công-cuộc kiến-thiết quốc-gia các vua kế-vị và sự-nghiệp — Lê-thánh-Tôn và công-nghiệp. Cuộc Nam-tiến. Văn-hóa và xã-hội Đại-Việt về đời nhà Hậu Lê.*
- 3.— *Thành-lập Nam Bắc Triều — Nhà Mạc — Nhà Lê Trung-hưng — cuộc tranh-thủ giữa nhà Lê và nhà Mạc — Trịnh, Nguyễn phân-tranh ; nguyên-nhân và kết-quả.*
Công-nghiệp họ Trịnh.
Công-nghiệp họ Nguyễn. Hoàn-thành cuộc Nam-tiến.
- 4.— *Việt-nam tiếp-xúc với Tây-phương.*
- 5.— *Nhà Tây-sơn — Cuộc khởi-nghĩa của Tây-sơn — Vua Quang-Trung ; sự phục-hưng trong nội-bộ — Ngoại-giao.*
- 6.— *Công cuộc thống-nhất nước Việt-nam — cuộc tranh-thủ giữa Nguyễn-phúc-Ánh và nhà Tây-sơn.*

Trích Công-báo Nghị-định 6-9-1958

PHẦN 'THỨ' NHẤT



Khởi-nghĩa chống Minh



Đầu thế-kỷ 15, bên Trung-hoa Yên-Vương lên ngôi lấy hiệu là Minh-Thành-Tổ muốn mở-mang bờ-cõi và khuếch-trương hàng-hải. Nhân lúc ấy ở phía nam có Trần-thiền-Binh tự xưng là con vua Trần-nghe-Tôn sang cầu cứu Thành-Tổ, xin quân diệt nhà Hồ đã cướp ngôi nhà Trần.

Lợi-dụng tình-thế khủng-hoảng ở nước Đại-Ngu dưới thời nhà Hồ, quân Minh tràn sang xâm-lăng và đặt nền móng đô-hộ trong 20 năm. Trong thời Minh thuộc dân ta khổ-sở cả, tinh-thần lẫn thể-chất vì quân Minh bóc-lột, giữ được giống giống khỏi đồng-hóa với Trung-hoa đã là điều chứng-minh sự kiên gan, hùng-dũng, tinh-thần tranh-dấu bất-khuất của dân-tộc Việt.

Hơn nữa, mặc dầu bị kiểm-soát bằng một nền hành - chính đô-hộ chặt-chê, dân-tộc ta cũng vùng nổi dậy dưới sự điều-khiển của anh-hùng Lê-Lợi.

1 - NƯỚC VIỆT-NAM DƯỚI THỜI MINH - THUỘC

DÀN BÀI

I.— Chính-sách cai-trị.

- 1) Chính-sách mị-dân ban đầu.
- 2) Hành-chánh : áp-dụng như Trung-hoa.
- 3) Kinh-tế : thuế nặng, sưu-dịch.
- 4) Văn-hóa : đồng-hóa.

II.— Những cuộc khởi-nghĩa.

- 1) Giản-định-đế (1407-1409).
- 2) Trùng-quang-đế (1409-1413).

Chiếm được Đại-việt, quân Minh dùng chính-sách mị-dân để chinh-phục lòng người. Nhưng khi đã đặt xong nền móng cai-trị, quân Minh lại khai-thác kinh-tế và đồng-hóa dân-tộc Việt-nam.

Mặc dầu đã ở dưới ách đô - hộ của nhà Minh, chiến-tranh vẫn chưa hết. Con cháu nhà Trần kêu gọi lòng ái-quốc của dân-chúng cất quân chống giặc.

I.— Chính-sách cai-trị.

Quân Minh định thôn-lĩnh Đại-việt, làm thành quận huyện của Trung-hoa nên tìm cách biến đổi các cơ-cấu xã-hội để đồng-hóa với Trung-hoa.

1.— Chính-sách mị-dân ban đầu : Tiêu-diệt con cháu nhà Hồ năm 1407, quân Minh chiếm đóng Thăng-long, treo bảng kêu gọi con cháu nhà Trần và triệu-tập một ít quan-lại, kỳ-lão tay sai làm tờ khai

rằng : « Họ Trần không còn ai nữa mà đất An-nam vốn là đất Giao-châu ngày trước, nay xin đặt quận, huyện như cũ ».

Lấy cớ giúp Trần, diệt Hồ. Diệt xong Hồ lại vịn cớ họ Trần đã hết người để ở lại cai-trị giúp ! Đó là đường lối xảo-trá quen dùng của chính - sách đế - quốc tức là cố hợp-pháp-hóa cuộc xâm-lăng của mình.

Quân Minh bắt con cháu nhà Hồ về Nam-kinh và đầy Quý-Ly làm lính ở Quảng-tây ; còn trong nước, nhà Minh cho lệnh tha thuế trong 3 năm để lấy lòng dân. Đồng-thời vua Minh truyền cho Trương-Phụ tìm kiếm những người có khả-năng đem về Kim-lăng ban thưởng hòng mong sự giúp đỡ của những người này. Họ tìm « những người ẩn dật ở sơn lâm, những kẻ có tài-đức, văn hay học rộng, quen việc, hiểu toán-pháp, nói năng hoạt-bát cùng những người hiền-đề, những người lực điền mà mặt mũi khôi ngô, hoặc có gân sức khỏe mạnh, những người thầy dò, thầy bói, thầy thuốc... ». Có một số hiền-danh tâm thường, ham lợi-lộc đem thân ra giúp quân Minh, được đưa về làm quan ở các phủ, châu, huyện. Bọn này xu-nịnh quân Minh và ý vào thể chúng, tàn-bạo và hung-ác đối với đồng-bào hơn cả người Minh. Nhưng có những người trung-trực không màng theo bả vinh-quang, như Bùi-ứng-Đầu và Lý-tử-Cầu, đáng ghi vào sử-sanh.

2. — Tổ-chức hành-chính : Các tướng Minh bình-dịnh xong Đại-việt, đem cách tổ-chức hành-chính ở Trung-hoa áp-dụng vào Việt-nam.

a) *Việc cai-trị* : Chính-sách Điền-hộ dựa trên căn-bản gia-đình được thi-hành năm 1419. Mỗi gia-đình phải có sổ ghi số người trong gia-đình gọi là « hộ thiếp ». Mỗi người lại có thẻ riêng chỉ rõ tên tuổi và sinh quán, thẻ của ai không hợp với sổ của quan là phải ra lính.

Cứ 10 gia-đình hay hộ hợp thành « giáp » có giáp-thủ trông coi. Một trăm gia-đình hợp thành « lý », có Lý-trưởng trông coi. Lý-trưởng mỗi năm bầu lại một lần, có bổn-phận giữ trật-tự, thu thuế.

(Ở tỉnh « lý » gọi là « phưong », chung quanh thành-phố gọi là « tương »). Những ông lý phải làm sổ đinh và sổ điền có địa-đồ, những người tàn-tật, cò-quả biên riêng gọi là kỹ-linh. Sổ lập thành 4 bản : ba bản màu xanh để ở Bộ-chính ty, phủ và huyện, còn một bản màu vàng (hoàng sách) gửi sang nhà Minh ; cứ 10 năm sổ ấy phải làm lại một lần.

Nước chia làm 17 phủ : Giao-châu, Bắc - giang, Lạng-giang, Lạng-son, Tân-an, Kiến-xương, Phong-hóa, Kiến-bình, Trấn-man, Tam-giang, Tuyên-hóa, Thái-nguyên, Thanh-hóa, Nghệ-an, Tân-bình, Thuận-hóa, Thăng-hoa — và 5 châu là : Quảng-oai, Tuyên-hóa, Qui-hóa, Gia-bình, Diên-châu. Nơi hiểm-yếu thì đặt 12 vệ để phòng giữ. Ở trung-ương thì có ba ty : Bộ-chính ty và Án-sát ty do Hoàng-Phúc coi, Chuông-dô ty do Lữ-Nghị coi. Cả nước có 472 nha-món để cai-trị địa-phương. Các quan-lại hà-hiếp dân-chúng, nhất là những người Việt làm tay sai để lấy lòng quân Minh tàn-sát dân. Lý-trưởng và giáp-thủ bị đập đánh rất cực khổ.

b) Việc binh-bị : Quân-đội có các tướng-sĩ Trung-hoa điều-khiển. Mỗi một bộ phải 3 xuất đinh đi lính ; nhưng từ Thanh-Hóa trở vào Nam, ít người, mỗi hộ chỉ phải 2 xuất đinh đi lính. Chỗ nào không có vệ-sở thì lập đồn ở chỗ hiểm-yếu, lấy dân-binh canh giữ. Nhưng khi quân Minh sang Việt-nam cũng học được cách làm súng thân sang của ta.

c) Việc trạm dịch : Đại-việt và Trung-hoa liên-lạc với nhau bằng trạm dịch. Từ kinh-đô Đông-quan (Thăng-long) tới Gia-lâm, phủ Từ-son thì đặt trạm chạy giấy bằng ngựa ; từ Chí-linh, Đông-triều cho đến phủ Vạn-ninh, giáp đất Khâm-châu đặt trạm chạy giấy bằng thuyền.

2.— Kinh-tế : Kinh-tế trong nước bị bóc lột triệt-đề :

Năm 1414, nhà Minh quy-định thuế-khóa, đặt những thuế rất nặng :

— Mỗi mẫu ruộng phải nộp 5 thăng thóc.

— Mỗi mẫu bãi giồng dâu phải nộp 1 lạng tơ.

— Mỗi cân tơ phải nộp 1 tấm lụa.

Năm 1416, họ lại đặt thuế muối nặng hơn nữa. Dân nấu muối, mỗi tháng được bao nhiêu phải đưa vào đề ở tòa Đề-cử, đợi khi nào tòa Bố-chính khám và đánh thuế đã rồi mới được bán. Nấu lậu hay bán lậu cũng phải phạt như nhau. Châu, huyện nào cũng có một tòa Thuế-khoá để thu thuế.

Quân Minh bóc-lột kinh-tế càng rõ-ràng hơn trong việc sưu-dịch. Nhân-dân, người thì phải lên rừng núi khai mỏ vàng, bạc, đồng, sắt, kiếm ngà voi và sừng tê-giác, người thì phải mò ngọc trai dưới bể. Tất cả những của ngon, vật lạ như hươu, voi, rùa, chim, rắn quý, hồ-tiêu, hương-tiêu, quan-lại ta đều phải đốc-thúc dân-phu tìm-kiếm để cung-phụng vua quan nhà Minh.

3*) Văn-hóa : Nhà Minh thi-hành chính-sách đồng-hóa thật hiểm-độc.

a) Tôn-giáo : Quân Minh bắt các phủ, châu, huyện phải lập đền, miếu rồi đem các thần-thánh Trung-hoa sang đất Việt bắt dân-gian tế-tự.

b) Học hành : Nhiều trường học mở ra để dạy tử-thư, ngũ-kinh. Thầy chùa và đạo-sĩ sang truyền-bá đạo Phật, đạo Lão. Đồng thời quân Minh tịch-thu những tác-phẩm văn-chương mang về Nam-kinh để thủ-tiêu gia-sản tinh-thần của dân-tộc ta. Những tác-phẩm bị mất-tích gồm có hai quyển Hình-luật đời Lý và đời Trần, những cuốn : Bình-gia yếu-lược và Vạn-kiếp bi-truyền của Trần-hưng-Đạo, 30 quyển Đại-việt sử-ký của Lê-văn-Hưu, những tập thơ sách quý của các vua đời Trần, của Trần-quốc-Toại, Trần-quang-Khải, Trần-nguyên-Đản, Nguyễn-trung-Ngạn, Phạm-sur-Mạnh, Trần-nguyên-Đào, Hồ-lôn-Thước, Lý-tế-Xuyên, quyển Nhị-khe thi tập của Nguyễn-phi-Khanh và Phi-sa tập của Hàn-Thuyên.

c) Phong-tục : Nhà Minh còn bắt dân Đại-việt theo phong-tục

Trung-hoa. Đàn-ông phải để tóc dài, phụ-nữ phải mặc áo ngắn quần dài, cấm nhuộm răng, ăn trầu.

Tất cả những biện-pháp quân Minh dùng đều nhằm mục-đích duy-trì nền đô-hộ của họ và để dễ bóc-lột kinh-tế. Nhưng đó là những yếu-tố làm nổi dậy tinh-thần tự-chủ, là nguyên-nhân những cuộc khởi-nghĩa sau này.

II. — Những cuộc khởi-nghĩa.

Đặt xong nền đô-hộ, Trương-Phụ và Mộc-Thanh về nước để Hoảng-Phúc và Lữ-Nghi ở lại, nhưng dưới sự áp-bức dã-man của quân Minh, những người dân Việt-nam yêu nước không thể ngồi yên. Có nhiều nơi nổi lên nhưng còn lẻ-tẻ chưa thống-nhất.

1. — Giản-định-đế (1409) : Ở Mô-độ thuộc làng Yên-mô, Ninh-bình có Trần-Quỹ, con thứ vua Nghệ-Tòn ần-náu, được Trần-triệu-Cơ đem dư đảng giúp. Trần-Quỹ xưng là Giản-định-đế, nối-nghịep nhà Trần (1407) lấy niên-hiệu Hưng-khánh.

Mới tập-hợp, quân-lực còn yếu, khi quân Minh kéo đến, quân Giản-định không chống nổi phải chạy vào Nghệ-an. Nhưng tiếng đồn khởi-nghĩa của Giản-định được hào-kiệt các nơi hưởng-ứng theo giúp. Ở Hóa-châu có Đặng-Tất, ở Thanh-hóa có Nguyễn-cảnh-Chân, ở Đông-triều có Phạm-Chấn đều đem quân đến Nghệ-an giúp việc khôi-phục. Sau khi Đặng-Tất giết được hàng tướng Minh ở cửa Nhật-lệ thì từ Nghệ-an trở vào thuộc về nhà Hậu Trần.

Cuối năm 1408, Giản-định-đế hội một đạo quân lớn, gồm quân Thuận-hóa, Tân-bình, Nghệ-an, Diên-châu, Thanh-hóa tiến đánh Đông-dô. Dọc đường dân-chúng phấn-khởi theo rất nhiều. Quân-lực mỗi ngày một mạnh hơn.

Nhà Minh được tin đem 4 vạn quân từ Vân-nam do Mộc-Thanh lĩnh-dạo sang cấp-cứu. Hai bên giáp chiến ở Bồ-cô (thuộc xã Hiếu-cổ, huyện Phong-doanh, Nam-dịnh gần Ninh-bình). Giản-định cầm

trống thúc quân. Quân-sĩ chiến-đấu hăng-hái phá tan được quân Minh, chém được tướng Lữ-Nghị. Mộc-Thạnh phải chạy về thành Cồ-lộng (xã Bình-cách, Ý-yên, Nam-định). Thừa thắng, Giản-Định muốn đánh tràn ra lấy Đông-đò, nhưng Đặng-Tất ngăn lại : « Nền đời quân các lộ về đã. Hãy tìm bắt hết dư-đảng của giặc để tránh hậu-loạn. Rồi sẽ tiến quân ».

Trong lúc đó thì viện-binh nhà Minh đón được Mộc-Thạnh về Đông-đò cố-thủ. Giản-định không bằng lòng. Mầm chia rẽ bắt đầu nảy ra giữa vua tôi nhà Trần. Suốt thời-kỳ này quân-đội không hoạt-dộng gì. Tệ hơn nữa, Giản-định vì nghe theo lời dèm pha của nịnh-thần, bắt Đặng-Tất và Nguyễn-cảnh-Chân giết đi. Lòng người chán-nản. Những tướng phò-lá bỏ ra đi.

2.— Trùng-Quang-Đế (1409-1413) : Tình-hình nghĩa - quân nao-núng. Nhưng lúc ấy có Đặng-Dung con Đặng-Tất và Nguyễn-cảnh-Dị con Nguyễn-cảnh-Chân quyết-tâm chống Minh.

Hai tướng bỏ vua Giản-Định đem quân về Thanh-hóa, đưa cháu vua Nghệ-Tôn là Trần-quý-Khoách vào huyện Chi-la (huyện La-sơn, Hà-lĩnh) tôn làm vua lấy hiệu Trùng-Quang (1409). Quý-Khoách lên ngôi sai tướng ra thành Ngự-thiên, huyện Hưng-nhân, tỉnh Thái-bình lên bắt Giản-định về Nghệ-an, tôn làm Thái-thượng-hoàng cùng lo việc khôi-phục.

a) *Kháng-chiến* : Mặc dầu có sự đoàn-kết giữa Giản-định và Trùng-Quang, lực-lượng nhà Trần đã yếu. Hơn nữa, sau trận Bờ-cô nhà Minh lại sai Trương-Phụ sang cứu-viện.

Trùng-Quang chia quân đánh mạn Hải-dương. Giản-định đóng binh ở Hạ-hồng (Ninh-giang) bị Trương-Phụ đánh bại chạy đến huyện Mỹ-lương (Hà-đông) thì bị bắt giải về Nam-kinh (1409). Đặng-Dung thiếu lương phải bỏ Hàm-tử-quan (huyện Đông-an, Hưng-yên).

Thế-lực kém quá, Quý-Khoách bỏ Bình-than rút về Nghệ-an. Trương-Phụ lập lại nền đô-hộ. Đi đến đâu quân Minh giết tróc, tàn

sát, phá-phách thật dã-man. Đồng-thời trong nước bị lụt và mất mùa đói kém, dân-chúng cực-khổ vô-cùng.

Rút về Nghệ-an để cầm-cự cuộc kháng-chiến, Trùng-Quang chiến-đấu đến cùng. Nhờ tài dụng binh mau-lẹ, ông thắng được nhiều phong-trào kháng-chiến ở các địa-phương.

Năm 1410, Trùng-Quang lại cùng với Nguyễn-cảnh-Dị đánh quân Minh ở Hồng-châu. Thắng trận, Trùng-Quang lại đóng quân ở Bình-than. Nhưng vì quân-đội không thống-nhất, quân-lực suy-yếu, nhà Hậu Trần bị thất-bại năm 1413. Quân Trùng-Quang mất quá nửa, thiếu lương-thực phải rút vào Hóa-châu. Trước đó, Trùng-Quang đã sai sứ ngoại-giao với Minh-đế nhưng sứ-thần bị giết cả. Trùng-Quang lại sai Nguyễn-Biểu gặp Trương-Phụ thương-nghị. Trương-Phụ bắt giữ. Biểu tức giận quát mắng tướng Minh. Trương-Phụ sai quân đem xử. Đến tháng sáu năm ấy quân Minh tràn vào Nghệ-an. Nguyên lúc ấy có Phan-quý-Hựu quan nhà Trần ra hàng được mấy hôm thì mất, con là Phan-Liêu được quân Minh cho làm tri-phủ Nghệ-an. Đề tâng công Phan-Liêu tiết-lộ tất cả bí-mật của nhà Hậu Trần cho Trương-Phụ. Năm được tài-liệu quý-hóa đó Trương-Phụ quyết đánh Hóa-châu truyền cho đạo thủy-bộ tiến quân. Tháng chín đến Thuận-hóa, Nguyễn-Súy và Đặng-Dung nửa đêm tấn-công vào trại Minh. Tuy thắng thế nhưng quân ít, Đặng-Dung phải lui quân. Trương-Phụ chiếm miền Bình-nguyên, nhưng quân nhà Trần vẫn đánh du-kích. Đầu năm 1414, tướng Nguyễn-cảnh-Dị bị bắt. Trong ngục, Cảnh-Dị đã nhức mắng quân Minh khiến Trương-Phụ tức giận sai xử-lử và lấy gan ăn.

Trùng-Quang-Đế Trần-quý-Khoách cạn lương-thực phải chạy sang Lào rồi bị bắt cùng với mấy tùy-tướng và bị giải về Bắc-kinh. Giữa đường Quý-Khoách nhảy xuống biển tự-lử, Đặng-Dung và Nguyễn-Súy cũng nhảy theo tuấn-tiết.

Trần-quý-Khoách chết chấm dứt nhà Hậu Trần sau 6 năm kháng-chiến vô-hiệu-quả. Nhưng đó là khởi-diểm của khángchiến trường-kỳ của Lê-Lợi mang lại nền độc-lập lâu dài cho Việt-nam.



CÂU HỎI

1. Chính-sách cai-trị mị-dân của nhà Minh lúc ban đầu thế nào ? — **2.** Nhà Minh đặt việc cai-trị thế nào ? — **3.** Về kinh-tế, nhân-dân Việt-nam bị bóc lột thế nào dưới thời Minh thuộc ? — **4.** Về văn-hóa nhà Minh thi-hành chính-sách nào ở Việt-nam ? — **5.** Trước cuộc khởi-nghĩa của Lê-Lợi, có những cuộc khởi-nghĩa chống Minh nào khác không ?

2 - CUỘC KHỞI-NGHĨA CỦA LÊ-LỢI

DÀN BÀI

I.— Lê-Lợi : Tiểu sử

II.— Giai đoạn thứ nhất : (1418 — 1423) Chí-linh.

1) Kháng chiến :

a) Về Chí-linh lần I : bỏ cả gia-đình.

b) Về Chí-linh lần II : Lê Lai cứu chúa.

c) Về Chí-linh lần III : Quân Ai-lao đồng-minh
với quân Minh.

2) Hoãn chiến (1423).

III.— Giai đoạn thứ hai (1423 — 1425) Giải phóng miền nam

1) Nguyên-nhân cuộc tiến binh.

2) Trận Đa-căng, Bồ-liệp, Trà-long, Khả-lưu.

3) Vây Nghệ-an.

4) Vây Tây-đô.

5) Chiếm Tân-bình và Thuận-hoá.

Từ khi nhà Hậu Trần thất bại, các địa-phương liên-tiếp khởi binh chống quân Minh. Sống đau khổ dưới ách đô-hộ của ngoại bang, dân-tộc ta cùng một lòng chống xâm-lăng hăng-hái giúp những phong-trào giải phóng. Lê-Lợi đã mạnh dạn lãnh-đạo cuộc kháng-chiến trường-kỳ suốt 10 năm để lấy lại độc-lập cho xứ-sở, nuôi chí quật-cường của dân-tộc.

I.— Lê-Lợi

Lê - Lợi là một nông - dân giàu có thừa hưởng cơ - nghiệp và phúc-đức của tổ - tiên. Cụ tổ Lê - Lợi người thôn Như-áng, huyện Lương-giang (lúc huyện Ngụy-nguyên ngày nay) tỉnh Thanh-hoá. Sau thấy Lam-sơn (nay thuộc huyện Thọ-xuân, gần Bái-thượng) là đất tốt nên dời nhà tới ở đấy. Trong nhà Lê-Lợi thường có hàng ngàn gia-nhân giúp việc. Ông hay nâng đỡ người nghèo-khó nên dân-chúng kính yêu. Đã nhiều lần nhà Minh mời ông ra làm quan, nhưng ông

từ chối, nói : *« Làm trai sinh ở trên đời, nên giúp nạn lớn, lập công to, để tiếng thơm muôn đời, chứ sao lại chịu bó buộc làm đầy tớ người »*.

Lê-Lợi khéo léo giao-thiệp, nhún lờ, đem vàng bạc, của báu đút lót cho các tướng Trương-Phụ, Trần-Trì, Sơn-Thọ, Mã-Kỳ để họ khỏi hãm hại. Trong khi đó Lê-Lợi chuyên đọc các sách thao-lược, chiêu-mộ những người trốn hay phản quân Minh, hậu-đãi tân-khách, nuôi người mưu-tri, thu người anh-hùng, hào-khíet cùng nuôi chí chống Minh.

Do đó Lê-Lợi được Nguyễn-Trãi tìm đến hợp-lực làm tham-mưu. Nguyễn-Trãi là con Nguyễn-phi-Khanh, một vị quan thời Hồ-quý-Ly, ông đỗ tiến-sĩ năm 1400. Khi Nguyễn-phi-Khanh bị quân Minh bắt về Bắc-kinh ông theo cha đến Vạn-sơn (Bắc-ninh) không chịu trở lại, Phi-Khanh bảo : *« Con phải trở về mà lo trả thù cho cha, rửa thẹn cho nước, chứ đi theo khốc-lóc làm gì ? »* Nguyễn - Trãi mới trở về lo tính chuyện phục thù.

Đầu năm 1418 Lê-Lợi ba mươi tuổi cùng với Lê-Thạch và Lê-Liễu khởi binh ở Lam-sơn xưng là Bình-dịnh-Vương, truyền hịch kêu tội quân Minh. Cuộc kháng-chiến trường-kỳ bắt đầu, trải qua nhiều gian - lao để đi đến toàn-thắng. Đầu-tiên quân đội ít, chưa kinh - nghiệm, có khi thiếu cả lương-thực không thể đường-hoàng dàn quân đối chiến với lực-lượng quân Minh có tổ-chức. Lê-Lợi kiên-nhẫn sửa lại binh-pháp theo kế-hoạch Trần-Hưng-Đạo : *« Lấy đoản-binh chống với trường-binh »* tức là lối chiến-tranh du-kích, nhằm đánh chỗ yếu của quân địch và lui binh khi quân địch mạnh. Chiến-lược đó đưa Lê-Lợi đến toàn-thắng cứu tổ-quốc khỏi ách đô-hộ.

1.— Kháng-chiến :

Cuộc kháng-chiến đầu tiên của Lê-Lợi hoạt - động trong vùng Thanh-hóa. Vì quân-lực còn kém, thiếu kinh-nghiệm nên Lê-Lợi tuy có thắng được vài ba trận nhỏ, nhưng nhiều lần bị quân Minh vây đánh nguy-cấp. Lê-Lợi phải lấy Chi-linh (thuộc phủ Trấn-định, Nghệ-an tức Linh-sơn thuộc châu Ngọc-lạc ngày nay, làm điểm-tựa, rút về đó ba lần để lấy lại quân-lực.

a) Về Chi-linh lần thứ nhất : Vừa nghe tin khởi-ngĩa của

Lê-Lợi ở Lam-sơn, tướng Minh là Mã-Kỳ ở Tây-đô (Thanh-hóa) vội đem binh vào đánh. Bình-định-Vương lui về phục quân ở Lạc-thủy (Cầm-thủy, Phủ Quảng-hóa) các tướng Lê-Thạch, Đinh-Bồ, Lê-Ngân, Lê-Lý đánh hãm, cướp quân lương, khi-giới phá tan quân giặc. Sau đó có kẻ phản-bội tên là Ái dẫn lối cho giặc Minh bao vây đánh úp. Lê-Lợi phải chạy, cả gia-đình bị bắt. Quân sĩ đã có vẻ chán-nản nhưng Lê-Lợi không thất-vọng cùng với trung-thần lẫn vào núi Chi-linh. Trong lúc chạy xuyên qua rừng núi, ông bình-tĩnh hiểu dụ nâng cao tinh-thần chiến-đấu của tướng-sĩ.

b) Về Chi-linh lần thứ hai : Quân Trung-hoa rút lui, Lê-Lợi lại trở về Lam-sơn chỉnh đốn hàng ngũ. Tháng 5 năm 1419, lại tấn công phía đồn Nga - lạc bắt được tướng Nguyễn - Sao nhưng vì quân ít bên ta phải rút lui, ẩn náu ở núi Chi-linh. Quân Minh đuổi theo vây chặt diêm-tựa đó, làm cho Lê-Lợi lúng-lúng. Ông hội các tướng nói : « Ai có thể thay mặc áo vàng của Trẫm lĩnh năm trăm quân, hai thót voi đánh vào thành Tây-đô... Để cho giặc bắt ? cho ta được náu mình thu hợp cả quân sĩ, để mưu tính việc sau ». Lê - Lai anh-dũng nhận công-tác, mặc áo cầm-bảo thúc voi ra trận. Quân Minh tưởng là Lê-Lợi hô quân vây chặt, Lê-Lai bị bắt đem về thành rồi bị giết. Nhờ sự hi-sinh đó Lê-Lợi thoát nạn, cho người sang Ai-Lao cầu-cứu, đồng-thời thu nhặt tàn quân về đóng ở Lư-sơn.

Lúc đó cuộc kháng-chiến của Lê-Lợi đã lừng danh trong nước. Những cuộc khởi-nghĩa lẻ-lẻ nổi lên khắp nơi. Cũng năm 1419, Phạm-công-Trừng, Nguyễn-Đặc, Phạm-Thiện, Nguyễn-đa-Cấu khởi-nghĩa ở Lạng-sơn và ở đồng-bằng sông Nhị tuy không thắng-lợi nhưng những cuộc dấy-binh đó giúp Lê-Lợi được rảnh tay tổ-chức nội-bộ.

Năm 1920, Bình-định-Vương tiến quân đánh vào Tây-đô, thắng quân Minh ở Thị-lang, rồi đóng quân bên bờ Lôi-giang (sông Mã), và ở Ba-lâm còn quân Minh rút về Nga-lạc và Quan-du để giữ Tây-đô. Bình-định-Vương sai Lê-Sát và Lê-Hào tiến đánh trại giặc. Giặc bị suy dần.

Năm 1421 Tướng Minh là Trần-Tri ngoại-giao với Ai-lao hẹn đem quân đánh đồn Ba-Lâm. Lê-Lợi không nao-núng bàn với các

tướng : « Nó đông, ta ít, nó mỗi mệt, ta nhàn-hạ. Binh-pháp dạy rằng : Được thua quan hệ ở tướng, chứ không do ở ít hay nhiều. Quân nó dù đông nhưng ta đem quân nhàn-hạ để đón quân mỗi mệt thì quyết là phá được ». Đêm đến, Bình-định-Vương chia quân đánh úp trại Minh chém được hơn ngàn người và bắt được rất nhiều quân lương, khí-giới, Trần-Trí phần uất mở đường núi tiến vào, nhưng Lê-Lợi đã cho quân mai phục ở ải Ứng rất hiểm-trở. Đúng trưa quân Minh kéo đến, quân Lê tung ra cả phá, quân Minh thua to.

Lúc ấy có vài vạn quân Ai-lao mang một trăm thớt voi, nói là sang giúp Lê-Lợi. Nhưng đến đêm quân Ai-lao kéo đến đánh trại ta. Bình-định-Vương thân ra đốc chiến giữ vững được mặt trận rồi phá đánh đuổi quân Ai-lao đến lặn sào-huyệt. Tù-trưởng Bồ-Sát xin giảng-hòa. Trong trận này cháu Lê-Lợi là Lê-Thạch tử trận.

c) Về Chí-linh lần thứ ba : Năm 1422, Lê-Lợi đem quân từ Ba-lâm đến đánh quân Minh ở Quan-da nhưng bị quân Mã-Kỳ hợp với quân Ai-lao chia đánh hai mặt, thua chạy về đồn Khôi-sách. Quân Minh và quân Ai-lao vây kín bốn mặt. Lê-Lợi bảo các tướng : « Giặc tới vây ta bốn mặt... đây là đất chết. Đánh mau thì còn ! Không đánh mau thì mất ! » các tướng liều chết xông vào trận, phá vòng vây bắt được tướng Phùng Quý. Còn Mã-Kỳ và Trần-Trí chạy thoát thân. Khỏi vòng vây, Bình-định-Vương rút quân về Chí-linh. Về Chí-linh lần này quân sĩ đói khổ vì hai tháng trời không có lương-thực phải đào củ mài dẫn măng, hái rau ăn. Lê-Lợi phải giết voi, ngựa của mình cho quân lính làm thịt. Quân-sĩ mỗi mệt lắm, nhiều người muốn trốn nhưng vì nghiêm-lệnh nên quân-ngũ còn chỉnh. Tướng sĩ thấy quân muốn nghỉ-ngơi, khuyên Bình - định - Vương nên hòa với giặc. Bất-đắc-dĩ Vương phải sai Lê - Chân đi xứ xin hòa. Bên phía Minh cũng yếu-nhược lắm vì thua luôn nên cũng đồng-ý cho hòa.

2.— **Hoãn-chiến** : Năm 1243, Bình-định-Vương lại đem quân về Lam-sơn. Đề mưu dụ Lê-Lợi, Trần-Trí và Sơn-Thọ, Mã-Kỳ cho Vương trâu, ngựa, cá mắm và thóc lúa. Vương còn cho Lê-Trân đem vàng bạc ra tạ. Nhưng quân Minh biết ý của Lê-Lợi là chỉ hòa để đợi thời nên bắt giữ Lê - Trân không cho về . Bình-định-Vương cắt đứt mối bang-giao và mang quân về Lư-sơn để tiếp-tục kháng-chiến.

II. — Giai-đoạn thứ hai: Giải-phóng miền nam.

1. — Nguyên-nhân cuộc tiến binh vào miền Nam. Năm 1424, trong một buổi hội các chư tướng, Lê-Chích bàn : « Nghệ-an là nơi hiểm-yếu, đất rộng, người nhiều. Nay chúng ta nên tiến quân vào lấy Trà-long và hạ thành Nghệ-an để làm chỗ trú chân dã. Rồi nhờ tài-lực đất ấy ta sẽ quay trở ra đánh lấy Đông - đô. Như thế, thiên hạ có thể bình được ». Lê-Lợi thấu nhận ý-kiến ấy. Lúc đó, vua Minh-Thành-Tổ mới mất (1424), con nối ngôi ốm-yếu trị-vị được có 10 tháng. Bình-định-Vương lợi-dụng cơ-hội lộn-xộn đó, cất quân chiếm miền nam theo kế-hoạch của Lê-Chích.

2. — Cuộc tiến binh. Tháng chín năm 1424, Lê-Lợi ra lệnh tiến quân, chiếm luôn thành Đa-căng và thiêu trụi dinh trại, tướng Minh Lương-nhữ-Hốt bỏ chạy. Đến núi Bồ-liệp ở phủ Quý-châu gặp quân Trần-Tri và Phương - Chính. Bình-định-Vương cho phục binh phá tan quân Minh, tiêu-diệt hai ngàn sĩ-tốt, bắt được 100 ngựa rồi đi thẳng tới Trà-long. Trí-phủ Trà-long là Cầm-Bánh ngóng quân cứu-viện không tới phải mở cửa thành ra hàng.

Nhà Minh thấy quân ta tiến nhanh như thế, hoảng-hốt. Trần-Hạp làm Binh-bộ thương-thủ thay Hoàng-Phúc làm sớ tâu vua Minh. Minh-đế xuống chiếu trách mắng bọn Trần-Tri Phương - Chính và truyền mang quân đánh dẹp. Trần-Tri đốc toàn lực thủy bộ cản sức tiến của Bình - định - Vương. Vương sai Đinh - Liệt cùng 1.000 quân đi đường tắt giữ Đỗ-gia (huyện Hương-sơn, Nghệ-an) còn Vương đem quân giữ mạn thượng-du đất Khả-lưu phục-binh chờ quân Minh.

Mấy ngày sau quân Minh tới đắp lũy, đóng trại. Lê - Lợi sai quân dương cờ, đánh trống, đem đốt lửa làm nghi-binh rồi ngầm cho quân tinh-nhuệ và bốn thớt voi qua sông phục nơi hiểm - yếu, đến sáng, quân Minh tiến lên bị phục-binh tiến ra đánh. Tướng Minh là Chu-Kiệt bị bắt, Hoàng-Thành phải chém, quân sĩ bỏ chạy. Trần-Tri phải rút quân về giữ Nghệ-an.

3. — Vây Nghệ - an. Trên đường tiến quân, Lê - Lợi được nhân-dân ủng-hộ nhiệt - liệt. Đầu năm 1425 đến làng Đa - lồi huyện Thổ-du (nay là huyện Thanh-chương) dân-chúng mang trâu bò, rượu

mời ra đón rước. Mọi người hoan hô : « Không ngờ ngày nay lại được thấy uy-nghi nước cũ ». Tri-phủ châu Ngọc - ma là Cầm-Quý đem 8 ngàn người và 10 con voi theo Lê-Lợi. Để thu phục lòng dân, Lê-Lợi ra lệnh cho quân sĩ : « Dân ta lâu nay đã phải khổ sở vì chính-sách bạo - ngược của người Minh. Quân ta đi đến đâu, cấm không được phạm đến mây-may của dân. Thóc gạo trâu bò không phải của quân Minh thì không được lấy ». Quân đội không dám trái lệnh tuy đã ba ngày thiếu lương-thực. Vì thế dân-chúng theo rất đông, các quan châu, huyện đều ra hàng cả.

Lê-Lợi vây Nghệ - an, quân Minh không dám ra đánh. Sang tháng tư, một đạo quân tiếp-viện từ miền bắc tiến vào bằng đường thủy do tướng Lý-An cầm đầu. Quân Trần-Trí định ra đánh, liên-lạc với quân cứu-viện. Nhưng Bình-định-Vương dụ quân giặc đến cửa sông Đổ-giang, dùng phục - binh đánh tan. Trần - Trí chạy được về Đông-đô, còn Lý-An chạy vào thành chống giữ.

4.— Vây Tây-Đô (Thanh-Hóa). Tháng năm, một đoàn tiếp-tế lương-thực Trung-hoa từ Đông-quan tiến vào Nghệ-an. Lê-Lợi sai Đinh-Lễ đem binh đến phá. Đinh-Lễ đánh bại quân Trung - hoa ở Diễn-châu chiếm được 300 thuyền lương. Quân Minh chạy vào Tây-đô, bị vây chặt. Được tin thắng trận, Lê-Lợi cử Lê-Sát và Lưu-nhân-Chú ra tiếp ứng. Thành Tây-đô bị bao vây chặt-chẽ.

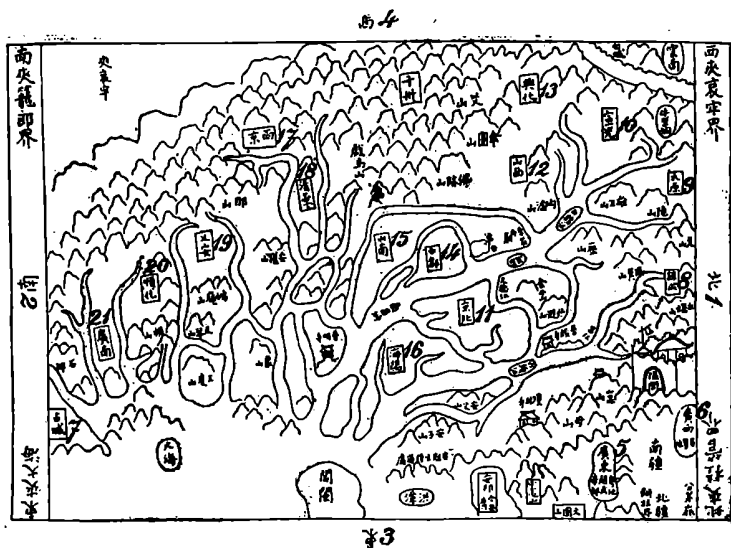
5.— Chiếm Tân-bình và Thuận-hóa. Tháng bảy, Lê-Lợi sai Trần-nguyên-Hãn và Lê - Nỗ mang một ngàn quân vào chiếm hai châu Tân-bình và Thuận-hóa để tránh những cuộc phản-công phía sau. Đến Bỏ - chinh quân ta phá tan quân Nhâm - Năng rồi Trần - nguyên-Hãn hợp với thủy-quân của Lê-Ngân gồm 70 chiếc thuyền tiến, hạ được 2 thành Tân-bình và Thuận-hóa. Quân Minh cô - thế không liên-lạc được với Nghệ-an. Chiếm được hai châu miền nam, Trần-nguyên-Hãn mộ thêm mấy vạn binh để tiến ra Bắc.

Mùa thu 1425 Lê-Lợi giải-phóng tất cả các miền nam Đại-việt trừ hai thành Nghệ-an và Tây-đô còn bị quân Minh cố-thủ. Tướng-sĩ tôn Lê-Lợi làm « Đại thiên hành hóa » nghĩa là thay trời làm mọi việc.

CÂU HỎI

1. Nói qua tiểu-sử vua Lê-Lợi. **2.** Căn-cứ-địa Chí-linh quan-trọng đối với công-cuộc kháng-chiến của Lê-Lợi thế nào ? — **3.** Tại sao Lê-Lợi phải hoãn-chiến ? — **4.** Nói về giai-đoạn giải-phóng miền Nam của Lê-Lợi ? — **5.** Lê-Lợi được quân-sĩ tôn làm « Đại-thiên hành-hóa » từ bao giờ ?

BẢN-ĐỒ NƯỚC VIỆT-NAM ĐỜI HỒNG-ĐỨC



Phương Bắc (1), Nam (2), Đông (3), Tây (4). Trên Bắc giáp Trung-hoa có đề rõ Quảng-đông (5), Quảng-tây (6). Và Nam giáp Chiêm-thành (7).

Các tỉnh của Việt-nam ghi từ Bắc xuống Nam và từ Đông sang Tây : Lạng-sơn (8), Thái-nguyên (9), Tuyên-quang (10), Kinh-bắc (11), Sơn tây (12), Hưng-hóa (13), Trung đò (14), Sơn-nam (15), Hải-đương (16), Tây-kinh (17), Thanh-hóa (18), Nghệ-an (19), Thuận hóa (20), Quảng-nam (21).

3 - LÊ-LỢI TỔNG PHẢN-CÔNG

DÀN BÀI

I.— Trận Tuy-động (1426)

- 1) Quân Minh tiếp-viện.
- 2) Trận Tuy-động.
- 3) Vây Đông-quan.
- 4) Vương-Thông xin hòa lần thứ nhất.

II.— Trận Chi-lăng (1427)

- 1) Quân cứu-viện.
- 2) Phá quân Liễu-Thăng và Mộc-Thạnh.
- 3) Vương-Thông xin hòa lần thứ hai.

III.— Ngoại giao :

Lòng tốt của Lê-Lợi.

Năm 1426 hai thành Nghệ-an và Tây-dò bị vây chặt cùng với nhiều tinh binh, còn ở Đông-dò ít quân, Lê-Lợi rảnh tay tiến quân ra Bắc, tổng tấn-công vào bình-nguyên sông Hồng. Quân chia làm ba đạo : Lý-Triệu, Phạm-văn-Xảo, Trịnh-Khả, Đỗ-Bi đem quân đánh Quốc-oai, Quảng-oai, Gia-hưng, Quy-hóa, Đà-giang, Tam-dải, Tuyên-quang giữ mặt Văn-nam ; Lưu-nhân-Chú và Bùi-Bì ra đánh Thiên-trường, Kiến-xương, Tân-hưng, Thượng-hồng, Hạ-hồng, Bắc-giang, Lạng-giang giữ phía Lưỡng-Quảng, còn Đinh-Lê và Nguyễn-Xí chỉ-huy đạo quân then chốt đánh vào Đông-quan. Quân của Lê-Lợi giữ luật rất nghiêm vì thể dân-chúng mến phục theo rất đông, giúp đỡ thóc gạo và trâu bò.

I. — Trận Tụy-động (1426)

1. — Quân Minh tiếp-viện : Lý-Triện xuất quân chiếm được Quốc-oai, Tam-đái rồi tiến đánh Đông-quan. Tham-tướng Trần-Trí vội đem binh giữ Ninh - kiều (phía tây phủ Giao - châu) và Ứng-thiên (Ứng-hòa). Lý-Triện đến, Trần-Trí thua rút về Ninh - giang (Châu-giang), nhà Minh hay tin cho quân Vân - nam sang cứu-viện. Tháng 9, quân tiền-tuyến Vân-nam qua biên-giới. Phạm-văn-Xảo đem hơn ngàn quân chặn đường không cho liên-lạc với quân Đông - quan, còn Lý - Triện và Đỗ-Bí đem quân đánh Trần-Trí đuổi quân Minh đến làng Nhân - mục bắt được tướng Vi-Lạng và giết được hơn ngàn quân Minh. Lý-Triện lại quay trở về Ninh-giang hợp với Phạm-văn-Xảo. Quân Vân-nam đại bại chạy về thành Tam-giang. Thế nguy Trần-Trí phải cầu-cứu quân Nghệ-an. Phương-Chính ở Nghệ-an đề Thái-Phúc ở lại giữ thành rồi theo đường bờ ra Bắc hợp binh với Trần-Trí. Được tin ấy, Bình-định-vương bèn sai Lê-Ngân, Lê-văn-An, Lê-Bôi, Lê-Thân, Lê-văn-Linh ở lại vây thành còn Vương đem quân thủy bộ đuổi Phương-Chính. Đến Thanh-hóa Vương đánh vào Tây - đô, nhưng quân Minh giữ vững thành trì, Vương đem quân đóng ở Lôi-giang (sông Mã). Minh-triều thấy quân Bình-định-vương mạnh-mẽ quá liền sai Chính-di Trượng-quân Vương-Thông và Tham-tướng Mã-Anh đem 5 vạn quân sang cứu Trần-Trí. Tháng 10 Vương-Thông phá được quân cản đường của Lê-Lợi tiến vào giữ thành Đông-quan, hợp 10 vạn người chia làm ba đạo đi đánh quân ta : Vương - Thông đem quân đóng ở Cồ-sở (Thạch - thất phủ Quốc-oai, Sơn-tây). Phương-Chính đóng ở Sa-thôi (huyện Từ-liêm) còn Mã-Kỳ đóng ở Thanh-oai. Quân Minh xây lũy dài 20 cây số.

2. — Trận Tụy-động : Thấy quân Minh dàn trận, Lý-Triện cho quân đánh thẳng Mã - Kỳ ở Tam-la và tiêu-diệt hơn ngàn quân, bắt sống 500 quân ở Nhân-mục rồi tiến đánh Phương-Chính. Phương-Chính cũng phải rút lui cùng với Mã-Kỳ và Vương-Thông giữ Cồ-sở. Vương-Thông bày thế trận đặt phục-binh. Khi Lý-Triện tiến đến, voi bị sa lầy mắc chông sắt, quân ta thua chạy đến Cao-bộ (Thanh-oai). Đinh-Lê và Nguyễn-Xi hay tin lập tức từ Thanh-đàm (Thanh-trì) tới cứu-viện. Biết được kế giặc hai tướng hợp với Lý-Triện xuất toàn-

lực vây quân Minh ở Tuy-động chém được Thượng-thư Trần - Lập và tướng Lý-Lạng. Phương-Chính và Mã-Kỳ chạy thoát còn Vương-Thông chạy về giữ Đông-quan. Quân giặc chết rất nhiều còn bao nhiêu chạy trốn hay bị bắt sống. Quân ta lại thu được không biết bao nhiêu khí-giới của địch.

Trận này là trận quan-hệ nhất trong cuộc chinh-chiến của Lê-Lợi. Vì sau trận Tuy-động quân Minh chỉ còn giữ mấy thành bị bao vây mà thôi (tháng mười 1426). Mất hết khí-giới quân Trung - hoa phải lấy chuông ở Quy-diễn và vạc đồng ở Phổ-minh để đúc súng. Nước ta mất hai vật quý nhất trong nghệ-thuật cổ.

3.— Vây Đông-quan : Được tin thắng trận, Bình-định-vương gấp bỏ Lô-giang đem quân ra Thanh-dàm phụ-lực với các tướng-sĩ bao vây Đông - quan, sai Trần-nguyên-Hãn từ Hát - giang xuống đóng ở Đông-bộ-đầu, và Bùi-Bị đóng ở Tây-dương. Tiếng tăm của Lê - Lợi đồn vang khắp nước. Quân đi đến đâu được dân-chúng tiếp-tế đầy đủ. Lê-Lợi một mặt vây Đông-quan, một mặt lo-chức lại việc cai-trị trong nước. Vương chia miền bình-nguyên làm 4 đạo, cắt cử quan văn võ trông coi. Tây-đạo gồm có trấn Tam-giang, Tuyên-quang, Hưng-hóa, Gia-hưng ; Đông-đạo có Thượng-hồng, Hạ-hồng, Thượng-sách, Hạ-sách, lộ An-bang ; Bắc-đạo có Bắc-giang, Thái-nguyên ; Nam-đạo có Tân-hưng, Kiến-xương, Thiên-trường.

4.— Vương-Thông xin hòa lần thứ nhất : Vương-Thông thấy mỗi lần xuất-quân đều bị đánh lui, hao tổn lực - lượng, quân cứu - viện không tới. Thất vọng, tướng Minh phải xin hòa, nhưng đề giữ thề-diện Vương - Thông lấy sắc-lệnh cũ của Minh - Thành-Tổ từ 1407 xin Bình - định - vương lập lại ngôi nhà Trần. Lê-Lợi nhận lời đề - nghị đó để tránh cho nước khỏi tai - họa. Ông cho lập một người dồng-dối vua Nghệ-Tôn là Trần-Cao lên ngôi. Đồng thời ra lệnh cho các đồn trại lẻ-tẻ của quân Minh phải tới kinh-đo đợi ngày về nước, và cho dân-chúng được buôn bán với quân Minh. Thấy thế những người đã chót theo quân Minh như Trần - Phong, Lương-nhữ-Hốt sợ chết, liền đem chuyện Ô-mã-Nhi ngày xưa bàn với Vương - Thông, và yêu cầu xin viện-binh. Vương - Thông cho người bí-mật mang thư về Trung-quốc kêu cứu. Nhưng Bình-định-

vương bắt được thư ấy hạ lệnh cho tiếp-tục bao vây, sai Lê-quốc-Hung đánh thành Điều-diêu (Gia - lâm) và Thị-kiều (Võ - giang Bắc-ninh), Trịnh-Khả và Lê-Khuyển đánh Tam-giang, Lê-Sát và Lê-Thụ đánh Xương-giang, Trần-Lựu và Lê-Bôi đánh Kỳ - ôn và chiếm các đồn trại do quân Minh còn đóng. Chính Lê-Lợi cũng tự cầm quân vây Đông-quan.

Đầu năm 1427, Lê-Lợi đóng quân ở Bồ-đề rồi truyền lệnh làm pháo đài bằng tre cho trôi qua sông Hồng, tấn - công vào kinh thành, và vây chặt bốn cửa thành. Trịnh-Khả đánh cửa đông, Đinh-Lễ đánh cửa nam, Lê-Cực đánh cửa tây, Lý - Triện đánh cửa bắc. Vương-Thông cố gắng phá vây, đánh được vài trận ; Lê-Lợi mất hai tướng tài : Lý-Triện bị giết ở Từ-liêm và Đinh-Lễ ở Thanh-trì. Lúc đó, tướng Thái-Phúc và Tiết-Tu ở Nghệ-an, Diễn-châu và các tướng giữ đồn trại ở các đạo đều ra hàng. Vòng vây thắt chặt Đông - quan.

Thắng thế, Lê-Lợi tổ-chức việc cai-trị và đặt luật-pháp rất nghiêm-khắc. Vương lại mở khoa thi chọn người làm quan, chiêu-dãi người hiền ra giúp nước. Quân các lộ được lệnh làm sổ hộ-tịch như đời nhà Trần. Bình-định - vương ra dụ cấm tá đạo đề dân khỏi dị - đoan, lừa bịp bằng tà ma giả dối, gọi những người dân bị ly-tán vì loạn - lạc trở về quê quán làm ăn, cho gia-đình những kẻ theo quân Minh được lấy tiền chuộc tội.

Bình-định-vương răn các quan : Không được vô tình, không được khi mạn, không được gian dâm ; lại đặt 10 điều kỷ-luật cho các tướng sĩ không được chiều theo tư lợi, phải đặt quyền-lợi quốc-gia trên hết. Ai phạm vào 10 điều ấy thì phải tội chém. Sự săn-sóc binh-sĩ và nhân-dân của Lê-Lợi làm cho tiếng tăm lừng-lẫy và uy-quyền thêm vững chắc. Chiêm-Thành cũng phái một đoàn sứ-giả ngoại-giao sang chào mừng.

II. — Trận Chi-Lăng (1427).

1. — Quân cứu-viện : Tinh thể quân Minh đã cực-kỳ nguy-khốn. Nhà Minh phái hai đạo quân sang cứu Vương-Thông : Đạo thứ nhất

do Liễu-Thắng cùng với Lương-Minh, Thôi-Tụ, Lý-Khánh, Hoàng-Phúc, Nguyễn-đức-Huân đem 10 vạn quân và 20 ngàn ngựa từ Quảng-tây tiến sang lối Lạng-sơn đánh cửa Ba-lục ; đạo thứ hai do Mộc-Thạnh chỉ-huy cùng với Từ-Hạnh, Đàm-Trung theo đường Vân-nam vào phía Lào-cay đánh cửa Lê-hoa.

Dưới sự đe-dọa nguy-hiểm đó các tướng-sĩ khuyên Lê - Lợi chiếm kinh-đô rồi chống quân cứu-viện. Lê-Lợi không đồng-ý trả lời : «Việc đánh thành là hạ sách, nay ta hãy cứ dưỡng-binh, sức-nhuệ để đợi quân địch đến thì ra đánh. Hễ viện quân mà thua thì quân trong thành tất phải ra hàng thế có phải một việc mà thành hai không ? » Còn quân ở Vân - nam xa Đông-quan không quan-hệ lắm, Lê-Lợi đưa hết binh-lực về phía Lạng-sơn ra lệnh cho người ở Lạng-giang, Bắc-giang, Tam-dải, Tuyên - quang, Qui-hóa bỏ đồng không đi chỗ khác tránh quân Minh. Vương lại sai Lê-Sát, Lê-nhân Chú, Lê-Linh, Đinh-Liệt, Lê-Thụ đem 1 vạn quân và 5 con voi lên phục ở Chi-Lăng. Còn Lê-Lý và Lê-văn-An cứ tiến đánh giặc.

2. — Trận Chi-lăng : Liễu-Thắng tiến binh, chiếm cửa Ba-lục và cửa Ai-lưu dễ dàng, Trần-Lựu cứ lui binh về Chi-lăng. Còn Bình-định-vương làm vẻ lo sợ đưa thư nói với Liễu-Thắng xin lập Trần-Cao làm vua và xin bãi binh, nhưng ngày 18 tháng 9, quân Liễu-Thắng tiến đến gần ải Chi-Lăng. Lê-Sát và Trần-Lựu vừa đánh vừa rút lui. Liễu-Thắng mừng lắm mang 100 linh kỵ đuổi theo, bỏ đại đội ở lại. Vừa tiến vào đường hẻm lầy-lội, tên bay ra từ phía giết chết Liễu-Thắng ở núi Đảo-mã-pha (bây giờ là Mã-yên-sơn, làng Mai-sao, thuộc Ôn-châu) và tiêu-diệt toàn-dội. Quân Việt-nam phần khởi xông ra cả phá quân Minh. Trong có vài ngày, quân Minh mất hơn ba vạn người và chết mất hai tướng : Lương-Minh bị giết và Lý-Khánh tự-tử. Hoàng-Phúc và Thôi-Tụ định hợp binh chạy về Xương-giang. Nhưng Lê-Lợi đã đề phòng trước cho Trần-nguyên-Hãn chiếm thành. Hoàng-Phúc bị đường bị bắt sống, Thôi-Tụ không hàng bị giết. Quân Minh tan vỡ.

Còn phía Mộc-Thạnh, Lê-Lợi đã ra lệnh cho tướng tá không tiến quân, nhưng tĩa dần. Sau trận đại thắng Chi-Lăng, Bình-định-

vương cho hàng tướng mang ấn-tín của Liễu-Thăng cho Mộc-Thạnh xem. Được tin ấy Mộc-Thạnh hoảng-hốt đem quân chạy, bị Phạm-van Xảo và Trịnh-Khả đuổi sát, giết hại rất nhiều.

3. - Vương-Thông xin hòa lần thứ hai. Lê-Lợi đại thắng, sai người đưa bọn Hoàng-Phúc và hai cái hồ-phù, hai cái dấu dài ngắn của Liễu-Thăng về Đông-quan ra mắt Vương - Thông. Tương Minh thấy không thể đánh được nữa, viết thư xin hàng và thoái-triệt binh mã. Lê-Lợi nhận lời cùng với Vương - Thông lên đàn ở phía nam Đông-quan thề giữ lời hứa.

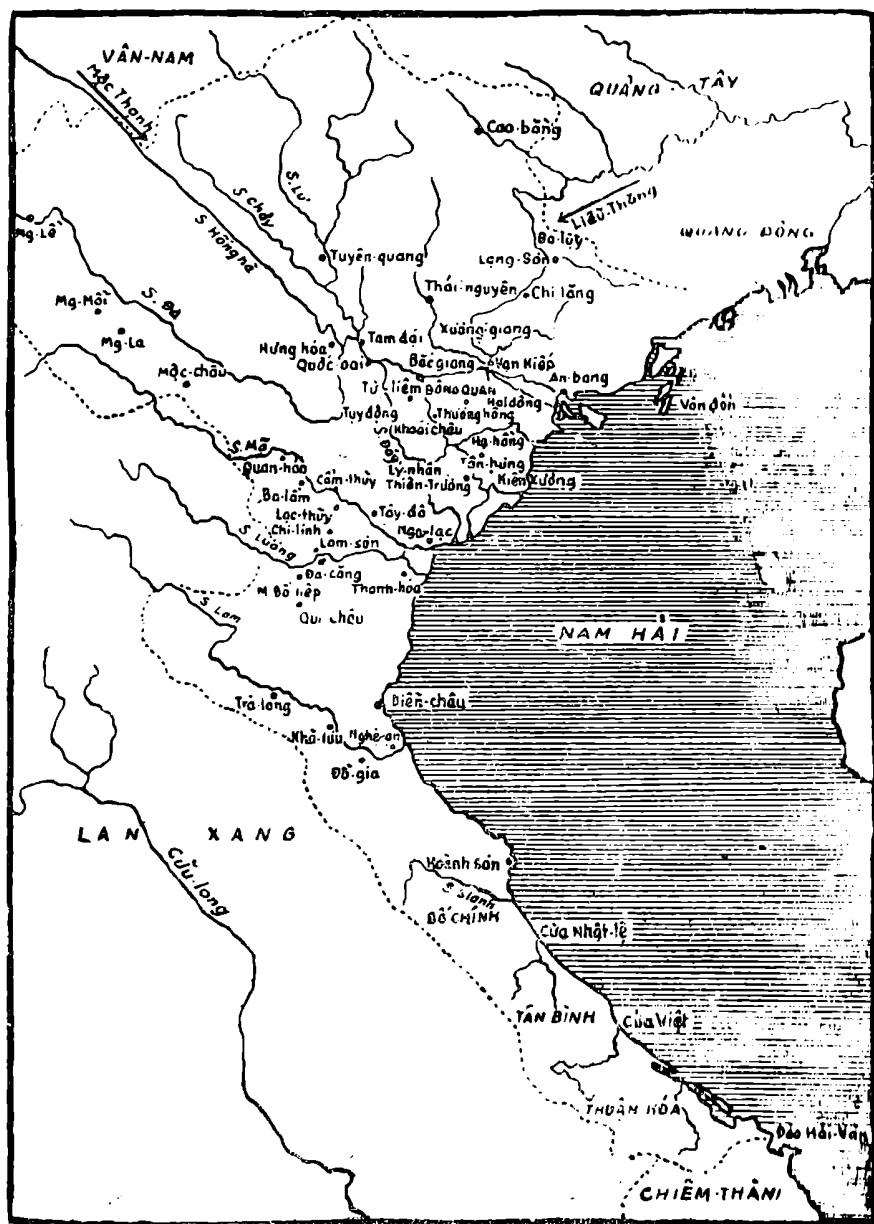
III. — Việc ngoại-giao

Toàn thắng, đất nước bình-định, Lê-Lợi sai Lê-thiếu-Đĩnh, Lê-quang-Cảnh, Lê-đức-Huy đem tờ biểu và phương-vật sang sứ nhà Minh. Phương-vật gồm có : hai người bằng vàng, một lư hương bằng bạc, một đôi bình hoa bằng bạc, 30 tấm lụa, 14 đôi ngà voi, 12 bình hương trầm, 2 vạn nén hương duyên, 24 cây hương trầm.

Sứ giả lại đem hai cái dấu dài ngắn và đôi hồ-phù của Liễu-Thăng và sổ kê-khai những quan quân bị bắt trả lại nhà Minh, và xin phong cho Trần-Cao làm vua.

Nhà Minh sau 10 năm chinh-chiến với nhà Lê đã mệt - mỏi, thiệt-hại nhiều người và của-cải, sai Lý-Kỳ đưa chiếu, phong cho Trần-Cao làm An-nam Quốc-vương, bỏ tòa Bổ-chính và nhận thoái-triệt quân-đội. Đầu năm 1428, quân Minh rút qua sông Hồng. Lê-Lợi giúp cho họ 500 thuyền giao cho Phương-Chính và Mã-Kỳ, hàng ngàn ngựa và lương-thực giao cho Sơn-Thọ, Hoàng-Phúc. Còn 2 vạn hàng quân thì giao cho Mã-Anh quản-lĩnh đem về Trung-quốc. Vương-Thông lĩnh binh bộ đi sau. Lòng quảng-dại của Bình-định-vương đặt nền móng cho cuộc hòa-bình lâu dài giữa Đại-việt và Trung-quốc.

Sau đó Bình-định-vương truyền cho Nguyễn - Trãi làm bài « Bình-ngô đại-cáo » báo cho nhân - dân nền hòa - bình mới lấy lại được. Đó là một tác-phẩm nổi danh trong văn-chương đời Lê, phác lại những đau khổ của dân-gian trong thời đô-hộ và công-trình giải-phóng của Lê-Lợi.



Bản đồ chiến-tranh dành độc-lập của Lê-Lợi

CÂU HỎI

1. Nói qua lý do thất-trận của Lê-Lợi trong giai-đoạn Chí-Linh 2. Ảnh - hưởng quan-trọng của cuộc hoãn chiến năm 1423 ? — 3. Lý do thắng trận của Lê-Lợi trong giai-đoạn thứ hai ? — 4. Tìm những chi-tiết lịch-sử chứng-minh Lê-Lợi là vua bất ngờ tướng dè dặt tới cuộc đại thắng quân Minh ?

BÌNH NGŨ ĐẠI-CÁO (1427) CỦA NGUYỄN-TRÃI

Tượng mảng :

Việc nhân-nghĩa cốt ở yên dân ; quân điếu-phạt chỉ vì khừ bạo. Như nước Việt ta từ trước ; vốn xưng văn-hiến đã lâu. Sơn-hà cương- vực đã chia ; phong-lục bắc nam cũng khác. Từ Đinh, Lê, Lý, Trần, gây nền độc-lập ; cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên hùng cứ một phương. Dầu cường nhược có lúc khác nhau ; song hào-kiệt đời nào cũng có.

Vậy nên : Lưu Cung sợ uy mất vía ; Triệu Oa nghe tiếng dật mình. Cửa Hàm-lữ giết tươi Toa-Đô ; sông Bạch-đăng bắt sống Ô-Mã. Xét xem cổ-lịch ; đã có minh-trung.

Vừa rồi : vì họ Hồ chính-sự phiền-hà ; để trong nước nhân-dân oán hận. Quân cường Minh đã thừa-cơ từ ngược ; bọn gian-tà còn bán nước cầu vinh. Nướng dân đen trên ngọn lửa hung-lân ; vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ. Chước dối đủ muôn nghìn khoé : ác chứa ngọt hai mươi năm. Bại nhân - nghĩa nát cả càn - khôn ; nặng khóa liềm vét không sơn trạch. Nào lên rừng đào mỏ, nào xuống bể mò châu ; nào hồ bẫy hươu đen, nào lưới dò chim chẻ. Tàn hại cả côn-trùng thảo - mộc ; neoh nhóc thay ? quan quả điên, lièn. Kẻ há miệng, đũa nhe răng, máu mỡ bấy ? no nê chưa chán ; nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục-dịch cho vừa. Nặng nề về những nỗi phu phen ; bắt bớ mất cả nghề canh cửi. Độc ác thay ! trúc rừng không ghi hết tội ; dơ bẩn thay ! nước bể khôn rửa sạch mùi. Lẽ nào trời đất tha cho ; ai bảo thần nhân nhịn được.

Ta đây : núi Lam-sơn dấy - nghĩa ; chốn hoang-dã nương mình. Ngấm non sông căm nổi thề-thù : thề sống chết cùng quân nghịch-

*lạc. Đau lòng rức óc, chốc là mười mấy nắng mưa ; nếm một năm
guai, há phải một hai sớm tối. Quên ăn vì giận, sách lược thao suy
vết đã tinh ; ngẫm trước đến nay, lẽ hưng phế dần đo càng kỹ.
Nhưng trần trọc trong cơn mộng mị ; chỉ bản khoen một nỗi đồ
hồi. Vừa khi cò nghĩa đẩy lên ; chính lúc quân thù đang thịnh.
Lại ngắt vì ; Tuấn - kiệt như sao buổi sớm ; nhân - tài như lá mùa
thu. Việc bốn-lầu thiếu kẻ đỡ - đỡ ; nơi duy - ác hiểm người bàn-
bạc. Đòi phen vùng vẫy, vẫn đâm - đâm con mắt dục động ; mấy
thuở đợi chờ, luống đặng - đặng cỗ xe hư tả. Thế mà trông người
người càng vắng, vẫn mặt mù như kẻ vọng dương. Thế mà tự ta ta
phải lo toan, thêm vội-vã như khi chứng tịch. Phần thì giận hung-
dò ngang dọc ; phần thì lo quốc-bộ khó-khăn. Khi Linh-sơn lương
hết mấy tuần ; khi Khôi - huyện không quân một đội. Có lẽ Trời
muốn trao cho gánh nặng, bắt trải qua bách-chiết thiên - ma ; cho
nên ta cố-gắng gan bền, chấp hết cả nhất - sinh thập - tử. Múa đầu
gậy ngọn cò pháp-phới, ngóng vân-nghe bốn cõi đần - hồ ; mở tiệc
quán chén rượu ngọt-ngào khắp tướng-sĩ một lòng phụ-lữ. Thế giặc
mạnh, ta yếu mà ta địch nổi ; quân giặc nhiều ta yếu mà ta được
luôn.*

*Dọn hay : Đem đại - nghĩa để thắng hung-tàn ; lấy chí-nhân
mà thay cường-bạo. Trận Bồ - đặng sấm vang sét dậy ; miền Trà-
my trúc phá tro bay. Sĩ - khi đã hăng ; quân thanh càng mạnh.
Trần-Trí, Sơn-Thọ mất vía chạy tan ; Phương-Chính, Lý-An tìm
đường trốn-tránh. Đánh Tây - kinh phá tan thế giặc ; lấy Đông-dò
thu lại cõi xưa. Dưới Ninh-kiều máu chảy thành sông ; bến Tuy-
động xác đầy ngoài nội. Trần-Hiệp đã thiết mạng ; Lý-Lương lại
phối thầy. Vương-Thông hết cấp lo-lường ; Mã-Anh khôn đường
cứu đỡ. Nó đã tri-cùng lực-kiệt, bó tay không biết tính sao ; ta
đầy mưu-phật tâm-công, chẳng đánh mà người chịu khuất. Tướng
nó đã thay lòng đổi dạ, biết lẽ tới lui ; ngò đâu còn kiếm kẻ tìm
phương, gây mầm tội-nghiệp. Cây mình là phải, chỉ quen đồ vạ cho
người ; tham công một thời chẳng bỏ bầy trò giở nhuốc. Đến nỗi
đưa trẻ con như Tuyên-Đức, nhằm võ không thôi ; lại sai đồ dút-
đát Thanh, Thảng, đem dầu chữa cháy. Năm đinh-mùi tháng chín,*

Liễu-Thăng tự Khâu-ôn tiến sang ; lại năm nay tháng mười, Mộc-Thanh tự Vân-nam kéo đến. Ta đã điều-binh thủ hiểm, đề ngăn lối Bắc-quân ; ta lại sai tướng chen ngang, đề tuyệt đường lương-đạo. Mười tám Liễu-Thăng thua ở Chi-lăng ; hai mươi, Liễu-Thăng chết ở Mã-yên. Hai mươi nhăm, Lương-Minh trận vong ; hai mươi tám, Lý-Khánh tự-vẫn. Lưỡi dao ta đương sắc ; ngọn giáo giặc phải lùì. Lại thêm bốn mặt vây thành ; hẹn đến rằm tháng mười diệt tặc. Sĩ-tốt ra oai li-hỗ, thần-thứ đủ mặt trảo-nha. Giương mài đá, đá núi cũng mòn ; voi uống nước, nước sông phải cạn. Đánh một trận sạch không kinh-ngạc, đánh hai trận tan-tác chim-muông. Con gió to trút sạch lá khô ; tở kiến hồng sứt toang đế cũ. Thôi-Tụ phải quỳ mà xin lỗi ; Hoàng-Phúc tự trối đề ra hàng. Lạnh-giang, Lạnh-sơn, thầy chết đầy đồng ; Xương-giang, Bình-than, máu trôi đỏ nước. Ghé góm thay ! sắc phong-vân phải đổi ; thảm - đạm thay ! sáng nhật-nguyệt phải mờ. Bình Vân-nam nghẽn ở Lê-hoa, sợ mà mất mặt ; quân Mộc-Thanh tan chưng Cầm-trạm, chạy để thoát thân. Suối máu Lãnh-câu, nước sông rền rĩ ; thành xương Đan-xá, cỏ nội đầm-dia, Hai mặt cứu binh, cầm đầu trốn chạy ; các thành cùng khấu, cỡi giáp xuống đầu. Bắt lương giặc mang về, nó đã vây đuôi phục tội ; thề lòng trời bất-sát ta cũng mở đường hiếu-sinh. Mã-Kỳ, Phương-Chính, cấp cho dăm trăm chiếc thuyền, ra đến bể chưa thôi trống ngực, Vương-Thống, Mã-Anh phát cho vài nghìn cỗ ngựa, về đến Tàu còn đổ mồ-hôi. Nó đã sợ chết cầu hòa, mở lòng thú-phục, ta muốn toàn quân làm cốt, cả nước nghỉ ngơi. Thế mới là mưu-kế thật khôn ; vả lại suốt xưa nay chưa có. Giang-sơn từ đây mở mặt ; xã-tắc từ đây vững bền. Nhật-nguyệt hối mà lại mình ; kiên-khôn bỉ mà lại thái. Nền vạn-thế xây nên chẵn-chẵn ; then nghìn thu rửa sạch lâu-lâu. Thế là nhờ trời đất tỏ-tỏn khôn-thiêng giúp đỡ cho nước ta vậy.

Than ôi ! Vầy-vùng một mảnh hung - y, nền công đại - định ; phẳng-lặng bốn bề thái-vũ, mở hội vĩnh-thanh. Bá-cáo xa gần ; ngỏ cùng nghe biết.

Bùi-Kỷ dịch

(Trích trong Việt-nam văn-học sử-yếu của Dương-quảng-Hàm)

PHẦN THỨ HAI



Thời quân - chủ cực - thịnh



Đuổi xong quân Minh, Lê-Lợi lấy lại nền độc-lập cho tổ-quốc. Trong hòa-bình, nhà Lê xây dựng lại những điều-tàn do chiến-tranh gây nên.

Cuộc kiến-thiết nhanh-chóng và có hiệu-quả vì nhân-dân, qua nhiều lần gian khổ, chỉ muốn trở lại cuộc sống thanh-bình. Chính-trị, kinh-tế, văn-hóa được Lê-Lợi tổ-chức có qui củ, đặt cơ-sở vững-vàng cho nền quân-chủ.

Thịnh nhất là đời Lê-Thánh-Tôn, nước Đại - việt độc - lập mở rộng biên-giới về phương Nam. Dưới sự lãnh-đạo của vị chỉ-huy vì dân vì nước, có nhiều khả-năng, nước Đại-việt tiến mạnh tới nền văn-minh sáng-sủa.

4 - SỰ-NGHIỆP LÊ-THÁI-TỒ

DÀN BÀI

I. — Chính-trị.

- 1) Lê-Lợi lên ngôi : Bỏ Trần-Cao.
- 2) Việc cai-trị : Chia nước làm năm đạo.
- 3) Luật-pháp : Hình-luật nghiêm-khắc.
- 4) Binh-bị : Giải-ngũ 15 vạn quân.

II. — Kinh-tế : Phép « quân điền ».

III. — Văn-hóa.

- 1) Việc học-hành : thi Minh kinh.
- 2) Tôn-giáo.

IV. — Việc dẹp loạn : Loạn người Thái ở Sơn-La.

Hai mươi năm đô-hộ, người Minh gây nhiều đau khổ cho dân Đại-việt. Lấy lại nền độc-lập, Lê-Lợi phải lo về mọi phương-diện : tổ-chức lại nền hành-chính, phục-hưng nền kinh-tế và văn-hóa, đem lại thịnh-vượng và an-ninh cho xã-hội.

I. — Chính-trị

1. — **Lê-Lợi lên ngôi** : Trước kia vì muốn hòa với nhà Minh, Lê-Lợi phải tôn Trần-Cao lên làm vua. Nhưng giặc đã dẹp xong, uy-thế Bình-định-vương mỗi ngày một lớn được toàn-thể dân-chúng kính-mến tôn-sùng. Năm 1428, trật-tự đã lấy lại được, quần-thần muốn tôn Lê-Lợi lên làm vua. Trần-Cao hay tin ấy trốn chạy vào châu Ngọc-ma (phủ Trấn-ninh) nhưng bị quan quân đuổi bắt được đem về kinh ép uống thuốc độc.

Sau đó Bình-định-vương lên ngôi tức Lê-Thái-Tổ đặt quốc-hiệu là Đại-việt lập kinh-đô ở Đông-quan đổi tên là Đông-kinh. Thái-Tổ sai sứ sang Trung-hoa xin phong, nhà Minh không chịu, bắt phải tìm con cháu nhà Trần đặt làm vua. Sau vua Thái-Tổ bắt các quan-viên và phụ-lão làm tờ khai rằng : « Nhà Trần không còn ai nữa, xin phong cho Lê-Lợi làm vua Đại-việt ». Năm 1431 vua Minh

mới phong Vương cho Lê-Lợi. Rồi cứ ba năm một lần, Thái-Tổ cho người sang cống nhà Minh. Trong số phẩm-vật lần nào cũng phải có hai tượng người bằng vàng gọi « đại thân kim nhân » có lẽ để thay thế cho 2 tướng Minh bị giết ở Chi-lăng là Liễu-Thắng và Lương-Minh. Việc xin phong và chịu cống nước Trung-hoa không phải là nước ta chịu lệ-thuộc nhưng là một hình-thức bang-giao, nước ta vẫn giữ quyền tự-chủ.

2.— Việc cai trị : Vừa lên ngôi, Thái-Tổ phong thưởng cho các công-thần, có 227 người được quốc-tính, Nguyễn - Trãi đứng đầu hàng văn, Lê-Văn đầu hàng vũ, Nguyễn-Trãi làm Quan-phục-hầu, Trần-nguyên-Hãn làm Tả tướng-quân và Phạm-văn-Xảo làm Thái-úy. Thái-Tổ lập lại nền cai-trị. Thời-kỳ vậy Đông-quan, Lê-Lợi đã chia miền bình-nguyên làm bốn đạo, khi lên ngôi thì thêm một đạo nữa là năm lấy tên là Hải-tây-đạo gồm có Thanh-hóa, Nghệ-an, Tân-bình và Thuận-hóa. Mỗi đạo có quan Hành - khiển giữ sổ sách và việc quân dân. Còn các xã thôn thì xã nào có 100 người trở lên gọi là đại xã, đặt ba xã-quan ; xã nào có 50 người trở lên gọi là trung-xã đặt 2 xã-quan ; xã nào có 10 người trở lên gọi là tiểu-xã đặt một xã-quan để trông coi mọi việc.

3.— Luật pháp : Chiến-tranh đã gây ra nhiều trộm cướp và lộn-xộn. Lê-Thái-Tổ ban-bố hình-luật dựa theo luật nhà Đường rất nghiêm-khắc. Luật-pháp chia làm 6 thứ tội : tội xuy, tội trượng, tội đồ, tội lưu và tội tử.

Tội xuy chia làm 5 bậc từ 10 roi đến 50 roi ; tội trượng chia làm 5 bậc từ 60 đến 100 trượng ; tội đồ chia làm 3 bậc : đồ làm dịch đinh, đồ làm lính chuồng voi và đồ làm lính đồn-diên ; tội lưu chia làm 3 bậc : lưu đi cận-châu (Nghệ-an), lưu đi viễn châu (Bố-chính) và lưu đi ngoại-châu (Tân-bình) ; tội tử chia làm 3 bậc : tội thắt cổ và chém, tội chém bêu đầu và tội lạng-trì.

Ai được vào hạng bát nghị (nghị thân, nghị cố, nghị hiền, nghị năng, nghị công, nghị quý, nghị cần, nghị tân) nghĩa là tám trường hợp được giảm khinh, thì trước hết phải tâu xin nghị, nghị xong rồi lại phải tâu vua để xét lại.

Cựu-thần có công, từ ngũ phẩm trở lên, nếu phạm tội đồ hay

tội lưu thì được tha. Con cháu người được nghị công mà có tội thì theo tập ăm của ông cha mà được giảm.

Quan viên quân dân, người 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống hay người có phế-tật phạm tội lưu trở xuống, đều được chuộc.

Người 80 tuổi trở lên, 10 tuổi trở xuống, người có đốc tật thì theo thứ tự được giảm tội.

Người phạm tội trộm cắp hay tội gì mà tự mình ra thú thì được giảm tội.

Muốn cho dân ra công kiến-thiết đất nước bị giặc tàn-phá và tránh những sự lười biếng, nhà vua đặt luật rất nghiêm để trừng-trị những người rượu chè, cờ bạc : Ai đánh bạc bắt được phải chặt ngón tay mất ba phân ; đánh cờ, phải chặt ngón tay một phân ; tụ tập rượu chè bê-tha phải đánh 100 trượng, ai dung-chứa cũng phải tội, hình phạt thì được giảm một bậc.

4.— Binh-bị : Trong thời-kỳ chiến-tranh, quân sĩ gồm có 25 vạn người. Hòa-bình trở lại, nhà vua chỉ để lại 10 vạn còn cho giải ngũ về làm ăn. Quân tại ngũ chia làm 5 phiên, một phiên ở lại phòng vệ còn 4 phiên cho về làm ruộng cứ lần lượt thay đổi nhau.

II.— Kinh-tế

Lê-Thái-Tổ rất chú-ý đến vấn-đề canh-nông. Sau 10 năm chinh-chiến ruộng đất bị bỏ hoang làm cho nông-dân sa-sút nghèo-túng. Hơn nữa nhiều chủ điền theo quân Minh, dựa vào thế giặc, bóc lột ruộng nương của dân-chúng. Lê-Lợi tổ-chức phân chia ruộng, nhất là cho những người có công với tổ-quốc : chinh-đốn lại những thôn-xã có thể mang nhiều lợi-lức cho công-quy.

Vừa lên ngôi, vua đã cho kiểm-tra dân-số (có 700.940 dân đinh) và ruộng đất. Năm sau (1429) nhà vua truyền đặt luật « quân điền » chia đất cho nhân-dân từ quan đến lính, phụ-nữ trẻ con và người già cả. Luật đó không tước ruộng đất của tất cả các chủ-diền nhưng chỉ lấy những ruộng bỏ hoang không khai báo, những ruộng của gia-đình phú-quý không có ai kể-tự hay đã liên-lạc với quân Minh. Lại những thôn xã có nhiều ruộng quá mà dân thì ít cũng bị lấy lại chuyển cho những làng đông dân khai-khẩn.

III.— Văn-hóa

1.— Việc học-hành : Chiến-tranh chấm dứt, Thái - Tổ sửa sang việc học hành. Nhà vua đặt trường Quốc - tử - giám ở kinh-đô. Những người thường-dân ưu - tú cũng được vào học - lập cạnh con cháu các quan lại ; cho mở thêm và tu sửa những trường ở các lộ, phủ, huyện, đặt thầy dạy học. Năm 1429, nhà vua bắt các quan văn võ từ tứ phẩm trở xuống phải vào thi Minh-kinh : quan văn thì thi Kinh-sử, quan võ thì phải thi Vũ-kinh tức chiến-lược. Ở các lộ cũng có kỳ thi Minh-kinh cho những người ẩn-dật để chọn nhân-tài.

Quần Minh sang dò-hộ đã lấy rất nhiều tác-phẩm của ta rồi cho nhập-cảng sách Trung-quốc. Vì thế trong nước học-thuyết Khổng-Tử lan-trần khắp dân-gian.

2.— Tôn-giáo : Đạo Phật thì suy dần, những vị sư không còn hiểu lý-thuyết cao xa của đạo. Nhiều người đi tu để trốn việc, trốn thuế. Năm 1429 vua Thái-Tổ bắt những người đi tu phải thi Kinh-điền ai trúng thì mới cho phép được làm tăng và làm đạo-sĩ, ai thi hỏng phải trở về làm ăn.

IV.— Việc dẹp loạn

Cuối đời vua Lê - Thái - Tổ người Mường và Thái làm loạn ở Thượng-du. Năm 1431 ở châu Ngọc-lâm (Thái-nguyên) tù-trưởng Bế-khắc-Thiệu và Nùng-đắc-Thái làm phản. Năm 1432 người Thái Đèo-cát-Hãn dấy lên từ Sơn-la cướp phá Thái-nguyên, Tuyên-quang. Vua Thái-Tổ tiến theo đường bộ và đường thủy dẹp được loạn. Cát-Hãn và con bị giải về kinh-đô nhưng sau được vua phong-tước xưng vào quân đội. Tuy đã già và ốm yếu nhà vua phải thân - chinh đi dẹp loạn vì sợ hai tướng Trần-nguyên-Hãn và Phạm-văn-Xảo lợi-dụng thời cơ mà cướp ngôi. Về sau cũng vì sự nghi-ngờ đó và vì dèm pha mà nhà vua truyền xử hai ông, mặc dầu những thành-tích vẻ-vang của hai tướng trong trận chiến-tranh giành độc-lập.

CÂU HỎI

1. Hình-luật của Lê-Thái-Tổ có gì đặc-sắc : **2.** Tại sao những binh tại ngũ cũng phải chia phiên về làm ruộng ? — **3.** Phép « quân-diễn » là gì ? Có hợp-lý không ?

5 - LÊ - THÁI - TÔN LÊ - NHÂN - TÔN

DÀN BÀI

I. — Triều-đình :

- 1) Lê-Thái-Tôn (1433 — 1442) — Lê-Sát phụ-chính.
Nguyễn-Trãi bị xử.
- 2) Lê-Nhân-Tôn (1443 — 1459).

II. — Sự nghiệp :

- 1) Việc cai-trị.
- 2) Việc học-hành.
- 3) Việc ngoại-giao.

I. — Triều-đình

1. — Lê - Thái - Tôn (1433 — 1441) : Vua Thái-Tổ mất năm 1433, làm vua được 6 năm thọ 49 tuổi. Lê-Thái-Tôn lên ngôi mới có 11 tuổi. Việc triều-đình do quan phụ-chính Lê-Sát đảm-nhiệm.

Lê-Sát đã từng giúp Lê-Lợi dẹp quân Minh lập được nhiều chiến-công. Khi làm phụ-chính, ông quá cứng-cỏi và nghiêm - khắc, nên nhiều người không ưa. Sau vua Thái-Tôn cầm quyền chính sai trừ Lê-Sát để tránh sự lộng-quyền và tai-họa có thể xảy ra.

Nhưng vua còn ít tuổi thừa hưởng hòa-bình của vua cha để lại, không làm được việc gì xuất-sắc lắm, trái lại nhà vua ham chơi dễ xảy ra nhiều chuyện không hay.

Tháng bảy năm 1442, Thái - Tôn đi duyệt - binh ở huyện Chi-linh. Hồi này ông Nguyễn-Trãi đã về chí - sĩ ở trại Côn - sơn thuộc huyện Chi - linh. Vua đi qua ghé vào thăm trại, thấy người hầu của Nguyễn-Trãi là Nguyễn-thị-Lộ có tài sắc, Thái-Tôn liền triệu về kinh. Nhưng về đến huyện Gia - định (nay là huyện Gia-huân, Bắc-Ninh) vua mất, mới 25 tuổi, hao mòn vì sớm ham chơi. Lê-Thái-Tôn mất, triều - đình buộc cho Thị - Lộ đã bỏ thuốc độc giết vua, lại sai bắt Nguyễn - Trãi cho là đồng - phạm, xử chu-di tam tộc (giết ba họ). Nhà chính-trị kiêm đại văn-hào thác-oan vì chính-sách chuyên - chế của triều-đình. Nguyễn-Trãi đã để lại cho đất nước nhiều tác - phẩm trong thời chinh - chiến : bài Bình Ngô đại cáo, quyền Dur-địa-chí, một quyển địa-lý Việt-nam cổ nhất (1435) và nhiều bài thơ như Gia-huân-ca.

2.— Lê-Nhân-Tôn (1443 — 1459): Thái-Tôn mất. Đại thần Lê-Khả và Lê-Xí (tức Nguyễn-Xí) lập Thái-tử Bổng-Cơ lên kế vị mới hai tuổi tức là Nhân-Tôn. Bà Hoàng-thái-hậu giữ quyền nhiếp-chính. Tuy bà có tu sửa ít nhiều nhưng vì hay nghe xu-nịnh, dèm pha nên giết nhiều cựu thần như Lê-Khả và Lê-khắc-Phục. Năm 1435 Nhân-Tôn mới bắt đầu thân-chính. Việc đầu tiên của nhà vua là truy-tặng cho các công-thần và cấp ruộng quan-diền cho con cháu Lê-Sát, Lê-khắc-Phục, Lê-Khả. Công cuộc phục-hưng của vua Nhân-Tôn chưa được mấy thì bị người anh là Lạng-sơn-vương Nghi - Dân hạ - sát. Nghi-Dân trước đã làm Thái-tử, sau vì mệ phạm lỗi nên bị truất. Nghi-Dân cùng đồng-đảng ban đêm trèo tường vào cung giết Nhân-Tôn và Hoàng-thái-hậu rồi xưng làm vua (1459). Nhân-Tôn làm vua được 17 năm thọ 19 tuổi.

Nghi-Dân ở trên ngôi được 8 tháng, đã cho sứ sang Trung-hoa xin cầu phong. Nhưng không ai chịu phục, triều-dinh bắt giết các vây cánh rồi đóng cửa thành bắt Nghi-Dân xử tử.

II.— Sự-nghiệp

Trong thời vua Thái-Tôn và Nhân - Tôn, việc nước không có gì trọng đại.

1.— Việc cai-trị : Vua Thái-Tôn cầm quyền còn trẻ tuổi lại bị mấy năm xảy ra nhiều tai-biến liên-tiếp : đại hạn, nước lụt, sâu bọ làm hại mùa màng, dân phải đói khổ. Mạn thương-du loạn nổi lên, nhà vua nhiều lần phải thân-chính đi dẹp. Đó là giặc nhỏ cả, nên cuộc tiêu-trừ không vất-vả lắm.

Từ trước, các vương-hầu và các quan văn võ đều theo phẩm-hàm của mình mà ăn lộc, do thuế của 50 đến 100 gia - đình nộp hay những lộc-diền nhà vua ban cho, nay vua Nhân-Tôn lại cho thêm hàng năm một số bổng nhất-định. Những thuế-bổng này làm cho tinh-thần phong - kiến của các quan-lại bị nhụt dần và nhà vua tăng thêm uy-quyền ở địa-phương.

2.— Kinh-tế : Nền tài-chính trong nước hồi này được dồi-dào hơn ; năm 1434 nhà vua định một tiền ăn 60 đồng (thời vua Thái-Tổ một tiền trị giá có 50 đồng) và cấm không được kén chọn tiền : đồng nào gãy hay sứt mẻ nhưng còn lỗ xâu được thì phải nhận cả.

Về đo lường, vua Thái-Tôn cũng qui-định rõ. Lúa cứ dài 30 thước, rộng 1 thước 5 tấc là một tấm. Vải thì cứ 22 đến 24 thước là một tấm. Giấy 100 tờ làm một tập.

Còn thương-mại, bà Hoàng-Thái-Hậu có cho đào sông Bình-lộ (sông Cà-lồ) ở Thái-nguyên để tiện đường vận - tải và đào cảng Thanh-hóa.

3.— Việc học - hành : Đời vua Thái-Tôn, việc thi - cử được chỉnh - đốn lại, định rõ những ngày thi, lệ cứ 5 năm một lần thi hương, 6 năm một lần thi hội. Số bài thi không thay đổi, kỳ đệ nhất làm một bài kinh nghĩa, 4 bài tứ-thư-nghĩa, mỗi bài phải 300 chữ trở lên, kỳ đệ nhị thi làm bài chiếu, chế, biểu ; kỳ đệ-tam làm thi, phú ;

kỳ đệ tứ làm văn sách phải 1.000 chữ trở lên. Năm 1442 mở khoa thi tiến - sĩ, ai thi đỗ được khắc tên vào bia đá đề khuyến - khích người học. Lệ khắc tên văn-nhân vào bia khởi đầu từ đây.

Năm 1443, đời Nhân-Tôn bà Hoàng-thái-hậu đổi cách thi đề lấy người làm lại, bỏ thi ám-tả và thi kinh-nghĩa chỉ thi toán và thi viết. Vua Nhân-Tôn thân-chính, sai ông Phan-phù-Tiền làm bộ Quốc - sử từ nhà Trần đến thuộc Minh gồm 10 quyển đề tiếp vào quyển « Đại-Việt sử-ký » của Lê-văn-Hưu.

4.— Việc ngoại-giao : Những chiến-công oanh-liệt của Lê-Lợi gây được uy-thế mạnh - mẽ, nước lân - bang kiêng nể. Khi vua Thái-Tôn vừa lên ngôi, Chiêm - thành lợi dụng cơ-hội vào phá đất Hóa-châu và đánh cửa Việt (Quảng-Trị) nhưng quân Đại - việt dẹp được ngay. Nước Ai-lao, Bồn-man và dân Lô-lô ở Vân-nam sang cống. Còn thuyền của Java và Xiêm đến buôn bán ở bến Vân-dồn.

Nước Chiêm-thành dù sao cũng cứ đợi dịp triều - đình ta đổi ngôi là tấn công. Vì thế vua Nhân-Tôn vừa kế-vị Thái-Tôn là quân Chiêm vào cướp Hóa-châu. Năm 1446, đại-quân chinh-phạt lấy được thành Đồ-bàn bắt vua Chiêm là Bí-cái và phi-tần đem về Đông-kinh, rồi lập người cháu vua Bồ-Đề là Ma-kha-qui-lai lên làm vua.

Còn xứ Bồn-man phía đông-nam giáp Nghệ-an và Quảng-bình phía đông-bắc giáp Hưng-hóa và Thanh-hóa là một xứ Thái từ xưa vẫn thuộc Ai-lao đến năm 1448 thì xin sát-nhập vào Đại-việt, gọi là châu Qui-hợp.

Tình-hình trong nước như thế là được yên-ôn. Duy việc thoán-nghịch của Nghi-Dân làm cho triều-dinh lộn-xộn, nhưng lại là dịp để vua Lê-Thánh-Tôn lên ngôi đưa nước Đại-việt đến chỗ cực-thịnh.

CÂU HỎI

1. Tại sao Lê-Thái-Tôn sai người giết Lê-Sát ?
2. Vì sao Nguyễn-Trãi bị chu-di tam tộc ?
3. Vua Lê-nhân-Tôn khi thân-chính làm việc gì đặc-biệt trước hết ?
4. Châu Qui-hợp là đất của nước nào cũ ?

6 - LÊ-THÁNH-TÔN VIỆC NỘI-TRỊ

DÀN BÀI

I.— Lê-thánh-Tôn (1460 — 1497)

II.— Việc nội-trị :

- 1) Việc cai-trị : tổ chức triều-đình ;
đạo ; phủ, huyện, châu, xã.
- 2) Phầm-trật và tuế-bồng : Tuế-lộc.
- 3) Việc binh bị : phủ, vệ, sở, ngũ.
- 4) Luật Hồng-đức.

III.— Việc ngoại-giao : với Trung-hoa.

IV.— Kinh tế.

- 1) Khuếch-trương canh-nông.
- 2) Thuế mớ.
- 3) Công-nghiệp và Thương-nghiệp.

I.— Lê-thánh-Tôn (1460—1497).

Triều-thần hạ được Nghi-Dân rồi, rước con thứ tư vua Thái-Tôn là Bình-nguyên-vương Tư-Thành lên làm vua tức Lê-Thánh-Tôn. Thánh-Tôn thông-minh, có lòng nhân. Khi lên ngôi ông xét lại án của các cựu-thần bị giết. Nhận thấy nỗi oan của các công-thần, nhà vua trả lại tước-lộc cho con cháu họ, như đã tìm con cháu Nguyễn-Trãi về cấp cho 100 mẫu ruộng để phụng-thờ tổ-tiên. Những người được quốc-tính, nay được phục tính lại để khỏi mất tên họ.

Thái-Tổ có công dựng nước, thì Thánh-Tôn có công đặt nền văn-minh cho Đại-việt. Sự-nghiệp của nhà vua rất dồi-dào : tổ-chức triều-chính quy-cử, đặt nền móng cai-trị vững-chãi, mở-mang việc học-hành, chinh-dốn binh-bị, dẹp Chiêm-Thành, Lào. Nước ta được một thời kỳ thật thịnh-vượng ; cho đến nay ai cũng nhớ những văn-thơ của Lê-Thánh-Tôn và bộ luật Hồng-Đức của nhà vua. Lê-Thánh-Tôn làm vua được 38 năm.

II.— Việc nội trị.

1.— Việc cai-trị : Nền hành-chính dưới đời vua Thánh-Tôn có một tổ-chức rõ-ràng. Chính-quyền trung-trong gồm có tả hữu tương-quốc, rồi đến *Lễ* bộ, *Lai* bộ, Nội-các-viên, Trung-thư, Hoàng-môn và ba sở môn hạ, có ngũ đạo Hành-khiển trông coi sổ sách quản dân các đạo. Nghi-Dân đặt thêm 4 bộ nữa là bộ *Bình*, *Hình*, *Công*, *Hộ*, bên cạnh 6 Bộ thì có 6 *Khoa*. Đến khi vua Thánh-Tôn lên ngôi thì đặt thêm ra 6 *Tự* và lập những điều-lệ quy-dịnh công-việc của những bộ-phận hành-chính đó. Mỗi bộ có vị thượng-thư trông coi, có hai Thị-lang tả, hữu giúp việc. Các bộ có nhiệm-vụ chỉ-huy các công việc, các *Khoa* có nhiệm-vụ kiểm-soát, các *tự* thi-hành công việc.

Còn về địa-phương, nhà vua chia nước làm 12 đạo. Đến năm 1490 khi lấy được đất Quảng-nam thì đặt thêm một đạo là 13 đạo tất cả (Lạng-sơn, Hưng-hóa, Sơn-tây, An-bang, Hải-dương (Nam-sách), Sơn-nam (Thiên-trường) Thanh-hóa, Nghệ-an, Thuận-hóa (Quảng-nam). Mỗi đạo có ba *Tòa* : tòa **Thừa** có Thừa-chính, chánh phó sứ coi hành-chính ; tòa **Hiển** có Hiến-sát chánh phó sứ coi hình-án, tòa **Đô** có chánh phó Đô tổng-binh coi về quốc-phòng. Để kiểm soát công việc ở các đạo, nhà vua đặt chức Giám-sát Ngự-sử.

13 đạo chia làm 52 *phủ*, 172 *huyện* và 50 *châu*, dưới phủ huyện thì có lương, phurong, xã, thôn, trang, sách, động, nguyên, trưởng. Có tất cả 8006 xã do xã-trưởng trông coi. Quan-lại có nhiệm vụ làm bản-đồ các đạo mình quản-nhiệm, ghi rõ đặc-tính của từng miền. Những bản đồ đó gửi về bộ Hộ để lập một bản đồ toàn-quốc.

2.— Phầm-trật và bổng-lộc : Chức-phẩm các quan-lại văn võ gồm có 9 phẩm, mỗi phẩm có hai hạng. Các quan và vương-thần, được giữ những chức lớn trong triều-đình, ngoài « Tuế-lộc », còn được lưu thuế điền-thổ và được một phần hoa-lợi. Những công-thần chính-đáng còn được thêm đất « thế nghiệp » cha truyền con nối từ mấy trăm mẫu đến ngàn mẫu :

Thân-vương được 600 mẫu ruộng thế-nghiep, 40 mẫu đất thế-nghiep, 1000 mẫu ruộng ăn lộc, 150 mẫu bãi ăn lộc, 80 quan tiền lộc về đầm, 300 mẫu ruộng lễ và 500 hộ thực phong. Những tước Công,

Hầu, Bá, Tử, Nam đều được điền-lộc ; cứ xuống một bậc thì bớt một phần.

Các quan còn được cấp công-điền và một số dân giúp việc. Những người dân này có thể nộp tiền làm thuế bổng cho quan. Về thuế-bổng thì Hoàng-thái-Tử được 500 quan, thân-vương được 200 quan, quan chánh nhất phẩm 80 quan, chánh cửu phẩm 16 quan, tòng cửu phẩm 14 quan.

3.— Việc binh-bị : Thánh-Tôn đòi 5 vệ-quân làm 5 *phủ* : Đông, Tây, Nam, Bắc và Trung quân-phủ. Mỗi *phủ* có 6 vệ, mỗi vệ có 5 hay 6 sở, mỗi sở có 400 lính chia thành ngũ từng 5 người một. Tất cả quân-sĩ có 70.000 người. Năm 1467, trước khi đánh Chiêm-Thành, Thánh-Tôn lại đặt thêm nhiều *đội* nội, ngoại gồm 99.000 người. Như thế tổng-số quân sĩ là 170.000 không kể quân lúc-vệ.

Ba năm có một kỳ thi võ tuyển lựa quan võ. Tướng sĩ ai được thi thưởng, ai thua thì phải phạt. Vua Thánh-Tôn lại đặt ra bộ quân-lệnh để quân-sĩ luyện-tập về thủy-trận, tượng-trận, mã-trận, và bộ-trận.

Để tiện việc tuyển-mộ quân-sĩ và đặt ra cơ-sở thuế khóa, vua Thánh-Tôn cho tổ-chức kiểm-lra rất chu-đáo. Từ năm 1470, cứ 3 năm làm sổ hộ-tịch một lần, gọi là *tiểu-điền* và 6 năm một lần gọi là *Đại-điền*. Dân đinh chia làm 6 hạng : *tráng-hạng* (khoẻ mạnh giúp nước đăc lực), *quân-hạng* (có thể gọi ra tòng ngũ khi hữu sự), *dân-hạng* (chịu thuế), *lão-hạng* (trên 60 tuổi), *cổ-hạng* (nghèo khổ làm thuê mướn), *cùng-hạng* (cô-nhi quả-phụ). Việc binh-dịch thì theo lệ : con các quan từ lục phẩm trở lên, các giám-sinh trường quốc-tử-giám đều được miễn dịch còn từ thất phẩm trở xuống thì không được miễn, cứ gia đình nào có 3 người trên 18 thì một người phải xung quân ngũ, từ 5 người trở lên thì hai người ra lính.

4.— Luật Hồng-đức : Đời vua Thánh-Tôn, sự - nghiệp nổi danh nhất là bộ luật Hồng-đức. Đó là một công-trình đặc-biệt có tính cách thuần-túy Việt-nam không như cuốn luật Gia-long sau này chép theo luật nhà Thanh không hợp với thói-tục trong nước. Bộ luật Hồng-đức rất hoàn-bị gồm cả hình-luật và hộ-luật. Luật Hồng-

dức nhân-đạo, vì trong đó có nhiều trường hợp giảm-khinh, miễn hay chuộc tội, bảo-vệ quyền tư-hữu, hạn chế quyền-hành của quan-lại và bênh vực phụ-nữ. Vấn-đề phụ-nữ từ xưa vẫn bị bỏ quên, vua Thánh-Tôn đặc-biệt lưu-ý. Người con gái hứa hôn với người có ác-lạt hay phạm hình thì có quyền từ hôn. Con gái xuất-gia vẫn có quyền hưởng thừa tự ngang hàng với con trai. Địa-vị người phụ-nữ được nâng cao. Nói chung, bộ luật Hồng-dức bảo đảm phẩm-giá con người.

III.— Việc ngoại-giao.

Dưới đời vua Thánh-Tôn, sau một thời-gian phải dẹp giặc ở biên-cương và mở-mang đất nước về phương nam, các nước đều sang cống tiến. Chiêm-thành, Lão-qua và thổ-dân miền Vân-nam sang tiến cống. Sứ-giả nước Java đến ngoại-giao ở Đông-kinh. Riêng với Trung-hoa vua Thánh-Tôn vẫn theo lệ xưng thần với nhà Minh. Tuy thế nhà vua vẫn phòng bị mặt bắc. Nếu thổ-dân vượt biên-giới quấy nhiễu, nhà vua cho dẹp ngay và sai sứ sang Trung-hoa phân giải sự việc rõ-ràng. Thánh-Tôn rất chú-ý đến đất-dai của tổ-tiên để lại. Được tin nhà Minh cho quân đến biên-giới, nhà vua tức khắc cho người do-thám lực-hư, và nói với triều-thần : « Ta phải giữ gìn cho cẩn-thận đừng để cho ai lấy mất một phân núi, một tấc sông của vua Thái-Tổ để lại ». Thánh-Tôn chẳng những không để ngoại-bang xâm-lăng đất nước mà còn mở rộng bờ cõi, vẻ vang cho tổ-quốc (xem bản-dồ trang 45).

IV.— Kinh-tế.

1.— Khuyến-khích canh-nông : Nông-nghiệp là nguồn lợi căn-bản của nước, nên vua Thánh-Tôn tiếp-tục công việc kiến-thiết của các vị tiền-bổi. Theo gương nhà Trần nhà vua đặt chức Hà-dê-quan để trông nom việc dè-diều. Ở các đạo, nhà vua lập sở khuyến-nông và đặt chức Khuyến-nông-quan, Tâm-tang-sứ, Điền-mục-sứ để khuyến-khích về canh-nông giống dầu nuôi tằm và chăn nuôi.

2.— Đồn-diễn : Thánh-Tôn ra sắc-lệnh cấm bỏ đất hoang, nơi nào bỏ đất hoang thì không được hưởng quyền-lợi nữa và trao đất cho người khác làm. Việc khai-thác đất-dai đi liền với việc mở-

mang đồn-thú. Nhà vua cho thu-thập những người linh từ-bị, cây cấy thời-bình, ra lính khi chiến-sự, cho khai-thác đồn-điền lập được 42 sở. Những đất mới khai-khẩn được miễn thuế trong ít lâu. Vì thế những làng xã mới lan rộng xuống miền Nam.

3.— Tổ-chức điền-địa : Chính-trị nông-nghiệp của vua Lê-Thánh-Tôn rất đặc-biệt. Do đó mới có trật-tự xã-hội và giữ vững được thuế-khoá do các điền-thổ cung-cấp. Nhà vua cấm không được lập những trại lớn hay những trại tư riêng (tràng trại) và cố-gắng bảo-vệ công-điền : của công thì không được bán.

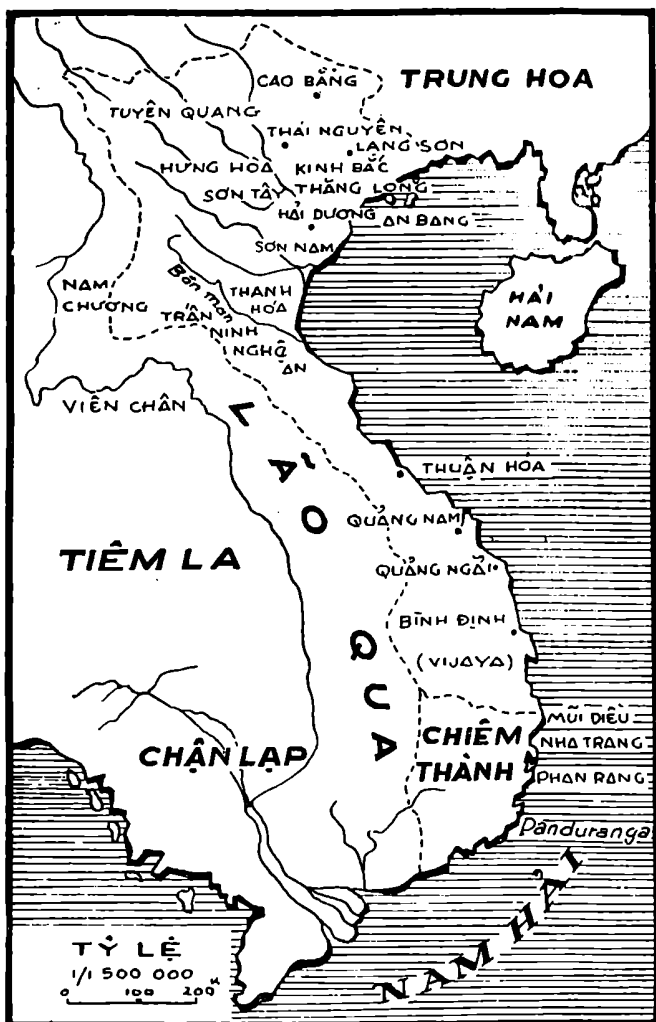
Hàng năm chia ruộng cho dân-đinh trong xã. Nhưng không phải là chia đều cho tất cả mọi người. Trong cái xã-hội có tôn-ti trật-tự thì phần mỗi người cũng tùy theo cấp-bậc, phẩm trật và thân-niên mà phân-phối.

4.— Việc thuế : Mỗi xã phải làm biên-bản rõ-ràng tường-trình những gia-đình sinh sống ở xã và những gia-đình trú-ngụ (gọi là chính-hộ và khách-hộ). Thuế đinh hàng năm mỗi người đóng 8 tiền. Đời vua Hiến - Tôn tăng lên 1 quan 2 tiền. Những người lão niên và con gái chưa 18 tuổi, binh-lính tại ngũ và người tàn-tật thì được miễn trừ. Thuế điền-thổ đánh theo ruộng chia làm ba hạng : hạng thứ nhất mỗi mẫu nộp 60 thùng lúa, và 6 quan tiền. Hạng thứ nhì mỗi mẫu nộp 40 thùng và 4 quan tiền. Hạng ba mỗi mẫu nộp 20 thùng và 2 quan tiền.

Đất bãi dâu, thuế nhẹ hơn, có thể nộp bằng tiền hay tơ. Đất làm nhà ở tùy theo chức-tước được trừ thuế còn bao nhiêu thì cũng phải chịu thuế như ruộng công.

Thêm vào những nguồn lợi đó, vua Thánh-Tôn đánh thuế ở các hải-cảng Vân-đồn, Lục-dầu và đặt đồn thu thuế ở các cửa sông.

5.— Công-nghệ và Thương-nghiệp : Để cho sự buôn bán được dễ-dàng vua Thánh-Tôn sai chế-tạo cân, thước, thưng, đấu theo thề-thức nhất-định để thống-nhất cách đo-lường trong toàn quốc. Ai không theo thì bị tội đồ. Về công-nghệ thì nhà vua định tiền công cho người làm thuê là 30 đồng tiền.



CÂU HỎI

1. So-sánh cách tổ-chức cai-trị dưới đời Lê-Thánh-Tôn và hiện nay ? — 2. Nhà vua ban tuế bổng, tuế lộc cho các quan, như thế giải-quyết được vấn-đề gì ? — 3. Nói về những đặc-điểm của bộ luật Hồng-đức. Bộ luật đó tiến-bộ thế nào ? — 4. Mối lợi của quốc-gia thời xưa nhằm vào những sản-phẩm gì ?

7 - CUỘC NAM-TIẾN

DÀN BÀI

I.— Đánh Chiêm-thành (1471).

- a) Nguyên-nhân cuộc viễn-chinh.
- b) Sửa-soạn.
- c) Giáp chiến.
- d) Chiêm-thành suy-vong.

II.— Đánh Lão-quạ và Bồn-man (1479).

I.— Đánh Chiêm-thành (1471)

a) Sau 20 năm hòa-bình, Chiêm-thành lại bắt đầu khiêu-khích miền nam Đại-việt. Nhờ sự giúp đỡ của nhà Minh, vua Chiêm là Trà-Toàn đem 100.000 quân theo đường thủy bộ tràn vào đất Hóa-châu (1470). Trấn-thủ Hóa-Châu là Phạm-thế-Hiến chống-cự không nổi vì lực - lượng yếu hơn, đóng cửa thành cố-thủ và gửi thư về kinh-dò cầu-cứu.

Việc khuất-phục Chiêm-thành là điều cần - thiết vì đã 15 thế-kỷ từ khi nước Chiêm thành - lập, luôn luôn họ mang thuyền sang cướp phá bờ biển Đại-việt. Mặc dầu đã nhiều lần bị thua và bị mất đất-dai, thỉnh-thoảng quân Chiêm lại xâm-nhập biên-thùy, đốt phá làng-mạc, cướp của bắt người.

b) Vì thế lần này vua Lê-Thánh-Tôn nhất định thân-chinh thôn-tĩnh. Cuộc chiến-tranh này được sửa - soạn rất kỹ - lưỡng. Nhà vua truyền tích - trữ lương-thảo, sai sứ sang nhà Minh nói lý - do cuộc viễn-chinh, gửi thông-diệp cho nhân-dân Chăm, rồi tế-lễ trời đất xin biển lặng gió hòa. Ngày 16 tháng 11 đạo quân gồm 150.000 người lên đường tiến vào nam. Thái-sư Đinh-Liệt và Thái-bảo Lê-Nhiệm được cử làm Chính-lô Tướng-quân thống-lãnh thủy quân đi trước. Thánh-

Tôn tự đem đại quân tiến theo sau. Khi quân vào đến Thuận - hóa, Thánh-Tôn đóng quân lại để luyện tập và sai người lên sang vẽ địa đồ nước Chiêm. Nhà vua thảo một bản « Bình Chiêm sách » phát cho quân sĩ.

Nhà vua cho tiến quân đóng ở cửa Đại - áp và cửa Tiểu-áp (Quảng-nam).

c) Vào đến đất Quảng-nam, quân vua Lê gặp Trà-Toàn mang năm ngàn quân nghênh chiến. Thánh-Tôn sai Lê-hi-Cát đem 500 binh thuyền vượt biển lên vào cửa Sa-ki (Quảng-ngãi) xây đắp đồn lũy để chặn đường về của quân Chiêm. Tướng Nguyễn-dực-Trung kéo ngầm bộ-binh theo đường núi. Còn nhà vua tự đem hơn một ngàn chiến thuyền và mấy chục vạn quân đi đàng biển tiến vào nam.

Ngày 7 tháng 2 năm 1471, quân Chiêm chạy về giữ thành Đồ-bàn nhưng khi đến núi Mộc-nô (phía tây cửa Sa-huỳnh) thì bị quân Lê-hi-Cát xông ra chặn đường. Thánh - Tôn tiến đến cửa Thái - cầu (Quảng-Ngãi) đánh giết quân Chiêm. Vua Chiêm đưa thư xin hàng. Nhưng Thánh-Tôn nhất-định tiến quân chiếm cửa Thị-nại. Ngày 30 tháng 2 thành Đồ-bàn bị máy bắn đá phá mạnh, quân Đại-việt dùng ván leo vào thành bắt được nhiều tù binh, Trà-Toàn bị bắt ở Thuận-hóa rồi bị giải về Đông-kinh, nhưng chết ở trên thuyền.

d) Đại-tướng Chiêm là Bồ-Tri-Tri chạy vào đất Phan - lang (Phan - rang) tự xưng là vua và sai sứ xin xưng thần và nộp cống. Thánh - Tôn nhận lời. Nước Chiêm - thành mất tất cả những đất ở phía bắc mũi Diêu (Đồ-bàn, Đại-chiêm, Cồ-lũy) làm thành đạo Quảng-nam. Để nước Chiêm-thành yếu thế đi, vua Thánh - Tôn chia đất ra làm 3 nước nhỏ phong cho ba vua : nước Chiêm-thành, nước Hòa-anh và nước Nam - phan. Bồ-tri-Tri làm vua nước Chiêm - thành. Đất Quảng-nam thì chia làm 3 phủ và 9 huyện. Nhà vua sai lập các đồn-diên cho dân nghèo ở miền Bắc đến khai-khẩn và đặt hành - chính, mở-mang văn-hóa. Năm 1488, Thánh-Tôn sai tham-chính Quảng-nam là Phạm-bá-Tôn lập trường học nhận những thiếu-niên trên 15 tuổi cho làm sinh-đồ và dạy lễ-ngĩa.

Nước Chiêm-thành còn mấy miền Phan-rang và Qui - nhơn,

tồn-tại cho đến ngày Chúa Nguyễn thu phục hoàn - toàn vào thế - kỷ XVII. Nhưng sau ngày chinh-phạt của vua Lê-Thánh-Tôn nước Chiêm-thành đã bị coi như mất. Hiện nay chỉ còn vài ngôi tháp hoang-tàn nhìn ra biển tiếc thời dĩ-vãng oanh-liệt xưa kia.

II. — **Đánh Lão-quạ và Bồn-man (1479)**

Ở phía Tây trong miền núi Trường-sơn có xứ Bồn - man, năm 1445, đã xin sát-nhập vào Việt-nam làm châu Qui-hợp. Vua Thánh-Tôn vẫn để họ Chăm đời đời làm tướng-lãnh. Sau nhà vua đổi thành phủ Trấn-ninh gồm có 7 huyện, cho quan-lại Việt-nam vào cai - trị. Việc tổ-chức cai-trị đó làm họ Chăm bất-mãn. Năm 1449, Chăm-Cống đồng-minh với Lão-Quạ tức là Ai-Lao nổi lên chống Đại-việt. Mùa thu năm ấy, người Lão - quạ vượt qua biên - giới. Vua Thánh - Tôn truyền-lệnh đánh Lão-quạ trước, rồi dẹp Bồn-man sau. Quân Lê chia làm 5 đạo gồm 180.000 người đi năm ngả tiến từ Nghệ-an Thanh-hóa và Hưng-hóa đánh vào kinh-đô Lão-quạ. Sau một trận ác-chiến kinh-đô Lão-quạ thất-thủ. Thừa thắng, quân Đại-việt đuổi vua Lão-quạ đến biên-giới Diễn-diện.

Khi ấy Chăm-Cống đã đuổi các quan chức Việt - nam và chiếm lại đất cũ. Vua Lê-Thánh-Tôn thân-chính cầm quân đánh dẹp nhưng khi đến Phù-liệt thì được tin đại-quân thắng trận Lão-quạ, nhà vua trở lại, sai đại-tướng Lê-Niệm tiếp-tục đánh Bồn-man. Chăm - Cống bị thua và tử trận. Xứ Bồn-man lại quy-thuận. Vua Thánh-Tôn phong cho Chăm-Đồng làm Tuyên - ủy và lại cho quan chức Việt-nam vào cai-trị như cũ.

Những trận oanh-liệt đó làm cho đất nước Đại-việt rộng thêm về phương Nam và phương Tây. Uy-thế vua Lê-Thánh-Tôn lừng lẫy. Các nước lân-bang sang ngoại-giao, tiến cống.

CÂU HỎI

1. Lý-do tiến quân về miền Nam của Lê-Thánh-Tôn ? — 2. Cuộc nam tiến ấy đã giải-quyết được vấn-dề gì trong thực-tế ? — 3. Lý-do gì thúc đẩy họ Chăm nổi lên chống lại nhà Lê ?

BÀI CHIẾU ĐÁNH CHIÊM - THÀNH

Chiếu rằng :

« Đức Thái-Tổ Cao - Hoàng - đế triều ta, dẹp yên loạn - lạc gây dựng nước nhà, Đức Thái-Tông Văn-Hoàng-đế kinh trời, thương dân, noi chí thuật việc. Nước nhỏ mến đức, nước lớn sợ oai. Trong tu chính triều cương, ngoài dẹp yên man khấu. Kẻ áo cỏ trăm gai, nơi xứ lạ đều trào non vượt biều đề đến châu. Vạn dân ngưỡng đức, tám hướng quy hàng.

Chỉ có xứ Chiêm-Thành, lúc nhúc nòi Hời, thụt thụt hang thỏ. Ông tay áo nuôi rồi thành độc ; thỏ trong chuồng, nó lại quên ơn. Kẻ độc phu (1) buông thối lung lảng, hạg tiểu tri toan bề lẩn lút. Tiếng hoang dâm đồn giặc bốn phương, quên nỗi vùi thân không đất ; lòng độc ác cru mang một khối, lăm le học thói bắn trời (2). Tiên-Hoàng ta, giận kẻ hung tàn, lo bề trường cửu. Đau đớn nửa chừng dẫu biển, điệu bát âm (3) vắng vẻ trót ba thu. Mịt mù muôn dặm non sông, cuộc nhất thống chưa thành sau một trận. Lúc Nhân-miếu (4) ung dung nổi vị, thì Chiêm - Thành sinh tự thật nhiều. Thánh mấy từng cao, chồn Cò-lũy dám khoe rằng mạnh ! Nước bao nhiêu sức, kiến Trà - Bàn lưỡng ý là đông. Phát chứng khùng chẳng nghĩ trước sau, xưng vua bác mà cho vua ta là cháu. Buông thối ngạo, không phân phải trái, hiệu nước Phật mà đòi nước ta làm tôi. Tội ác không thể che, nói sằng dẫu xiết kể. Hợp những kẻ nó quen trộm cướp, dòm hành buông thối cầu dụ. Lén vào nước ta chẳng đề-phòng, hăm hờ kéo quân ô-hợp. Đánh cướp Hóa - châu, giết hại binh-thu. Gần hai tháng mịt mù khói lửa, họa tày trời ta mới giúp yên. Đã một phen tan tác gió mưa, mưu cướp đất nó càng thêm vung. Họa vong quốc không xa, ngán nỗi mắt mù chẳng thấy. Ngày diệt thân sắp đến, gớm cho mồm trém khéo khua. Thối nịnh quen cáo mị Yên-kinh, gièm pha kẻ buông lời kèn quyền. Mưu gian muốn lăm ăn Tượng - quận, hăm hại ta vào chốn trồng gai. Cầu đồng-trụ dựng ở Hoành-sơn, sui Hán-binh kéo sang Vân-Quảng. Mỏng mép kia cứ việc gièm pha êm

tai nọ nào ai ngăn cấm. Vu cho ta trọng nước mộ thêm mấy vạn binh để cướp đất đai triều Bắc. Giữa trời lại treo hai mặt nhật, tự xưng Hoàng-đế phương Nam. Vàng cồng phấm đã vu ta cướp, voi bạch hoa lại bảo ta giành. Coi dân ta nhẹ hơn cỏ rác, nở sinh lòng bò chết hại người. Cho nước ra dễ lấy như đánh cò, mong tìm cốt Bồng-Nga lúc nọ. Xem chừng lời sàm nịnh với nhà Minh, thực hại cho xã-tắc của nước Việt. Nó đã manh tâm như thế, chắc là gây chuyện đến đâu. Vua Minh-đế sinh lòng lo ngại, sắc thư ban hỏi luôn năm. Giặc Chiêm Thành cây thế hung hăng, xe úp muôn chồng dấu cũ. Tại hạ hiệu (5) tội biết là bao. Tim cắn hạn (6), đốt càng thêm nóng. Quạ đầu cành tự ý ngói cao, lại bạc đãi sứ thần thượng quốc. Éch đáy giếng có bao tri sáng dám khinh nhờn sắc mệnh cường bang. Tháng lụn ngày qua, thói bội ngược càng gây thêm chuyện. Trên sườn họa, sự bạo tàn lại bảo rằng hay. Nồi lợn cày là giống hời tanh, nở nào cướp nước giết vua, giòng Bô-đê không ai sống sót. Thờ ma but biết bao phí tổn, miễn được thêm oai lăm phúc, họa Trà-Toàn gây đến cõi xa. Cấm thịt làm khổn khổ cho sinh dân, cấm rượu lại thất lễ với thần thánh. Bận quần thoa hơi sức bao lăm, nơi dựng tháp, chốn xây đền, gác son phấn chen vai trường khổ dịch. Phường quan quả, tội tình chi bấy, kẻ đốt da, người sẻo mũi, lấy gông siềng ép mỡ lũ cùng dân. Dân Chiêm-Thành thì thuế nặng, hình nghiêm. Người Thi-Nại lại quan cao tước lớn. Bức hiếp dân ta làm tới mọi, dung trữ dân ta kẻ đào vong. Lưu dân gặm đất ngậm oan, quần-chúng kêu trời không thấu. Lòng gian muốn tuyệt tình giao hảo, chính-sánh quen làm việc hung tàn. Dùng kẻ tiểu nhân gây thù đại quốc. Trong thì đem thói khuy du, ngoài lại giả làm cống hiến. Những tướng chồn kêu (7) Đế-ly (8) riêng một trời chỉ hại miền Chiêm. Nào ngờ kiến tỵ Thần châu (9), giành tấc đất dòm sang nước Việt. Xếp can qua, ta chuộng nghệ-văn ; khi kéo lũ, sinh lòng khuấy rối. Trương cờ trống, ta dùng việc võ, hồ ngoát đuôi, cầu chút thương lây. Trong Trời Nam, nó cậy rằng xa, đầu gioi ngăn khó quất qua bụng ngựa. Ngoài đất Bắc, nó khinh là yếu, ngọn gió hiu không cất nổi lông hồng, làm tai hại cho lương dân, lòng hiếu loạn nó không kiêng nể, gây oán thù cho tông xã, tội tất tru ta phải nghiêm trừng. Kẻ hào-kiệt nghe mà tức giận, người trung-nghĩa thấy phải thương tâm. Xét lúc đầu mà nghiệm đến hồi sau,

tri nó nhỏ lại mưu đồ sự lớn. Điền binh sẵn có từ xưa, người tạo nghịch quốc chương nào lại xá. Hình phạt dễ mà răn chúng, kẻ bạo tàn di phục cũng không tha.

Trẫm nay, thể theo đạo Trời, kể chỉ Hoàng-Khảo tuốt gươm vàng thể nguyên non sông, thù cứu thể phen này quyết trả. Phất cờ đỏ, mở mang đất nước, kể vạn toàn liệu trước đã yên. Quân điều phạt móc mưa rưới đức, trước là cứu vớt muôn dân ; cuộc chinh tru sấm sét ra oai, sau nữa giúp yên một nước. Trừ vua dờ dề cứu dân lành, thánh triết cũng có khi dụng võ. Phúc người thiện mà họa kẻ ác. Trời đất kia vốn thực chí-công. Từ thượng-cổ những loài di-tích thường nhiều hại quốc trung, nên thánh nhân dụng thử cung tên, để thị oai thiên hạ. Cửu lè (10) loạn đức, Hoàng đế phải trị-bình. Tam Miêu (11) không châu, Đại vũ phải thệ chúng. Tuy việc dụng binh. Thánh nhân cho là sự bất đắc dĩ ; mà ý lập pháp, ngu phụ cũng phải biết cho rõ ràng. Mũ nhỏ che mặt nhật thắm chỉ người khác ngáy cạnh giường sao được ?

Vì thế nên chọn hăng hà phi tướng hợp vô số kiện nhi. Tì hồ muôn người, chiến thuyền nghìn dặm. Ba quân đã đành lòng dãi thí, hăm hở mài gươm rửa giáo, quân kinh nghệ (15 taon) mấy trượng xây cao. Trăm trận lo rán sức tranh tiên, lăm le đập lũy phá thành, công tre lùa quyết nghìn năm để dấu. Cờ xuất sư danh nghĩa rành rành, gươm thảo tội pháp hình khôn thứ. Trẫm chỉ huy quân - đội, tuyên-bố oai trời. Ngọn tinh kỳ mây cuốn gió bay, hăm trận đường xò củi mục. Lửa phủ viết sao ngời nhật rạng, phá thành như lột mo nang. Ta rõ được địch-tình như thấy tiếng sấm vang, tai nổ kịp che ; quân vào nơi hiểm địa mà yên, ngọn lửa bốc, lòng thì phải cháy. Chỉ thu công trong một buổi, mà rửa thẹn cho trăm vua. Đã vì dân trừ nạn cũ của sáu keo, không nuôi giặc để họa sau cho con cháu. Nên tránh điều Võ-đế cùng binh, và theo giấu Văn-vương mở đất.

Than ôi ! giặc dữ giết dê không máu, phải noi gương lục-nguyệt động quân Chu (14). Cối nam thấy lợn lăm bùn (15) chẳng đợi hạn thất tuần châu bộ Thuấn (16).

Bố cáo bốn phương, ngõ cùng nghe biết.

CHÚ-THÍCH

- (1) Độc phu : Vua Trụ.
- (2) Vua Trụ sai người treo bao đựng huyết rồi lấy súng bắn cho huyết rơi xuống bảo là bắn trời.
- (3) Bát-âm : Tích vua Nghiêu mất, thiên hạ không dùng âm - nhạc. Ý nói vua Lê-Thái-Tông bằng hà.
- (4) Vua Lê-Nhân-Tông.
- (5) Hạ-hiệu : Do câu *Hạ-hiệu diệt nhĩ* trong Kinh Dịch, nghĩa là mang gông hù tai. Ý nói tội ác của người Chăm to lắm.
- (6) Cấn hạn : Do câu *Cấn-hạn huân - tâm* trong Kinh Dịch. Nghĩa là chặn xương về lại thì nóng lòng. Ý nói dân Chăm muốn quật khởi nhưng bị dân Đại-việt chặn lại nên nóng lòng.
- (7) Trần-Thiết ngày xưa muốn khởi - nghĩa đánh nhà Tần sợ dân - chúng không phục, sai người giả làm chồn kêu rằng : « *Trần-Thiết đáng làm vua* ». Từ đó mới có người theo.
- (8) Đế lý : chỗ vua ở.
- (9) Trần-Châu : Kinh-đô nước Văn-Minh. Ở đây chỉ Đông-Kinh.
- (10) Cửu Lê : Tên nước đời xưa.
- (11) Tam-Miêu : Rợ Tam-miêu làm loạn, vua Thuấn sai ông Vũ đi đánh. Rợ Tam-miêu không phục. Ông Thuấn đem quân về tu văn đức. Bảy tuần sau rợ ấy đến hàng.
- (12) Kinh-nghê : Cá kinh, cá ghê. Ý nói thấy quân giặc chết đông.
- (13) Lấy chữ ở trong Kinh Dịch « *Khuê dương vô huyết* », nghĩa là « Giết dê không máu ». Ý nói : Việc giả dối không thực.
- (14) Theo tích Chu-Tuyên-Vương tháng 6 khởi binh đánh mọi Nghiêm-đoãn.
- (15) Lấy một câu trong Kinh Dịch có nghĩa là « thấy lợn lấm bùn thấy chửi một xe quỷ, dương cung muốn bắn rồi lại thôi, vì không phải giặc mà là bạn ». Ý nói : người Chiêm mới đầu là giặc nhưng sợ đầu hàng mà thành bạn.
- (18) Nhắc lại sự tích vua Thuấn sai ông Vũ đi đánh rợ Tam-miêu như đã chép ở trên (xem số 11).

Trích

Việt-Sử Khảo lược của Dương-Kỵ.

8 - XÃ-HỘI VÀ VĂN-HÓA ĐỜI LÊ-THÁNH-TÔN

DÀN BÀI

I.— Xã-hội :

- 1) Các tầng-lớp nhân-dân
- 2) Việc cứu-tế
- 3) Việc sửa đổi phong-tục

II.— Văn-hóa

- 1) Việc học-hành
- 2) Văn-nghe
- 3) Nghệ-thuật

I.— Xã-hội.

1.— Các tầng-lớp nhân-dân : Dưới triều Lê-Thánh-Tôn xã-hội có nhiều hạng người. Trên hết là các vương công gồm có những người giòng họ nhà vua hay có công với đất nước. Tuy nhiên họ cũng bị pháp-luật giàng buộc không được giữ binh-quyền. Thứ nhì là hàng quan liêu là những người văn hay, võ giỏi. Những người bình-dân có tài-năng đồ đạc có thể gia-nhập hàng quan liêu.

Nhưng trong xã-hội còn có hai hạng cùng đinh : hạng xướng ca và hạng nô-tỳ. Hạng xướng ca có quyền công-dân nhưng không lên được hàng quan-liêu vì con gái không được dự thi và con gái không được lấy hàng quan-liêu hay quý-tộc. Hạng cuối cùng của xã-hội là hạng nô-tỳ. Đó là những người trong gia-đình có trọng tội hay tù binh, hoặc phản-ngịch. Một số nô-tỳ phải giúp việc trong triều-đình, còn một số giúp việc các quan. Nô-tỳ chỉ được kết-hôn với nô-tỳ và phải có phép của chủ. Chủ-nhân có quyền b án hay cầm cố nô-tỳ. Nếu nô-tỳ ăn trộm hay đánh người chủ thì bị tử-hình. Trái lại kẻ giết nô-tỳ thì chỉ bị phạt 60 trượng.

2.— Cứu - tế : Những năm mất mùa vì hạn hán, lụt lội hoặc

sân keo nhà vua ra lệnh giảm thuế và phát chẩn cho dân đói. Nhà vua cho lập nhiều bệnh-viện gọi là nhà Tế-sinh để săn-sóc bệnh-nhận do triều-đình chịu tổn-phí và lập một ban cứu-cấp những người bị bệnh dịch. Địa-phương nào có bệnh dịch thì quan có thể lấy tiền ở kho mua thuốc để chữa.

3.— Sửa-đổi phong-tục : Vua Thánh-Tôn chú-ý đến vấn-đề thuần-phong mỹ-tục. Nhà vua cải-tổ lại cho đúng với tinh-thần Khổng-giáo. Cấm xây đền chùa mới vì sợ gây cho dân-chúng sự dị-doan mê-tín ; cấm những gia-đình có tang không được bày trò hát xướng ; ra lệnh rút ngắn thời gian ăn hỏi với ngày cưới trong hôn-lễ vì trước kia ăn hỏi rồi để đến ba bốn năm mới cho rước dâu về nhà chồng.

Chính vua Lê-Thánh-Tôn cũng ra 24 điều Huấn-dụ sức cho dân xã phải đem ra giảng đọc trong những buổi hội-hè đầu năm, ngày lễ Thần-hoàng và Nông-tang, cắt nghĩa những điều Huấn-dụ đó và nói thêm những thí - dụ khuyên-răn dân-chúng. Trong Huấn - dụ, Thánh-Tôn nhắc lại những bổn-phận và quyền-hạn của những người trong gia-đình và trong quốc-gia, gương mẫu của những người trên cho kẻ dưới soi. Nhà vua kết tội những cường - hào và vương - công dung-túng kẻ gian nịnh. Vua còn đề ý đến những phong-tục của dân-tộc miền núi. Bản Huấn-dụ này có ảnh-hưởng sâu - xa vào xã-hội Việt-nam thời bấy giờ.

II.— Văn-hóa

1.— Việc học-hành : Suốt triều đại vua Lê-Thánh-Tôn, nước Đại-việt được hòa-bình và thịnh-vượng. Nền văn - hóa phát-triển lưu tiếng muôn đời.

Vua Thánh-Tôn mở rộng nhà Thái-học, xây thêm nhiều lớp, thư-viện và ba dãy nhà cho Thái-học-sinh ở. Phía trước nhà Thái-học có Văn-miếu, ngày mồng một thầy trò ra lễ trước bàn-thờ Khổng-Tử.

Nhà vua sửa lại phép thi Hương và thi Hội. Ai đỗ kỳ thi Hương thì gọi là Hương-cống và Sinh-dồ. Kỳ thi Hội đầu tiên là năm 1445, đến năm 1463 thì cứ ba năm mở khoa thi một lần. Thường nhà

vua ra làm chủ các kỳ thi Đình. Năm 1462 đề khố-lệ việc học-tập, nhà vua đặt ra lệ xướng danh các Tiến-sĩ và cho các Tiến-sĩ về vinh-quy. Năm 1484 lại cho khắc tên các Tiến-sĩ vào bia đá dựng hai bên lối chính vào Văn-miếu, những bia đó như gương soi cho hậu thế.

2.— Văn-ngệ : Thánh-Tôn là một nhà văn-học lỗi-lạc thời bấy giờ.

Nhà vua rất thích ngâm vịnh, thường xướng-họa với các triều-thần, lập ra một hội văn-học gọi là « Hội Tao-dàn » gồm có 28 văn-nhân lỗi-lạc. Thánh-Tôn làm chủ, vua tự làm 9 bài ca gọi là « Quỳnh-nguyên cửu ca ». Các nhân-viên trong Tao-dàn người nào cũng phải họa vần làm thành một tập thơ dày. Hội Tao-dàn còn để lại ba áng thơ : « Minh-hương cầm-tú », « Xuân vãn thi tập » và « Văn-minh cổ xúy » còn ghi tất cả trong cuốn « Thiên-nam dư hạ tập ».

Sách Thiên-nam bắt đầu làm từ năm 1483 của một nhóm văn-nhân dưới quyền điều-khiển của Thân-nhân-Trung và Đỗ-Nhuận. Sách gồm 100 quyển chép công việc chính sự đời Hồng-đức, có thơ văn và bài hát, cả những truyện chiến-tranh đánh Chiêm-thành, nhưng trong 100 quyển hiện nay chỉ còn độ 10 quyển.

Ngoài ra Ngô-sĩ-Liên được lệnh soạn bộ « Đại-việt Sử-ký toàn thư » (1479) bỏ chính lịch-sử của Lê-văn-Hưu, Phan-phù-Tiên. Tác-phẩm gồm 2 phần : « ngoại ký » có 5 quyển kể lịch sử từ Hồng-Bà đến mười hai sứ-quân, « bản ký » có 10 quyển kể từ Đinh-bộ-Lĩnh đến Lê-Thái-Tổ (968-1428).

Còn hai tác-phẩm nữa tả lại tin-nguỡng và thói-tục của nước Đại-việt : Quyển « Lĩnh-nam trích quái » của tác-giả vô-danh thu thập những truyện cổ-tích, quyển « Truyền kỳ mạn lục » của Nguyễn-Dữ làm vào đầu thế-kỷ thứ 16.

Về văn-nôm có quyển « Hồng-đức quốc-âm thi-tập » của vua Lê-Thánh-Tôn chịu ảnh-hưởng Trung-hoa, nhà vua còn để lại cuốn « Thánh-Tôn thi-tập » cũng nổi danh lắm.

3.— Nghệ-thuật : Nghệ-thuật đời Lê có tính-cách đặc-biệt. Người ta còn thấy những bia đá nằm trong rừng Lam-son. Những

tấm bia đỏ phía trên uốn tròn đặt đứng trên mình con rùa lưng-trung sự trường-cửu. Đó là những lăng mộ của các vua Hậu-Lê, Bia nào cũng viền rồng xung quanh. Có bia khắc cảnh cây cong có lá chẳng chít hoặc có hoa sen, hoa cúc. Đề tài mới của nghệ-thuật hồi ấy là hình tròn ốc và ngọn lửa.

Xét các hình trạm ấy, người ta nhận thấy nghệ-thuật nhà Lê ưa chuộng những nét mềm - mại và quanh-co, trái lại sang thế-kỷ 16 và nhất là 17 nghệ-thuật bước sang đường thẳng có tính các hình học.

Âm-nhạc đời Hồng-Đức cũng thịnh lắm. Vua Thánh-Tôn sai Lương-thế-Vinh kê-cứu âm-nhạc Trung-hoa đặt ra hai bộ : bộ « Đồng-văn » chuyên việc lập ra nhạc phổ và bộ « Nhã-nhạc » chuyên dùng tiếng người để ca hát, có quan Thái-thường quản-đốc cả hai bộ. Trong dân-gian thì có bộ « Giáo-phường » quản-giám. Nhưng tới đời Quang-hưng (1578) âm-nhạc bắt đầu suy, nhà nước không chăm nom đến nữa.

Văn-hóa đời Hồng-đức đã đến cao-độ, gây ảnh-hưởng sâu-xa trong dân-chúng. Sự huy-hoàng của nền văn-hóa đó còn được truyền-tụng mãi đến những thế-hệ sau này.



CÂU HỎI

1. Nói về quan-niệm xướng-ca vô-loại xưa kia ? — 2. Số phận những nô-tỳ so với số - phận những nô-lệ da đen ở Mỹ - châu giống nhau khác nhau thế nào ? — 3. Nền văn-hóa Việt-nam đời nhà Hậu Lê chịu ảnh-hưởng triết-học gì ?

BÀI ĐỌC

HAI MƯƠI BỐN ĐIỀU HUẤN-DỤ CỦA VUA LÊ-THÁNH-TÔN

1.— Cha mẹ dạy con phải có phép tắc ; trai gái đều có nghề-nghiệp, không được rượu chè, cờ bạc, tập nghề hát xướng để hại phong-tục.

2.— Người gia trưởng tự mình phải giữ lễ-phép để cho cả nhà bắt-chước ; nếu con em làm càn thì bắt tội người gia trưởng,

3.— Vợ chồng cần-kiệm làm ăn, ăn-nghĩa trọn-ven, duy chỉ có khi nào người vợ phạm tội Thất-Xuất thì mới được bỏ, chứ không được khiên-ái, cầu-dung làm hại đến phong-hóa.

4.— Làm kẻ tử đệ nên yêu mến anh em, hòa-thuận với hương đảng, phải lấy lễ-nghĩa mà cư-xử ; nếu trái phép thì người tôn-trưởng đánh đập dạy bảo, có tội to thì phải đem nộp quan để trừng-trị.

5.— Ở chốn hương đảng tổng-lộc, có việc hoạn-nạn thì phải giúp-đỡ lẫn nhau. Nếu ai có tiếng là người hạnh nghĩa tốt, thì các quan phủ, huyện sở tại phải bằm lên tòa Thừa, tòa Hiến, để tâu vua mà tình biều cho.

6.— Đàn-bà có lỗi mà cha mẹ và chồng đã trừng-trị thì nên phải sửa mình đổi lỗi, không được tư-tiên trốn đi, làm hư mất nết đàn-bà.

7.— Người đàn-bà góa không được chứa những đứa trai-trẻ ở trong nhà, nói dối là con nuôi để âm-hành những việc gian-dâm.

8.— Người đàn-bà góa chồng, đối với các con vợ cả, hoặc vợ lẽ, nàng hầu, nên có lòng thương-xót, không được mưu để chiếm-đoạt gia-tài làm của riêng mình.

9.— Đàn-bà góa chồng chưa có con cái, phải ở nhà chồng để giữ đủ tang-lễ, không được chuyển-vận của-cải mang về nhà mình.

10.— Làm đàn-bà thì phải theo chồng, không được cạy cha mẹ mình phủ-quý mà khinh nhà chồng. Nếu không như-thế thì bắt tội đến cha mẹ.

11.— Kẻ sĩ-phu nên quý phẩm-hạnh và giữ phép quan ; nếu cứ xu-nịnh những kẻ quyền quý để cạy thế làm càn thì phải cách bỏ đi không kể đến nữa.

12.— Kẻ diên lại giữ sổ-sách giấy-má để làm việc quan ; nếu làm những sự diên-đảo án tù thì quan trên sẽ xét ra mà trừng-trị.

13.— Quan dân đều phải hiểu lễ, và chăm-chỉ làm ruộng cùng giúp-đỡ lẫn nhau ; khi đi làm việc quan, không được trễ biếng, trốn tránh. Nếu ai có tiếng là người lương-thiện thì các quan phủ, huyện phải trình tòa Thừa, tòa Hiến đề tâu mà lĩnh biểu cho.

14.— Kẻ thương-mại phải tùy thời giá mà buôn-bán với nhau không được thay đổi thương đấu và tự-lập đồ đảng để đi trộm cướp ; nếu phạm điều ấy thì tội rất nặng.

15.— Việc hôn-gia tế-tự phải giữ lễ-phép, không được làm càn.

16.— Chỗ dân-gian có mở trường du-hi hoặc cúng-tế, thì con trai con gái đến xem, không được đứng lẫn-lộn, để khỏi thói dâm.

17.— Các hàng quán bên đường, có phụ-nữ đi xa đến trọ thì phải phòng giữ. Nếu đã hà-hiếp ó-nhục người ta, việc phát-giác ra thì người phạm cùng với chủ nhà đều phải trị tội cả.

18.— *Phủ huyện phải lập bia ở các sở tại để cấm con trai con gái không được cùng tắm một bến, để cho có phân-biệt.*

19.— *Các xã-thôn phải chọn một vài người già cả đạo-dức làm trưởng, những ngày thông-thả, đem dân ra đình tuyên-giảng những lời cáo dụ, để khiến dân bắt-chước làm điều thiện, thành ra mỹ-tục.*

20.— *Trong hạt phủ, huyện, có kẻ cường-hào xâm-chiếm điền-thổ, ức-hiếp, cô-độc và xui-dục người ta kiện tụng, thì cho xã-thôn cáo giác lên để quan xử trị ; nếu mà tuân ần thì phải biếm-bá.*

21.— *Các nhà Vương-Công đại-thần dùng lòng những đấng liêu-nhân, đưa người khấn lễ, và để cho người nhà đi ức-hiếp dân-gian mà mua rẻ các đồ vật, thì cho dân được đầu cáo để trọng trị.*

22.— *Những người làm quan phủ - huyện mà biết khuyến - bảo dân - gian làm điều lễ - nghĩa khiêm - nhượng, có quan Thừa - chnh, Hiến-sát xét thực thì được cho vào hạng tốt ; nếu ai không chăm dạy bảo dân, thì cho là người không xứng chức.*

23.— *Các người huynh - trưởng ở chốn xã-thôn và phường biết dạy bảo con em trong làng cho nên được phong-tục tốt thì quan phủ huyện phải bầm tào Thừa, tào Hiến để tâu vua ban khen cho.*

24.— *Các dân Mường-Mán ở ngoài bờ-cõi, nếu giữ lời di-huấn, không được trái đạo luân - thường ; như cha anh chú bác đã chết thì con em không được chiếm lấy những thê - thiếp. Nếu mà trái phép thì sẽ trị tội rất nặng.*

Trích Việt-Nam Sử-lược
của Trần-trọng-Kim

PHẦN THỨ BA



Thời quân-chủ suy-vong



Vua Lê-Thánh-Tôn mất để lại một sự-nghiệp vẻ-vang. Nhưng cái tinh-thần Khổng - giáo mà nhà vua muốn thấm - nhuần dân gian, còn lơ-i-hợt, chưa ăn sâu vào đầu óc của những người cầm quyền. 24 điều Huấn-dụ chỉ được người ta áp-dụng khi vua Lê-Thánh-Tôn còn uy-thể. Vua mất, quyền-hành rơi vào tay các người kế-vị trẻ tuổi, bất tài và chơi bời. Từ khắc cái « thiên-mệnh » của nhà vua không còn nữa. Các vương-công sinh ra lộng-quyền hà-hiếp nhân-dân, bóc lột đất-dai, tuyển-mộ binh-sĩ lập thành quân - đội riêng. Xã - hội khủng-hoảng, dân-chúng từ xưa vẫn bị khổ-sở nay lại cùng-cực hơn. Họ chỉ đợi dịp có ai khởi - xướng là ùa theo, mong mỗi có một sự thay đổi. Nước Đại-Việt sau 70 năm hòa-bình lại bắt đầu sang thời kỳ chia rẽ loạn-lạc.

9 - NHÀ LÊ SUY - TÀN

DÀN BÀI

I.— Thời hòa-bình :

- 1) Lê-Hiến-Tôn (1497-1504,
- 2) Lê-Túc-Tôn (1504)

II.— Thời suy-vong :

- 1) Lê-Uy-Mục (1505-1509)
- 2) Lê-Tương-Dực (1510-1517)

III.— Mạt điệp nhà Hậu Lê :

- 1) Lê-Chiêu-Tôn (1517-1524)
- 2) Lê-Cung-Hoàng (1522-1527)

I.— Thời hòa-bình

Vua Lê-Thánh-Tôn đã tổ-chức cai-trị vững vàng, các vua kế-vị chỉ việc tiếp-tục sự-nghiệp đó và gìn-giữ cho chắc-chắn hơn.

1.— Lê-Hiến-Tôn (1497-1504). Thánh-Tôn mất năm 1497 làm vua được 38 năm, thọ 56 tuổi. Thái-tử Tăng lên nối ngôi tức Lê-Hiến-Tôn. Hiến-Tôn là vua thông-minh, hòa-hậu, đối với triều-thần rất thân-mật. Vua có chủ-trương rõ ràng : « *Đức Thái-Tổ đã gây-dựng cơ-đồ, vua Thánh-Tôn đã sửa-sang mọi việc, ta nay chỉ nên lo gìn-giữ nếp cũ, mở mang sự nhân-chính cho sáng rõ cái công-đức của ông cha trước* ».

Lê-Hiến-Tôn noi gương vua cha chăm lo vấn-đề canh-nông. Vua khuyến-khích giồng dâu nuôi tằm, đào lạch, làm đường và ra lệnh phát không đất hoang cho những người đến xin dất cấy cấy. Việc hành-chính được chu-đáo vì luật rất nghiêm, phạt nặng những quan án làm việc chậm chạp. Khi nào có án xử không minh thì bị cáo có thể kêu thẳng đến vua. Về việc học-hành thi cử, ai gian lận trong

trường thi phải phạt vĩnh-viễn không được thi và phải làm nô. Những người đỗ tiến-sĩ được kèn trống rước đưa đến tận cổng Thái-học.

Suốt triều-đại ấy trong nước được yên trị. Tiếc rằng bệnh hoạn đã kết thúc cuộc đời vị vua hoạt-động nhân-từ đó.

2.— Lê - Túc - Tôn (1504). Con thứ ba vua Hiến-Tôn tên là Thuần lên ngôi tức Lê-Túc-Tôn, chỉ làm vua được 6 tháng thì mất. Trong đời vua có giặc ở Cao-bằng nhưng dẹp được ngay.

II.— Thời suy-vong

3.— Lê-Uỷ-Mục (1505-1509). Từ đời vua này, lịch-sử nhà Lê bước hẳn vào giai-đoạn suy-vong với những vua bất tài, đắm mình trong tử-sắc và tàn-ác. Trong lúc ở triều-đình các quan chia rẽ nhau thì ở các địa-phương loạn nổi lên mạnh mẽ.

Vừa lên ngôi, Uy-Mục đã có những hành-vi bạo - ngược : sai giết bà Thái-hoàng Thái-hậu và hai quan đại-thần là Lê-bộ Thượng-thư Đàm-văn-Lễ và Đô-ngự-sử Nguyễn-quang-Bật vì họ đã phản-đối việc Uy-Mục lên ngôi. Rồi đắm mình vào những cuộc chơi bời, nhà vua nghi-ngờ những hoàng - lữ, công - thần, tin dùng những người ngoại - thích và tìm những người có sức mạnh làm vây cánh cho mình. Vì thế Mạc-dăng-Dung được nhảy vào triều-chính giữ-chức Đô-chỉ-huy-sứ, Tôn-thất và Công-thần bị đánh đuổi, dân gian bị hà-hiếp, tất cả đoàn-kết lại nổi lên. Tháng chạp năm 1509 Giản - tu-công cháu vua Thánh-Tôn bị bắt, nhờ người canh ngục giúp, trốn về Tây-đô rồi hội các cựu-thần đem binh về Đông-kinh bắt Uy-Mục, buộc xác vào miệng súng mà bắn tan.

2.— Lê-Tương-Dực (1510-1517). Giản-tu-công lên làm vua lấy hiệu là Tương-Dực. Vị này cố gắng làm một vài việc cải-cách hành-chính nhưng rồi lại sa vào cuộc chơi bời xa-xỉ không kém Uy-Mục. Nhà vua sai ông Vũ-như-Tô cất điện 100 nóc, dựng « *Cửu trùng đài* ». Trong mấy năm ròng, dân-chúng phải vất vả xây cất, tổn

công tổn của mà việc không xong. Công-quỹ hao - hụt, nhiều người chết vì khó nhọc. Trong lúc đó nhà vua chỉ nghĩ đến lễ-chức những cuộc vui chơi.

Đời vua Trương - Dực loạn nổi lên khắp nơi. Ở Kinh-bắc có Thân-duy-Nhạc, Ngô-văn-Tông ; ở Sơn-tây có Trần-Tuân, ở Tam-dảo có Phùng-Chương, ở An-lãng có Trần-công-Ninh, còn ở Nghệ-an có Lê-Hi, Trịnh - Hưng và Lê-văn-Triệt. Nhưng có giặc Trần-Cao đẩy binh năm 1516 là mạnh hơn cả. Trần-Cao người huyện Thủy-dương (Hải-dương) thấy sấm nói rằng : ở phương đông có « *thiên-tử-khi* » bên cùng với dư đảng đánh lấy Hải-dương. Ông tự xưng là vua Dực-Thích giáng-sinh, vì thế có hàng vạn người theo. Quân-đội của ông tiến đóng ở Bồ-đề, bên kia sông Nhị. Quan quân sang đánh, Trần-Cao phải lui về phủ Từ-sơn. Giặc nổi lên cũng không làm vua giáng sự quá độ, trái lại nhà vua rất chuyên-chế. Tướng Trịnh-duy-Sân vào can ngăn, bị nhà vua phạt đánh roi. Uất-ức, Duy-Sân hợp binh sĩ lấy cớ đi đánh giặc, ập vào cung điện bắt Trương-Dực dốt xác.

Trương-Dực tuy chơi bời quá độ nhưng cũng là ông vua có văn-học. Năm 1511 có Vũ-Quỳnh làm xong bộ « *Đại-việt thông khảo* » gồm 26 quyển chia làm ngoại kỷ từ Hồng-Bàng đến Thập - nhị - sứ quân và bản kỷ từ Đinh - Tiên - Hoàng đến Lê - Thái - Tổ. Năm 1514 Trương-Dực truyền cho ông Lê-Tụng viết bài « *Đại-việt Thông giám Tông luận* » in đầu sách Toàn-thư.

III. — Mạt-diệp nhà Hậu Lê

2. — Lê-Chiều-Tôn (1517-1524). Đây là thời kỳ tối-tăm, đẫm máu nhất của lịch-sử Việt-nam. Duy-Sân tôn Quang-Trị lên làm vua mới có 8 tuổi. Võ-tá-hầu Phùng-Mại phản đối, đề-nghị lập cháu ba đời vua Thánh-Tôn là con Cầm-giang-vương tên là Ý, 14 tuổi, lên ngôi nhưng Trịnh-duy-Sân bắt Phùng-Mại chém ngay ở chỗ nghị sự. Quang-Trị lên làm vua nhưng sau ba ngày Quang-Trị bị Trịnh-duy-Đại, anh Duy-Sân bắt cóc giết ở Tây-kinh (Lam-sơn). Tướng Nguyễn-hoàng-Dụ muốn trả thù Trương-Dực đem quân về đốt phá kinh-thành và bắt Vũ-như-Tô là người đã xây cung-diện cho Trương-

Được giết đi. Duy-Sản lại lập con Cầm-giang-vương là Ý lên ngôi tức Lê-Chiêu-Tôn đưa về Tây-kinh vì Đông-kinh đã bị tàn phá rồi.

Thấy triều-dinh lộn xộn, vua chạy vào Tây-kinh. Trần-Cao đem quân chiếm Đông-kinh xưng làm vua. Lúc này Duy-Sản và Hoàng-Dụ hội nhau đem quân ra lấy kinh - đô. Trần-Cao phải bỏ thành chạy lên Lạng-nguyên. Trịnh-duy-Sản đem quân đuổi theo nhưng vì khinh địch nên bị giết. Trần-Cao lại trở về Bồ-đề bị Trần-Chân phá vỡ. Về Lạng-nguyên Trần-Cao chán-nản, nhường quyền cho con rồi đi tu.

Giặc Trần-Cao bị phá rồi. Vua Chiêu-Tôn trở về Đông-kinh xá tội cho nhiều người, nhưng cuộc tranh giành giữa triều-thần nổi lên mạnh hơn. Lợi-dụng vua còn nhỏ tuổi Trịnh-duy-Đại mưu phản ; việc bại lộ, đảng Duy-Đại bị giết. Còn Nguyễn-hoàng-Dụ và Trịnh-Tuy đem binh chống nhau ngay ở cửa thành, vua can ngăn không nổi.

Tướng Trần-Chân theo Trịnh-Tuy đánh Hoàng-Dụ, Hoàng-Dụ bỏ chạy về giữ Thanh-hóa. Quyền bính bấy giờ về cả tay Trần-Chân. Vua ngại Trần - Chân làm phản mời vào thành rồi sai người hạ-sát. Sợ các bộ-tướng của Trần-Chân báo-thù, ban đêm vua phải chạy sang lánh mình ở Gia - Lân rồi cho người vào Thanh - hóa vời Nguyễn-hoàng-Dụ ra đánh giặc.

Hoàng-Dụ không ra. Chiêu-Tôn đành phải gọi Mạc-dăng-Dung ở Hải-dương về giúp. Vừa dùng binh-lực vừa dùng mưu, Mạc-dăng-Dung đã thu-phục được các loạn tướng và đưa vua về Đông-kinh. Bộ-tướng của Trần-Chân hợp với Trịnh-Tuy lập Lê-Do lên làm vua. Vua lại phải cho người vào gọi Nguyễn-hoàng-Dụ lần nữa để cùng với Mạc-dăng-Dung đánh giặc. Hoàng-Dụ bị thua rút quân về. Mạc-dăng-Dung ít lâu sau trừ được Lê-Do dụ các tùy-tướng về với mình làm vây cánh. Từ đó quyền hành của Mạc-dăng-Dung to lắm. Họ Mạc ra vào cung cấm dùng nghi-vệ thiên-tử. Các quan ai có vì nhà vua can ngăn thì Đặng-Dung giết đi. Địch thủ dần dần bị tiêu trừ, Mạc-dăng-Dung cho họ hàng và bộ-tướng vào thay thế.

Vua Chiêu-Tôn thấy vậy, mưu ngầm với nội-thần cho người vào Tây-kinh vời bọn Trịnh-Tuy đem binh ra đánh Mạc-dăng-Dung.

Nửa đêm vua chạy lên Sơn-tây định hợp với quân Trịnh-Tuy đánh họ Mạc. Được tin ấy Đãng-Dung cùng các quan lập em vua Chiêu-Tôn là Lê-Cung-Hoàng lên ngôi. Lại sai Hoàng-duy-Nhạc, bộ-tướng cũ của Trần-Chân đã bị thu-phục, đem quân đuổi theo vua Lê. Nhưng đến Thạch-thất (Sơn-tây) thì Duy-Nhạc bị quân sở-tại bắt được giết đi.

3.— Lê-Cung-Hoàng (1522-1527). Đờ Lê-Cung-Hoàng ở kinh-thành thì sợ vua Chiêu-Tôn viện quân ra đánh, Đãng-Dung rước Cung-Hoàng về ở Gia-phúc (Huyện Gia-lộc, Hải-dương).

Còn Trịnh-Tuy được Chiêu-Tôn vời ra, do dự mãi, sau mang một vạn quân đánh giúp. Nhưng Chiêu-Tôn nghe lời dèm-phu của nịnh-thần giết tùy-tướng của Trịnh-Tuy. Trịnh-Tuy tức giận phá trại bắt vua mang về Thanh-hóa.

Năm 1524, Mạc-đãng-Dung đã bình-dịnh được miền trung-châu rồi, đem quân vào đánh Thanh-hóa. Trịnh-Tuy thua trận chết. Chiêu-Tôn bị bắt về Đông-kinh giam ở Đông-hà (huyện Thọ-xương) rồi bị Đãng-Dung sai người ám-sát. Vua Chiêu-Tôn mất mới 26 tuổi, làm vua được 11 năm.

Năm 1527, Đãng-Dung đã mạnh thế lắm, bắt triều-thần thảo chiếu ép Lê-Cung-Hoàng thoái-vị rồi tự xưng làm vua.

Cung-Hoàng và bà Thái-hậu đều bị giết cả. Bấy giờ triều-thần có người vì nhà Lê tuần-tiết, người thì bị giết, người thì nhảy xuống sông quay đầu về Lam-sơn tự-tử.

Nhà Lê kể từ vua Thái-Tổ cho đến vua Cung-Hoàng vừa một trăm năm (1428-1527) cả thấy có mười ông vua. Trong các vua chỉ có Lê-Thái-Tổ, Lê-Thánh-Tôn và Lê-Hiến-Tôn là đã lớn tuổi mới lên làm vua, còn ông nào cũng trẻ tuổi cả. Vì thế mà sự-nghiệp nhà Hậu Lê không được tiếp-tục gìn-giữ, bị suy tàn dần vì loạn-lạc vì tranh quyền cướp vị.

CÂU HỎI

1. Nguyên-nhân sự suy-vong của nhà Lê ? — **2.** Tại sao Nguyễn - hoàng - Dụ ở Thanh - hóa không ra giúp vua Chiêu-Tôn ? — **3.** Mạc-đãng-Dung đã làm gì để gây uy-thế ? — **4.** Óc dị-doan mê-tín có ảnh-hưởng đến chính-trị thế nào ?

ĐỒNG - HỌ NHÀ LÊ

(1428 — 1527)

1. Thái-Tổ Lê-Lợi

(1428 — 1433)

2. Thái-Tôn Nguyễn-Long

(1434 — 1443)

Lạng - Vương Nghi - Dân — 3. Nhân - Tôn Bang - Cơ — 4. Thánh - Tôn Tư - Thành

(1444 — 1459) (1460 — 1497)

5. Hiến-Tôn Tảng

(1497 — 1504)

Kiến-vương-Tôn

7. Uy-Mục-đế Tuấn — 6. Túc-Tôn Thuần — 8. Tương-Dực-đế Oanh — Mục-Ỡ-vương Vĩnh
(1505 — 1509) (1504) (1510 — 1517)

9. Chiêu-Tôn Ý

(1517 — 1524)

10. Cung-Hoàng Xuân

(1522 — 1527)

Quang-Trị

10 - NAM BẮC TRIỀU

DÀN BÀI

I.— Bắc triều : nhà Mạc.

- 1) Triều-đại nhà Mạc.
- 2) Chính-trị : Ngoại-giao và Nội-trị.

II.— Nam triều : Nhà Lê.

- 1) Nhà Lê dưới thời Nguyễn-Kim.
- 2) Nhà Lê dưới thời Trịnh-Kiểm.

III.— Văn-hóa và xã-hội Việt-nam thế-kỷ 16.

- 1) Nghệ-thuật : đồ gốm Bát-tràng.
- 2) Văn-chương : Nguyễn-bỉnh-Khiêm.
- 3) Xã-hội : loạn-lạc.

Nhà Mạc cướp ngôi, các trung-thần nhà Lê bỏ kinh-thành lần trốn rồi chiêu-mộ quân khởi-nghĩa.

Từ đây nhà Lê lo đánh nhà Mạc có ý chiếm lại Đông-dô, nhà Mạc muốn trừ họ Lê. Giang-sơn chia thành hai : từ Thanh-hóa trở vào thuộc nhà Lê gọi là Nam-triều ; từ Sơn-nam trở ra thuộc họ Mạc gọi là Bắc-triều.

I.— Bắc-triều : nhà Mạc

Nhà Mạc nắm quyền được yên trị trong 13 năm. Đến đời Mạc-phúc-Hải thì nhà Mạc bị dồn về Bắc (Bắc-triều), vì Nguyễn-Kim đã giúp nhà Lê đánh Nghệ-an (1540).

1.— Triều - đại nhà Mạc : Mạc-dăng-Dung là cháu bảy đời Mạc-đĩnh-Chi, trước ở làng Đông-cao, huyện Bình-hà (Hải - dương) sau dời sang ở làng Cổ-traí (huyện Nghi-dương, tỉnh Kiến-an). Mạc-dăng - Dung nhà nghèo làm nghề đánh cá. Nhờ có sức mạnh Dăng-

Dung thi đỗ Đô-lực-sĩ. Về đời vua Uy-Mục được phong chức Đô-chỉ-huy sứ và lên chức Vũ-xuyên-bá đời vua Tương-Dực. Vua Chiêu-Tôn lại cho lên chức Vũ-xuyên-hầu.

Đặng-Dung khoẻ mạnh, nhiều thủ-đoạn nên đã lợi - dụng lúc các triều-thần làm loạn tranh dành ảnh-hưởng, để thu-phục các loạn tướng gây uy-thế áp-bức vua Lê. Năm 1527 Đặng-Dung bắt các quan nhà Lê làm chiếu truyền ngôi cho mình.

Mạc - đặng - Dung lên ngôi đặt niên-hiệu là Minh - Đức sai sứ mang nhiều châu báu sang Bắc - kinh xin nhà Minh phong vương. Làm vua được hai năm thì bắt chước cách cai - trị của nhà Trần, nhường ngôi cho con để ngay lúc sinh - thời nhà vua kiểm - soát được công việc của người kế-vị và đề-phòng loạn-lạc thường xảy ra mỗi khi đổi ngôi. Năm 1529, Đặng-Dung lên làm Thái-thượng-hoàng, trao quyền cho con là Mạc-đặng-Doanh rồi về ở Cổ-trại và vẫn theo dõi công việc ở Triều-đình.

Mạc - đặng - Doanh làm vua, nhưng mọi việc do Đặng-Dung quyết đoán cả, Đặng-Doanh trị vì được 10 năm (1530-1540) lại truyền ngôi cho con là Mạc-phúc-Hải.

Đến đời Mạc - phúc - Hải, họ Mạc phải đối phó vất-vả với nhà Lê đã khôi-phục ở Thanh-hóa và phía bắc phải ngoại-giao với quân Minh uy-hiếp ở biên-giới. Nước Đại-việt chia làm hai : Nam-triều của họ Lê, Bắc-triều của họ Mạc. Phúc - Hải mất (1546) truyền ngôi cho con là Mạc-phúc-Nguyên.

Từ đời Mạc - phúc - Nguyên, nhà Mạc bắt đầu sang thời - kỳ suy-tàn.

2.— Chính-trị :

a) *Ngoại-giao* : Lúc ấy con cháu nhà Lê lưu-vong, cho người mang cầu-cứu Trung-quốc. Năm 1537 vua Minh lấy cớ khôi-phục nhà Lê, sai Cừu-Loan làm Đô-đốc và Mao-bá-Ôn làm Tán-ly quân-vụ đem quân đến ải Nam-quan Lạng-sơn, rồi truyền hịch đi mọi nơi : hễ ai bắt được cha con Mạc-đặng-Dung thì thưởng cho quan-tước và hai vạn lạng, lại sai người đưa thư cho Mạc-đặng-Dung dụ hàng thì sẽ tha khỏi chết. Đặng-Dung thấy vậy sai Nguyễn-văn-Thái đi sứ xin hàng.

Năm 1540, thấy quân nhà Minh sửa-soạn đánh, Mạc-dăng-Dung sợ hãi, để Mạc-phúc-Hải ở lại giữ nước rồi cùng với Vũ-như-Quốc và hơn 40 tùy - tướng tự trốn mình sang chịu tội ở cửa Nam quan, nộp cho quan Trung-hoa sổ dân đinh và sổ điền-thổ, dâng năm động (Tê-phù, Kim-lạc, Cồ-sung, La-phù, Liêu-cát) sát nhập vào đất Khâm-châu, và rất nhiều vàng bạc, xin nhà Minh cai - trị Đại-việt như một thuộc-quốc. Tướng nhà Minh được đút lót vàng bạc tâu với nhà Minh phong cho Mạc-dăng-Dung chức Đô-thống-sứ rồi lui quân về.

b) *Nội-trị* : Nhà Mạc lên ngôi muốn cho dân - chúng quên sự thoán-đoạt của mình nên việc cai-trị vẫn tiếp-tục theo chính-sách của nhà Lê. Mạc-dăng-Dung còn tặng phong cho những người vì nhà Lê mà tuấn-tiết, tìm con cháu các cựu-thần phong cho quan-tước đồ dọ về với mình. Nhưng không mấy người chịu ra. Có người trốn lên núi, có người đi ngoại-quốc, hay đổi họ tên mộ quân chống lại.

II. — Nam-triều : Nhà Lê khôi-phục

1. — **Nhà Lê dưới thời Nguyễn-Kim** : Trong những người mộ quân giúp nhà Lê khôi-phục lại ngôi cũ có con ông Nguyễn - hoàng-Dụ là Nguyễn-Kim (Nguyễn-hoàng-Kim) trốn sang Ai-lao. Vua Ai-lao là Xạ-Đầu, cũng muốn nước Đại-việt suy-yếu đi bằng cách chia rẽ nội-bộ, đồng-ý cho Nguyễn - Kim đến ở xứ Sầm-châu thuộc Trấn - man phủ gần biên - giới Thanh - hóa. Ở đó Nguyễn - Kim cho người đi tìm con út của vua Lê-Chiêu-Tôn là Duy-Ninh tôn lên làm vua tức Lê-Trang-Tôn (1532). Nhiều người ra giúp trong đó có một tướng giỏi là Trịnh-Kiểm người làng Sóc-sơn, huyện Vĩnh-lộc phủ Quảng-hoá. Nguyễn - Kim gả con gái Ngọc - Bảo cho Trịnh-Kiểm để cùng chung giúp sức nhà Lê.

Năm 1535, Lê-Trang-Tôn sai sứ đi đường thủy sang Trung-hoa tố-cáo việc thoán-nghịch của nhà Mạc và xin phong vương. Nhưng vua nhà Minh được Mạc-dăng-Dung đút lót không tiến quân. Mạc dần ngoại-giao thất-bại quân nhà Lê do Nguyễn - Kim cầm đầu cũng vào đánh Thanh-hóa và Nghệ-an (1540). Sau 3 năm thì hoàn-toàn chiếm được hai miền ấy, thu được Tây-dò, Dương-chấp-Nhất Tổng - trấn nhà Mạc ra hàng, rồi Nguyễn-Kim đem quân đánh Sơn-nam nhưng

đến huyện Yên-mô, Ninh-bình thì bị hàng tướng Dương-chấp-Nhất đánh thuốc độc chết. Bình-quyền giao lại cho con rể là Trịnh - kiễm (1545).

2.— Nhà Lê dưới thời Trịnh-Kiểm : Trịnh-Kiểm rút quân về Thanh - hóa để cho vua đóng dò ở đồn Vạn - lại (huyện Thụy-nguyên, Thanh-hóa) rồi chiêu-mộ hào-kiệt, luyện-tập sĩ-tốt, tích-trữ lương-thảo. Nhiều danh-sĩ ra giúp như Phùng-khắc-Khoan (tức Trang-Bùng), Lương-hữu-Khánh đều là học-trò của Nguyễn - bình - Khiêm. Năm 1548 vua Trang-Tôn mất, Trịnh-Kiểm lập Thái-lử Duy-Huyền lên làm vua tức Lê-Trung-Tôn. Trung-Tôn làm vua được 8 năm thì mất, không có con, dòng dõi họ Lê không còn ai, bình-quyền ở cả trong tay Trịnh-Kiểm. Trịnh - Kiễm muốn lên ngôi nhưng còn do dự. Sau

Trịnh-Kiểm cho người ra Hải-dương hỏi ý - kiến Nguyễn-bình-Khiêm. Nguyễn-bình-Khiêm không nói gì cả, chỉ ngảnh lại bảo đầy tớ : « Năm nay mất mùa thóc giống không tốt, chúng mày nên tìm giống cũ mà gieo mạ ». Nói rồi lại sai đầy tớ ra bảo tiểu quét dọn chùa và đốt hương để ông ra chơi chùa rồi bảo tiểu : « Giữ chùa thờ phật thì ăn oản ». Sứ-giả kể lại chuyện cho Trịnh - Kiễm. Hiểu ý ấy, Trịnh - Kiễm tìm được cháu huyền-tôn ông Lê - Trừ, anh vua Thái - Tôn tên là Duy - Bang ở làng Bỗ-vệ huyện Đông-sơn tôn lên ngôi tức Lê-Anh-Tôn (1557-1573). Trong khi đó cuộc tranh-thủ giữa nhà Lê và nhà Mạc chuyển sang giai - đoạn gay-go.



Đồ gốm Bát-tràng

III.— Văn-hóa và xã-hội

1.— Nghệ-thuật : Về nghệ-thuật, ở đầu thế kỷ 16, đáng ghi nhất là việc mở mang đồ gốm ở Bát-tràng (gần Hà-nội). Lò gốm thường thường sản-xuất những lư-hương, chân đèn, chân nến bằng sứ trắng men. Trên đồ - vật thường có khắc tên nghệ-sĩ và ghi niên-hiệu, vật cổ nhất có ghi năm 1578. Đồ gốm Đại-việt rất nổi danh. Từ thế-kỷ 17

đến đầu thế-kỷ 19, những xưởng kỹ-nghệ Nhật - bản cũng sản-xuất theo những kiểu của Đại-việt.

2.— Văn - chương : Nhà văn nổi tiếng nhất đời Mạc là Nguyễn-bình-Khiêm đỗ Trạng-nguyên từ năm 1535, ông người làng Trung-am, huyện Vĩnh-lại (Vĩnh-bảo, Hải-dương). Nguyễn - bình-Khiêm giữ chức cao trong triều nhà Mạc tám năm trường. Nhưng ông không thích danh-vọng. Mặc dầu vua Mạc lưu-luyến, ông cũng từ quan về ẩn-dật ở Bạch-vân-am. Ông ưa du-ngoạn và làm thơ, tài học của ông rất uyên-bác, nên cả hai phe Nam Bắc-triều đều đến hỏi thăm ý - kiến. Tập « Bạch-vân quốc-ngữ thi » là một tác-phẩm giá-trị của văn-chương Đại-việt. Người ta thường gọi ông là Trạng-Trình (Ông đã được phong là Trình-quốc-công đời nhà Mạc). Ông mất năm 1585, thọ 95 tuổi ở cạnh sông Tuyết-giang. Dân làng lập đền thờ ông và xuân thu nhị kỳ dân-chúng dâng hương cúng lễ.

3.— Xã-hội : Từ khi nhà Lê suy-tàn, các triều-thần lập phe đảng gây chiến đánh nhau, dân-gian khổ sở. Đến khi nhà Mạc lên ngôi, trong nước lại lộn-xộn hơn nữa. Dân-chúng còn nhớ công ơn của Lê - Thái-Tổ, của Lê - Thánh - Tôn nên không phục nhà Mạc. Có những đại-thần như Vũ-Duyệt, Ngô-Hoàn, Nguyễn-văn-Vận, Lê-tuấn-Mậu, Nguyễn-thái-Bạt v.v... ghét Mạc-dăng-Dung, có người nhử hoặc lấy nghiến ném vào mặt Đặng-Dung và chủ mắng ngay giữa triều-đình rồi bị giết. Còn có những người như Lê - công - Uyển, Nguyễn-Ngã, Nguyễn-thọ-Trưởng khởi-nghĩa ở Thanh-hoá và Lê-Ý đánh nhà Mạc ở Mã-giang nhưng đều bị thất-bại.

Trong cảnh khói lửa ấy dân-chúng đói khổ. Tuy nhà Mạc có tổ-chức chính-trị lấy lòng con cháu nhà Lê và dân-chúng nhưng vì bất tài nên nhà Mạc hoàn-toàn thất-bại. Để cố giữ vững ngôi báu nhà Mạc cho xây nhiều thành-trị kiên - cố ở khắp nơi, hiện nay còn nhiều di-dịch.

CÂU HỎI

1. Việc ngoại-giao của nhà Mạc thế nào? — **2.** Nói qua về nghệ - thuật Đại-việt về thế-kỷ 16. — **3.** Tại sao nắm quyền-chính trong tay mà Trịnh-Kiểm không dám đảo-chính? — **4.** Nói về Nguyễn-bình-Khiêm.

BÀI ĐỌC

BỘ ĐẠI-VIỆT SỬ-KÝ

Bộ « Đại-Việt sử-ký » là bộ lịch-sử Việt-nam. Đầu tiên ông Lê-văn-Hưu phụng mệnh vua Trần-Thái-Tôn soạn ra, xong năm 1272.

Năm 1455 ông Phan-phù-Tiên phụng-mệnh vua Lê-Nhân-Tôn làm ra bộ « Đại-Việt sử-ký tục-biên » chép tiếp quyển trên.

Đến năm 1479 ông Ngô-sĩ-Liên phụng-mệnh vua Lê-thánh-Tôn soạn cuốn « Đại-Việt sử-ký toàn thư » dựa vào 2 cuốn trên và viết bài tựa dâng lên vua.

Đời Lê-tương-Dực ông Vũ-Quỳnh soạn bộ « Đại - Việt thông-giám thông-khảo » (1510). Bộ này cũng chia làm ngoại-kỷ và bản-kỷ nhưng khác bộ Toàn-thư vì Vũ-Quỳnh cho bản-kỷ bắt đầu từ nhà Đinh chứ không từ đời nhà Ngô. Về sau chúa Trịnh sai Phạm-công-Trứ sửa và xét lại lịch-sử, soạn quyển « Đại-Việt sử-ký bản-kỷ tục-biên ». Bộ sử của Phạm - công - Trứ chưa khắc in xong thì đến năm 1697 Trịnh-Căn sai Lê-Hi, Nguyễn-quý-Đức soạn thêm đến đời Lê-Gia-Tôn. Sau đây là hai bài tựa của Ngô-sĩ-Liên và Lê-Hi :

1.— Bài tựa sách Đại-việt sử-ký toàn-thư.

Ngô-Sĩ-Liên

Sử dễ chép việc, mà việc được hay hổng có thể làm cái gương cho đời sau soi đó mà răn. Các nước đời xưa đều có sử, như sách Xuân - thu của nước Lỗ, sách Đào-ngột của nước Tấn, sách Thặng của nước Sở (1). Nước Đại - Việt ta ở phía nam núi Ngũ - lĩnh : thế là trời chia ra Nam với Bắc vậy. Đấng thủy - tổ là dòng dõi họ Thần-nông ; thế là trời đã đặt ra vị chân chủ vậy. Bởi thế mới có thể cùng Bắc-triều cùng làm vua một phương. Hiềm vì sử sách ghi chép thiếu thốn công việc đều theo truyền văn, lời-lẽ quáỉ - dẫn, việc hoặc quên

(1) Đây là dịch đúng theo nguyên-văn. Nhưng chính-thực thì Đào - ngọt là sách của nước Sở và Thặng là sách sử của nước Tấn.

(Chú-thích của sách V. N. văn-học sử của Dương quảng Hàm)

sót, đến nỗi sao chép sai lầm, ghi chép lộn lộn, chỉ làm rối mắt, còn xem xét sao được !

Đến đời vua Trần Thái-tôn mới sai học-sĩ Lê-văn Hưu sửa lại từ đời Triệu Vũ-đế trở xuống năm đầu Lý-chiều-Hoàng. Vua Nhân-Tôn Bản-triều lại sai quan tu-sử Phan-phù-Tiền biên nối từ đời Trần-Thái-Tôn trở xuống đến lúc người Minh về nước, đều lấy tên là Đại-việt sử-ký. Từ đó, công việc dấu vết các đời mới rõ-ràng có thể xét được. Văn-Hưu là tay đại bút về đời Trần. Phù-tiền là bậc cổ-lão của Thanh-triều, đều vâng chiếu chép sử nước ta ; đáng lẽ nên thu nhặt các sử còn sót lại, hợp-tập thành sách, khiến cho người sau xem đến không còn phàn-nàn gì nữa thì mới là phải : thế mà ghi chép còn có chỗ chưa đủ, nghĩa - lý còn có chỗ chưa xác đáng, văn - tự còn có chỗ chưa ổn, người đọc không thể không phàn-nàn vậy. Duy có bộ Việt-sử cương-mục của Hồ-tôn - Thốc làm ra, chép việc thận - trọng mà có phép, bàn việc thiết đáng mà không thừa, cũng hầu được hoàn-toàn. Nhưng sau cuộc binh - hỏa, sách ấy không truyền lại nữa. Cái việc rất khó thành ấy, hình như còn phải đợi.

Đức Hoàng - thượng (1) sau khi trung-hưng (2), chuộng nho trọng đạo, chăm nom phép-lắc, khảo-cứ văn-học. Trong niên - hiệu Quảng-thuận (1460-1469), ngài xuống chiếu tìm dã-sử cùng các truyện ký cổ-kim còn chứa ở các nhà tư, đều sai tiến lên để đủ mà tham-khảo. Lại sai các nho-thần xem-xét, bàn-bạc, biên chép cho có thứ - tự. Tới trước ở Sử - viện, thường dự vào việc ấy. Kịp đến khi tới vào đấy thì sách ấy đã dâng lên và để ở Đông-các, không ai được xem. Tới trộm tự nghĩ may gặp thời thịnh, hồ vì chưa làm gì để báo - bồi, nên dám không tự lượng sức, lấy hai bộ sách của tiền-nhân, sửa - chữa lại và thêm vào một quyển Ngoại-kỷ, tất cả gần ấy quyển, đặt tên là Đại-Việt sử-ký toàn - thư. Việc nào còn quên sót thì bỏ vào, lẽ nào chưa xứng-dáng thì sửa lại, lời nào chưa ổn thì đổi đi ; trong có việc thiện việc ác có thể lấy đó mà khuyên răn được thì thêm ý-kiến bổ-lộ ở sau. Vẫn biết thế là càn giở, tội không thể trốn được ; nhưng chức-vụ

(1) Tức là vua Lê-thánh-Tôn.

(2) Âm-chỉ việc giết Nghi-dân năm 1460.

buộc phải làm, không dám vì tài hèn, mà từ-chối. Biên-định cần-thận thành sách, để ở sử-quán, tuy chưa thể làm rõ-rệt được sự phải trái trong muôn năm, nhưng cũng đã giúp một phần trong việc kê-cứu vậy.

Tiết Đông-chi, năm kỷ-hợi, niên-hiệu Hồng-đức thứ mười (1479).

2.— Bài tựa sách Đại-Việt sử-ký tục biên (trích dịch)

Lê-Hi

Sử-ký các đời nước Việt ta, do hai bậc liên-chính Lê-văn-Hưu và Phan-phù-Tiên làm ra trước, rồi đến Ngô-sĩ - Liễn và Vũ - Quỳnh chép về sau, trong đó có sự-tích hoặc rõ hoặc lược, chính-trị hoặc hay hoặc dở, không có đều gì là không ghi chép đủ. Hiềm vì chưa hề khắc in, chỉ theo thói quen sao chép, nên không khỏi những điều lẫn-lộn sai-lầm đáng ngờ.

Kịp đến khi vua Huyền-tôn Mục hoàng-đế triều ta mới lên ngôi (1663) nhờ có Hoàng-tổ, Dương-vương (Trịnh-Tạc) hưng khởi việc trị-bình; gây-dựng việc học-vấn, sai Tể - thần Phạm-công-Trứ tham-khảo sử cũ, theo đúng sử lệ trước, lại tham-cứu biên chép thêm vào phần Tục - biên; giao cho khắc ván in, mười phần mới được năm, sáu; việc ấy chưa làm xong, còn trữ ở Bì-các thư-viện nhà vua. Tìm người có thể nối chí ấy mà noi theo việc đó, thu nhặt lấy điều cốt-yếu mà làm cho xong, hình như phải đợi đến ngày nay vậy.

Đức Hoàng-đế bệ-hạ ta (Lê - Hi - Tôn), nhờ có Đại-nguyên súy, Tổng-quốc-chính, Định-vương (Trịnh-Cần)... giúp-ráp việc trị - hóa, chấn-chỉnh lại văn-phòng... bèn nhân lúc công việc nhàn - rỗi, sai lũ chúng tôi xét sửa sử cũ : điều gì sai thì chữa lại, điều gì đúng thì chép lấy; còn như thể-thứ (thứ-tự các đời), phạm-lệ (các lệ theo đề chép sử), niên-biểu (biểu kê năm), đều theo đúng như trước đã chép; lại sưu-tầm bút-tích cũ, tham-khảo các dã-sử, chép việc thực tự Cảnh-trị năm đầu đời vua Huyền-Tôn (1663) đến Đức-nguyên năm thứ hai vua Gia-Tôn (1675), cộng là 13 năm, cũng đặt tên là Bản-kỷ tục-biên. Sách xong, dâng lên vua xem, bèn sai thợ khắc ván in, ban-bố trong thiên-hạ, khiến cho cái công-cuộc chưa xong tự nghìn trăm năm về trước đến nay thành được..,

(2 bài đọc trên trích trong quyển Việt-nam văn-học sử của Dương quảng Hàm)

11 - NHÀ LÊ TRUNG-HUNG

DÀN BÀI

I.— Giai-đoạn cầm cự :

- 1) Thời Trịnh-Kiểm : đánh Sơn-nam.
- 2) Thời Trịnh-Tùng : 10 năm thế-thủ.

II.— Giai-đoạn tấn-công :

- 1) Thời kỳ dự-bị : tích lương, luyện binh.
- 2) Chiếm Đổng kinh : phá hào lũy, rút quân về.

III.— Nhà Mạc lưu-vong :

- 1) Nhà Mạc lên Cao-bằng.
- 2) Nhà Lê giao-thiệp với nhà Minh.

I.— Giai-đoạn cầm-cự

Nguyễn-Kim mất, binh quyền về Trịnh-Kiểm. Trong mấy năm dưới đời vua Trung-Tôn, Trịnh-Kiểm giữ thế-thủ ở Thanh-hóa gây lực-lượng rồi đến đời Trịnh-Tùng thế-lực nhà Lê chưa mạnh, Trịnh-Tùng vẫn giữ vị-tri Thanh-hóa.

1.— Thời Trịnh-Kiểm : Trong lúc Trịnh-Kiểm giữ thế thủ ở Thanh-hóa thì nhà Mạc sai Mạc-kính-Điền là chú Mạc-phúc-Nguyên cầm quân đi đánh. Kính-Điền vào đánh Thanh-hóa cả thấy hơn mười lần, lần nào cũng bị thua trở về. Trịnh-Kiểm cũng ra đánh Sơn-nam sáu lần, nhưng không lần nào được toàn thắng. Chỉ có năm 1559 Trịnh-Kiểm mang 6 vạn quân đánh thắng những tỉnh Sơn-lây, Hưng-hóa, Thái-nguyên, Kinh-bắc, Lạng-sơn và Hải-dương. Đi đâu cũng được dân-chúng theo đông. Quân Trịnh đã tấn-công Kinh-dô, nhưng Mạc - kính - Điền ngầm đem một đạo quân đi đường bộ vào đánh Thanh-hóa. Trịnh-Kiểm thấy tình-hình nguy - cấp phải bỏ xứ Bắc về giữ Tây-dô.

2.— Thời Trịnh-Tùng : Cuộc chiến-tranh giữa hai bên vẫn tiếp-tục nhưng không đem thắng lợi cho bên nào. Phía Bắc, Mạc-mậu-Hợp kế-vị Mạc-phúc-Nguyên năm 1561. Miền Nam Trịnh - Kiểm mất năm 1570 giao binh quyền cho con trưởng là Trịnh-Cối. Kiều - ngạo lại ham-mê tửu-sắc, Trịnh-Cối không được lòng các tướng-sĩ. Em là Trịnh-Tùng hợp với Lê-cập-Đệ và Trịnh-Bách rước vua về đồn Vạn-lại đem quân lật đổ Trịnh-Cối. Trong khi hai anh em tranh quyền nhau thì nhà Mạc lợi-dụng cơ-hội lại xuất binh. Trịnh-Cối bị em đánh bại chạy sang hàng quân Mạc được giữ quan tước như cũ. Mạc-kinh-Điền cùng 10 vạn quân tiến đến An - trường thuộc huyện Thụy-nguyên là chỗ vua Lê đóng. Nhưng Trịnh-Tùng lúc ấy đã được vua Anh-Tôn phong cho làm Tả thừa-tướng, cầm-cự mãnh - liệt đẩy lui quân Mạc. Đánh mãi không được lại hết lương-thực, Mạc-kinh-Điền phải rút quân về Bắc.

Từ năm 1573 đến năm 1583, Trịnh - Tùng cứ giữ vững đất Thanh - hóa và Nghệ - an. Mạc - kinh - Điền mất rồi (1579) Mạc-đôn-Nhượng lên thay tiến quân đánh Nam triều nhưng thất-bại.

Trịnh-Tùng được phong làm Thái-úy Trưởng quốc-công. Vua lại sai ông Phùng-khắc-Khoan tồ - chức việc cai - trị để dân an - cư làm ăn, thế-lực to dần, sinh ra lòng quyền ức-hiếp vua Lê. Lê - cập-Đệ mưu với vua trừ họ Trịnh, nhưng việc bại lộ Lê-cập-Đệ bị giết. Vua Anh-Tôn sợ nguy đến tính mạng chạy đến Nghệ - an nhưng bị đuổi bắt rồi cũng bị giết. Con thứ năm vua Anh-Tôn là hoàng-tử Duy-Đàm mới có 7 tuổi được lập lên làm vua tức Lê-thế-Tôn. Từ đấy Trịnh-Tùng hoàn-toàn nắm giữ tất cả quyền-chính phương Nam.

II.— Giai-đoạn tấn-công

1.— Thời-kỳ dự bị : Suốt mười năm, Trịnh - Tùng giữ thế-thủ để nuôi dưỡng lực - lượng đợi ngày tấn - công đất Bắc, còn nhà Mạc lo đắp lũy xây thành để đề-phòng quân Lê.

Trong 10 năm, Nam-triều cố chặn những cuộc tiến binh hàng năm của nhà Mạc, để luyện-tập binh-sĩ và dự bị lương-thực, khi-giới. Năm 1583, Trịnh-Tùng xem quân thế bên mình đã mạnh, cử binh ra

đánh Sơn-nam, lấy được rất nhiều thóc gạo mang về. Từ đó về sau nam nào Trịnh-Tùng cũng cho quân ra đánh.

Thấy nhà Lê mỗi ngày một mạnh lại mất tướng Mạc-kinh-Điền (1579) nhà Mạc bó buộc phải đổi thế-công ra thế-thủ. Quân dân phải theo lệnh đắp ba tầng lũy và đào ba tầng hào ở ngoài thành Đông-kinh để cố-thủ.

Năm 1585, thấy tình-hình nguy-ngập Mạc-mậu-Hợp lại cho sứ xuống Hải-dương hỏi ý-kiến Nguyễn-bình-Khiêm về tương - lai nhà Mạc. Ông trả lời : « Đất Cao-bằng nhỏ, nhưng có thể làm nơi nương náu cho đời sau ». Con cháu nhà Mạc nhớ lời ấy, về sau còn tụ-hợp ở Cao-bằng.

2. — Chiếm Đông - kinh : Năm 1591 Trịnh - Tùng đã mạnh, nhất-định tấn-công ra Bắc chấm dứt cuộc chiến - tranh đã kéo dài 60 năm, đưa vua Lê về Đông-kinh, Trịnh-Tùng sai các tướng đem binh trấn - thủ các cửa bể và các nơi hiểm - yếu, các quan giữ ngự-dinh cùng cả hạt Thanh-hóa. Phòng bị dẫu đầy rồi, Trịnh-Tùng chia 6 vạn quân ra làm năm đội, cho bốn tướng chỉ-huy 4 đội. Chính Trịnh-Tùng giữ một đội gồm 2 vạn quân tiến ra đóng ở Tốt-lâm.

Mạc-mậu-Hợp điều-dộng tất cả quân 4 vệ và 5 phủ được hơn 10 vạn. Thấy quân Mạc kéo đến, Trịnh - Tùng tự mình cầm quân thế quyết đánh được. Quân bên Trịnh đánh rất hăng. Nhà Mạc chống không nổi, Mậu-Hợp bỏ chạy. Quân Trịnh thừa thắng, đuổi tràn đến gần Đông-kinh. Bấy giờ vừa vào dịp Tết Nguyên - đán. Trịnh - Tùng cho lệnh đình-chiến để quân-sĩ nghỉ-ngơi ăn Tết. Tháng giêng năm 1592, Trịnh-Tùng lập đàn tế trời đất và các tiên-vương nhà Lê, đặt ba điều cấm quân-sĩ :

- 1) Không được vào nhà dân mà lấy đồ ăn và lấy củi đun.
- 2) Không được cướp lấy của cải và chặt lấy cây cối.
- 3) Không được dâm hiếp đàn bà con gái và không được giết người vì tư thù.

Rồi Trịnh - Tùng ra lệnh tấn-công. Mạc - mậu - Hợp cử cả các tướng Mạc-ngọc-Liền, Bùi-văn-Khuê, Nguyễn-Quyện, và Trần-bách-Niên ở lại giữ thành còn chính vua vượt qua sông Nhị đóng quân ở

làng Thổ-khởi. Các tướng Mạc giữ thành không nổi, Đông-kinh bị họ ngày 18 tháng hai 1592. Trịnh-Tùng bắt quân lính phá hào lũy đi và san phẳng làm bình địa, xong việc cho quân trở về Thanh-hóa báo tin toàn thắng cho vua Lê.

II.— Nhà Mạc lưu-vong

1.— Nhà Mạc lên Cao - bằng : Mạc-mậu-Hợp thua trận lại còn ham chơi và bạc đãi các tướng-sĩ. Hơn nữa Mạc-mậu-Hợp còn muốn chiếm vợ tướng Bùi-văn-Khuê. Hay tin Bùi-văn-Khuê đưa vợ chạy trốn sang hàng Trịnh. Trịnh - Tùng mừng lắm lại đem binh ra Bắc đánh bại quân nhà Mạc ở Thiên-phái (Ỡ-yên, Nam-định) chiếm nhiều chiến thuyền.

Mạc-mậu-Hợp bỏ thành Thăng-long chạy sang Hải-dương đóng ở huyện Kim - thành. Quân Trịnh đuổi theo lấy được vàng bạc của cải rất nhiều, bắt được mẹ Mậu - Hợp đem về. Mạc-mậu-Hợp giao quyền chính-trị cho con là Mạc-Toàn rồi tự cầm quân đánh Trịnh. Sau Mậu-Hợp lại thua, bị quân Trịnh bắt được hành hạ rồi chém đầu đưa vào bêu ở Thanh-hóa.

Con Mạc-kinh-Điền là Mạc-kinh-Chỉ được tin Mậu-Hợp bị bắt bèn tự lập làm vua thu-thập tàn quân đóng ở Đông-triều. Mạc-Toàn cũng về theo Kinh - Chỉ. Chẳng bao lâu quân của nhà Mạc lại có thanh-thế.

Trịnh-Tùng đem quân đánh huyện Cẩm - giăng và Thanh - lâm (Hải - dương). Kinh - Chỉ và con cháu họ Mạc cùng các quan độ 60 người đều bị bắt. Được trận ấy, Trịnh-Tùng rước vua Thế-Tôn dời đô ra Đông-kinh rồi thăng thưởng cho các tướng-sĩ (1593).

Năm 1594 tướng nhà Mạc là Mạc-ngọc-Liễn tìm được Mạc-kinh-Cung con Mạc-kinh-Điền, lập lên làm vua. Quân Mạc chiếm giữ châu Yên - bắc (Lạng - sơn) làm căn-cứ. Nhưng chẳng bao lâu lại bị thua. Kinh-Cung và Ngọc-Liễn chạy sang Long - châu. Con cháu nhà Mạc được nhà Minh bênh-vực cho về ở đất Cao-bằng. Trịnh - Tùng còn phải dùng quân lực để đánh dẹp.

2,— Nhà Lê ngoại-giao với nhà Minh : Nhà Mạc thua sang

kêu với nhà Minh rằng họ Trịnh nổi lên tranh ngôi chứ không phải con cháu nhà Lê. Nhà Minh đem quân sang điều-tra. Vua Thái - Tôn sai sứ đi điều-đinh nhiều lần, nhưng quan nhà Minh sách nhiễu, nhà vua phải thân hành sang tận cửa Nam - quan có quan Thái - úy Hoàng-đinh-Ái và 5 vạn quân hộ giá gặp sứ nhà Minh. Sau Trịnh-Tùng sai đem đồ lễ sang Nam-kinh để cống nhà Minh và xin phong cho vua Lê. Nhà Minh chỉ phong cho vua Thái-Tôn làm An-nam đô-thống-sứ. Chánh-sứ Phùng-khắc-Khoan hết sức phản-đối. Vua Minh nói thác rằng lúc đầu hãy tạm phong chức ấy rồi sẽ phong vương. Phùng-khắc-Khoan đành phải chịu vâng. Nhưng từ đó nhà Minh với nhà Lê lại thông-sứ như trước.

Còn nhà Mạc, có Mạc - kinh - Chương xưng là Tráng - vương chiếm giữ Đông-triều. Năm 1596 Trịnh-Tùng cử Phan - Ngạn ở Hải-dương đánh bắt được Kinh-Chương. Ở Lạng-son thì con Mạc-kinh-Chỉ là Mạc-kinh-Dụng giữ đất Yên-bắc xưng là Uy-vương sau cũng bị bắt.

Mạc-kinh-Cung tuy đã ở đất Cao - bằng nhưng còn đem quân đánh phá Cao-bằng, Lạng-son. Trịnh-Tùng mang quân dẹp, Mạc-kinh-Cung kêu với nhà Minh. Nhà Minh yêu-cầu nhà Lê cho họ Mạc được ở đất Cao-bằng.

Nhà Mạc kể từ Mạc-đăng-Dụng đến Mạc - mậu - Hợp được 65 năm (1527-1592). Sau này con cháu nhà Mạc có cố gắng chống lại cũng chỉ là những trận phá rối nhỏ nhưng cũng làm cho Chúa Trịnh phải vất vả đối-phó.

CÂU HỎI

1. Vì lý-do gì miền Bắc ủng - hộ Trịnh-Kiểm ? — **2.** Tại sao chiếm được Đông-kinh rồi, Trịnh-Tùng rút lui về Thanh - hóa. — **3.** Việc ngoại - giao của nhà Lê với nhà Minh có kết quả không ? Tại sao ? — **4.** Mạc-ngọc-Liễn tướng nhà Mạc khi chết có viết thư cho Mạc-kinh-Cung dặn : « Nay họ Lê lại đẩy lên được, ấy là số trời đã định, còn dân ta thì có lợi gì, mà ta nỡ để khổ sở mãi về việc chiến-tranh ? Vậy ta nên đành phận lính mình ở nước ngoài chứ đừng cố đem lòng cạnh tranh mà lại mời người Tàu sang làm hại dân nước mình ».

Con cháu nhà Mạc có theo lời dặn sáng suốt ấy không ?

12 - TRỊNH NGUYỄN PHÂN - TRANH

DÀN BÀI

I.— Chúa Trịnh và Chúa Nguyễn.

- 1) Chúa Trịnh ở đất Bắc.
- 2) Chúa Nguyễn ở phương Nam.
- 3) Tình-hình Trịnh Nguyễn trước chiến-tranh.

II.— Chiến-tranh Trịnh Nguyễn.

- 1) Nguyên-nhân : Hiềm-khích giữa Trịnh Nguyễn.
- 2) Chiến-tranh : 45 năm, 7 trận lớn.
- 3) Lý-do thắng trận của họ Nguyễn.

I.— Chúa Trịnh và Chúa Nguyễn

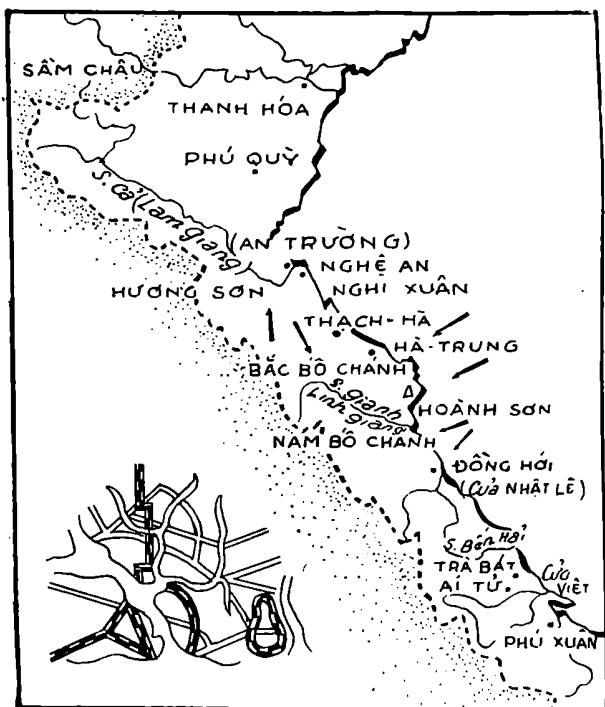
1.— Chúa Trịnh ở đất Bắc :

a) *Họ Trịnh xưng vương* : Từ khi lấy lại miền Bắc, đưa vua Lê-Thế-Tôn về kinh - đô Thăng-long thì uy - quyền của Trịnh - Tùng mỗi ngày một lớn. Tuy nhà Mạc còn khuấy rối ở Cao - bằng nhưng trật-tự dần dần trở lại. Năm 1599, Trịnh-Tùng ép vua Thế-Tôn phong cho mình Vương-tước, tự xưng là « Đô nguyên-sủy, Tổng quốc-chính, Thượng-phụ Bình-an-vương ». Nhà vua bị lui vào bóng tối, không còn một chút quyền gì. Trịnh-Tùng định lệ cấp bổng cho vua. Vua Lê được thu thuế 1.000 xã gọi là « Lộc thượng tiến » và được cấp 5 ngàn binh làm quân túc - vệ. Còn những việc đặt quan, thu thuế, bắt lính, trị dân đều thuộc quyền họ Trịnh cả. Chỉ khi nào thiết-triều hay tiếp sứ thì mới cần đến vua.

Họ Trịnh từ đó được cha truyền con nối làm Vương hay Chúa tục gọi là Chúa Trịnh, thường gả con gái cho vua hay đặt thân-thích vào các địa-vị quan-trọng của triều-dinh.

b) *Tại sao Trịnh-Tùng không chiếm ngôi nhà Lê ?* Họ Trịnh đã mạnh như thế, tại sao còn giữ ngai vua Lê ? Cầm đầu một triều-đình toàn người vây cánh, Trịnh-Tùng muốn chiếm ngôi lúc nào

cũng được như nhà Hồ, nhà Mạc, tại sao Trịnh-Tùng không dám làm việc thoán - đoạt ấy.



Chiến-trường Trịnh-Nguyễn
Bản - ạch : Lũy Đồng - ớ

Trước kia nhà Hồ chiếm-đoạt gây nhiều hiềm họa, làm nguyên-nhân cho nhà Minh sang đô-hộ Đại-việt trong 20 năm. Còn nhà Mạc chiếm ngôi làm cho nước Đại-việt mất 6 châu miền đông-bắc, nhân dân ta-thán. Nhà Minh tuy đã suy-

đồi vì những cuộc chiến-tranh với Mông-cổ, Cao-ly và thường bị Nhật-bản cướp phá miền hạ-lưu sông Dương-tử, nhưng quân Minh vẫn còn là mối lo ngại cho Trịnh-Tùng vì nhà Minh còn dung-túng cho họ Mạc ở Cao-bằng. Nhà Mạc chưa chịu hãn, thỉnh-thoảng vẫn quấy phá hòng lấy lại ngôi cũ. Bị thua, họ chạy sang Trung-hoa, tụ-tập quân-sĩ đợi thời-cơ rồi trở về cướp phá làm cho họ Trịnh e-ngại.

Phía Nam lại có họ Nguyễn cũng không kém nguy-hiềm. Họ Nguyễn có ý muốn độc-lập để tranh quyền họ Trịnh. Nên họ Trịnh dùng chính-trị khôn khéo là giữ lấy vua Lê để làm an-tâm những người còn mến nhà Lê, nhớ công ơn của Lê-Lợi và Thánh-Tôn.

Trong cuộc đánh nhau với họ Nguyễn, họ Trịnh lấy cớ phạt họ Nguyễn không vâng lệnh vua Lê. Nhưng thật ra họ Trịnh đã nắm hoàn-toàn quyền-chính, vua Lê chỉ còn hư-vị.

2.— Chúa Nguyễn ở phương Nam.

c) *Nguyên-nhân Nguyễn-Hoàng vào Nam* : Nguyễn - Kim chạy sang Ai-lao lập lại ngôi nhà Lê, bị đánh thuốc độc chết ở Sơn - nam, giao binh quyền cho con rể là Trịnh - Kiểm. Nhưng Nguyễn - Kim còn có hai con. Con cả là Nguyễn-Uông bị Trịnh-Kiểm kiếm truyen giết đi. Còn Nguyễn-Hoàng sợ nguy hại giả vờ điên để tránh sự nghi-ngờ, rồi cho người ra Hải - dương hỏi ông Nguyễn-bình-Khiêm. Ông bảo : « Hoành-sơn nhất đại, vạn đại dung thân » nghĩa là : một giải Hoành-sơn có thể yên thân muôn đời.

Nguyễn-Hoàng xin chị là Ngọc - Bảo nói với Trịnh - Kiểm cho vào trấn phía Nam miền Thanh-hóa. Trịnh-Kiểm ưng thuận vì muốn đẩy Nguyễn-Hoàng vào xứ xa lại khô khan để tránh mầm nội loạn.

d) *Cách đối phó của Nguyễn - Hoàng với họ Trịnh* : Năm 1558 Nguyễn - Hoàng bỏ kinh-dô vào Thuận - hóa. Nhiều người theo ông, nhất là họ hàng ở huyện Tống-sơn và quân lính ở đất Thanh-Nghệ. Cuộc di-cư này vất vả vì phải phá rừng rậm, vỡ đất hoang. Đóng quân ở xã Ái-tử phía bắc Quảng-trị bây giờ, Nguyễn-Hoàng thu dùng hào-khiết, thân ái với dân nên ai cũng mến-phục.

Năm 1570, Trịnh-Kiểm lại cho thêm đất Quảng-nam nhưng mỗi năm Nguyễn-Hoàng phải nộp 400 cân bạc và 500 tấm lụa.

Hai năm sau, nhà Mạc, nhân lúc Trịnh-Kiểm mới mất và Trịnh-Cối, Trịnh-Tùng đánh nhau, đem 60 chiến thuyền vào đánh miền Nam. Nguyễn - Hoàng thấy binh lực mình còn yếu sai Ngô - thị đưa vàng bạc xin cầu hòa. Tướng nhà Mạc vui mừng, không phòng giữ bị quân họ Nguyễn đánh lên phá tan. Vị - tri của họ Nguyễn vững chắc dần.

Vua Lê về Đông-kinh (1593), Nguyễn-Hoàng đến triều-đình bái-yết và mừng cháu là Trịnh-Tùng. Ông được phong chức-tước nhưng phải ở lại 8 năm đánh nhau với nhà Mạc, lập được nhiều chiến-công.

Chúa Trịnh không muốn cho Nguyễn - Hoàng trở về Nam. May có loạn xảy ra ở cửa Đại-an (Nam-định) do Phan-Ngạn, Ngô-đình-Hàm và Bùi-văn-Khuê vì không phục họ Trịnh dấy binh. Nguyễn - Hoàng đem tướng-sĩ lấy cớ đi dẹp giặc rồi thẳng buồm trở vào Nam.

Nguyễn-Hoàng về Thuận-hóa nhưng sợ họ Trịnh nghi ngờ bèn gả con gái là Ngọc-Tú cho Trịnh-Tráng con giai Trịnh-Tùng. Ông giữ Thuận-hóa, cho con vào trấn Quảng-nam dựng kho tích-trữ lương-thực, tổ-chức hành-chính vững chắc và luyện tập quân-sĩ.

Tuy cuộc phân tranh 20 năm sau mới xảy ra nhưng từ đây (1600) nước Đại-việt bị chia làm hai : *Đàng trong* từ phía Nam sông Gianh, *Đàng ngoài* từ phía Bắc.

3.— Tình-hình Trịnh Nguyễn trước chiến-tranh.

a) Tình-hình họ Trịnh : Vua Lê-Thế-Tôn mất năm 1599. Trịnh-Tùng lập Kính-Tôn lên thay. Năm 1600, khi Bùi-văn-Khuê và đồng đảng nổi loạn ở cửa Đại-an, Trịnh-Tùng lại rước vua vào Thanh-hóa. Họ Mạc thấy thế về chiếm Thăng-long. Trịnh-Tùng phải ngoại - giao với họ Nguyễn mang quân về đánh chiếm lại Thăng-long. Mạc-kinh-Cung thua chạy sang Kim-thành (Hải-dương) rồi lại lên Cao - bằng. Trịnh-Tùng toàn-thắng nên kiêu-căng. Kính-Tôn định trừ đi nhưng mưu cơ bại lộ, vua bị Trịnh-Tùng bắt và bị thắt cổ chết. Thần-Tôn lên kế-vị (1619) rồi năm 1623 Trịnh - Tùng trao quyền cho Trịnh-Tráng. Em Trịnh-Tráng là Trịnh-Xuân không phục làm loạn. Trịnh-Tùng thấy thế nguy chạy về Hoàng-mai cho gọi Trịnh-Xuân đến bắt giết đi. Mấy hôm sau Trịnh-Tùng mất ở Thanh-tri. Giữa lúc ấy họ Mạc lại tràn xuống đánh kinh-đô. Trịnh-Tráng bắt được Mạc-kinh-Cung đem xử ở Thăng-long. Mạc-kinh-Khoan xin hàng (1625).

b) Ở miền Nam, Nguyễn-Hoàng mất năm 1613, trao binh quyền cho Nguyễn-phước-Nguyên và nói : « Đất Thuận, Quảng này phía bắc có núi Hoành-sơn, sông Linh-giang, phía nam có núi Hải-vân và núi Bi-sơn, thật là một nơi trời để cho anh-hùng dụng-võ. Vậy ta phải thương yêu nhân-dân, luyện-tập quân-sĩ để gây-dựng sự-nghiệp muôn đời ». Nguyễn-phước-Nguyên được nhiều tướng tài giúp như Nguyễn-hữu-Dật, Nguyễn-hữu-Tiến và Đào-duy-Từ. Duy-Từ là người Thanh-

hóa, con nhà xướng ca nên không được đi thi. Ông phần tri. Gặp bước không may ông phải đi chăn trâu, có làm bài « Ngọa long cương ». Sau họ Nguyễn biết ông là người có tài mời vào làm quan. Chính Đào-duy-Từ đã đắp lũy Trường - dục và lũy Thầy (Đồng - hới) để giữ cửa Nhật-lệ. Chúa-Sãi (Nguyễn-phước-Nguyễn) lên cầm quyền hai em là Hạp và Trạch nổi lên liên-lạc với họ Trịnh. Trịnh-Tráng cho tướng Nguyễn-Khải mang 5 ngàn quân đóng ở Nhật-lệ. Hai ông Hoàng nổi loạn chiếm Ái - tử nhưng sau bị bại chết trong ngục. Họ Trịnh thấy việc không thành rút quân về.

II. — Chiến-tranh Trịnh Nguyễn

1. — Nguyễn-nhân cuộc chiến-tranh :

a) Cuộc kháng-chiến giữa Nguyễn và Trịnh bắt đầu năm 1627, sau khi họ Trịnh đã bình - định Cao - bằng. Trịnh - Tráng sai quân sĩ vào Thuận-hóa đòi tiền thuế hai đạo Thuận, Quảng đã 20 năm không nộp cho vua Lê. Họ Trịnh lại cho mang sắc vua Lê dụ Chúa - Sãi cho con ra châu. Chúa - Sãi không chịu, Trịnh-Tráng quyết - định mang binh đi đánh.

b) Nhưng nguyên-nhân sâu-xa là mối hiềm-khích giữa hai họ. Chúa Nguyễn nghĩ đến công ơn của tổ-tiên đã từng giúp vua Lê thì quyền hành đáng nhẽ phải về họ Nguyễn. Họ Trịnh thì sợ lực-lượng của họ Nguyễn lớn dần một ngày kia có thể làm nguy hại cho địa-vị mình. Hai bên đều muốn tranh quyền lẫn đất âm-thầm thù ghét nhau nhưng bên ngoài vẫn lấy danh-nghĩa phủ Lê.

2. — Chiến - tranh : Trịnh Nguyễn đánh nhau cả thảy 7 lần trong vòng 45 năm.

Trận thứ nhất (1627) : Chúa-Sãi không nộp thuế, Trịnh-Tráng rước vua Lê và mang hai trăm chiến thuyền tiến vào nam. Chúa-Sãi đã phòng - bị cẩn - thận giữ các nơi hiểm yếu. Quân Trịnh bị bại ở Nhật-lệ, lại nghe tin có cuộc nổi loạn của Trịnh-Gia và Trịnh-Nhạc ở ngoài Bắc do họ Nguyễn phao lên, Trịnh - Tráng vội rút quân về.

Trận thứ hai (1630) : Ba năm sau, Chúa-Sãi cho chiếm miền

nam Bồ-chánh tức nam ngạn sông Gianh. Đồng thời Đào-duy-Từ cho xây lũy Trường-dục và lũy Thầy. Năm 1633, con thứ ba Chúa-Sãi là Ánh trấn-thủ Quảng-nam muốn chiếm quyền, liên-lạc với họ Trịnh và xin cha ra trấn đất Quảng-binh. Chúa-Sãi nghi-ngờ không cho. Chúa Trịnh đem quân vào đồ bộ cạnh lũy Thầy, nhưng lâu không thấy tin của Ánh, quân-ngũ không đề-phòng, họ Nguyễn xuất binh đẩy lui quân Trịnh đến bắc Bồ-chánh.

Trận thứ ba (1635) : Cuối năm 1635 Chúa-Sãi mất. Con là Nguyễn-phước-Lan tức Chúa Thượng lên thay. Nguyễn-phước-Ánh lại làm phản nhưng bị thua rồi bị xử-tử. Trịnh-Tráng lợi dụng cuộc nội-chiến đem quân vào đánh nam Bồ-chánh tiến đến Nhật-lệ định liên-lạc với quân Hòa-lan. Nhưng họ Nguyễn đánh hăng, hai lần phá chiến thuyền của Hòa-lan (1638 và 1642). Tướng Van Liesvelt bị tử trận.

Năm sau Trịnh và Hòa-lan lại đánh Nguyễn. Họ Trịnh đóng ở bắc Bồ-chánh đợi ba chiến thuyền của tướng Baeck từ Batavia (Nam-dương) ra. Nhưng ngày 7 tháng 7 năm 1643, chiến thuyền Hòa-lan bị 50 thuyền binh do Nguyễn-phước-Tần thống-lãnh vây đánh. Quân Hòa-lan đại-bại, đô-đốc Baeck chết theo chiến thuyền bốc cháy.

Trịnh-Tráng đợi lâu không thấy gì, trời nóng nực, quân sĩ bị bệnh chết nhiều lại rút về Bắc.

Trận thứ tư (1648) : Quân Trịnh vào nam đánh trận thứ tư (1648). Bộ binh chiếm nam Bồ-chánh, còn thủy binh phá cửa Nhật-lệ rồi chiếm lũy Thầy. Nhưng lũy Trường-dục, tuy bị bắn vỡ nhiều đoạn, được Trương-phước-Phấn cố sức giữ đợi viện-binh của Nguyễn-phước-Tần. Nguyễn-phước-Tần mang 100 voi phản công lại phá tan quân Trịnh đuổi ra đến sông Gianh.

Trận thứ năm (1655 - 1661) : Năm 1648 Chúa Thượng mất. Nguyễn-phước-Tần lên thay tức Chúa Hiền. Đến năm 1655 Chúa Hiền đã sửa-soạn kỹ-càng cuộc tấn-công. Chiến-tranh lần thứ năm lại kéo dài trong 6 năm. Nguyễn-hữu-Tiến và Nguyễn-hữu-Dật vượt sông Gianh chiếm bảy huyện ở phía nam Lam-giang (Sông Cả). Trịnh-

Tráng phải sai con út là Trịnh-Toàn vào trấn-thủ Nghệ-an. Trịnh-Toàn trẻ nhưng rất có tài được quân dân yêu mến. Trịnh-Tráng mất năm 1657, Trịnh - Tạc lên thay. Thấy em được nhiều người mến chuộng, Trịnh-Tạc nghi-ky, sai con là Trịnh-Căn vào Nghệ-an để kiểm-soát. Ít lâu sau lại cho người vào đòi Trịnh-Toàn về kinh, trách Toàn không về chịu tang, rồi bỏ ngục vu Toàn là phản nghịch.

Trịnh-Căn cầm quyền tổng-chỉ-huy. Bên Nguyễn, hai tướng bất bình nhau nên Trịnh-Căn thắng liên-tiếp lấy lại được 7 huyện phía nam sông Lam-giang (1660) rồi trở về Đông-kinh được hoan-ngheh nhiệt-liệt.

Trận thứ sáu (1661): Tháng mười năm 1661, Trịnh - Tạc tự cầm quân rước vua Thần-Tôn vượt sông Gianh uy-hiệp cả thủy lẫn bộ. Nguyễn-hữu-Dật đóng quân sau lũy Trường-dục cố giữ vững mặt trận của mình không chịu giao chiến. Mấy tháng trời quân Trịnh không hoạt-động gì được, lương thực lại cạn dần, tinh-thần quân-đội bị lung lay.

Lúc đó Nguyễn-hữu-Dật mới đem quân ra phản-công. Trong đêm tối họ Nguyễn đánh trống thúc quân làm cho quân Trịnh hoảng sợ chạy trốn, bị giết hại rất nhiều. Quân Nguyễn đuổi đến sông Linh-giang mới thôi.

Trận thứ bảy (1672): Thua trận thứ sáu, Trịnh-Tạc phải nghỉ 10 năm để lo đánh dẹp họ Mạc ở Cao-bằng.

Đến năm 1672, Trịnh-Tạc rước vua Lê-Gia-Tôn và đem đại đội binh mã vào Nam. Bên Trịnh yết bảng khuyên dân Thuận, Quảng về với vua Lê. Còn Chúa Hiền sai em là Hiệp cùng với Nguyễn-hữu-Dật giữ các nơi hiểm yếu. Chúa Hiền đem đại binh đi tiếp ứng.

Quân Trịnh tấn công liên-tiếp nhưng không phá nổi các lũy. Đánh mãi không được, Trịnh - Tạc cho quân lui về bắc Bỗ-chánh. Tháng chạp trời mưa rét lại nghe tin Trịnh-Căn bị bệnh nặng, Trịnh-Tạc cho quân về Bắc (1673).

Lần thứ bảy này kết thúc cuộc chiến tranh Trịnh Nguyễn. Từ đây sông Gianh ngăn đôi đất nước. Nước Đại-việt được hòa-bình

hơn một trăm năm, không bên nào có đủ lực thắng bên kia cho đến khi Tây-sơn khởi-nghĩa.

IV.— Lý do thắng trận của họ Nguyễn.

Cả hai phe Trịnh Nguyễn, bên nào cũng cho mình đã thắng, Trịnh-Cần được phong làm Nam-bình-vương. Còn Chúa Hiền xá thuế cho dân những miền bị giặc tàn phá, làm lễ tế trời đất. Quân sĩ được trọng thưởng.

Vậy tại sao quân Nguyễn lực lượng ít hơn quân Trịnh mà cầm cự được :

— Trước hết vì họ Nguyễn đánh ở đất nhà, còn Trịnh phải đem quân đi xa, lương thực thiếu thốn, bị bệnh nhiều vì không quen khí-hậu, quân lực suy yếu.

— Có thứ hai là bên Nguyễn thường có sự đoàn-kết, tướng phục Chúa, quân phục tướng, họ đánh để giữ nền độc-lập của họ ; còn quân Trịnh không ưa Chúa vì họ biết Chúa lộng quyền Vua.

— Phía bắc họ Trịnh lại bận đánh nhau với họ Mạc.

— Sau cùng họ Nguyễn được người Bồ-đào-Nha giúp nên có nhiều đội pháo-binh mạnh-mẽ.

Cuộc chiến-tranh tương-tàn này làm nhân-dân cực-khổ vì thuế-má nặng-nề, sưu-dịch vất-vả, mùa-màng bị tàn phá, nước Đại-việt chậm tiến.

CÂU HỎI

1. Tại sao Trịnh-Tùng cũng như Trịnh-Kiểm không dám thoán-nghịch ? — **2.** Vì lẽ gì Nguyễn-Hoàng vào lập-nghiệp ở miền Nam ? — **3.** Nguyên nhân cuộc chiến-tranh Trịnh Nguyễn ? Có phải vì quyền-lợi của dân hay chỉ là mối hiềm-khích cá-nhân ? — **4.** Truyện Đào-duy-Từ ? Suy luận về quan-niệm « Xương ca vô loài » ?

13 - SỰ-NGHIỆP HỌ TRỊNH: NỘI-TRỊ VÀ NGOẠI-GIAO

DÀN BÀI

I.— Nội-trị :

- 1) Việc cai-trị : Trung-ương tập quyền.
- 2) Binh-bị : lính ưu-binh và lính nhất-binh.
- 3) Pháp-luật : bỏ lệ chặt tay.
- 4) Kinh-tế : phép Bình-lệ.

II.— Ngoại-giao :

- 1) Việc giao-thiệp với Trung-hoa : diệt họ Mạc.
- 2) Việc giao-thiệp với Ai-lao (Lan-xang).

I.— Nội-trị

Họ Trịnh tuy làm việc phẩy lập vua Lê nhưng cũng chăm lo tổ-chức đất nước, dẹp họ Mạc ở miền Bắc và đánh Chúa Nguyễn ở miền Nam.

Chính-trị của họ Trịnh có tinh-cách trung-ương tập quyền :

1.— Việc cai - trị : Cuối thế - kỷ 17 họ Trịnh vì bận tâm lo chiến-tranh nên theo cách cai-trị của nhà Lê. Để kiểm-soát sáu bộ của triều-đình, họ Trịnh đặt hai quan Tham-tụng và Bồi-tụng giữ nhiệm-vụ như thủ-tướng và phó thủ-tướng tức là chức Tể-tướng đời xưa. Năm 1718 Trịnh-Cương đặt Lục-phiên chiếm lấy công việc của

Lục-bộ ở bên nhà vua để coi mọi việc chính-trị. Còn về quân-sự họ Trịnh thống-nhất lại ; năm 1664 Trịnh-Tạc đặt ra Ngũ-phủ (Đông, Tây, Nam, Bắc và Trung-ương) gọi là Ngũ-phủ Phủ-liêu đặt dưới quyền chỉ-huy duy-nhất của Chưởng-phủ-sự và Thứ-phủ-sự. Như thế, bên cạnh triều - đình có Phủ Chúa nắm hết việc chính-trị và quân quốc đại sự. Vua chỉ có hư vị mà thôi.

Về việc tuyển mộ các quan, Chúa Trịnh cho mở các kỳ thi, tuy thế cũng có một số con quan-lại được làm quan.

Các quan văn võ thì cứ ba năm được thăng một trật, và bị khảo hạch, ai không xứng chức thì phải giáng xuống. Khi nào các quan về hưu-trí thì được ăn dân lộc. Chúa Trịnh lại cấm các quan không được lập trang trại ở nơi mình làm việc sợ những nhiều dân. Đến thế-kỷ 18, họ Trịnh đã sa-sút vì chiến-tranh, công quỹ hao hụt nên Trịnh-Giang đặt ra lệ mua quan bán chức : từ Tứ phẩm trở xuống ai nộp 600 quan thì được thăng chức một bậc, những người chân trắng nộp 2800 quan thì được bổ Tri-phủ, 1800 quan thì được bổ Tri-huyện.

2.— Việc binh-bị : Quân đội chia làm hai thứ binh : ưu-binh là binh lấy ở ba phủ đất Thanh-hóa và ở bốn phủ đất Nghệ-an, theo lệ cứ ba xuất dinh lấy một người. Linh ưu-binh có công lớn trong cuộc trung-hưng nên được trọng đãi. Họ đóng ở kinh-dô thường được kén làm quân túc-vệ để canh giữ đền Vua phủ Chúa. Họ được cấp công điền, lại được thêm chức-sắc.

Linh nhất-binh mộ ở Sơn-nam, Kinh-bắc, Hải-dương, Sơn-lây, thì dùng để giữ các trấn và giúp việc các quan. Khi nào yên thì cho về làm ruộng, khi nào nhà nước có việc mới gọi ra. Thời Trịnh-Doanh nhiều giặc-giã, linh tứ trấn được độ 11.500 người chia làm 20 vệ. Sau đổi làm cơ, làm đội, mỗi cơ 200 người đề 100 người tại ngũ, còn 100 người về làm ruộng. Thời kỳ chiến-tranh chống họ Nguyễn, họ Trịnh có một đạo quân gồm 10 vạn người, 500 voi và 500 chiến thuyền, mỗi thuyền có ít nhất là 3 khẩu thần-công, to hơn cả thuyền Âu-châu hồi ấy.

Trịnh-Cương lập một trường võ-bị cho các con quan. Mùa đông và mùa hạ thì học chiến-lược, mùa xuân và mùa thu thì học chiến-dấu, cứ ba năm một lần thi : mùa giảo, mùa girom, phi ngựa, bắn cung v.v... Sau cùng có bài thi hỏi kinh sách và chiến-lược.

Năm 1740 Trịnh -Doanh lập Võ-miền. Xuân thu nhị kỳ tế lễ những vị đại-tướng có công với triều-đình.

3. — Pháp-luật : Về pháp-luật Trịnh-Tạc định lại lệ chuộc tội. Những người được dự vào trường-hợp bất nghị nghĩa là những người thuộc hoàng-tộc, các công-thần thì mới cho chuộc. Ngoài ra ai phạm tội thì cứ theo luật mà thi-hành. Trịnh-Cương bỏ lệ chặt tay và đày lại : ai phải chặt hai bàn tay và phải lưu đi viễn châu thì cải làm tội đồ chung thân ; ai phải chặt một bàn tay và phải lưu ngoại châu thì cải làm tội đồ 12 năm, ai phải chặt hai ngón tay trở và phải lưu cận châu thì cải làm tội đồ 6 năm.

Họ Trịnh sửa lại việc xử kiện, mục-dịch là xử án cho minh và nhanh chóng. Việc kiện-tụng chia làm 2 thứ : những việc mưu, sát, đạo, kiếp thì gọi là đại tụng, những việc hộ, hôn, ấu dâm thì gọi là tiểu tụng.

Những việc án-mạng thì quan phủ huyện xét rồi đệ lên Thừa-ti và Hiến-ti xét lại, việc trộm cướp ở Kinh-dô thì do quan Đề-lĩnh xét lại, ở Trấn thì do Trấn-thủ xét.

Các việc xử án ở phủ huyện hay Thừa -ti, Trấn -ti xét không xong thì phải đưa lên Hiến-ti xét lại. Hiến-ti không xong thì Giám-sát xét lại. Giám-sát, Đề-lĩnh không xong thì đến Ngự-sử-đài xét lại. Để công việc nhanh chóng, họ Trịnh định thời hạn như sau : về việc nhân mạng thì bốn tháng, việc trộm cướp và diên-thổ thì ba tháng, việc hôn-nhân ấu-dâm thì hạn hai tháng. Quan xử kiện không hợp lẽ thì phải phạt tiền. Những việc đã xử phải lẽ rồi mà người đi kiện còn cố tình không chịu, cố theo đuổi kiện-tụng cũng phải phạt tiền.

4. — Kinh-tế : Chính-trị tập-quyền của họ Trịnh mỗi ngày một phức-tạp. Triều-đình phải chi-tiêu nhiều, nên cần phải gia-tăng các

nguồn-lợi. Thường thường nhà nước đánh thuế đinh và thuế điền, thuế thương-vụ. Về sau, họ Trịnh lại thêm thuế muối và thuế mỏ. Một ngân-sách được tổ-chức kỹ càng năm 1731, biên rõ số tiền chi thu hàng năm.

a) Các thứ thuế :

★ *Thuế đinh.* Từ khi mới trung - hưng, họ Trịnh vẫn theo lệ nhà Lê. Việc sưu-dịch như việc tế-tự trong đền Vua phủ Chúa, sửa sang trường-thi, làm cầu cống, đắp đường, giữ dê thì tùy nghi mà bỏ các suất đinh lấy tiền cung-ứng. Về thuế đinh, cứ sáu năm làm sổ hộ-tịch một lần, rồi tùy số dân đinh nhiều ít mà đánh thuế. Thứ thuế thâu ấy gọi là « quý ». Dân đinh tùy hạng mà đóng thuế, một quan hay một quan tám tiền. Năm 1663, ông Phạm-công-Trứ, sau khi đã trình bày những gian lận và hà-lạm của kỳ-hào, xin đặt phép Bình-lệ. Về sau cứ theo sổ hộ-tịch nhất định một lần, làng nào phải đóng bao nhiêu xuất đinh sẽ theo như thế đóng mãi. Có sinh thêm hay chết đi cũng không kể. Nhưng dần dần người ta thấy làm như thế bất tiện. Vì triều-đình không biết rõ số dân đinh, mà thuế cũng hao hụt vì số dân tăng nhiều. Năm 1713 số dân nội-tịch phải đóng thuế chỉ có 206.315 xuất nhưng dân chịu rất nhiều thuế nặng-nề khác nữa.

★ *Thuế điền.* Về thuế điền, năm 1719, Trịnh - Cương sai các quan phủ huyện làm sổ đạc-diền để bỏ thuế cho đều. Công-diền chia làm ba hạng, đóng từ sáu tiền, tám tiền đến một quan mỗi mẫu hàng năm. Luật đó đến năm 1723 thì ông Nguyễn-công-Hăng sửa đổi lại cả đặt ra ba thứ thuế : Tô, dung, điệu. Lần đầu-tiên ruộng tư điền phải đánh thuế.

Theo phép Tô thì mỗi mẫu công - điền nộp 8 tiền. Tùy theo ruộng ấy cấy một mùa hay hai mùa mà nộp một phần hay hai phần ba bằng thóc, phần còn lại nộp bằng tiền. Đất bãi của quan thì mỗi mẫu nộp một quan hai tiền, đất trồng dâu nộp một nửa bằng tơ, chỗ nào không trồng dâu thì nộp bằng tiền. Ruộng tư-diền thì ruộng hai mùa nộp 3 tiền mỗi mẫu, ruộng một mùa 2 tiền.

Theo phép Dung tức là thuế thân thì theo 4 hạng dần mà đánh thuế. Cứ mỗi suất đinh nghĩa là người từ 20 tuổi trở lên thì phải đóng 1 quan 2 tiền. Còn sinh-đồ, lão-hạng (50 tuổi) và hoàng đinh (17 đến 19 tuổi) đóng một nửa. Cụ già 60 tuổi và viên-chức được miễn thuế.

Theo phép Điều tức là tiền sưu-dịch, mỗi suất đinh một năm phải đóng thuế hai lần, mùa hạ đóng 6 tiền, mùa đông đóng 6 tiền. Các quan lấy tiền ấy thuê thợ, thuê phu làm các việc công ích hay trang trải chi-phí các buổi lễ.

Ngoài thuế đinh và thuế điền còn có nhiều thứ thuế khác hay thay đổi.

★ *Thuế tuần - ti* tức thuế Thương - vụ. Vào thế - kỷ 17 nhiều tàu ngoại-quốc đến buôn bán trên sông Hồng-hà, nhất là ở phố Hiến (Hưng-yên) có nhiều hàng Trung-hoa, Nhật, Xiêm và Âu-châu. Ở đây thuyền bè ra vào tấp-nập, buôn bán phồn-thịnh nên người ta đã ví « Thứ nhất Kinh-kỳ, thứ nhì Phố Hiến ».

Thuyền bè chở gỗ, tre và hàng hóa trên sông đều phải đóng thuế. Triều-đình đặt tất cả 23 sở tuần-ti để thu thuế. Tre gỗ thì cứ 10 phần đánh thuế một phần, tạp-hóa thì 40 phần đánh thuế một phần.

★ *Thuế muối*. Năm 1721, họ Trịnh đặt thuế muối. Người làm muối phải nộp 20 phần trăm số muối làm ra được. Người buôn muối phải lĩnh thẻ của quan Giám-đương mới được mua muối. Trước hết phải mua muối công đã, rồi sau mới được mua của những người làm muối. Thuế muối rất nặng, giá muối lên cao mỗi đấu giá 1 tiền.

Dân-chúng rất ta-thán. Năm 1732 Trịnh -Giang phải bỏ thuế muối, nhưng về sau thiếu tiền, năm 1746 Trịnh -Doanh lại cho thu thuế muối, cứ mỗi bếp là 50 mẫu ruộng phải nộp 40 hộc muối. Mỗi hộc giá 180 đồng tiền tức 3 tiền. Từ năm 1724, lại còn thêm nhiều thứ thuế về chuyên-chở vàng, bạc, đồng, chì, thau, than củi, than đá, lụa, quế v.v...

Các mỏ vàng, bạc, thiếc, đồng, chì ở Tuyên-quang, Hưng-hóa, Thái-nguyên, Lạng-sơn trước kia vẫn do người Trung-hoa khai-khăn

rồi xảy biến năm 1740 nên bỏ hoang, Năm 1760, nhà vua trao cho các quan đại thần làm trong 5 năm được miễn thuế nhưng nhân công đa số là người Trung-hoa. Trong năm 1717 Trịnh-Cương đã hạn chế việc tuyển-mộ nhân-công Trung-hoa vì sinh ra nhiều sự phiền phức như loạn-lạc và trốn thuế.

b) Đo lường và tiền tệ :

Từ trước cứ 6 hạp là một thăng, năm 1666, ông Phạm-công-Trứ thống-nhất cách đo-lường. Ông lấy một cái ống gọi là Hoàng-chung-quần, đựng được 1200 hạt thóc gọi là một thược. Rồi cứ 10 thược là một hạp, 10 hạp là một thăng, 10 thăng một đấu, 10 đấu là một hộc (từ 270 đến 300 kilos).

Về tiền-tệ, Trịnh -Doanh bỏ tất cả các sở đúc tiền ở các trấn (1753) chỉ để lại hai sở ở gần kinh - đô. Đến năm 1776, chiếm được Thuận-hóa rồi thì họ Trịnh mở lò đúc tiền ở Phú-xuân, đúc được 3 vạn quan tiền Cảnh-hưng. Nhà nước cũng có đúc ra bạc lạng để tiêu dùng. Bạc ấy có thể chặt ra tiêu cũng được.

II. — Ngoại-giao

1. — Việc giao-thiệp với Trung-hoa : Họ Trịnh nhiều lần đuổi quân Mạc qua biên-giới nhưng vì nhà Minh can-thiệp nên phải để họ Mạc ở đất Cao - bằng. Năm 1616, Mãn - châu xâm nhập nước Trung-hoa. Vua Minh là Quế-Vương xưng đế ở Quảng - đông muốn nhờ Đại-việt cứu-viện nên phong cho vua Thần-Tôn làm An-Nam quốc - vương và phong cho Trịnh - Tráng làm phó vương. Họ Trịnh rảnh tay để đánh họ Nguyễn (1627).

Đến năm 1664, quân Mãn-châu chiếm được Bắc-kinh lập nên nhà Thanh lại theo chính-trị nhà Minh giúp họ Mạc. Một sứ-giả được cử đến Thăng-long xin cho Mạc-kính-Vũ trở lại bốn động ở Cao-bằng. Họ Trịnh phải ưng thuận để giữ tình giao-hảo với Trung - hoa. Diệt xong nhà Minh, Mãn - Thanh sai sứ sang Đại - việt dụ nhà Lê triều-cống rồi phong cho vua Huyền-Tôn làm An-Nam quốc-vương (1667).

Năm 1677, Mạc-kinh-Vũ theo giúp Ngô-tam-Quốc, nguyên tướng Minh chiêu quân chống nhà Thanh. Đến khi Ngô-tam-Quốc chết, Trịnh-Tạc cho sứ sang Trung-hoa kể tội Kinh-Vũ, rồi cất quân đánh nhà Mạc. Cao-bằng thất-thủ, Kinh-Vũ chạy sang Long-châu lại bị quân Thanh bắt nộp cho họ Trịnh. Họ Mạc từ đấy bị dứt hẳn.

Nước Đại-việt và nhà Thanh lại thông sứ như cũ. Hòa-bình kéo dài được 100 năm, tuy ở biên-cương thỉnh-thoảng có cuộc va-chạm nhưng điều-đình ổn-thỏa ngay.

2.— Việc giao-thiệp với Ai-lao : Ở phía tây, nước Lan-xang (Ai-lao, hay Lao-qua) thống-nhất, mở rộng hai bên bờ sông Cửu-long. Nước Lan-xang đang ở thời kỳ cực-thịnh dưới thời vua Souligua-Vongsa (1637-1691). Vua Lan-Xang (Lào) lấy con gái vua Lê-Thần-Tôn, Biên-giới hai nước được phân định rõ ràng : miền nào có núi « không làm trên cọc không có hiên » thì thuộc về Thăng-long, còn núi nào làm trên sào có hiên chạy quanh thì thuộc về Viên-chấn. Hồi ấy nước Lan-xang rất thịnh. Viên-chấn được thiết-lập thành kinh-đô từ năm 1563 nổi lên nhiều đình chùa có một kiến-trúc đặc-biệt của xứ Lào như chùa Vat P'ra Kéo và chùa Thất-luông. Vua Souligua mất, loạn nổi lên. Cháu vua là Ong-Lo (Triệu-Phúc) chạy sang Đại-việt (1696) được Trịnh-Căn giúp quân-nhu, hứa rằng nếu thắng sẽ thần-phục Đại-việt và ba năm triều cống một lần. Năm 1700, Ong-Lo chiếm được kinh-đô Lan-xang. Năm 1706 Ong-Lo cho sứ sang cống và lấy con gái họ Trịnh.

Nhưng nước Lan-xang lại xảy nội-chiến nữa giữa anh em nhà vua, nước Lan-xang chia làm ba miền : Luang Prabang ở phía bắc, Viên-chấn ở miền trung và Champassak ở miền nam.

CÂU HỎI

1. Nói về tính-cách trung-vương tập-quyền của họ Trịnh ? — **2.** Việc lập ra Binh-xu-bình có lợi có hại thế nào cho họ Trịnh ? — **3.** Pháp Bình-lệ là gì ? Có tiện không ? — **4.** Nói về việc giao-thiệp với nước Lan-xang. — **5.** Tại sao việc ngoại-giao giữa Đại-việt và nước Trung-hoa trong thời kỳ này được hòa-bình suốt 100 năm ?

BÀI ĐỌC

THUẾ QUẾ

Năm thứ 11 niên-hiệu Vĩnh-Thịnh đời vua Dụ-Tôn, bỏ lệnh cấm bóc quế, cho bán tự-do ; cho người thổ-trước bóc quế rồi đem nộp, người bóc được một nửa, nộp vào quan một nửa. Người bóc được 500 cân, thì cho 50 quan tiền và thu lấy quế.

Năm đầu niên-hiệu Bảo-Thái, Chúa Nhân-Vương cùng với quan Tề-tướng khi ấy là ông Nguyễn-công-Kháng bàn rằng : quế là thổ-sản của nước nhà, trước kia để cho dân đem bán tự với nhau, lợi cho kẻ buôn bán, mà công-khố không được gì. Nèn mới định đánh thuế, và sai quan coi việc bóc quế. Phàm người buôn bán hay dân thường, ai muốn bóc quế, thì làm giấy xin phép và dâng đồ lễ ; quan coi việc quế đợi có chỉ cho, thì cấp bằng cho làm quế-hộ (dân bóc quế). Khi vào rừng núi bóc quế, thì trước hết phải đến quan trình bằng, nộp tiền lễ là 10 quan cổ tiền. Quan hỏi địa-diểm chỗ bóc, rồi cấp giấy cho ; trong giấy biên rõ số xin bóc là bao nhiêu cân, sai người đưa đến cho dân xã ấy, sao giữ giấy ấy để làm bằng cho sự khám nghiệm về sau ; rồi người bóc quế mới được vào bóc, bóc được bao nhiêu cân, lại báo cho dân xã ấy biên lấy con số, rồi đem về đóng thành lũ, mỗi lũ là 100 cân ; đem đến trình bản Trấn, khám cân đúng số, thì cấp giấy rõ ràng cho. Khi qua các sở Tuần-ty, chiếu giấy khám xét mà đúng thì cho đi. Khi đến Kinh-thành, thì đem giấy của quan Trấn và các sở Tuần-ty trình quan coi việc quế ; khám đúng rồi thì đánh thuế, mỗi 100 cân quế giá cổ tiền là 100 quan thì đánh thuế 5 phần 10 (nghĩa là số quế chia đôi nộp vào của công một nửa và người bóc một nửa) ; rồi phần nào thì tự giữ lấy, nếu có thuyền buôn đến mua quế của công, thì làm giấy nội quan coi việc quế, để tâu xin chỉ cho mua bao nhiêu, rồi tùy thời giá mà thu thuế, mỗi 100 cân quế giá 100 quan cổ tiền, thì đánh thuế 5 phần 10 ; 1 quan cổ tiền thì lấy thuế 5 tiền. Phần quế của quế-hộ giữ, thì liệu tiền thuế mà bán. Khách buôn mua quế khi về, thì quan Trấn cho lính đưa ra khỏi địa hạt ; mỗi lần lấy tiền lộ phí 10 quan cổ tiền.

*Trích trong Lịch - triều hiến-chương
của trường Luật-Khoa Đại-học Saigon*

14 - SỰ-NGHIỆP HỌ TRỊNH : VĂN-HÓA VÀ XÃ-HỘI

DÀN BÀI

I.— Văn-hóa :

- 1) Tôn-giáo : đạo Phật thịnh.
- 2) Việc học-hành : suy-tiến Minh-kinh, Thông-kinh.
- 3) Các tác-phẩm văn-chương : lịch-sử, văn-thơ.
- 4) Nghệ-thuật : Chùa Bút tháp Đình Bảng.

II.— Xã-hội :

- 1) Nguyên-nhân cuộc nội-biến.
- 2) Những cuộc nội-biến : Nguyễn-hữu-Cầu,
Nguyễn-danh-Phương, Lê-duy-Mật.

I.— Văn-hóa

Tuy họ Trịnh phải đối phó với họ Nguyễn và họ Mạc, nhưng ở bình-nguyên Bắc phần được yên, nên văn-hóa được phát-triển.

1.— Tôn-giáo : Trong thời nhà Lê, đạo Khổng rất thịnh, Nho giáo trở thành đạo chính của triều-đình. Nhưng đến thế-kỷ 17 đạo Phật được các Chúa nâng đỡ, dần dần phục-hưng lại.

Chúa Trịnh cho xây và sửa chữa rất nhiều đền chùa và hay đi vắng cảnh chùa. Năm 1719 Trịnh vương thu thuế một năm cho

đán ba huyện đã gom góp công của trùng-tu chùa Phúc-long. Năm 1730, chỉ trong có một năm, Trịnh-Giang đã huy-động sáu ngàn người của ba huyện ngày đêm trùng-tu hai chùa Quỳnh-lâm và Sùng-nghiêm.

Thế-kỷ 16, nhiều vị tăng thành-lập các môn phái. Vị tăng Trung-hoa tên là Nhật-cư đem vào Đại-việt môn phái Tào-đồng. Những chùa Hòa-giai, Hàm-long và Chấn-quốc ở Hà-nội thuộc về môn phái đó.

Đến đời vua Lê-Hi-Tôn (1676-1705) Chùa Trịnh lập ra môn phái Liên-tôn, trụ-sở đặt tại chùa Liên-phái ở Bạch-mai (Hà-nội) và chùa Nguyệt-quang ở Kiến-an. Thầy của Chùa Trịnh đó là Chuyết-Công từ Phúc-kiến sang Đại-việt năm 1633 trụ-tri ở chùa Khán-sơn (Hà-nội), đã gây ảnh-hưởng lớn trong triều-đình. Chuyết-Công đã thúc giục Trịnh-Tráng trùng-tu lại chùa Bút-tháp, rồi sau một thời gian ở Phật-tích, Chuyết-Công về Bút-tháp rồi mất ở đó năm 1644. Môn-đệ là Minh-Hạnh đã cho bốc mộ Chuyết-Công và để ở tháp Bảo-nghiêm cạnh chùa Bút-tháp.

2.— Việc học-hành: Kỳ thi hội đầu tiên của thời trung-hưng mở ở Tây-kinh (Thanh-hóa) năm 1580, rồi cứ ba năm mở một kỳ thi Hội, nhưng luật thi còn cầu-thả, đến thời Trịnh-Tạc thì quy-định lại. Còn thi Hương thì cũng cứ 3 năm thi một lần; ở Thanh-hóa, Nghệ-an, Sơn-nam, Sơn-tây, Kinh-bắc, Hải-dương, Thái-nguyên, Hưng-hóa, Tuyên-quang, Lạng-sơn, Yên-quảng đều có trường thi. Sang thế-kỷ 18, công quỹ hao hụt, nhà nước đặt lệ nộp tiền Minh-kinh để lấy tiền làm trường ốc và khoản-đãi khảo-quan. Năm 1750 đặt ra lệ thu tiền Thông-kinh. Hễ ai nộp ba quan thì được đi thi không phải khảo hạch, cho nên ai cũng đi thi.

« Vì thế, những người đi làm ruộng, đi buôn, đi bán thịt, ai cũng được nộp quyền vào thi, đến nỗi lúc vào thi người tranh nhau vào trường xéo đạp lẫn nhau, có người chết. Vào ở trong trường người thì dùng sách, kẻ đi thuê người làm bài, học-trò với quan

trường thông với nhau, thành ra cái chợ thi. Từ đấy, các kỳ thi hoàn toàn mất thế ».

Ngoài ra còn có trường học võ, như đã nói ở phần binh-bị.

Trước đây những sách học Tứ-thư, Ngũ-kinh đều phải mua của Trung-hoa, đến năm 1734 Trịnh-Giang cho khắc in rồi phát ra mọi nơi, lại cấm không cho mua sách in của Trung-hoa.

3.— Các tác-phẩm văn-chương : Tuy sự học hành cầu-thủ, nhưng nghề in bản gỗ ở Liêu-tràng và Hồng-lục (Hải-dương) làm phổ-biến các áng văn và kiến-thức của dân-chúng mở rộng.

Trong hai thế-kỷ 17 và 18, nhiều tác-phẩm sử-học ra đời. Năm 1663 Trịnh-Tạc cử ông Phạm-công-Trứ xét lại lịch-sử từ đời Hồng-Bàng đến đời Lê-Cung-Hoàng rồi chép sử từ đời Lê-Trang-Tôn tới Lê-Thần-Tôn (1533-1662). Bộ sử làm xong năm 1665 nhưng chưa in xong. Năm 1697 Trịnh-Căn truyền cho Lê-Hi và Nguyễn-quý-Đức chép sử từ Lê-Huyền-Tôn đến Lê-Gia-Tôn (1663-1675). Tất cả hai phần ấy gồm lại gọi là Đại-việt sử-ký tục-biên. Cuối năm 1697 bộ Đại-Việt sử-ký bắt đầu từ Lê-văn-Hưu, Ngô-sĩ-Liên mới in xong ở Liêu-tràng. Bộ sách gồm 24 quyển chia làm ngoại-kỷ từ Hồng-Bàng đến nhà Ngô (5 quyển) và bản-kỷ từ nhà Đinh đến Lê-Gia-Tôn (19 quyển), Đó là bộ sử giá-trị, một tài-liệu quý-giá của lịch-sử Việt-nam. Về sau Trịnh-Sâm sai Nguyễn-Hoàn, Lê-quý-Đôn và Vũ-Miên tiếp-tục viết sử từ đời Lê-Hi-Tôn (1676).

Ngoài bộ sử đó còn có những tác-giả viết sử và phê-bình lịch-sử như quyền Việt-sử bi lâm của Nguyễn-Nghiêm và Việt-sử tiểu án của Ngô-thời-Sĩ. Con Ngô-thời-Sĩ là Ngô-thời-Chi viết quyền Hoàng Lê nhất thống chí. Còn Hồ-sĩ-Dương duyệt lại cuốn Lam-sơn và viết Lê-triều thực lục, và Nguyễn-Hoàn Phan-huy-Ôn đã ghi lại những khoa thi từ đời nhà Lý đến nhà Lê.

Trong những nhà viết sử đặc-biệt phải kể đến Lê-quý-Đôn, Biệu Quế-dương. Còn trẻ ông đã thi đỗ làm quan. Năm 1760 ông

sang sứ bên Trung-hoa tỏ ra rất tài giỏi về văn-chương. Ông đã viết nhiều tác-phẩm thơ-văn hay lịch-sử giá-trị như cuốn Đại-việt thông sử, Phủ-biên tạp-tục, Bắc-sử thông-lục và Kiến-văn tiêu-lục.

Hai tác-phẩm nổi danh nữa là quyển Vũ Trung tùy-bút của Phạm-đình-Hồ và Tang Thương ngẫu lục của Phạm-đình-Hồ và Nguyễn-Án. Tác-giả đã miêu-tả xã-hội Việt-nam thời bấy giờ.

Ngoài ra còn có quyển Chinh-phụ-ngâm của Đặng-trần-Côn, Cung-oán ngâm khúc của Nguyễn-gia-Thiều, Hoa tiên truyện của Nguyễn-huy-Tự, Phở Chiêu Thiển sư thi tập và Sơ kinh tân trang của Phạm-Thái. Nữ thi-sĩ cuối thế-kỷ này là Hồ-xuân-Hương.

4.— Nghệ-thuật : Về kiến-trúc ở thế-kỷ 17 và 18, người ta thấy xuất hiện nhiều đền chùa, tháp ở đồng bằng sông Hồng-hà : chùa Hương-tích, chùa Ninh-phúc ở Bút-tháp với tháp Bảo-nghiêm và đình ở Đình-bảng. Những bức tượng Quan-âm và Phật-tổ ở chùa Ninh-phúc cho ta thấy nghệ-thuật điêu-khắc tiến cao. Còn về trang-trí thời ấy có tính cách kỹ-hà-học. Những đường thẳng thay cho đường cong của triều-đại trước.

Âm-nhạc từ đời Quang-Hưng (1578) không được chăm nom đến nên mất hẳn tính cách nghệ-thuật. Âm-nhạc chỉ còn là kẻ sinh nhai của giáo phường.

II.— Xã-hội

Trịnh-Tạc, Trịnh-Căn, Trịnh-Cương làm Chúa, trong nước đều được yên trị. Nhưng từ đời Trịnh-Giang, loạn-lạc nổi lên khắp nơi, dân-chúng rất khổ sở.

1.— Nguyên-nhân cuộc nổi loạn : Tình trạng xã-hội hỗn độn này gây ra là do sự phân chia của cải trong nước không đều. Những công thần có trang trại lợi-dụng những biến-cố trong nước

chiếm dần ruộng công và tư của dân-chúng. Mặc dầu có sắc dụ (1711) cấm các người qui-tộc không được lập trang trại, việc chia công điền thì cứ sáu năm một lần dưới sự kiểm-soát của các quan nhưng uy-thế họ Trịnh đã suy. Sắc dụ ra không được ai để ý.

Dân-chúng mất ruộng lại bị thuế má, sưu dịch, phải đi làm thuê trong các trại để trốn tránh đi phu đi lính. Ngoài ra còn những vụ lụt, mất mùa đói kém tạo nên lớp người vô gia-cư, sinh ra trộm cướp.

Nhất là từ khi Trịnh-Giang nối nghiệp Chúa. Tính chơi bời làm hao hụt công quỹ. Tính Chúa tàn ngược, giết vua, giam đại-thần Nguyễn-công-Hăng đến phải tự-tử, các tôn thất và dân-chúng phân-uất, nổi loạn. Đường sá, trạm dịch đi không được, phải có đồn hỏa hiệu ở trên đỉnh núi để phòng khi có việc gì thì đốt lửa báo tin.

2.— Các cuộc nổi loạn : Loạn nổi dữ-dội nhiều nơi từ năm 1739 ở Ninh-xá, Mô-trạch, Sơn - nam lấy khẩu hiệu : « Phù Lê diệt Trịnh ». Hàng ngàn hàng trăm người mang bừa, vác gậy theo các tướng khởi nghĩa. Trong mười năm cuộc nội loạn tràn khắp nơi.

Ở triều-đình Trịnh-Giang chơi bời quá độ, bị triều-thần truất rồi lập em là Trịnh -Doanh lên thay. Trịnh -Doanh nhờ có tướng Hoàng-ngũ-Phúc và Phạm-đình-Trọng dẹp được các loạn.

Trong các loạn, lớn hơn cả là loạn Nguyễn-hữu-Cầu, Nguyễn-danh-Phương và Lê-duy-Mật.

Nguyễn-hữu-Cầu tục gọi Quận He chiếm suốt bờ bể phía Đờ-son, đến năm 1743 tự xưng làm Đông-đạo Thống-quốc Bảo-dân Đại-tướng-quân. Thường những khi cướp được thóc gạo của các thuyền buôn, Quận He đem phân phát cho dân nghèo vì thế nhiều người theo và đi đến đâu có lương thực đấy. Nguyễn-hữu-Cầu là tướng gan dạ, có khi bị vây chặt mà chỉ một mình trên yên ngựa phá vòng vây và chỉ mấy ngày đã có hàng vạn người theo. Sau khi đã lấy được thành Kinh-bắc Nguyễn-hữu-Cầu phá được hai tướng của họ Trịnh ở Thị-cầu và tiến về uy-hiệp Thăng-long. Bị vây tứ phía, Nguyễn-hữu-Cầu

giả hàng rồi đến Sơn-nam. Bị bại ở Cầm-giang, ngay đêm Hữu-Cầu đánh Bồ-đề ngay sát Thăng - long. Tướng Phạm - đình - Trọng phải 10 năm mới dần được Nguyễn-hữu-Cầu từ trấn này qua trấn khác rồi sau bắt được ở Nghệ-an đóng cũi đem nộp cho Chúa Trịnh (1751).

Nguyễn - danh - Phương cũng là một tướng lợi hại tục gọi là Quận Heo, trong 6 năm chiếm miền thượng-du Thái-nguyên Tuyên-quang. Ở đây Nguyễn-danh-Phương có quân-đội, tổ-chức cai-trị và thu thuế. Trịnh-Doanh phải đích thân cầm quân chống giặc. Vừa năm Nguyễn-hữu-Cầu bị bắt thì loạn Nguyễn-danh-Phương cũng bị tan và hai tướng phiến-loạn bị chém cả.

Từ đây, loạn tan dần, nước trở lại an-ninh ; chỉ có Hoàng-công-Chất còn cầm cự ở Hưng-hóa đến năm 1769. Chúa Trịnh cũng cố gắng sửa sang việc cai-trị, bắt khai-khẩn đất hoang, bỏ thuế chuyên-chở gạo.

Trong tôn-thất, có Lê - duy - Mật cầm cự lâu hơn cả. Bị đánh đuổi Lê-duy-Mật trốn về Nghệ-an rồi rút về núi Trấn-ninh. Trong 10 năm Duy-Mật không hoạt động gì, đến năm 1764 Lê-duy-Mật cầu cứu Chúa Nguyễn - võ - Vương nhưng Chúa Nguyễn từ chối. Năm 1767, Trịnh-Doanh mất, Duy-Mật kéo xuống bình-nguyên nhưng lại rút về Trấn-ninh ngay, Trịnh-Sâm phải huy động quân ba trấn Thanh-hóa Nghệ-an và Hưng-hóa dưới sự điều-khiển của Bùi - thế - Đạt tiến về Trấn-ninh (1769). Lê-duy-Mật định cố-thủ nhưng người con rể là Lai-thế-Chiêu làm phản mở cửa lũy cho quân Trịnh. Lê-duy-Mật thấy nội biến cùng vợ, con tự thiêu chết.

Tuy giặc đã dẹp xong, nhưng đất nước bị nghèo nàn, họ Trịnh suy kéo theo cả sự suy-tàn của nhà Lê để nước Đại-việt tiến sang giai đoạn khác.

CÂU HỎI

1. Đạo Phật ảnh-hưởng thế nào đến chính-trị của họ Trịnh ? — 2. Nguyên-nhân gì đưa đến sự đời bại trong việc thi-cử ? — 3. Tình trạng xã-hội dưới thời Chúa Trịnh ? — 4. Tại sao Nguyễn-hữu-Cầu được dân theo đông ?

15 - SỰ-NGHIỆP HỌ NGUYỄN

CHÍNH-TRỊ VÀ VĂN-HÓA

DÀN BÀI

I.— Chính-trị .

1) Việc cai-trị :

Chính-dinh. Tứ-trụ, Tam-ty.

2) Binh-bị : *Xưởng đúc súng. Chiến thuyền.*

3) Tài-chính : *Khẩn đất hoang. Khai mỏ,
Thuế thương-vụ.*

II.— Văn-hóa :

1) Tôn-giáo : *Đạo Phật, Tam-giáo.*

2) Việc học-hành : *Thi Chính-dù, Hoa-văn.*

3) Văn-chương : *Nguyễn-cư-Trình :
Truyện Sãi-Vãi.*

4) Nghệ-thuật : *Chùa Thiên-mụ, Quốc-ân,
Bảo-quốc.*

I.— Chính-trị

Vào ở miền Thuận, Quảng, họ Nguyễn phải tổ-chức như một nước mới. Đầu tiên phải đối phó với họ Trịnh, Chúa Nguyễn chuyên lo về binh-bị. Nhưng từ khi sông Gianh đã phân chia Nam Bắc, họ Nguyễn lợi-dụng 100 năm hòa - bình để gây dựng một miền hoàn-toàn độc-lập.

1.— Việc cai-trị : Nguyễn-Hoàng đưa quân vào đóng miền Nam theo phép cai-trị của nhà Lê. Trước khi đổi-lập với họ Trịnh, Đông-dò vẫn bổ quan-lại vào coi việc hành-chính. Nhưng từ khi Chúa Sãi Nguyễn-phước-Nguyên không nộp thuế cho vua Lê nữa (1626) và chiếm miền Nam Bó-chánh thì họ Nguyễn tổ-chức lấy chính-phủ riêng.

Ở Chính-dinh nơi chính-phủ trung-ương đóng thì chúa Nguyễn đặt Tam-ty để giúp việc : Xá-sai-ty coi việc hành-chính và hình-án có quan Đô-tri và Ký-lục điều-khiển ; Trướng-thần-lại-ty coi việc thu thuế và quân lương ở cửa các đạo, có quan Cai-bạ đứng đầu Linh-sử-ty coi việc tế-tự và việc quân-lương ở chính-dinh, có quan Nha-úy làm đầu. Mỗi ty lại có quan Cai-hợp, Thủ-hợp và các lại-ty giúp việc.

Ngoài các dinh thì tùy nơi quan-trọng mà đặt ty, có nơi chỉ có Linh-sử-ty coi tất cả mọi việc của cả 2 ty kia, có nơi thì đặt Xá-sai-ty và Linh-sử-ty để coi về quân-dân, từ tụng, đình-diên, sổ-sách, thuế-khoá.

Ở phủ huyện có Tri-phủ, Tri-huyện coi về từ tụng, bên cạnh có đề-lại, thông-lại giúp việc khám xét. Về tế-tự ở sở tại có huấn-đạo và lễ-sinh. Thu thuế lại có quan đặc-cử riêng về việc ấy.

Năm 1635-1648, chúa Thượng Nguyễn-phước-Lan giữ quyền đặt thêm chức nội-tả, ngoại-tả, nội-hữu, ngoại-hữu, gọi là Tứ Trụ để giúp Chúa coi việc trị dân.

2.— Việc binh-bị : Triều-dinh quan-tâm nhất về việc tổ-chức binh-bị để gìn-giữ nền độc-lập. Quân-đội thời bình gồm có từ 36 đến 40 ngàn người chia làm 5 cơ : trung-cơ, tả-cơ, hữu-cơ, tiền-cơ, hậu-cơ. Họ Nguyễn được người Bồ-đào-nha giúp quân-nhu : một xưởng đúc súng đại-bác đặt gần ở Huế từ năm 1615. Năm 1631 Chúa Sãi lại lập thêm một xưởng nữa, đồng thời mở trường dạy bắn, dạy kỵ-mã và huấn-luyện voi. Ở miền Nam, sông ngấn, nước chảy mạnh không tiện việc tổ-chức chiến thuyền trên sông như ở ngoài Bắc nhưng bờ

biển dài nên họ Nguyễn cũng có 133 chiến-thuyền mạnh-mẽ. Do đó Nguyễn-phước-Tần đã phá tan quân Hòa-lan năm 1643.

Chúa Nguyễn lại đặt chức : chưởng-dinh, chưởng-cơ, cai-cơ, cai-đội để coi việc binh-bị. Nhưng chỉ những người trong bản-tộc hoặc bản huyện (huyện Tống-sơn) và người Thanh-hóa mới được bổ vào các chức ấy và con cháu họ đời đời được nhiều miễn. Người xứ Thuận, Quảng gọi là bách-tính dù họ có làm chức cai, đội cũng chỉ trông nom các đội nhỏ và con cháu họ được miễn thuế.

3. — Tài-chính : Họ Nguyễn cũng thu thuế gây tài-chính như ở đảng Ngoài. Để dễ thu thuế, cứ 6 năm một lần các xã-trưởng phải làm lại sổ dân đinh và phải phân-biệt rõ chính-hộ và khách-hộ. Chính-hộ nộp thuế nặng hơn khách-hộ và nộp tùy theo hạng : tử-tôn, dân hạng, lão hạng v.v... Hạng nào cũng phải nộp tiền sai-dư nghĩa là các món phụ như tiền cước mễ v.v... Thuế điền-thổ chia làm bốn hạng tùy theo diện-tích, và tùy theo tốt xấu. Triều-dinh khuyến-khích khai khẩn đất hoang. Ai khai khẩn đất hoang thành ruộng thì cho là tư điền. Công-diền thì được phân chia cho dân cày cấy rồi tùy theo ruộng đóng thuế. Thuế điền-thổ lại có 2 món phụ là : tiền mẫu-mễ và phụ-tiền dùng để trả nợ lộc cho các nha. Thuế các ruộng công tư đều để ở kho dùng vào việc công-ích. Các quan điền-trang và đồn-diền đều là của riêng nhà chúa, cho dân cấy rẽ, đến mùa lấy lúa cấp nợ lộc cho các thân-tộc và cận-thần nhà Chúa.

Việc khai mỏ cũng được khuyến-trương : vàng ở Quảng-nam và Thuận-hóa, bạc ở Quảng-ngãi, sắt ở đất Bồ-chánh.

Thuế thương-vụ cũng mang lại nguồn-lợi lớn. Nước nhiều tài-nguyên lại cho tự-do mậu-dịch nên nhiều tàu ngoại-quốc. Trung-hoa, Nhật-bản, Cao-mên, Xiêm, Ma-caoa, Ma-ni, Mã-lai và Âu-châu cập bến buôn bán, nhất là ở Hội-an. Các tàu ra vào bến phải đóng thuế, tàu đi càng xa thuế càng nặng. Tàu ở Thượng-hải, Quảng-đông lại nộp 3.000 quan lúc đi nộp 300 quan. Từ Ma-caoa, Nhật-bản lại nộp 4.000 quan lúc đi nộp 400 quan. Tàu ở Xiêm, ở Lữ-tống lại nộp 2.000

quan đi nộp 200 quan. Tàu ở Tây lại nộp 8.000 quan, đi nộp 800 quan. Thuế chia làm 10 thành : 6 thành đem vào kho, còn 4 thành để lại cho quan quân trông coi việc thu thuế.

Tiền có hai thứ : tiền đồng và tiền kẽm khắc chữ « Thái-bình ». Từ năm 1753, có làm sổ chi thu hằng năm đến ngày mồng ba tháng giêng thì dâng lên cho Chúa. Có năm thu được hơn 338,100 quan mà phát ra hơn 364.400 quan, có năm được hơn 423.300 quan mà phát ra hơn 369,400 quan. Vàng thu được có năm 830 lượng, có năm 890 lượng.

4 — Dinh Chúa Nguyễn ở thế - kỷ 18 : Nguyễn-Hoàng vào lập-nghịệp ở miền nam, đầu tiên ở đất Thuận-hóa đóng dinh ở Ái-tử (huyện Đăng-xương, Quảng-trị). Thế-lực càng mạnh, đất tiến về miền nam thì Chúa Nguyễn cũng đặt dinh ở trung-ương cho dễ cai-trị và xa dần ảnh-hưởng của họ Trịnh. Năm 1570, nghĩa là 13 năm sau, Nguyễn-Hoàng dời vào Trà-bát. Đến năm 1626 Chúa Sãi Nguyễn-phước-Nguyên sửa soạn chống nhau với họ Trịnh, dời dinh vào làng Phúc-an (huyện Quảng-diên, Thừa-thiên) và đổi tư-sở làm phủ.

Năm 1636 Chúa Thượng Nguyễn-phước-Lan dời phủ vào làng Kim-long (huyện Hương-trà Thừa-thiên).

Năm 1687 Chúa Ngãi Nguyễn-phước-Trần bỏ Kim-long về Phú-xuân gọi là chính dinh. Chỗ phủ cũ để thờ Chúa Hiền gọi là Thái-tòn-miếu.

Năm 1744 Võ-Vương xưng vương-hiệu đổi phủ làm điện chia nước làm 12 dinh : Chính-dinh (Phú-xuân), Cựu-dinh (Ái-tử) Quảng-bình, Vũ-xã, Bố-chính, Quảng-nam, Phú-yên, Bình-khang, Bình-thuận, Trấn-biên, Phiên-trấn, Long-hồ.

Mỗi dinh có quan Trấn thủ, Cai-bạ, Ký-lục cai-trị. Còn phủ Quảng-ngãi, Qui-nhơn thuộc về tỉnh Quảng-nam, mỗi phủ có quan Tuần-phủ và quan Khám-lý trông coi.

II.— Văn-hóa

Tuy họ Nguyễn phải tồ-chức binh-bị để củng-cố thế-lực ở miền nam, về văn-học Chúa Nguyễn cũng cố gây dựng để giữ lấy nếp cũ của tồ-tiên.

1.— Tôn - giáo : Chúa Nguyễn lấy đạo giáo làm khuôn mẫu cho việc chính-trị và văn-hóa. Năm 1601 Nguyễn-Hoàng sai dựng ở phía tây thành Huế một ngôi chùa nổi danh. Một hôm Nguyễn-Hoàng nằm mơ ngồi trên một mô đất bên bờ sông Hương, có một bà cụ già mặc áo đỏ nói tiên-tri rằng Nguyễn-Hoàng sẽ lập một triều-dại huy-hoàng ở nơi đây. Để ghi nhớ bà cụ già đó Nguyễn-Hoàng lập ngôi chùa ấy gọi là chùa Thiên-Mụ.

Nhưng người kế vị sau này như chúa Hiền, Chúa Ngãi, Quốc-Chúa và Võ-Vương đều là những vị sùng đạo Phật, cho xây cất hay tu sửa các đình chùa, và đón mời các vị tăng Trung-hoa trốn nhà Mãn-Thanh sang Đại-việt.

Vì thế nhà sư Tạ - nguyên - Thiệu, người đã lập ra môn phái Lâm-lẽ, từ Quảng-đông đến Bình-định năm 1665. Nhà sư đến Phú-xuân năm 1682 rồi xây chùa Vĩnh-ân sau gọi là Quốc-ân. Một ngành của môn phái Lâm-lẽ do nhà sư Việt-nam tên là Liễu-Quan lập nên được thịnh-hành ở miền Trung.

Các chùa đền dựng nên ở Phú-xuân làm cho kinh-đô mới đó trở nên quan-trọng ngang với Thăng-long. Quốc-Chúa cho mở rộng chùa Thiên-mụ, đúc chuông và xây tháp. Khoảng năm 1710 nhà sư Trung-hoa Giác-Phong xây chùa Bảo-quốc.

Chúa Nguyễn có gửi các vị tăng sang Trung-hoa lấy kinh, tượng Phật và những đồ thờ về Việt-nam.

Mặc dầu đạo Phật được các Chúa nâng đỡ nhưng dần dần cũng bị suy rồi cùng với đạo Khổng và đạo Lão trở thành một tôn-giáo hỗn-hợp gọi là Tam-giáo. Thế - kỷ 17 và thế - kỷ 18 bắt đầu có sự hỗn-

hợp của ba tôn-giáo Phật, Khổng, Lão, làm thành một tôn-giáo chính của dân-tộc Việt-nam. Dân Việt-nam rút ở trong ba đạo đó những đạo-lý căn-bản thiết cần cho mỗi hạng người trong xã-hội.

2.— Việc học-hành : Họ Nguyễn mới vào khai-khẩn miền nam nên việc học - hành thi-cử chưa được mở mang như ở Đàng Ngoài.

Bước đầu các quan to tiến cử những người có tài năng, hay Chúa Nguyễn lựa chọn các con cháu nhà quý-tộc công-thần để bổ dụng làm quan. Năm 1646 mới mở các khoa-thi Chính-đồ và Hoa-văn để tuyển lựa.

Thi Chính-đồ gồm có ba kỳ : kỳ đệ nhất thi tứ lục, kỳ đệ nhị thi thơ phú và kỳ đệ tam thi văn sách. Các quan Tri-phủ, Tri-huyện được chọn làm sơ-khảo ; Cai-bạ, Ký-lục và Vệ-úy làm giám-khảo. Những người đỗ chia làm ba hạng : hạng giám-sinh được bổ Tri-phủ, Tri-huyện ; hạng sinh-đồ làm Huấn-đạo, hạng thứ ba cũng gọi là sinh-đồ được bổ làm Lễ-sinh hay Nhiều-học.

Thi Hoa-văn thi có 3 ngày gồm có ba bài thơ, ai trúng thi được bổ làm viên chức ở Tam-ty.

Năm 1675 Nguyễn-phước-Lan mở khoa thi đặc-biệt gọi là Thái-phòng. Bài thi hỏi về tình-trạng nhân-dân và việc Lê-Trịnh để chọn người tài giỏi, am-hiểu tình-hình. Năm 1695, Nguyễn-phước-Chu mở khoa thi Văn-chức và thi Tam-ty. Thi Văn-chức thi tứ lục, thơ phú, văn sách. Thi Xá-sai-ty thi hỏi về binh lính, tiền lương, tù tọng ; thi Tướng-thần-lại-ty và Lịnh-sử-ty chỉ làm một bài thơ. Năm 1740, Võ-vương Nguyễn-phước-Khoát (1738-1765) sửa lại các phép thi, ai đậu kỳ đệ nhất thi gọi là Nhiều-học được miễn sai 5 năm ; đậu kỳ đệ nhị và kỳ đệ tam được miễn sai chung thân, đậu kỳ đệ tứ gọi là Hương-cống được bổ làm Tri-phủ, Tri-huyện.

Việc thi-cử tổ-chức còn sơ sài lắm. Nhưng đặc-biệt là họ Nguyễn mở khoa thi cho tất cả mọi người được dự không phân-biệt

tông-tịch hay chủng-tộc, như ông Đào-duy-Từ con nhà xương ca được làm đến Thượng-thư.

3.— Văn-chương : Cuối thế-kỷ 17, Chúa Nguyễn lập nhiều trường và xây Văn-miếu thờ Khổng-Tử ở gần Huế. Mạc-thiên-Tứ ở Hà-tiên hội những nhà sư ở Quy-nhơn và nhà văn đề bàn luận văn thơ còn ghi lại trong cuốn « Hà-tiên thập vịnh ». Bên cạnh những thơ văn chữ nho, thơ nôm cũng rất phát-triển. Nhà văn nổi tiếng nhất là Nguyễn-cư-Trình viết truyện « Sãi Vãi » bằng quốc âm. Ông Ngô-thế-Lân cũng đề lại tập thơ « Phong - trúc tập » và ông Đào-duy-Từ bài « Ngọa long cương ».

4.— Nghệ-thuật : Mặc dầu phải chiến-tranh, họ Nguyễn cũng kiến - trúc được nhiều chùa đẹp : chùa Thiên - mục, Quốc-ân và Bảo - quốc bên bờ sông Hương.

Chúa Hiền cũng cho đúc những vại đồng hiện còn trưng bày trong cung-diện Huế để kỷ-niệm những trận thắng họ Trịnh. Trong những công-trình nghệ - thuật, thời ấy thường lấy giồng, phượng làm đề-tài trang-trị.



Một chiếc đỉnh đặt lại Nội-thành Huế.

CÂU HỎI

1. So-sánh cách tổ-chức cai - trị của họ Nguyễn và họ Trịnh ? **Phê-bình** mi tô-chức đó. -- **2.** Nguồn lợi quốc-gia thời xưa trông nhờ vào cái gì ? -- **3.** Sự khai-thác nguyên-liệu của đất nước có dồi dào không ? **Tại sao** ? -- **4.** Tam-giáo là gì ?

16 - SỰ-NGHIỆP HỌ NGUYỄN

CUỘC NAM TIẾN

DÀN BÀI

I.— Lấy Chiêm-thành :

- 1) Lấy Phú-yên, Khánh-hòa.
- 2) Nước Chiêm-thành mất (1697).

II.— Cuộc di-dân vào Nam :

- 1) Người Đại-việt di-cư tới Bà-rịa, Biên-hòa.
- 2) Người Trung-hoa trú-ngụ ở Biên - hòa, Mỹ-tho.

III.— Chiếm đất Chân-lạp :

- 1) Lập dinh Trấn-biên và Phiên-trấn.
- 2) Lấy Hà-tiên.
- 3) Chiếm miền hạ-lưu sông Cửu-long.
- 4) Chiến-tranh với nước Xiêm.

I.— Lấy Chiêm-thành

Nguyễn-Hoàng vào chiếm Đàng Trong muốn mở mang thêm đất về miền Nam để có lực-lượng ngang với họ Trịnh. Cuộc Nam-tiến này làm cho họ Nguyễn nổi danh trong lịch-sử vì đã biến miền bình-nguyên Cửu-long đầy cây đước rậm-rạp trở thành vựa thóc của nước Việt-nam.

1.— Lấy Phú-yên, Khánh-hòa : Nước Chiêm-thành, từ khi Đồ-bàn thất-thủ năm 1471, bị mất đất và bị chia làm ba nước nhỏ, dần dần suy tàn, không có quân-đội, không có của cải để sống. Năm 1543 Vua chiêm còn cố-gắng sai sứ sang nhà Minh, đó là sứ-giã cuối cùng của Chiêm - thành. Năm 1611, nhân dịp người Chiêm - thành ra quấy phá Quảng-nam, Nguyễn-Hoàng đem quân dẹp giặc rồi tiến

luôn chiếm Phú-yên (Sông Cầu). Các Chúa kế-vị sau này cũng áp-dụng chính-sách xâm-lược đó. Sau vua Chiêm là Bá-Thấm định lợi-dụng sự lộn-xộn trong triều-đình Nguyễn để nổi dậy, nhưng Chúa Hiền (Nguyễn-phước-Tần) dẹp yên rồi phân ranh giới : vua Chiêm cai-trị từ sông Phan-rang trở vào. Còn từ sông Phan-rang trở ra đặt thành dinh Thái-khang và phủ Diên-khánh (Khánh-hòa) 1653.

2.— Nước Chiêm-thành mất : Bốn mươi năm sau, vua Chiêm là Bà-Tranh bỏ không tiến cống. Chúa Nguyễn-phước-Chu cho quân đi đánh bắt được vua Bà-Tranh giải về Phú-xuân. Còn bao nhiêu đất thuộc Chiêm-thành thì đổi làm đạo Thuận-thành, năm 1697 đổi là Bình-thuận ; Phan-ly, Phan-lang thì đổi làm huyện Yên-phúc và huyện Hòa-da. Nguyễn-phước-Chu còn giữ các quan chức Chiêm-thành cho các thần-tử vua Chăm bị bắt là Tả-Trà-Viên, Kế-Bà-Tử làm chức khám-ly còn 3 người con Bà-Ân cho làm Đồn - đốc giữ Thuận-thành nhưng bắt phải mặc y-phục Việt-nam.

Tuy đến năm 1720, con cháu vua Chiêm còn cai-trị, nhưng mất Bình-thuận nước Chiêm-thành coi như mất hẳn.

II. — Cuộc di-dân vào bình-nguyên Cửu-long

1.— Người Đại-việt vào miền Nam : Nước Chân-lạp xưa kia chiếm tất cả miền bình-nguyên sông Cửu-long rộng rãi và phì-nhiều, nhưng thời ấy miền hạ-lưu còn đầy những rừng đước và nhiều lạch ngang dọc ; nhiều nơi thì toàn cỏ cói mọc cao, có chỗ đất bùn phải chặt cây bắc cầu mới đi được. Bên cạnh mảnh đất hoang mà phì-nhiều đó Chúa Nguyễn cũng muốn mở đất. Sang thế-kỷ 17, chiến-tranh Trịnh Nguyễn làm cho dân ta đói khổ phải bỏ xứng lập-nghiep ở miền Nam vỡ đất ở Mô-soài (Bà-rịa) và ở Đồng - nai (Biên - hòa) là miền rất thừa dân Chân-lạp và đất bỏ hoang nhiều. Về sau có cả những người bị đi đày, lính đào ngũ và kẻ du thủ du thực cùng đến đây làm ăn.

Lúc đó nước Chân-lạp cũng bắt đầu suy-yếu. Trong nước luôn luôn có nội-loạn tranh dành quyền vị. Phía tây bị nước Xiêm luôn

luôn xâm-lăng. Kinh-đô Angkor đã hai lần thất-thủ, năm 1353 và 1394. Sau đó vua Chân-lạp cho thiên kinh-đô về Nam-vang và phải triều-cống Xiêm.

Năm 1658 vua Chân-lạp mất, em vua làm phụ-chính cướp ngôi nhưng bị cháu là Nặc-ông-Chân, Thái-tử, giết đi để lấy lại ngôi. Nặc-ông-Chân lên ngôi Chân-lạp, họ nhà vua không bằng lòng sang Đàng-Trong xin Chúa Nguyễn giúp. Chúa Hiền lấy cơ quân Chân-lạp vi phạm biên-giới đem một đạo quân 3.000 người đánh Mô-soài. Nặc-ông-Chân bị bắt giam ở Quảng-bình. Về sau được tha Nặc-ông-Chân phải hứa sẽ triều-cống và binh-vực người Việt-nam sang làm ăn bên ấy.

Năm 1674, Nặc-ông-Đài mang quân Xiêm về đánh Chân-lạp. Nặc-ông-Nộn chạy sang Đại-việt cầu-cứu. Chúa Hiền sai quân chia làm 2 đạo đánh Nặc-ông-Đài chiếm đồn Sài-côn và tiến quân vây Nam-vang. Nặc-ông-Đài chạy vào chết ở trong rừng. Nặc-ông-Thu ra hàng. Nặc-ông-Thu là chính dòng nên được lập làm chánh Vương giữ Long-úc (Oudong), còn Ông-Nộn làm đệ-nhi quốc-vương ở Sài-côn.

Cả hai phải triều-cống triều-đình Phú-xuân.

2.— Người Trung-hoa vào miền Nam : Năm 1679 có 2 quan Trung-hoa là Dương-ngạn-Địch, trấn-thủ đất Long-môn (Quảng-tây), và Trần-thượng-Xuyên, tổng-binh châu Cao, châu Lôi và châu Liêm (Quảng-tây) cùng với hai phó tướng Hoàng-Tiến và Trần-an-Bình và 3.000 lính đi 50 chiếc thuyền tới Đại-việt. Đó là những quan của nhà Minh trung-thành với triều-dại cũ bỏ nhà Mãn-Thanh mới cướp ngôi sang xin trú ngụ ở miền Nam. Chúa Hiền ngại đề số lính có khi-giới này ở bên mình nên viết thư cho Nặc-ông-Nộn đề họ vào ở binh-nguyên sông Cửu-long. Những người Trung-hoa đó lại tiến về cửa sông Cửu-long rồi chia làm hai : một đoàn theo Ngạn-Địch ở Mỹ-tho (Định-tường), còn một đoàn theo Thượng-Xuyên ngược sông Đồng-nai lập-nghiệp ở Ban-lân (Biên-hòa). Người thì cấy cấy, người đi buôn-bán, chẳng bao lâu miền ấy trở nên sầm uất, nhiều phố phường, có thuyền Trung-hoa, Âu-châu, Nhật, Chà-và đến buôn-bán.

Năm 1688, những người ở Mỹ-tho nổi loạn. Hoàng-Tiến giết

chủ-lương mình là Dương-ngan-Địch, rồi xây lũy đóng đồn, làm lâu đài sừng sững làm thành khu tự-trị chống nhau với người Chân-lạp. Vua Nặc-ông-Thu cũng lập pháo-dài cố-thủ và không chịu thần-phục Chúa Nguyễn.

Theo lời thỉnh-cầu của Nặc-ông-Nộn, Chúa Ngỗi Nguyễn-phước-Trần đã sai quan đem quân đánh dẹp bắt được Hoàng-Tiến giết đi, phá hủy những chiến-lũy, còn bộ hạ của Hoàng-Tiến thì giao cho Trần-thượng-Xuyên. Quân sĩ Đại-việt còn vượt sang đánh vua Chân-lạp phá các đồn lũy tiến đến Nam-vang. Nặc-ông-Nộn chạy về Oudong xin thần-phục và triều-cống như cũ.

III.— Chiếm đất Chân-lạp

1.— Lập dinh Trấn-biên và Phiên-trấn (Biên - hòa, Gia-định) : Năm 1690 Ông-Nộn chết, không đặt người kế-vị. Miền Sài-côn thuộc quyền cai-trị của họ Nguyễn. Đến năm 1698 Nguyễn-phước-Chu cử ông Nguyễn-hữu-Kinh con Nguyễn-hữu-Dật làm quan kinh-lược ở đất « Hạ Chân - lap » lập hai dinh Trấn - biên (Biên - hòa) và Phiên-trấn (Gia-định) và đổi xứ Đồng-nai làm huyện Phước-long và xứ Sài-côn làm huyện Tân-bình đặt Trấn-biên-dinh (Biên - hòa) và Phiên-trấn-dinh (Gia-định). Chúa Nguyễn lại sai quan và quân - đội vào cai-trị, chiêu-mộ những người lưu-dân từ Quảng-bình trở vào để đi lập thôn-xã và khai-khẩn ruộng đất. Nhiều làng được thành-lập, triều-đình lại làm sổ đinh điền và cho thu thuế. Nhưng ở miền Nam lúc ấy mới được có 40.000 gia-đình độ 200.000 người, các quan phải bắt những người vong mạng và dân-chúng đưa vào khai-khẩn. Những người Trung-hoa ở Biên-hòa lập xã Thanh-hà và ở Gia-định lập xã Minh-hương đều ghi vào sổ bộ như dân-chúng Việt-nam.

2.— Lấy đất Hà-tiên : Sang đầu thế-kỷ 18, đất của họ Nguyễn lan đến giáp vịnh Thái-lan.

Có người Trung - hoa lĩnh Quảng - đông là Mạc - Cửu bỏ nhà Thanh sang lập nghiệp ở Sài-mạt trên bờ bể nước Chân-lạp. Ở đây, những tội buồn lậu, kẻ cướp đủ các nước sau khi đã hoành-hành ở

ngôi khơi, tu tập nhan lại đánh bạc. Mạc-Cửu được phép triều-đình Chân-lạp cho mở sòng bạc, làm giàu rất mau chóng. Ít lâu sau đã có nhiều người di-dân tới, Mạc-Cửu chiêu-mộ lưu-dân lập thành 7 xã gọi là Hà-tiên suốt từ Cà-mau đến Kompong-Som, Hà-tiên, Phú-quốc, Long-kỳ, Cần-bột (Kompot) Vững-thom (Kom-pong-som), Rạch-giá và Cà-máu. Năm 1708, Mạc-Cửu xin thuộc về Chúa Nguyễn và được phong chức Tổng-binh giữ đất Hà-tiên.

Bên Chân-lạp, Nặc-ông-Thu thoái-vị năm 1702 nhường ngôi cho con là Nặc-ông-Thâm. Năm 1705, Ông-Thâm nghi cho Nặc-ông-Yêm là con Ông-Nộn và cũng là em rể mình làm phản, đem binh đánh. Ông-Thâm nhờ quân Xiêm giúp còn Ông-Yêm thì chạy sang Gia-định. Chúa Nguyễn sai quân đánh thắng quân Xiêm chiếm được thành La-bích. Nặc-ông-Thâm chạy sang Xiêm còn Nặc-ông-Yêm lên ngôi ở Oudong. Năm 1717, vua Xiêm phái một đoàn thuyền đánh Hà-tiên đốt phá, Mạc-Cửu phải ẩn-náu ở Long-kỳ; nhưng quân Nguyễn phản-công phá được nhiều chiến-thuyền. Quân Xiêm sợ đói kéo neo chạy. Còn bộ-binh của Xiêm thì uy-hiếp Oudong, Ông-Yêm cầm cự quân Xiêm phải rút lui.

Mạc-Cửu mất năm 1735 con là Mạc-thiên-Tứ lên thay tiếp-tục công việc mở mang đất Hà-tiên. Mạc-thiên-Tứ được phép đúc tiền-tổ-chức hành-chính và binh-bị, mộ quân và xây chiến-lũy, làm đường, mở chợ. Đất Hà-tiên rất phồn-thịnh, trù-phú. Nhiều nhà văn từ Phúc-kiến và các vị tể-tướng từ Qui-nhơn tới giúp ý-kiến trong công cuộc kiến-thiết đó. Năm 1732 Chúa Nguyễn lập hai phủ Định-tướng và Long-hồ (Vĩnh-long) và làm nhiều bài thơ ca-ngợi đất Hà-tiên.

3.— Chiếm miền hạ lưu sông Cửu-long : Năm 1736, Nặc-ông-Yêm mất, con là Nặc-ông-Tha lên ngôi nhưng bị chú là Nặc-ông-Thâm nhờ quân Xiêm đánh, đuổi Ông-Tha rồi lên ngôi ở Nam-vang. Ông-Thâm cố-gắng chiếm lại Hà-tiên (1739) nhưng bị đẩy lui, chẳng bao lâu Ông-Thâm chết, các con tranh nhau ngôi-vị (1747) Chúa Nguyễn Võ-Vương lợi-dụng cơ-hội đưa Ông-Tha về nước, nhưng ở Nam-vang được ít lâu thì bị con Ông-Thâm là Nặc-ông-Nguyên ở Xiêm về đánh đuổi. Ông-Tha phải chạy sang Gia-định rồi chết ở đấy.

Nặc-ông-Nguyên lên làm vua muốn trả thù Chúa Nguyễn nên âm-mưu liên-lạc với Chúa Trịnh. Biết tình-thế ấy Võ-Vương tấn-công trước, sai Nguyễn-cư-Trinh đem quân đầy lui quân Chân-lạp vào thành Nam-vang (1755). Nặc-ông-Nguyên chạy đến Hà-tiên nhờ Mạc-thiên-Tứ điều-định với Chúa Nguyễn hộ. Hòa-bình trở lại, Chân-lạp dâng cho Chúa Nguyễn hai phủ : Tầm-bôn và Lôi-lạp nghìn là tất cả miền nam Gia-định đến nhánh sông Cửu-long chảy qua Mỹ-tho.

Nặc-ông-Nguyên chết (1757), Chân-lạp lại lộn xộn. Nặc-Nhuận làm giám-quốc định xin Chúa Nguyễn phong cho làm vua nhưng bị con rể là Nặc-Hình giết chết rồi cướp ngôi. Con Nặc-Nhuận là Nặc-Tôn chạy sang nhờ Mạc-thiên-Tứ xin Chúa Nguyễn giúp. Chúa Nguyễn thuận cho quân đưa Nặc-Tôn về làm vua Chân-lạp. Nhớ ơn ấy Nặc-Tôn dâng đất Tầm-phong-long cho Chúa Nguyễn. Võ-Vương sai ông Trương-phước-Du và Nguyễn-cư-Trinh đem dinh Long-hồ về xứ Tầm-bào (Vĩnh-long bây giờ) và đặt ba đạo : Đông-khẩu-đạo ở Sa-déc, Tân-châu-đạo ở Tiền-giang và Châu-đốc-đạo ở Hậu-giang.

Còn Mạc-thiên-Tứ thì được 5 phủ : Hương-túc (Kompong som) Cần-bột (Kampot), Trục-sâm (Chan-sum), Sài-mạt và Linh-quỳnh dâng lại cho Chúa Nguyễn rồi cho lập hai thành ở Rạch-giá và ở Long-xuyên (Cà-mau).

Công-cuộc tổ-chức đất đai bắt đầu ngay. Chúa Nguyễn cho quan và dân đến khai-khẩn đất mới. Từ đấy biên-giới nước Việt-nam mở tới vịnh Thái-lan.

4.— Chiến-tranh với nước Xiêm : Nước Xiêm năm 1767 bị quân Miến-diện tràn sang cướp lấy kinh-dô rồi bắt vua Phong-Vương (vua bị bệnh hủi) và con cả là Chiêu-Đốc cùng mấy vạn người đem về Miến-diện, còn hai người con vua là Chiêu-xĩ-Khang và Chiêu-Thúy chạy đến Hà-tiên. Nước Xiêm lâm thế nguy may nhờ có một tướng tài là Trịnh-quốc-Anh chiêu-mộ tàn quân đánh tan quân Xiêm.

Vừa lên ngôi Phya - Tak tức Trịnh - quốc - Anh bắt Chân-lạp phải triều - cống. Nặc - Tôn không chịu. Vua Xiêm bèn tôn Nặc - Non lên làm vua đưa về nước nhưng quân Xiêm không phá được quân

Chân-lạp phải rút lui. Phya-Tak cũng chưa an-lâm vì Chiêu-xĩ-Khang và Chiêu -Thúy còn đang ở Hà - tiên nên năm 1768 vua Xiêm điều-đinh với Mạc-thiên-Tử trao hai hoàng-tử ấy cho nước Xiêm đổi lấy đất đai. Mạc-thiên-Tử có mộng lớn lợi-dụng cơ-hội mang quân đánh vào kinh-dô Xiêm hai lần nhưng đều thất-bại. Đắc-thắng, Phya-Tak lại mang quân đánh Hà-tiên năm 1771. Thành Hà-tiên thất-thủ sau 10 ngày cầm cự, Mạc - thiên - Tử phải chạy về Châu-đốc. Tiệp đường quân Xiêm tiến vào Chân-lạp hạ Ông - Tôn lập Nặc-ông-Non lên làm vua. Không bao lâu Chúa Nguyễn phản công ngay. Năm 1772 một đạo quân gồm 10.000 người có cả chiến-thuyền trợ giúp ngược sông Cửu-long phá tan quân Xiêm ở Nam - vang. Phya - Tak chạy về Hà-tiên, Ông-Non chạy về Cần-bột. Nặc-Tôn lại lên ngôi cũ.

Vua Xiêm năn lòng xin hòa nhưng Mạc - thiên - Tử không cho. Thất bại Phya-Tak để một đạo quân ở Hà-tiên rồi rút về mang theo con của Mạc-thiên-Tử và hoàng-tử Chiêu-Thúy. Năm 1773 Mạc-thiên-Tử thấy việc không xong lại xin vua Xiêm hòa. Quân Xiêm rút về nước, con Mạc-thiên-Tử được trở về nhưng Chiêu-Thúy bị giết. Đất Hà-tiên lúc ấy chỉ còn là sa-mạc, dân di-cư hết, nhà cửa, mùa màng bị tàn phá. Mạc-thiên-Tử buồn bã về Cần-thơ, sai con về Hà-tiên sửa sang lại những đồ nát, điều tàn làm cho Hà-tiên trở nên phồn-thịnh trù-phú.

Cuộc Nam tiến này là một công-trình nổi danh của Chúa Nguyễn, đưa dân-tộc ta đến khai - thác một miền phi-nhiều xưa kia vẫn bị bỏ hoang-tàn lăm nên những cánh đồng giàu thịnh. Chúa Nguyễn làm bá-chủ miền Nam, bị một thời-gian phá-phách của quân Xiêm, về sau lấy lại an-ninh thì lại bị nhà Tây-son từ Qui-nhon đến đẩy ra khỏi bình-nguyên Cửu-long.

CÂU HỎI

1. Nói về sự suy-tàn của Chiêm-thành ? — **2.** Cuộc Nam tiến có ảnh - hưởng gì đến dân-sinh — **3.** Sự tranh dành ngôi-vị của các hoàng-tôn đã đưa Chân-lạp đến đâu ? Dân-chúng bị ảnh - hưởng gì ? — **4.** Dân Việt-nam có đồng-hóa được dân Chiêm-thành không ?

DÒNG HỌ NGUYỄN

1. Nguyễn-Kim

Ngọc-Bảo — Nguyễn-Uông 2.— Nguyễn-Hoàng (Chúa-Tiền)
(1600 — 1613)

3. Nguyễn-phước-Nguyên (Chúa Sãi) (1613 — 1635)

4. Nguyễn-phước-Lan (Chúa Thượng) (1635 — 1648)

5. Nguyễn-phước-Tân (Chúa Hiền) (1648 — 1687)

6. Nguyễn-phước-Trần (Chúa Ngãi) (1687 — 1691)

7. Nguyễn-phước-Chu (Quốc Chúa) (1691 — 1725)

8. Nguyễn-phước-Chú (1725 — 1738)

9. Nguyễn-phước-Khoát (Võ vương) (1738 — 1765)

Nguyễn-phước-Luân Nguyễn-phước-Hiệu 10. Nguyễn-phước-Thuần (Định Vương,
(1765 — 1777)

Nguyễn-phước-Ánh (Gia-Long) Nguyễn-phước-Dương (Tân-chính-vương)

17 - VIỆT-NAM TIẾP-XÚC VỚI ÂU-CHÂU

DÀN BÀI

I.— Những cuộc tiếp-xúc đầu tiên :

Di-tích ở Ốc-eo. Marco Polo. Vasco de Gama.

II.— Mở cửa hàng buôn bán :

Ở Hội-an, ở Phố Hiến.

III.— Việc mở đạo :

Giáo-sĩ I-nê-khu đến Ninh - cường,
Alexandre de Rhodes và chữ Quốc-ngữ.

IV.— Việc cấm đạo :

Ở Đàng-Ngoài và Đàng-Trong.

V.— Bắt đầu cuộc xâm-lăng :

Người Anh đến Côn-lôn.
Pierre Poivre đến Đà-nẵng.

Nước Việt-nam ở cực Đông-nam châu Á, giữa các đường giao-thông Á-Âu nên từ khi có đường hàng-hải quốc-tế nối các đại-lục là có sự tiếp-xúc giữa Việt-nam với các nước Âu-châu.

I.— Những cuộc tiếp-xúc đầu tiên

Xưa kia, đường giao-thương giữa Âu-châu và Á-châu do những

người Ấn-độ, Ả-rập và Ba-tur nắm giữ. Họ theo gió mùa để điều-khiển thuyền đi về. Có nhiều minh-chứng lịch-sử nhắc lại những cuộc gặp-gỡ Á-Âu. Bán-đảo Ấn-Trung trực-tiếp hay gián-tiếp liên-lạc buôn bán với đế-quốc La-mã và Ba-tur vì người ta đã tìm thấy ở Óc-co hải-cảng cũ của xứ Phù-nam tức miền An-giang bây giờ những đồng tiền có hình vua Antonin le Pieux và Marc-Aurèle tức là vào khoảng thế-kỷ thứ 2. Đến khi đạo Hồi phát-triển, độc-quyền buôn bán ở trong tay người Ả-rập. Trong khi họ hoành-hành chiếm giữ đường hàng-hải thì ở đường bộ Á - Âu được an-ninh trật-tự vì đế-quốc Mông-cổ đã mở rộng. Nhờ đó Marco Polo, một người Ý quê quán ở Venise, đã tới được Trung-hoa và giúp triều Thỗ-Tổ Hốt-tất-liệt nhà Nguyên trong 16 năm từ 1275 tới 1291. Năm 1285 Marco Polo đã qua Chiêm-thành có nói tới đảo Côn-lôn và ghi chú về xứ « Caugigu », tức là Giao-chỉ-quốc. Sau đó có nhiều giáo-sĩ Công-giáo qua Trung-hoa cũng có ghé vào bán-đảo Ấn-Trung như giáo - sĩ Odoric de Pordenone đi từ Venise tới Quảng - đông ghé vào Chiêm - thành khoảng năm 1318 và 1324 đời vua Chế-A-nan.

Mãi cho tới thế-kỷ 16, các đường hàng-hải lớn mới được tìm ra. Đầu tiên người Bồ-đào-nha kiểm đường buôn gia-vị muốn thoát khỏi sự độc-quyền của người Ả-rập và người Venise. Năm 1498 Vasco de Gama đã đi vòng qua mũi Hảo - vọng phía nam Phi - châu đến Aden rồi đổ bộ ở Calicut (Ấn-độ). Tiếp-lục công việc của Vasco de Gama, Albuquerque chiếm tỉnh Goa làm căn-cứ buôn bán và quân-sự của Bồ-đào-nha ở Ấn-độ (1510) và Mã-lai (1511) phá các thuyền buôn của Ả - rập, làm bá - chủ mặt bể Ấn-độ - dương. Cũng năm ấy, người Bồ-đào-nha gửi một sứ giả tới Xiêm. Rồi 3 năm sau, tàu Bồ-đào-nha tới Quảng-đông. Từ đấy các nước Âu-châu theo đường Vasco de Gama thì đua tiến sang Á-châu, cạnh tranh buôn bán và chiếm thuộc-địa.

II. — Mở cửa hàng buôn bán

Sau khi đã đi lại Quảng-đông, quen thuộc với những đường hàng-hải ở bề Đông, người Bồ-đào-nha bắt đầu tới Đại-việt. Năm

1516 có Fernand Perez, năm 1524 có Duarte Coelho thám - thính bờ biển Đại Việt đến năm 1535 thì thuyền của Antonio de Faria cập bến Đà-nẵng và trắc-định vị-trí hải-cảng Hội-an. Theo những tài-liệu chỉ dẫn trước, người Bồ-đào-nha bắt đầu tới buôn bán ở miền nam Đại-Việt và họ gọi miền đó là « Cauchichina » tức Giao-chỉ.

Đầu thế-kỷ 17 các tàu buôn ngoại-quốc ra vào tấp - nập ở bến Hội-an, nhiều nhất là thuyền Trung-hoa và Nhật-bản đã quen bến từ xưa. Lại có cả thuyền từ Xiêm, Ma-ni và Nam-dương tới. Họ đem đồ sứ, chè Tàu, giấy, khí-giới, diêm-sinh, thuốc súng, đồng, chì, da Âu-châu, vải bông Ấn-độ đổi lấy tơ lụa, gỗ khảm, đường, xạ-hương, quế, hạt tiêu, gạo.

Nước Nhật-bản buôn bán với các nước rất thịnh khoảng thế-kỷ 16 nhưng đến đầu thế-kỷ 17, nước Nhật cấm đạo và cấm cả người Nhật-bản không được đi buôn bán ở ngoại-quốc (1637). Nhật bế-quan tỏa-cảng, cắt đứt mối bang-giao với Đại-việt.

Người Bồ-đào-nha lợi-dụng cơ-hội đó tung-hoành ở Á - châu, nhưng người Hòa-lan bắt đầu mở mang đế - quốc làm khó dễ cho người Bồ-đào-nha nhất là từ khi họ lập căn - cứ Batavia trên đảo Java ở Nam-dương năm 1619, rồi dần dần chiếm tất cả quần-đảo giàu có ấy. Thuyền Hòa-lan cũng có ghé bến Hội-an khoảng năm 1633 và 1654, và tiến ra Bắc. Năm 1637 đời vua Lê-Thần-Tôn, Trịnh - Tráng cho người Hòa-lan mở cửa hàng ở Phố Hiến (gần Hưng-yên). Phố Hiến rất sầm-uất, có người Trung-hoa, Mã - lai, Xiêm và Nhật - bản buôn bán kẻ có tới 2.000 nóc nhà, tục-ngữ đã nói : « Thứ nhất Kinh-kỳ, thứ nhì Phố Hiến ». Kinh-kỳ còn gọi là Kẻ-chợ tức là Kinh - đô cũng phồn - thịnh lắm. Người Hòa - lan mấy năm sau mới mở cửa hàng ở Kẻ-chợ.

Ở đất Bắc người Hòa-lan giúp chúa Trịnh đánh chúa Nguyễn. Có những chiến thuyền lớn từ Batavia đánh vào lũy Đồng-hới nhưng bị bại vì người Bồ-đào-nha giúp chúa Nguyễn ở Hàng-trong đúc súng đạn. Có người Bồ-đào-nha tên là Jean de la Croix lập lò đúc súng ở Thuận-hóa, bây giờ người ta còn gọi nơi ấy là Phường-đúc.

Trong khi ấy, người Anh đến Ấn-độ lập Công-ty Ấn-độ (1600)

và đến buôn bán ở Đại-việt. Năm 1613 có người Anh tên Carwarden bị giết ở Hội-an. Lúc đầu họ bị thất-bại vì phải cạnh-tranh với người Bồ-đào-nha và Hòa-lan. Đến năm 1654 Hòa-lan bị thất trận ở Âu-châu phải ký hòa-uớc Westminster thì thương-mại của người Anh được dễ-dàng hơn. Năm 1672 William Gyfford đi thuyền Zant tới, được phép mở cửa hàng ở Phố Hiến sau rồi lên Kẻ-chợ (1683) bên cạnh hàng buôn Hòa-lan. Nhưng thấy buôn bán không được phát-triển nên người Anh bỏ ra đi năm 1697. Ba năm sau người Hòa-lan cũng ra đi.

Còn người Pháp tới Đại-việt vừa để buôn bán, vừa để truyền-đạo. Năm 1669 đã có chiếc tàu Pháp đầu tiên ngược sông Hồng và năm 1680 họ đặt cửa hàng ở Phố Hiến.

Cuối thế-kỷ 18 việc buôn bán giữa Đại-việt và Âu-châu có chiều kém sút vì Âu-châu có loạn và người Việt - nam cũng ít dùng hàng xa-xỉ của Âu-châu. Tàu ngoại-quốc chỉ bán được nhiều súng đạn, nhưng đến khi cuộc phân-tranh Trịnh Nguyễn đã ngừng năm 1672 thì các hàng ngoại-quốc tiếp-tục đóng cửa trừ cửa hàng của Bồ-đào-nha.

III.— Việc mở đạo

Các giáo-sĩ công-giáo muốn truyền-bá đạo đi các nước, lợi-dụng các tàu buôn để đến các miền Á-châu. Năm 1533, có giáo-sĩ I-nê-khu (Ignatio) đã tới giảng-đạo ở Ninh-cương, Quần-anh, thuộc huyện Nam-trực và tới Trà-lũ thuộc huyện Giao-thủy. Còn ở Đàng-trong thì có giáo-sĩ Tây-ban-nha tên là Diego Adverte tới giảng-đạo vào năm 1596 đời Nguyễn - Hoàng, nhưng chúa Nguyễn không cho vì thấy có nhiều tàu Tây-ban-nha cập bến.

Giáo-hội Việt-nam được thiết-lập hẳn hoi từ đầu thế-kỷ 17. Lúc ấy ở Nhật-bản có cấm đạo, các giáo-sĩ Dòng Tên bỏ nước Nhật vào giảng-đạo ở Việt-nam. Ngày 18 tháng giêng năm 1615, đời chúa Sãi, giáo-sĩ Buzomi người Ý và giáo-sĩ Carvalho người Bồ-đào-nha đến bến Đà-nẵng lập giáo-đường ở Hội-an và tổ-chức nhà chung đầu tiên gồm có các giáo-sĩ Dòng Tên người Bồ-đào-nha và người Ý.

Năm 1618 có giáo-sĩ Cristoforo Borri đến nghiên-cứu nước Đại-việt và viết một cuốn sách nói kỹ-lưỡng về tình-hình chính-trị, kinh-tế và phong-tục Đại-việt, rồi đem in.

Thấy việc truyền-giáo có kết-quả, các vị giáo-sĩ muốn mở-mang lên miền Bắc. Năm 1626, giáo-sĩ Baldinotti được cử đi rồi viết thư về bá-cáo tình-hình. Sau đó nhà chung ở Đàng-Ngoài được thiết-lập. Giáo-sĩ được bổ-nhiệm trọng-trách tổ-chức nhà chung ấy là giáo-sĩ Alexandre de Rhodes người xứ Avignon (thuộc về nước Pháp



A-lịch-sơn Đắc lộ (Alexandre de Rhodes)

năm 1791). Giáo-sĩ đến Việt-nam khoảng năm 1624, sau 6 tháng đã có thể giảng-dạo bằng tiếng Việt-nam. Năm 1627, Alexandre de Rhodes ra

Bắc yết-kiến chúa Trịnh là Trịnh-Tráng và dâng chiếc đồng-hồ quả lác, một hộp phấn thắm chữ và một quyển sách toán rất đẹp. Trịnh-Tráng cho phép giáo-sĩ giảng-đạo. Ở kinh-đô, năm 1629, đã có 6.700 người theo đạo, có cả hoàng-thân, công chúa.

« Nhưng vì nước ta từ xưa đến nay vẫn theo Nho-giáo, lấy sự thờ cúng ông cha làm trọng, lấy sự lễ-tự thần-thành làm phải mà lệ nước thì lấy sự cúng tế làm một việc rất quan-trọng. Đột nhiên thấy người theo đạo Thiên-chúa bỏ cả các thói cũ, chỉ chuyên về một mặt theo đạo mới, bởi vậy cho nên trong Nam ngoài Bắc vua chúa đều cho đạo ấy là một tà-đạo, làm hủy-hoại cả cái phong-hóa của nước nhà xưa nay, bèn xuống chỉ cấm không cho người trong nước theo đạo mới nữa và đặt ra phép nghiêm để bắt tội những kẻ không tuân theo chỉ-dụ ấy » (Việt-nam sử-lược Trần-trọng-Kim).

Năm 1630, chúa Trịnh trục-xuất giáo-sĩ Alexandre de Rhodes, giáo-sĩ phải đi Ma-caô nhưng cũng hay trở lại Đàng-Trong khoảng năm 1640 đến 1645. Năm 1645 là năm bị cấm hẳn, Alexandre de Rhodes về Âu-châu.

Việc truyền-giáo ở Đại-việt hồi ấy vẫn do nước Bồ-đào-nha đảm-nhiệm. Để tránh lạm-dụng của sự độc-quyền ấy, Giáo-hội cho lập Hội Truyền-giáo năm 1622. Alexandre de Rhodes ở La-mã cũng góp một chương-trình tổ-chức việc truyền-giáo ở Á-châu. Trong khi ấy, giáo-sĩ có cho in một cuốn sách giáo-lý đầu tiên bằng Quốc-ngữ, và cuốn tự-vị Việt-nam — La-tinh (Dictionarium annamiticum lusitanum et latinum) xuất-bản năm 1651. Lần đầu tiên văn La-tinh được dùng để phiên-âm Việt-nam một cách khoa-học, có hệ-thống. Trước kia cũng đã có các giáo-sĩ sửa-soạn công-cuộc đó nhưng chưa hoàn-toàn như Gaspar de Amaral đã soạn cuốn tự-vị Việt-nam — Bồ-đào-nha và Antoine de Barbosa soạn cuốn tự-vị Bồ-đào-nha—Việt-nam.

Từ Alexandre de Rhodes, chữ quốc-ngữ mới được phổ-biến và cải-tổ dần dần làm cho hoàn-toàn hơn.

Ở Âu-châu ít lâu, giáo-sĩ sang giảng-đạo ở Ba-tư rồi mất tại Ispahan năm 1660.

Dies quintus.

Ngày thứ năm.

Que sequuntur non sunt committenda omnibus, nisi prius per priorum auditum, iam sola, & inanes se-
ctas contempserint, & ad Baptismum iam sunt disponendi, per trinitum & alia pia opera: atque ideo illis iam tradendus est Orationis Dominica, Salutationis Angelica, ac Symboli Apostolorum liber: ut illa memorie mandet.
Proponuntur hodie mysteria duos totius Christiana religionis profundissima & altissima: nempe sacrosancta Trinitatis mysterium prorsus ineffabile, ac stupendum Divina Incarnationis opus. Cum igitur initio iam statuerimus dari primum primum omnium creaturarum principium, quod lumine naturali notum est: sic etiam notum est unum tantum dari primum principium infinitum: eternum,

Một lời giảng lâu nay, thì chẳng khá nói cữ hết, nói cữ kẻ đã nghe đều trước mà thôi, khi đã bỏ bụi đi, cữ các giáo dôi: mà đườn chịu phép rửa tội thì phải ăn chay, và làm phúc khác: vì vậy thì nên trao kinh đức Chúa Iesu, và kinh đức Chúa bà Maria, cũ kinh mười hai đấng tổ cả, cho học thuộc lòng.
Kể thì giảng hai đều nhứt trao đạo thánh đức Chúa ba đấng, và rứt sáu nhiệm, cũ rứt cao: là đều giảng (Sanctissima Trinitas) một nói chẳng hết mảy sốt, và đều giảng phép cả đức Chúa ba đấng ra đời, làm cho ta hãi. Mà trước đã định có cội rễ đầu mọi sự, đều vậy tự nhiên đã có mảy tổ trao lào ta: lại cũ đã tổ có một cội rễ đầu, là tính thiêng liêng vô cữ; hàng có vô cữ mọi

Immen

Một trang sách giáo lý đầu tiên bằng quốc ngữ
do giáo-sĩ Alexandre de Rhodes soạn

Sau đó các giáo-sĩ Pháp sang Đại-việt, có các vị giám-mục đầu tiên là François Ballu và Lambert de la Molte.

IV.— Việc cấm đạo

Sang thế-kỷ 17 từ Bắc chí Nam chúa Trịnh và chúa Nguyễn ra chỉ cấm đạo để cố giữ lấy lệ nước.

Đàng-Ngoài Trịnh-Tạc ra dụ cấm đạo năm 1663. Trịnh-Cần năm 1696 đuổi những giáo-sĩ ra khỏi nước, đốt các sách đạo, và phá nhà thờ. Trịnh-Trương cạo trán những người công-giáo và khắc vào mặt bốn chữ « học Hoa-lan đạo » (1712). Trịnh-Danh năm 1754 lại cấm đạo ngặt hơn nữa, bắt giết đạo-trưởng.

Đàng-Trong thì từ năm 1631 chúa Thượng Nguyễn-phước-Lan đã ra lệnh cấm đạo. Năm 1645 lệnh cấm đạo ngặt hơn nên Alexandre de Rhodes bị trục-xuất khỏi Thuận-quảng về Âu-châu. Đến năm 1664 chúa Hiền bắt giết các giáo-sĩ ở Đà-nẵng. Năm 1724 Nguyễn-phước-Chu, nói rộng lệnh cấm đạo không ngặt lắm, rồi đến đời Võ-Vương tuy có cuộc trục-xuất quyết-liệt năm 1750, các giáo-sĩ lại dần dần được trọng đãi. Võ-Vương giữ giáo-sĩ Jean Köffler làm Thái-y, Xavier de Monteiro nhà trắc-địa-học và Jean de Loureiro nhà bác-vật-học.

V.— Bắt đầu cuộc xâm-lăng

Trong công cuộc bành-trướng đế-quốc thực-dân, hai nước Pháp và Anh thì đua nhau chiếm các căn-cứ làm điểm tựa cho các cuộc hành-binh ở Đông-nam châu Á.

Từ năm 1686 có một nhân-viên của Công-ty Pháp tên là Vêret được phép mở cửa hàng ở Côn-lôn, yêu-cầu Pháp chiếm đảo này nhưng không thành-công. Đến năm 1702, người Anh Daniel Doughty đem 200 người đều chiếm Côn-lôn. Chúa Nguyễn và Trương-phước-Phan đến đánh. Trương Phan cho 15 người sang giả xin làm lính, nửa đêm nổi loạn giết hết người Anh còn một mặt Trương-phước-Phan đem thủy quân tiếp-ứng. Người Anh phải bỏ đảo Côn-lôn.

Công-ty Pháp cũng trừ-tính chiếm Đà - nẵng, nên năm 1744 có phái Friell là cháu Dupleix đến thám-thính nhưng lúc đó cuộc tranh chấp Anh-Pháp đang gay-go, nên việc phải bỏ. Đến giữa thế-kỷ 18 Âu-châu hết chiến-tranh, Công-ty Pháp lại sai Pierre Poivre sang điều tra rồi báo cáo tình-hình miền Nam nước Đại-việt. Năm 1749 Poivre đi chiếc tàu Machault tới Đà - nẵng được Võ - Vương cho phép buôn bán, nhưng vì dân nước ta lúc ấy nghèo túng, hàng Pháp không bán được. Poivre ra đi bắt một người thông-ngôn. Thấy thế, Võ-Vương ra lệnh trục - xuất tất cả các giáo - sĩ (1750). Poivre vội-vàng thả viên thông-ngôn.

Như thế người Pháp đã dụng - tâm chiếm đất của Đại - việt nhưng lúc ấy xảy ra chiến-tranh giữa Anh và Hoa-kỳ, Pháp đồng-minh với Hoa-kỳ định tiêu-diệt thuyền Anh, hạ ngòi bá-chủ hàng-hải của Anh. Lợi-dụng cơ-hội đó, viên toàn-quyền Anh ở Ấn-độ sai Chapman tới Đàng-Trong định thiết-lập mối bang - giao thương - mại với Đại-việt.

Cuộc khởi - nghĩa của anh em Tây-sơn đã làm tình - hình thay đổi và Pháp đã thừa cơ giúp Gia - long dễ dần dần xâm - lăng Đại-việt.

CÂU HỎI

1. Cuộc tiếp - xúc A - Âu có lợi, có hại gì ? — **2.** So - sánh cuộc tiếp - xúc của ta với người ngoại-quốc và cuộc tiếp-xúc của người Nhật với người ngoại-quốc giống nhau và khác nhau ở chỗ nào ? — **3.** Chữ quốc - ngữ được thành - lập, có lợi gì cho dân - tộc Việt-nam ?

PHẦN THỨ TƯ



Thành Thăng-long, nơi Quang-Trung lần cuối cùng đuổi quân Thanh xâm-lăng

Thời-kỳ hợp-nhất dân-tộc

Sau nhiều cuộc xung-đột, không có kết-quả, hai họ Trịnh-Nguyễn đành lấy sông Gianh để chia đôi đất nước.

Ở Tây-sơn thuộc Bình-định có ba anh em nổi lên được dân-chúng theo đông, lần lượt hạ họ Nguyễn thắng họ Trịnh, sau dứt vua Lê để định thống-nhất đất-dai. Nhưng sự chia-rẽ giữa anh em Tây-sơn đã đưa đến thất-bại. Mặc dầu Nguyễn-Huệ tức vua Quang-Trung có mộng lớn muốn mở-mang đất-dai nhưng nhà vua mất quá sớm và mầm chia-rẽ đã quá cao nên Nguyễn-phước-Ánh nhân thời-cơ ấy đã hoàn-tất việc thống-nhất lãnh-thổ.

18 - TÂY-SƠN KHỎI-NGHĨA

DÀN BÀI

I.— Nguyên-nhân cuộc khởi-nghĩa :

- 1) Tại Chính-dinh : Trương-phước-Loan.
- 2) Trong dân-gian.

II.— Anh em Tây-sơn :

- 1) Giòng-dõi anh em Tây-sơn.
- 2) Nguyễn-Nhạc.

III.— Cuộc khởi-nghĩa :

- 1) Lấy thành Qui-nhơn.
- 2) Điều-đinh với quân Trịnh.
- 3) Chiếm đất Quảng-nam.

IV.— Tây-sơn xưng vương, xưng đế :

- 1) Nguyễn-Lữ giấy Gia-định.
- 2) Tây-sơn thua Đỗ-thành-Nhơn.
- 3) Tây-sơn thông-hòa với Chúa Trịnh.
- 4) Nguyễn-Nhạc xưng đế.

V.— Đối-phó với Nguyễn-Ánh :

- 1) Nguyễn-Ánh khôi-phục Gia-định.
- 2) Chúa-Nguyễn củng-cố miền Nam.
- 3) Tây-sơn lấy lại Gia-định.
- 4) Nguyễn-Ánh cầu-viện ngoại-quốc.
- 5) Nguyễn-Huệ phá quân Xiêm.

I.— Nguyên-nhân cuộc khởi-nghĩa.

Từ khi Trịnh-Nguyễn phân-tranh, lấy sông Gianh phân chia đất nước, dân-tình thật là cực-khổ chán ghét chinh-chiến vì phải sưu cao thuế nặng. Chế-độ phong-kiến đã tới thời cực-thịnh, những kẻ

quyền-thần hống-hách đàn-áp dân-chúng. Cho nên ai nấy đều chờ đợi một cuộc giải-phóng và mỗi khi có dịp là ùa theo khởi-nghĩa để chống lại chính-quyền.

Ở đảng Ngoài có các cuộc khởi-loạn đáng kể hơn cả là : Nguyễn-hữu-Cầu tục gọi Quận-He nổi lên đánh chiếm vùng Hải-dương, Đồ-sơn và Văn-đồn. Nguyễn-danh-Phương tục gọi Quận-Hèo nổi lên giữ miền núi Tam-đảo, Việt-trì, Tuyên-quang. Hoàng-công-Chất nổi lên cướp thành Sơn-nam rồi mang quân đánh phá Thanh-hóa và Hưng-hóa, dư đảng có tới mấy vạn người.

Ở đảng Trong, quan-hệ hơn cả là cuộc khởi-nghĩa Tây-sơn, phát-xuất từ miền quê và cũng do chính thành-phần nông-dân lười-lạo. Cuộc khởi-nghĩa Tây-sơn đã dứt hẳn nhà Lê, đánh bật hai họ Nguyễn-Trịnh, gây nên nguồn hừng-khởi của tinh-thần quốc-gia và gián-tiếp sửa-soạn cho cuộc thống-nhất giang-sơn mà Nguyễn-Ánh sẽ hoàn-tất và thừa hưởng sau này.

1.— Tại Chính-dinh : Ở đảng Trong, Nguyễn-phước-Khoát lên nắm quyền từ năm 1738 lấy Vương-hiệu là Võ-Vương, lập cung-điện ở Phú-xuân (Huế) và phong cho Nguyễn-phước-Hiệu làm Thế-tử. Võ-Vương không chăm lo cai-trị, dung-túng các quan để cho họ hà-lạm và lộng-quyền. Họ thu các thứ huê-lợi và chiếm ruộng đất của dân. Quyền-thế nhất là Thái-phó Trương-phước-Loan.

Trương-phước-Loan nắm lấy tất cả việc triều-chính, thăng quan và giao chức-vụ cho những người trong gia-đình mình. Khi Võ-Vương mất, đáng lẽ Chương - Võ lên thay. Nhưng Phước-Loan lại muốn chuyên-quyền dời tờ di-chiếu, lập người con thứ 16 là con vợ lẽ của Võ-Vương mới có 12 tuổi lên làm Chúa gọi là Định-Vương (1765) để tiện bề hành-dộng.

Chúa còn nhỏ, Trương-phước-Loan làm phụ-chính rất tham-lam tàn-ác, mọi người căm-thù muốn nổi lên chống lại.

2.— Trong dân-gian : Dân-chúng rất khổ-sở vì thuế-má nặng,

bình-dịch vất-vả. Đinh Chúa không đủ tiền cung-cấp cho binh lính và các tôn-phi về quân-sự, bắt nhân-dân chịu cả. Thiếu tiền nhà Chúa đúc ra nhiều tiền kẽm, thành thử vàng trước trị giá 120 quan tiền, lúc ấy lên 235 quan.

Bị áp-bức bóc-lột dân-chúng thật đau khổ, nghèo túng, chỉ đợi một người anh-hùng khởi-xướng là theo ngay.

II.— Anh em Tây-sơn.

1.— Giòng-dõi anh em Tây-sơn : Nhân cuộc loạn-lạc bùng lên khắp nước, anh em Tây-sơn khởi binh sửa-soạn cuộc thống-nhất nước Đại-việt lập nên nhà Tây-sơn. Ba anh em Tây-sơn là Nguyễn, Nhạc, Nguyễn-Lữ và Nguyễn-Huệ là những người giòng-dõi họ Hồ-nguyên ông tổ bốn đời ở huyện Hưng-nguyên đất Nghệ-an : trong trận chiến-tranh Trịnh-Nguyễn bị bắt đem vào ở ấp Tây-sơn (thôn An-kê, phủ An-nhon, tỉnh Bình-định bây giờ, là đường buôn bán giữa Qui-nhon và cao-nguyên Kontum). Chúa Nguyễn bắt những tù binh, những người vong-mạng đến đây khai phá rừng núi để lấy đường buôn-bán với người Mọi.

2.— Nguyễn-Nhạc : Anh em Tây-sơn khởi loạn đời họ Hồ sang họ Nguyễn là họ của Chúa để gây uy-tín với dân-chúng miền Nam. Nguyễn-Nhạc anh cả, trước đã đi buôn bán với người Mọi Ba-na, sau làm biền-lại ở Vân-dồn nhưng tiêu mất tiền thuế rồi trốn về Tây-sơn. Nguyễn-Nhạc chiêu-mộ binh-sĩ (1771) để mưu-đoại sự.

III.— Sửa-soạn cuộc khởi-nghĩa.

Để gây thế-lực và thu-phục lòng dân, Nguyễn-Nhạc tước của-cải của người giàu phân-phát cho người nghèo, rồi nổi lên lấy danh-nghĩa giúp nhà Chúa đang bị quyền-thần Trương-phước-Loan áp-bức. Dân-chúng theo rất đông, không bao lâu quân-đội của Nguyễn-Nhạc

mỗi ngày một lớn. Huyền-Khuê ở Qui-nhơn, Nguyễn-Thung và nhiều người khác mang tiền giúp anh em Tây-sơn.

Thế-lực đã mạnh, ba anh em đem quân đánh Chúa Nguyễn.

1.— Lấy thành Qui-nhơn : Nguyễn-Nhạc đã dự-bị đầy đủ cuộc tấn-công Chúa Nguyễn, muốn lấy Qui-nhơn để lập doanh-trại làm cơ-sở. Nguyễn-Nhạc tự ý ngồi vào cũi, cho người khênh nộp quan tuần-phủ Qui-nhơn. Tuần-phủ là Nguyễn-khắc-Tuyên cho đem cũi vào trong thành. Đến nửa đêm Nguyễn-Nhạc tháo cũi và mở cửa thành để cho quân của mình tiến vào đánh đuổi quan quân, chiếm Qui-nhơn làm căn-cứ (1773).

Thấy quân Tây-sơn thắng thế, hai người tướng Trung-hoa là Lý-Tài và Tập-Đình vừa buôn-bán vừa làm giặc, đem quân giúp Nguyễn-Nhạc đánh rất hăng. Trương-phước-Loan vội cho quân từ Phú-xuân vào dẹp loạn nhưng bị đại-bại ở bến Ván (Quảng-ngãi). Thừa thắng quân Tây-sơn tiến luôn chiếm một vùng từ Quảng-ngãi tới Bình-thuận.

2.— Điều-đinh với quân Trịnh : Thấy miền Nam nổi loạn, Trịnh-Sâm sai đại-tướng Hoàng-ngũ-Phúc cùng với Hoàng-đình-Thê, Hoàng-đình-Bảo đem 3 vạn quân vào đất Bờ-chánh nói là dẹp loạn-thần Trương-phước-Loan. Hoàng-ngũ-Phúc qua sông Gianh và chiếm lũy Đồng-hới một cách dễ-dàng (1774). Quan quân của Chúa Nguyễn ở Phú-xuân thấy tình-thế nguy-ngập bắt Trương-phước-Loan nộp cho họ Trịnh. Nhưng Ngũ-Phúc cứ cho quân tiến vào Phú-xuân, nói là để hội với quân Nguyễn dẹp loạn Tây-sơn nữa. Quân Nguyễn biết mưu, bố-trí chống lại nhưng bị thua chạy vào Quảng-nam, Hoàng-ngũ-Phúc chiếm Phú-xuân đầu năm 1775.

Lợi-dụng cơ-hội suy-yếu thất trận đó, anh em Tây-sơn đem quân đánh chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn Định-Vương bị thua mang cháu là Nguyễn-phước-Ánh chạy vào Gia-định, để Đòng-cung ở lại. Nguyễn-Nhạc cho rước Đòng-cung về Hội-an để lấy chính-nghĩa an lòng dân.

Nhưng lúc ấy Hoàng-ngũ-Phúc đã qua đèo Ải-vân chiếm

Quảng-nam. Quân Tây-sơn giáp chiến bị thua phải chạy về Qui-nhơn. Phía Nam, tướng Nguyễn là Tống-phúc-Hợp lại mộ quân đánh Tây-sơn chiếm Bình-thuận rồi tiến qua Phú-yên. Bị kẹt giữa hai đạo quân Trịnh-Nguyễn, quân Tây-sơn liệu thế chống không nổi sai sứ đem thư và vàng lụa nói với Hoàng-ngũ-Phúc xin nộp đất Quảng-ngãi, Qui-nhơn, Phú-yên và xin làm tiền-khu đi đánh họ Nguyễn. Hoàng-ngũ-Phúc phong cho Nguyễn-Nhạc làm Tiên-phong tướng quân.

3.— Chiếm đất Quảng-nam : Không lo mặt Bắc nữa, anh em Tây-sơn mưu đánh chiếm miền Nam. Một mặt Nguyễn-Nhạc gả con gái cho Đông-cung Nguyễn-phước-Dương, rồi sai người dụ Tống-phúc-Hợp là sẽ liên-minh tương-trợ để lấy lại Phú-xuân. Phúc-Hợp cả tin không đề-phòng, bị Nguyễn-Huệ đánh tan.

Trong lúc đó quân Trịnh bị dịch chết mất nhiều (tháng chạp 1775). Hoàng-ngũ-Phúc cho quân trở về Phú-xuân rồi mất ở đó. Trịnh-Sâm được tin sai Bùi-thế-Đạt vào thay cùng với Lê-quí-Đôn giữ đất Thuận-hóa.

Nguyễn-Nhạc chiếm lại đất Quảng-nam rồi sai Nguyễn-Lữ đem thủy quân vào đánh Gia-định.

IV.— Tây-sơn xưng vương (1776), xưng đế (1777)

1.— Nguyễn - Lữ lấy Gia - định : Đầu năm 1776 Nguyễn-Nhạc sai Nguyễn-Lữ đem thủy quân vào đánh Gia-định. Thành Sài-côn bị thất-thủ. Chúa Nguyễn Định-Vương phải chạy về Cần-thơ ẩn-núp ở nhà Mạc-thiên-Tứ đang trấn đất Hà-tiên.

2.— Tây-sơn thua : Nhưng tướng Đỗ-thành-Nhơn mộ quân ở Đông-sơn cùng với Mạc - thiên - Tứ khởi binh chống với Tây-sơn lấy lại thành Sài-côn. Nguyễn-Lữ phải rút lui, mang theo 200 thuyền thóc về Qui-nhơn. Mặc dầu bị thua, thế-lực của Tây-sơn vẫn còn mạnh và lớn dần. Dân-chúng theo đông hy-vọng anh em Tây-sơn sẽ cải-tổ xã-hội, mang lại no ấm và hòa-bình sau bao năm bị áp-chế.

Nguyễn-Nhạc thấy thế mình đã vững cho sửa lại thành Đồ-bàn (kinh-đô Chiêm-thành cũ), rồi đến tháng 3 năm 1776 tự xưng làm Tây-sơn-vương, và phong chức - tước cho các quan ; Nguyễn-Nhạc đem Đông-cung Dương ra ở chùa Thập-tháp nhưng Đông-cung trốn về Gia-định.

3.— Nhà Tây-sơn thông-hòa với Chúa Trịnh : Năm 1777, Nguyễn-Nhạc sai sứ ra đàng Ngoài xin Trịnh-Sâm cho giữ đất Quảng-nam. Chúa Trịnh cũng chán - nản về chiến - sự, hài lòng vì đã lấy được Thuận-hóa ưng cho Nguyễn-Nhạc trấn-thủ Quảng-nam và phong cho chức Tuyên-úy Đại-sứ Cung Quận-Công.

4.— Nguyễn - Nhạc xưng đế : Không lo mặt Bắc nữa, Nguyễn-Nhạc sai Nguyễn-Lữ và Nguyễn-Huệ đem đại quân thủy bộ vào đánh Gia - định. Lý - Tài trưởng cũ của Tây - sơn trốn theo Chúa Nguyễn cầm quân kháng-cự, nhưng chống không nổi phải bỏ chạy. Định - Vương và Đông - cung Dương (đã được lập làm Tân - chính vương) chạy về Long-xuyên (Cà - mâu) nhưng đều bị bắt rồi bị giết với cả gia-đình.

Lấy xong Gia - định anh em Tây - sơn đề Tồng - đốc Chu ở lại trấn-thủ rồi đem quân về Qui-nhơn.

Thắng trận rồi, Nguyễn-Nhạc tự xưng là Hoàng-đế, lấy niên-hiệu Thái - đức, gọi thành Đồ - bàn là Hoàng - đế - thành, phong cho Nguyễn-Lữ làm Tiết-chế và Nguyễn-Huệ làm Long-nhượng tướng-quân (1778).

V.— Đối phó với Nguyễn-Ánh (1782)

1.— Nguyễn - Ánh khôi - phục Gia - định : Trong cuộc sát hại họ Nguyễn có Nguyễn-phước-Ánh con Chương - Võ thoát nạn. Phước-Ánh lần trốn cho đến khi anh em Tây-sơn rút về Qui-nhơn thì lại mộ quân chiếm Gia-định rồi tiến ra Bình-thuận. Lúc ấy mới có 16 tuổi được các tướng tôn là Đại-nguyên-sứ, Nhiếp-quốc-chính.

2.— Chúa Nguyễn sửa sang miền Nam : Lấy được Gia-

Đinh Nguyễn-phước-Ánh lo tuở sa miền Nam. Chúa Nguyễn cho sứ mang giao-hảo với Xiêm-La, rồi sai Đồ-thành-Nhơn đem quân bình-định Cao-mên lập con Nặc-Tòn là Nặc-Su lên làm vua và đặt quan Việt ở lại bảo-hộ.

Còn trong nước Nguyễn-Ánh tổ-chức lại ba dinh Trấn-biên, Phiên-trấn và Long-hồ. Chúa Nguyễn đặt quan cai-trị các dinh, định lệ thu thuế để nuôi binh lính, làm chiến-thuyền, tập binh mã để phòng bị chiến-tranh và khuyến-khích khai-khẩn đất hoang. Năm 1780, Nguyễn-Ánh xưng vương và thưởng cho các tướng sĩ. Tướng Đồ-thành-Nhơn cũng được phong Thượng-tướng-công nhưng có vẻ lộng-quyền nên bị Nguyễn-Ánh giết đi. Cuộc sát hại công-thần này làm cho quân-sĩ Đông-sơn chán nản làm loạn. Cũng năm ấy Mạc-thiên-Tứ chết, đất Hà-liên thuộc hẳn về chúa Nguyễn.

Tháng 11 năm 1780, quân Xiêm tràn vào Cao-mên vây thành Nam-vang quân Chúa Nguyễn đem binh đến cứu. Nhưng quân Xiêm nổi loạn, tướng Chắt-Tri xin hòa với quân Nguyễn và đoán-kết sẽ giúp đỡ nhau khi hữu-sự rồi rút quân về nước giết vua Xiêm là Trịnh-quốc-Anh và loạn tướng Phan-nha-văn-sản rồi lên làm vua xưng là Phật-vương. Đó là ông vua đã sáng-lập ra triều đại Thái-lan hiện nay.

3.— Anh em Tây-sơn lấy Gia-định : Vừa bình-định xong phía tây thì Nguyễn-Ánh phải đối phó với anh em Tây-sơn. Nguyễn-Nhạc và Nguyễn-Huệ đem 100 chiến thuyền vào cửa Cần-giờ (cửa sông Saigon) tấn công chiếm thành Gia-định. Nguyễn-Ánh rút về Tam-phụ rồi lánh ra ở đảo Phú-quốc. Sau khi anh em Tây-sơn trở về Qui-nhơn, quân Chúa Nguyễn nổi lên lấy lại thành. Nhưng đầu năm sau (1783) Nguyễn-Lữ và Nguyễn-Huệ đem binh vào phá lần nữa, Nguyễn-Ánh lại phải chạy ra Phú-quốc. Binh-sĩ rất khổ cực phải ăn rau cỏ củ chuối chờ thời.

4.— Chúa Nguyễn cầu-viện ngoại-quốc : Thế-lực Chúa Nguyễn kiệt-quệ. Trong lúc nguy-nan đó Nguyễn-Ánh định cầu-viện ngoại-quốc.

Nguyễn-Ánh sai hai người Tây-ban-nha sang Ma-ni để cầu viện, nhưng đi nửa đường bị quân Tây-sơn bắt được xử tử.

Lúc ấy có Giám-mục Bá-đa-Lộc (Pigneau de Béthune) tới Hà-tiên từ năm 1767 để giảng đạo được Nguyễn-Ánh mời đến bàn việc khôi phục. Chúa Nguyễn bèn giao Hoàng-tử Cảnh lên 4 tuổi và quốc ấn cho Giám-mục Bá-đa-Lộc để làm con tin và được toàn-quyền điều-định với triều-đình Pháp về việc viện-binh. Giám-mục Bá-đa-Lộc cùng Hoàng-tử Cảnh và mấy vị quan hầu lên đường, nhưng tới Ấn-độ phải nghỉ lại vì không thuận-buồm xuôi gió.

Trong khi đó Nguyễn-Ánh lại muốn nhờ quân Xiêm, sang thương-lượng với vua Phật-vương. Vua Xiêm giúp 2 vạn quân và 300 chiến thuyền để cho tướng Chu-văn-Tiếp thống-lãnh. Quân Xiêm sang lấy được Rạch-giá, Trà-ôn, Sa-déc, nhưng Chu-văn-Tiếp bị thương chết. Từ đó quân Xiêm ỷ-thể quấy-nhiều dân-sự, cướp phá làng mạc. Dân-chúng phần-uất lại mong quân Tây-sơn tới giải nguy.

5.— Nguyễn-Huệ phá quân Xiêm : Nguyễn-Nhạc được tin cấp báo có quân Xiêm sang, vội sai Nguyễn-Huệ đem binh vào chống giữ. Nguyễn-Huệ nhử quân Xiêm về phía trên Mỹ-tho, rồi lợi-dụng quân địch không quen địa-thế, đánh một trận phá tan-tành. Quân Xiêm chỉ còn hai ba ngàn người chạy qua Cao-miền về Xiêm. Quân Tây-sơn lộn lại đánh lui quân Nguyễn. Nguyễn-Ánh hết lương-thực, cùng mấy người chạy về Trấn-giang, ra đảo Thổ-châu, đảo Cù-cố rồi sang Vọng-các (kinh-dô Xiêm) ngày mồng 1 tháng ba năm 1785.

Đánh dẹp xong quân Xiêm, Nguyễn-Huệ đem quân về Qui-nhon để dò-dốc Đặng-văn-Châu ở lại trấn đất Gia-định.

CÂU HỎI

1. Nguyễn-nhân cuộc khởi-nghĩa ở làng Trong ? — **2.** Anh em Tây-sơn là người thế nào ? — **3.** Nguyễn-Nhạc làm thế nào để thu-phục dân-chúng ? — **4.** Họ Tây-sơn lấy lại đất Quảng-nam trong trường-hợp nào ? — **5.** Nhà Tây-sơn vào đánh Gia-định tất có mấy lần ? Lần nào quan-hệ hơn cả ? — **6.** Nguyễn-Ánh đã định nhờ những nước nào giúp ? — **7.** Tại sao vua Xiêm lại giúp Nguyễn-Ánh ? — **8.** Lý-do thất-bại của chúa Nguyễn trong trận nhờ quân Xiêm giúp ?

19 - TÂY - SƠN DIỆT

HỌ TRỊNH, ĐỨT NHÀ LÊ

DÀN BÀI

I.— Tình-hình miền Bắc :

- 1) Trong phủ Chúa.
- 2) Loạn kiều-binh.
- 3) Tình-hình dân-chúng.

II.— Nguyễn-Huệ lấy Thuận-hóa :

- 1) Nguyễn-hữu-Chinh.
- 2, Đánh Thuận-hóa.

III.— Nhà Tây-sơn diệt họ Trịnh :

- 1) Lý-do tiến quân đánh Thăng-long.
- 2) Chiếm Vị-hoàng và Sơn-nam.

IV.— Tây-sơn giao-thiệp với nhà Lê.

V.— Nhà Lê suy-tàn.

VI.— Nguyễn-Huệ ra Bắc.

I.— Tình-hình miền Bắc.

1.— Trong phủ Chúa : Trong lúc thế-lực Tây-sơn ở miền Nam mỗi ngày một lớn thì ở Đàng ngoài Trịnh-Sâm làm nhiều điều lầm lỗi. Trịnh-Sâm bỏ người con trưởng là Trịnh-Khải lập con thứ của Đặng-thị-Huệ là Trịnh-Cán làm thế-tử. Trong phủ-liều các quan chia làm bè đảng, người muốn tôn Trịnh-Cán, người phò Trịnh-Khải. Đến khi Trịnh-Sâm mất (1782), cuộc phiến-loạn nổ bùng.

2.— Loạn kiều-binh : Trịnh-Khải dựa vào lĩnh Tam-phủ đánh chiếm phủ Chúa, bắt phụ-chính Hoàng-đình-Bảo xử-tử, phế Trịnh-Cán rồi lên làm Chúa. Nhưng tình-thế vẫn chưa được yên. Lĩnh Tam-phủ tức Ưu-binh từ xưa vẫn hống-hách kiều-căng, lúc

này lại càng ngao- nghệ cướp bóc và ức-hiếp dân-chúng, phá-phách chém giết những quan Đại-thần định kiểm-cha họ. Năm 1784 quân kiêu-binh canh giữ phủ Chúa không cho Trịnh-Khải ra ngoài, giữ các cửa ô rồi đi cướp phá các làng gần đô-thị.

3.— Tình-hình dân-chúng : Dân phần-uất lắm, hề có người linh nào đi lễ-loi thì họ bắt giết. Quân dân đối với nhau như cừu-dịch. Sự phần-uất đó càng tăng thêm vì năm 1786 bị mất mùa, gạo thóc rất đắt khiến dân-chúng khổ-sở ; hàng vạn người chết đói. Đồng thời loạn nổi lên ở Quảng-yên, Kinh-bắc và Thái-nguyên cướp phá rất tai hại.

Đó là dịp thuận-tiện cho Nguyễn-Huệ tiến quân ra đánh họ Trịnh.

II.— Nguyễn-Huệ lấy Thuận-hóa.

1.— Nguyễn-hữu-Chỉnh : Nhà Tây-sơn vẫn theo rồi tình-hình miền Bắc và đề ý đến sự suy-làn của họ Trịnh. Nhân lúc ấy lại có Nguyễn-hữu-Chỉnh là người có tài, can-dảm và mưu-trí, trước theo Hoàng-ngũ-Phúc đi đánh giặc bể, giặc sớ gọi là « chim dữ ». Sau Ngũ-Phúc chết, Nguyễn-hữu-Chỉnh muốn tính chuyện lớn bỏ họ Trịnh vào với Tây-sơn. Nguyên khi trước Nguyễn-hữu-Chỉnh theo Hoàng-ngũ-Phúc vào đánh Quảng-nam thường đi lại quen Nguyễn-Nhạc nên Nguyễn-Nhạc tin dùng.

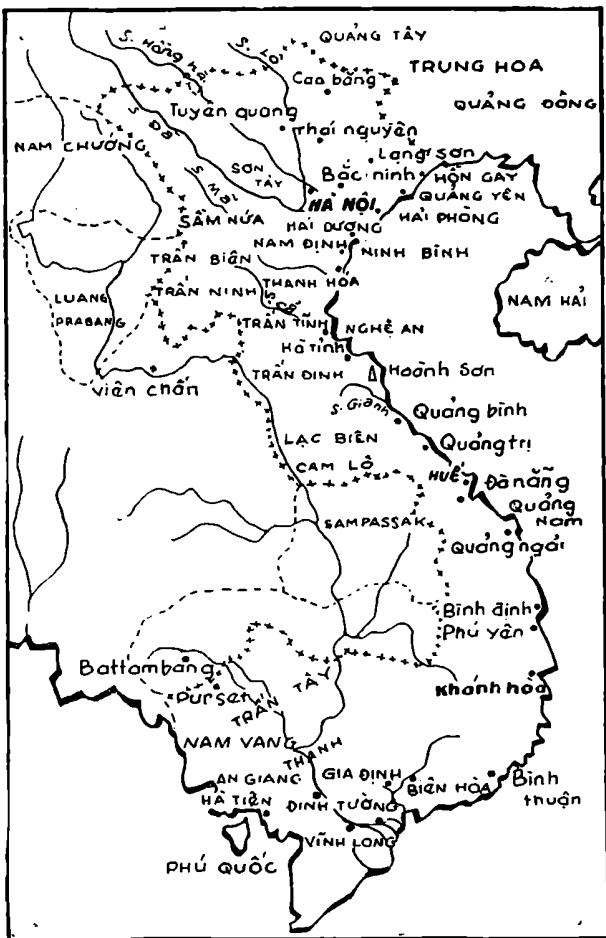
2.— Đánh Thuận-hóa : Tình-thế họ Trịnh đã suy-đốn rõ-rệt, nhà Tây-sơn không bỏ lỡ cơ-hội tiến quân đánh miền Bắc. Nguyễn-Nhạc sai Nguyễn-Huệ làm tiết-cher, Vũ-văn-Nhậm làm tả-quân đô-đốc, Nguyễn-hữu-Chỉnh làm hữu-quân đô-đốc đem quân thủy bộ tiến ra Thuận-hóa.

Quan trấn-thủ Thuận-hóa là Phạm-ngô-Cầu chỉ nghĩ đến tư-lợi đang lập đàn đề mong tránh tai-nạn, quân-sĩ phải phục-dịch đêm ngày mỗi một. Nguyễn-Huệ cho quân tiến đánh hạ được Hoàng-đình-Thể. Còn Phạm-ngô-Cầu kéo cò trắng mở cửa thành ra hàng. Quân ở các đồn đều tan vỡ cả. Trong mấy ngày quân Tây-sơn chiếm được từ Thuận-hóa đến sông Gianh (tháng 6-1786).

III. — Nhà Tây-sơn diệt họ Trịnh.

1. — Lý - do tiến quân đánh Thăng - long : Theo lệnh của Nguyễn-Nhạc thì Nguyễn-Huệ phải dừng lại ở sông Gianh. Nhưng sau

khi giải Phạm-ngô - Cầu về Qui - nhơn, Nguyễn - hữu - Chính bàn với Nguyễn-Huệ : « Ông phụng mệnh ra đánh một trận mà bình được Thuận-hóa, uy kinh cả chốn Bắc - hà. Phạm cái phép dùng binh một là thời, hai là thế, ba là cơ, có ba điều ấy đánh đâu cũng được. Bây giờ ở đất Bắc - hà tướng thì lười, quân thì kiêu, triều - đình không có kỷ-cương gì cả, nếu ông nhân cái uy - thanh này, đem binh ra đánh thì làm gì mà không được ». Ông không nên bỏ mất cái cơ, cái thời và cái thế ấy. — Nguyễn - Huệ nói rằng : Ở Bắc-hà có nhiều nhân-tài không



Đản-dò nước Việt-nam ở thế-kỷ 19

nên coi làm thường. — Hữu-Chính đáp lại : Nhân-tài Bắc-hà chỉ có một minh Chính, nay Chính đã bỏ đi, thì nước không có ai nữa, xin ông đừng có ngại gì. — Nguyễn-Huệ cười nói : Ấy ! Người khác

thì không ngại, chỉ ngại có ông đó thôi ! Hữu-Chính thất sắc chữa lại rằng : Tôi tự biết tài hèn, nhưng mà tôi nói thế là có ý tỏ cho ông biết ngoài Bắc không có nhân-tài đó thôi.— Nguyễn-Huệ dùng lời ngọt để an lòng Hữu-Chính rồi tiếp : Nhà Lê làm vua đã mấy trăm năm nay, bây giờ cướp lấy, chưa chắc lòng người đã theo mình.— Hữu-Chính nói : Nay Bắc-hà có vua lại có chúa, ấy là một sự cớ-kim đại-biến. Họ Trịnh tiếng rằng phù Lê, thực là hiệp-thế, cả nước không ai phục. Vả xưa nay không ai làm gì để giúp nhà Lê, là chỉ sợ cái thế mạnh đó mà thôi, nay ông mà phù Lê diệt Trịnh thì thiên-hạ ai chẳng theo ông. Nguyễn-Huệ tuy còn dự, sau bàn-luận hơn thiệt với Nguyễn-hữu-Chính rồi nhất-định mang quân ra đánh Bắc-hà.

2.— Chiếm kho lương Vị-hoàng : Nguyễn-Huệ sai Nguyễn-hữu-Chính đem thủy-binh đi liên-phong vào cửa Đại-an đánh lấy kho lương ở bên sông Vị-hoàng rồi đốt lửa làm hiệu. Nguyễn-Huệ đem đại-binh đi sau sẽ kéo đến đóng giữ.

Nguyễn-hữu-Chính đem quân ra Nghệ-an, Thanh-hóa không ai dám cự-dịch, đến sông Vị-hoàng thì quan coi đồn ở đấy bỏ chạy. Nguyễn-hữu-Chính lấy được hơn trăm vạn hộc lương, rồi đốt lửa làm hiệu, quân Nguyễn-Huệ kéo đến đóng giữ. Trước kia khi thành Phú-xuân thất-thủ các quan của họ Trịnh bàn rằng : « Đất ấy không phải là của triều-đình. Bây giờ có mất cũng không hại gì ». Vì thế triều-đình chỉ sai Trịnh-tự-Quyền đem 27 cơ vào giữ đất Nghệ-an thôi. Tự-Quyền thu xếp đến hơn 10 ngày mà không xong công việc. Đến khi đi được 30 dặm thì có tin báo quân Tây-sơn đến đóng ở sông Vị-hoàng rồi.

3.— Lấy Sơn-nam : Quân họ Trịnh bố-trí phòng-thủ kỹ càng. Nguyễn-Huệ sai lấy tượng gỗ để lên mấy chiếc thuyền rồi đánh trống kéo cờ thả thuyền cho gió đông nam thổi ngược sông. Bên Trịnh bắn giữ lắm nhưng sau mới biết là thuyền chỉ có tượng gỗ. Lúc ấy quân Tây-sơn tiến lên đánh, quân Trịnh hết thuốc đạn bỏ thuyền chạy. Nguyễn-Huệ hạ được thành Sơn-nam rồi một mặt truyền hịch đi các lộ lấy nghĩa « Phù Lê diệt Trịnh » một mặt kéo quân lên lấy Thăng-long.

4.— Trịnh-Khải mất : Trịnh-Khải bối-rối vì không điều-

khởi nổi kiêu-binh mà quân Tây-sơn đã đến nơi rồi, mới cho gọi Hoàng-phùng-Cơ ở Sơn-tây về đem quân đóng ở hồ Vạn-xuân (Xã Vạn-phú, Thanh-tri) còn thủy-binh đóng ở Tây-long (Thọ-xương) để phòng giữ. Trịnh-Khải đích thân ra trận nhưng bị quân Tây-sơn đánh mạnh quá phải chạy lên Sơn-tây. Chạy đến làng Hạ-lôi huyện Yên-lãng thì bị dân chúng bắt nộp cho Tây-sơn ; giữa đường Trịnh-Khải tự-tử (1786). Nguyễn-Huệ tổng táng Trịnh-Khải theo vương-lễ rồi tiến vào thành Thăng-long ngày 21-7-1786.

Họ-Trịnh làm chúa được 240 năm (1545-1786) thì mất.

IV.— Tây-sơn giao-thiệp với nhà Lê

1.— Nguyễn-Huệ yết-kiến vua Lê : Vào thành Thăng-long, Nguyễn-Huệ ra lệnh cho quân-sĩ không được phép cướp phá dân gian, rồi hôm sau vào yết-kiến vua Lê-Hiến-Tôn. Vua Lê đã 70 tuổi già yếu, tiếp Nguyễn-Huệ ở đền Vạn-thọ. Nguyễn-Huệ ngồi gần sập ngự tâu bày lòng chân-thành của mình là có ý phù Lê diệt Trịnh. Vua vui mừng an-tâm ; rồi theo đề-nghị của Nguyễn-Huệ nhà vua xuống chiếu gọi các quan về triều. Nguyễn-hữu-Chính bàn với Nguyễn-Huệ xin vua Lê lập một buổi châu chính-thức để tỏ cho triều-đình rõ thiện-chi khôi-phục nhà Lê. Ngày 7 tháng 7 vua sai lập đại-trào ở điện Kính-thiên, Nguyễn-Huệ đem các tướng vào lạy, dâng sổ quân-sĩ và dân đinh như tỏ rằng vua Lê đã thu lại quyền-chính thực sự. Vua phong cho Nguyễn-Huệ làm Nguyên-soái, Uy-quốc-công và gả con gái là Ngọc-Hân công-chúa cho. Mấy ngày sau vua Lê-Hiến-Tôn mất để ngôi cho cháu là Lê-duy-Kỳ tức vua Lê-Chiều-Thống.

2.— Nguyễn-Nhạc gặp Lê-Chiều-Thống : Nguyễn-Nhạc đã có ý ngăn Nguyễn-Huệ không cho ra đánh Bắc-hà, nhưng lại được tin Nguyễn-Huệ đã tiến quân chiếm được Thăng-long. Nguyễn-Nhạc e ngại lắm vội đem quân đêm ngày đi từ Qui-nhơn ra Thăng-long. Tới kinh-đô, Nguyễn-Nhạc cho mời vua Lê-chiều-Thống sang phủ đường làm lễ tương-kiến. Chiêu-Thống định cắt nhường đất Nghệ-an để khao quân, nhưng Nguyễn-Nhạc từ chối nói : « Vì họ Trịnh hiếp-chế, nên chúng tôi ra giúp nhà vua : nếu là đất họ Trịnh thì

một tấc cũng không để lại nhưng mà của nhà Lê thì một tấc cũng không dám lấy. Xin mong nhà vua gắng sức làm việc giữ yên đất nước để đời đời giao hiếu với nhau ».

Tháng 8 anh em Tây-sơn rút về Nam, định bỏ mặc Nguyễn-hữu-Chính ở lại đất Bắc ; nhưng Nguyễn-hữu-Chính chạy theo kịp, được Nguyễn-Nhạc cho giữ đất Nghệ-an.

V.— Nhà Lê suy-tàn

1.— Trịnh-Bồng áp-bức vua Lê : Quân Tây-sơn rút khỏi Bắc-hà, thì con cháu họ Trịnh có Trịnh-Bồng lại đem quân về áp-bức vua Lê lập lại phủ chúa ; vì thế vua Lê phải phong cho Trịnh-Bồng làm Ấn-đô-vương và cho hưởng các cấp bổng như cũ : 3.000 lính túc-vệ, 5.000 mẫu ruộng và lợi-tức của 200 làng. Họ Trịnh lại chuyên-quyền, đến nỗi vua Lê phải xuống mật-chiều vời Nguyễn-hữu-Chính ra giúp.

2.— Vua Lê dùng Nguyễn-hữu-Chính : Được cơ-hội tốt để thi-hành ý-định, Nguyễn-hữu-Chính vội đem 10 ngàn quân ra giúp vua Lê đánh tan quân của họ Trịnh. Trịnh-Bồng thất bại chán đời bỏ đi tu. Họ Trịnh mất hẳn, còn Nguyễn-hữu-Chính được vua trao cho giữ binh quyền và phong cho chức Đại-tư-đồ Bằng-trung-công, từ đó rất hống-hách nắm tất cả quyền-chính.

Nhân lúc ấy anh em Tây-sơn lại có truyện hiềm-khích. Nguyễn-Nhạc về đến Qui-nhơn tự xưng làm Trung-trương Hoàng-để giữ từ Quảng-nam đến Bình-thuận, phong cho Nguyễn-Lữ làm Đông-dịnh-vương ở Gia-dịnh và cho Nguyễn-Huệ làm Bắc-bình-vương ở đất Thuận-hóa và Nghệ-an. Nguyễn-Huệ không bằng lòng, đem quân vây thành Qui-nhơn rất là nguy-kịch, đến nỗi Nguyễn-Nhạc phải lên mặt thành mà khóc, sau vì tình ruột thịt anh em Tây-sơn lại làm hòa, Nguyễn-Huệ đem quân trở về Thuận-hóa.

Trong tình thế ấy, Nguyễn-hữu-Chính được rảnh tay bỏ Nghệ-an ra vây vùng ở miền Bắc.

3.— Vua Lê chạy trốn : Nguyễn-hữu-Chính khuyên vua Lê dời lại đất Nghệ-an, Nguyễn-Huệ cảm-tức sai Vũ-văn-Nhâm là con

ra Nguyễn-Nhạc và Ngô-văn-Sở ra Bắc. Tháng 11 năm 1787, Vũ-văn-Nhâm phá quân Nguyễn-hữu-Chỉnh ở Ninh-bình rồi đánh thẳng ra Thăng-long, nghe tin ấy Lê-chiều-Thống và Nguyễn-hữu-Chỉnh bỏ kinh-dò chạy trốn. Vũ-văn-Nhâm vào chiếm Thăng-long và sai tướng đuổi bắt được Nguyễn-hữu-Chỉnh đem về xử-tử. Tìm vua Chiêu-Thống không được, Vũ-văn-Nhâm tôn Sùng-nhượng-công là Lê-duy-Cần lên làm Giám-quốc.

VI.— Nguyễn-Huệ ra Bắc

1.— Trừ Vũ-văn-Nhâm : Nguyễn-Huệ đã nghi Vũ-văn-Nhâm có ý phản trắc nên sai Ngô-văn-Sở và Phan-văn-Lân cùng Văn-Nhâm ra Bắc để chia bớt binh-quyền. Khi lấy được Thăng-long và hạ được Nguyễn-hữu-Chỉnh, Vũ-văn-Nhâm cậy tài kiêu-ngạo, Ngô-văn-Sở báo tin cho Nguyễn-Huệ biết sự tình. Bắc-bình-Vương đem binh đi gặp ra Thăng-long, nửa đêm đến nơi bắt Vũ-văn-Nhâm truyền giết đi.

2.— Đặt quan cai-trị đất Bắc : Nguyễn-Huệ cho các quan nhà Lê vào yết-kiến, đặt quan lục-bộ và các quan trấn-thủ, đề Lê-duy-Cần làm Giám-quốc giữ việc tế-lễ. Ngô-thời-Nhiệm làm Lại-bộ thị-lang, giao quyền cai-trị Bắc-hà cho Ngô-văn-Sở.

Chính đốn xong công việc, Nguyễn-Huệ lại trở về Phú-xuân.

Vua Chiêu-Thống thua chạy, nay đây mai đó tìm người trung-ngĩa lo việc khôi-phục lại nhà Lê, nhưng thế-lực đã suy tàn, cơ-nghiệp nhà Lê đổ nát. Từ đây nhà Lê coi như mất hẳn, sau khi trị vì cả thấy được 360 năm (1428 — 1788).

CÂU HỎI

1. Loạn kiều-binh gây ảnh-hưởng gì cho miền Bắc ? — **2.** Tại sao gọi là lĩnh Tam-phủ ? — **3.** Nguyễn-hữu-Chỉnh là người thế nào ? — **4.** Tại sao Nguyễn-Huệ không theo lệnh của triều-đình Tây-sơn, cứ tiến quân ra Bắc ? — **5.** Nguyễn-Huệ có được dân chúng miền Bắc ủng-hộ không ? Tại sao ? — **6.** Nguyễn-Huệ lấy danh-nghĩa gì đề ra đất Bắc-hà ? — **7.** Tại sao Nguyễn-Nhạc đem ngày vớ ra Thăng-long ? — **8.** Nguyên-nhân cuộc xích-mịch giữa anh em Tây-sơn ? — **9.** Ảnh-hưởng cuộc bất-hòa giữa anh em Tây-sơn ?

20 - NHÀ TÂY-SƠN ĐẠI PHÁ QUÂN THANH

DÀN BÀI

I.— Quân Thanh xâm-lăng Đại-việt :

- 1) Nhà Thanh dưới triều Càn-Long.
- 2) Nguyên-nhân cuộc xâm-lăng.
- 3) Quân Thanh vào Thăng-long.
- 4) Tình-trạng miền Bắc.

II.— Quang-Trung đại phá quân Thanh :

- 1) Sửa-soạn : Nguyễn-Huệ lên ngôi.
- 2) Trận Phú-xuyên.
- 3) Trận Hà-hồi và Ngọc-hồi.
- 4) Trận Đống-đa.
- 5) Chiếm Thăng-long.

III.— Cuộc thương-thuyết với nhà Thanh :

- 1) Xin giảng-hòa.
- 2) Cầu phong.

I.— Quân Thanh xâm-lăng Đại-việt

1.— Nhà Thanh dưới thời vua Càn-Long : Vào giữa thế-kỷ 18 vua Càn-Long lên ngôi Trung-quốc, học-hỏi kinh-nghiệm của Khang-Hi và Ung-Chính sửa đổi cách cai-trị. Vì thế nước Trung-hoa

hồi kỳ thịnh lắm, biên-cương mở rộng : phía bắc đến Tây-bá-lợi-á, phía tây đến A-phủ-hãn. Việc chinh-phục Đại-việt cũng là vấn-đề trong chương-trình mở-mang đất nước của Càn-Long.

2.— Nguyên-nhân cuộc xâm-lăng : Vua Chiêu - Thống sau khi thất trận Mực-sơn đi lang-thang tìm người giúp đỡ khôi-phục lại ngôi cũ. Nhưng các bề tôi đều tản mát đi cả. Vua phải lần tránh ở miền Lạng - sơn, Thế đã bị, vua Chiêu - Thống mưu - tính nhờ nhà Thanh giúp-đỡ. Bà Hoàng-thái-hậu cùng với Hoàng-lữ cũng đã sang Long - châu cầu - cứu Tổng - đốc Lưỡng-Quảng là Tôn-sĩ-Nghị. Thấy nước ta bị sâu-xé, Sĩ-Nghị nhân cơ-hội tâu với vua Càn-Long : « Họ Lê là cống-thần Trung-hoa, nay bị giặc lấy mất nước, mẹ và vợ Tự-quân sang cầu-cứu, tình cũng nên thương. Vả nước Nam vốn là đất cũ của nước Tàu (!), nếu sau khi cứu nhà Lê phục-quốc rồi sẽ để quân ở lại mà giữ ; thế là cứu được nhà Lê, và lại lấy được đất An-nam, thực là lợi cả đôi đường ». Ý-định của nhà Thanh thôn-tính Đại-việt ta thật là rõ-ràng.

3.— Quân Thanh vào Thăng - long : Vua Càn-Long cho Tôn-sĩ-Nghị điều-động quân 4 tỉnh Quảng-đông, Quảng-tây, Vân-nam và Quý-châu để xâm-nhập Đại-việt. Năm 1788 Tôn-sĩ-Nghị chia 200.000 quân ra làm 3 đạo : một đạo từ Vân-nam tiến vào Tuyên-quang, một đạo do Sầm - nghi - Đống cầm đầu đánh vào Cao - bằng, còn một đạo do Tôn - sĩ - Nghị thống - lĩnh sang mạn Lạng - sơn. Quân Thanh qua biên-giới không gặp một sức kháng-cự nào.

Tướng Ngô-văn-Sở ở Thăng-long được tin cấp báo quân Trung-hoa đã qua biên-giới. Nhưng xét thấy quân-lực còn yếu phát-lệnh cho quân các trấn rút về núi Tam - điệp (đèo Ba-đội) bố - trí ở phía bắc Thanh-hóa từ núi Tam-điệp đến biển, để phòng giữ và đợi quân tiếp-viện.

4.— Tình-trạng miền Bắc : Vua Chiêu - Thống ra đón Tôn-sĩ-Nghị ở Kinh-bắc rồi cùng về Thăng-long, Tôn-sĩ-Nghị tuyên đọc tờ

sắc-phong của nhà Thanh cho Lê-Chiều-Thượng làm An-nam quốc-vương rồi cho quân đi đóng đồn ở các nơi, bắc cầu phao ở sông Cái (lúc sông Nhị-hà) để tiện đi lại. Tuy đã thụ-phong nhưng vua Lê vẫn phải để niên hiệu Càn-Long trên các văn-thư và mỗi ngày phải sang châu bèn dinh Tôn-sĩ-Nghị. Quân Thanh ngạo-nghe ; dân-chúng thật khổ-sở. Dư-luận thời đó đã cho rằng : « Nước Nam ta từ khi có đế-vương đến giờ, không thấy vua nào là hèn-hạ đến thế. Tiếng làm vua mà phải theo niên-hiệu vua Tàu, việc gì cũng phải bầm đến quan Tổng-dốc, thế thì có khác gì đã làm nội-thuộc rồi không ? ». Lại năm ấy bão lụt mất mùa, dân không có gạo ăn, không có nhà ở, ai nấy đều chán ghét nhà Lê.

II. — Quang-Trung phá quân Thanh

1. — Sửa - soạn : Nguyễn - Huệ lên ngôi. Được tin quân Thanh đã chiếm Thăng-long, Nguyễn-Huệ hội các tướng tá bàn-định cuộc kháng - chiến. Các tướng bàn nên làm cho cuộc xuất quân có danh-chính đảng hoàng, nên Nguyễn-Huệ sai đắp đàn ở núi Bàn-sơn, phía nam Huế. Ngày 21 tháng chạp năm 1788, Nguyễn-Huệ lên đàn tế trời đất rồi lên ngôi Hoàng-đế lấy niên-hiệu là Quang-Trung. Vua Quang-Trung tự thống-lãnh thủy bộ đại binh tiến đánh quân Thanh. Ngày 26 đến Nghệ-an, nhà vua cho quân-sĩ nghỉ lại 10 ngày mộ thêm người, tất cả được 10 vạn quân và hơn 100 voi. Trước khi tiến binh vua Quang-Trung kiểm-diêm và hiệu-dụ quân-sĩ. Đến núi Tam-diệp thì đại-quân gặp Ngô-văn-Sở, Ngô-văn-Sở ra tạ tội nhưng Quang-Trung cười và nói rằng : « Chúng nó sang phen này là mua cái chết đó thôi. Ta ra chuyển này thân coi việc quân đánh giữ đã định mẹo rồi, đuổi quân Thanh về chẳng qua mười ngày là xong việc. Nhưng chỉ nghĩ nó là nước lớn gấp mười nước ta, sau khi nó thua một trận rồi, tất nó lấy làm xấu hổ, lại mưu báo thù, như thế thì đánh nhau mãi không thôi, dân ta hại nhiều, ta sao nổi thế. Vậy đánh xong trận này, ta phải nhờ Trời-Nhiệm dùng lời nói cho khéo để ngừng việc chiến - tranh. Đợi mười năm nữa nước



ta dưỡng được sức
phủ-cường rồi, thì ta
không cần phải sợ
nó nữa ».

Tết sắp đến, Quang-
Trung truyền cho
quân - sĩ ăn tết
nguyên - dân trước,
bản tính kế - hoạch
tấn-công, phân binh
cho các tướng, định
ngày 7 tháng giêng
âm-lịch là lấy xong
Thăng-long.

**2.— Trận Phú-
xuyên :** Hôm 30 tết
quân Tây - Sơn tiến
đến Sơn-nam thì gặp
quân Trung-hoa, phá
những đạo quân tiên-
phong của Tôn-sĩ -
Nghị. Toàn quân vỡ
chạy về Phú-xuyên.
Quang - Trung đuổi
theo bắt trọn toàn
quân Trung - hoa

đồng ở đấy. Mấy đồn Ngọc-hồi và Hà-hồi cũng không biết tin.

3.— Trận Hà - hồi và Ngọc - hồi : Đêm ngày mồng 4 rạng
ngày mồng 5 (1989) quân Tây-sơn vây kín đồn Hà-hồi, tướng Thanh
xin hàng nộp quân-lương và khí-giới. Mờ sáng ngày mồng 5, Quang-
Trung cho lệnh tiến quân lên Ngọc-hồi. Hai bên bắn nhau rất dữ.
Quang-Trung sai lấy ván quần rom cỏ trót làm lá chắn, cứ 20 người

khênh một mảnh mang dao nhọn, lại có 20 người cầm khi - giới theo sau. Vua Quang-Trung cưỡi voi đi đốc chiến. Đến trước cửa thành, quân-sĩ bỏ lá chắn dùng dao giáp chiến. Quân Thanh hoảng chạy. Những đồn Văn-diễn, Yên-quyết thất-thủ theo. Có nhiều tướng Thanh chết tay còn cầm khi-giới.

4.— Trận Đống-đa : Trong lúc kịch-chiến ở Ngọc - Hồi thì Đô-đốc Long đánh đồn Khương-thượng, tướng Thanh là Sầm-ngli-Đổng chống không nổi chạy tháo thân rồi thất cồ chết ở Đống-đa cạnh Thái-hà-ấp gần Thăng-long.

5.— Chiếm Thăng - long : Tôn-sĩ-Nghị nửa đêm được tin báo hoảng-hốt không kịp thăng yên ngựa mặc áo giáp vội chạy giữa kinh thành bốc cháy, qua sông Cái để lên mạn Bắc. Quân các trại chạy trốn tranh nhau qua cầu, cầu đổ, hàng ngàn quân Trung-hoa chết đuối. Vua Chiêu-Thống cũng vượt qua sông sang Trung-hoa với bà Hoàng-thái-hậu cùng mấy người cận-thần.

Đến trưa vua Quang-Trung vào thành Thăng-long, áo cầm-bảo đen những thuốc súng. Rồi sai tướng đem binh đuổi đánh quân Thanh đến cửa Nam-quan. Dân Trung-hoa ở biên-giới nghe tin khiếp-sợ dất-diu nhau chạy sang về mạn bắc hàng mấy trăm dặm, tướng quân ta đuổi đánh tràn sang. Uy-danh Quang-Trung thật là lừng-lẫy.

Vua Quang-Trung vào Thăng-long bắt được các ấn-tin của Tôn-sĩ-Nghị và mật-dụ của vua Càn-Long nói rằng : « Việc quân nên từ đồ, không nên hấp-tấp. Hãy nên đưa hịch-truyền thanh-thế đi trước, và cho các quan nhà Lê về nước cũ hợp nghĩa binh, tìm tự-quân nhà Lê, đem ra đứng đầu để đối địch với Nguyễn-Huệ, thử xem sự thế thế nào. Nếu lòng người nước Nam còn nhớ nhà Lê, có quân ta kéo đến ai là chẳng gắng sức. Nguyễn-Huệ tất phải tháo lui ; ta nhân lấy dịp ấy mà sai Tự-quân đuổi theo, rồi đại-binh của ta theo sau, như thế không khó nhọc mấy nổi mà nên được công to. Đó là mẹo hay hơn cả. Vì hằng suốt người trong nước, nửa theo đảng nọ, nửa theo đảng kia, thì Nguyễn-Huệ tất không chịu lui. Vậy ta hãy đưa thư sang tỏ bảo đường họa phúc, xem nó đối đáp làm sao. Đợi khi nào thủy-quân ở Mân, Quảng đi đường bể sang đánh mặt Thuận-hóa và Quảng-nam,

rồi bộ - binh sẽ tiến lên sau, Nguyễn-Huệ trước sau bị địch, thế tất phải chịu. Bấy giờ ta sẽ nhân mà làm ơn cho cả hai bên : từ đất Thuận-hóa, Quảng-nam trở vào Nam thì cho Nguyễn-Huệ ; từ châu Hoan, châu Ái, trở ra Bắc thì phong cho Tự-quân nhà Lê. Ta đóng đại-binh lại để kiểm chế cả hai bên rồi sẽ xử-trí về sau ».

Vua Quang-Trung hạ lệnh cho quân giặc hàng-phục, cấm quân lính không được xâm-phạm vào tài-sản của dân-chúng. Quân Thanh ra đầu thú thì được cấp lương thực đơm ngày đưa về nước.

III. — Cuộc thương-thuyết với nhà Thanh

1. — Xin giảng-hòa : Vua Quang-Trung đề-phòng nhà Thanh báo-thù có thể làm cho dân khổ-sở nữa, nên sai Ngô-thời-Nhậm làm thư xin hòa. Xong công việc vua Quang-Trung lại trở về Nam.

Vua Càn-Long thất-bại rất căm-thù, giảng chức Tôn-sĩ-Nghị cho Phúc-khang-An lên thay làm tổng-đốc Lưỡng-Quảng và truyền-lệnh tập-hợp quân-đội ở biên-giới. Nhưng Khang-An thấy lực-lượng Đại-việt đã lớn cũng muốn hòa lại được vua Quang-Trung dứt lốt, nên biên thư nói với vua Tây-sơn sang giao-thiệp với Bắc-kinh.

2. — Vua Quang-Trung cầu phong : Vua Quang - Trung sai sứ đưa vàng bạc và nhiều cống-phẩm sang châu vua nhà Thanh và dâng biểu xin phong. Các đại-thần nhất là Phúc-khang-An đã được dứt lốt đều nói với vua Thanh giảng-hòa. Vua Càn-Long ưng-thuận phong cho vua Quang-Trung làm An-nam quốc-vương (1790).

Còn vua Lê-Chiêu-Thống lưu-vong ở Trung-quốc, bị Thanh-triều bạc-đãi. Rồi vì buồn rầu thành bệnh mà chết ở Bắc-kinh năm 1793. Về sau, vua Gia-long khi đã thống-nhất sơn-hà và giao-hiệp với Trung-hoa thương tình cố-quân xin cho mong hài-cốt nhà vua và hoàng-hậu về an-táng tại đất tổ-tiên ở tỉnh Thanh-hóa.

CÂU HỎI

1. Nguyên-nhân cuộc xâm-lăng của nhà Thanh ? — **2.** Tình-trạng xã-hội sau khi quân Thanh chiếm Thăng-long ? — **3.** Kể lại các cuộc chiến-thắng mau lẹ của Quang-Trung ? — **4.** Lý-do cuộc thắng trận của Quang-Trung ? — **5.** Tại sao vua Quang-Trung phải sai sứ sang giảng-hòa với nhà Thanh ? — **6.** Vua Lê-chiêu-Thống sau này ra sao ?

21 - CÔNG NGHIỆP CỦA VUA QUANG-TRUNG

DÀN BÀI

I.— Công-cuộc bình-trị : Dẹp loạn của con cháu nhà Lê.

II.— Việc cai-trị : Phong tước. Lập kinh-đô. Chia đất và đặt quan cai-trị.

III.— Kinh-tế :

- 1) Canh-nông.
- 2) Thương-mại.
- 3) Thuế-khoá.

IV.— Văn-hóa :

- 1) Tôn-giáo.
- 2) Văn-học.

V.— Binh-bị :

- 1) Tò-chức binh-đội.
- 2) Quấy phá lãnh-thò Trung-hoa

VI.— Nhà Tây-sơn suy :

- 1) Ý-định của vua Quang-Trung.
- 2) Vua Quang-Trung băng-hà,

I.— Công-cuộc bình-trị

Nhà Tây-sơn đã phá tan quân Thanh, nhưng trong nước vẫn còn loạn. Con cháu nhà Lê ẩn-nấp các nơi lại nổi lên. Lê-duy-Chỉ em Lê-Chiều-Thống mộ quân để cầm-cự ở miền Bảo-lạc (Tuyên-quang). Sau một năm chiến-đấu. Duy-Chỉ liên-lạc với quân Ai-lao ở Vạn-tượng và Trấn-ninh để phá Nghệ-an. Năm 1790, tướng Trần-quang-Điệu đem quân phá đồn Bảo-lạc. Duy-Chỉ bị bắt rồi bị hành hình,

Cùng năm ấy những trung-thần nghĩa-sĩ của vua Lê nổi lên ở Bắc-ninh và Yên-thế nhưng đều bị dẹp cả.

II. — Việc cai-trị

Vua Quang-Trung đã được nhà Thanh phong làm An-nam quốc-vương, uy-thế lừng lẫy. Nhà vua làm bá-chủ miền Bắc Đại-việt suốt từ Nam-quan đến Ai-vân lo kiến-thiết lại tổ-quốc. Vua Quang-Trung lập bà Ngọc-Hân Công - chúa làm Bắc - cung Hoàng - hậu và con là Quang-Toản làm Thái-tử. Rồi lại truyền xây kinh-đô mới ở Nghệ-an gọi là Phượng-hoàng trung-đô, vì Nghệ-an là trung-tâm miền Quang-Trung cai-trị, nhưng không xong, cải thành Thăng-long là Bắc-thành.

Đất Bắc-hà chia làm 13 trấn có quan võ « Trấn-thủ » coi việc binh và quan văn « Hiệp-trấn » coi việc hộ. Mỗi trấn chia làm nhiều phủ và huyện, đứng đầu mỗi huyện thì đặt chức « Phân-tri » để xét việc kiện-cáo và chức « Phân-xuất » để coi việc binh-lương.

Vua Quang-Trung đặt lại quan-chế, hàng võ thịnh hơn hàng văn để phù-hợp với nhu-cầu thời chinh-chiến lúc ấy.

III. — Mở-mang kinh-tế

Sau những năm chiến - tranh, vì ruộng đất bỏ hoang, vua Quang-Trung phải lo kiến-thiết để phục-hồi kinh-tế.

1. — Canh-nông : Trong cuộc xâm - lăng của nhà Thanh, kỳ-hào và quân Trung-hoa lợi-dụng cơ-hội chiếm ruộng vườn của nông-dân. Vì thế năm 1789 vua Quang-Trung làm lại sổ điền phân chia ra làm ba hạng cho tiện việc đánh thuế. Rồi lại sai làm sổ đinh để bắt những « lưu-dân » phải trở về nguyên quán làm ăn. Dân nội-tịch của làng xã chỉ là những người đã ở làng xã quá 3 năm. Định chia làm 4 hạng : từ 2 đến 17 tuổi là hạng « vi cấp cách », từ 18 đến 55 tuổi là tráng hạng, từ 56 đến 60 tuổi là lão-hạng và từ 61 tuổi trở lên là lão-nhiều. Dân chúng phải tích-cực khai-phá đất hoang. Làng nào để đất hoang thì bị phạt.

2.— Thương-mại : Vua Quang-Trung lo mở-mang thương-mại, sai sứ điều-định với nhà Thanh mở hàng buôn bán ở Nam-ninh và lập chợ ở biên-giới gần Cao-bằng và Lạng-son.

3.— Thuế-khóa : Nhà Tây-son chia ruộng đất công tư ra làm ba hạng tùy theo tốt xấu để đánh thuế. Thuế ruộng công nặng hơn thuế ruộng tư : Hạng nhất ruộng công phải nộp 150 bát thì hạng nhất ruộng tư chỉ phải nộp 40 bát.

IV.— Văn-hóa

1.— Tôn-giáo : Đời vua Quang-Trung đạo Công - giáo được truyền-bá tự-do, vì thế đạo mới được bành-trướng mạnh. Còn đạo Phật đến cuối thế-kỷ 18 đã bắt đầu suy. Nhà vua muốn phục-hưng lại nên ra lệnh hạn-chế việc xây chùa miếu và bắt các vị sư phải có học-thức và đức-hạnh. Ai không có đủ những điều-kiện đó thì phải hoàn-tục.

2.— Văn-học : Về ăn-học, vua Quang-Trung cũng không muốn dân Đại-việt bị ảnh-hưởng Trung-hoa mãi. Ông muốn tác-thành một nền văn-hóa quốc-gia tự-lập. Nhà vua tuyên-truyền cho dân-chúng dùng chữ nôm. Chính những văn-thư, những lời hiệu-triệu quân-sĩ, việc diên-lễ tế-tự và việc hiểu-dụ quân-dân cũng bằng quốc-văn. Trong kỳ-thi đệ-tam, sĩ-tử phải làm thơ phú bằng chữ nôm. Nguyễn-Thiếp tức La-Sơn Phu-tử được cử làm Viện-trưởng để coi việc giáo-dục quốc-dân.

Rất nhiều tác-phẩm quốc-văn ra đời vào hồi này Nguyễn-Thiếp dịch kinh truyện Trung-hoa ra chữ nôm, tiếc thay ngày nay thất lạc mất cả. Hồ-xuân-Hương với những thơ nôm bóng bẩy mà tả-chân Ngọc - Hân Công - chúa viết những bài thơ lâm - ly nhớ thương Quang-Trung khuất bóng. Phan-huy - Ích tác - giả cuốn Chinh-phục-ngâm, Nguyễn-hữu-Chỉnh, Nguyễn-huy-Lượng viết Tụng Tây-hồ phú, Phạm - Thái khóc nàng Trương-huỳnh-Như trong cuốn « Sơ kinh tân trang » là những nhà văn lỗi-lạc trong nền văn-học nước nhà.

V.— Binh-bị

1.— Vua Quang-Trung có mộng lớn, muốn mở đất nước về

phương Bắc lấy lại biên-giới nước Nam-việt xưa kia. Để sửa-sọan cuộc hành binh lớn lao đó, nhà vua muốn tổ-chức một đạo quân hùng mạnh. Năm 1790 vua Quang-Trung hạ lệnh cho các trấn làm lại hộ-tịch để định số dân có thể tòng quân. Mỗi dân-đình phải có một thẻ gọi là « Tin bài » chỉ tên họ và trú quân, bên cạnh có in dấu ngón tay. Ai không có thẻ thì tức khắc xung vào quân-đội còn những người xã-trưởng hay tổng-trưởng ở xã người ấy thì bị phạt. Cũng vì việc đó mà xảy ra nhiều chuyện ức-hiếp, dân-chúng phần-uất, nhiều người phải trốn vào rừng ẩn-thân.

Sở định làm xong thì cứ ba dân đình lấy một người lính. Quân-đội được tổ-chức thống-nhất chia thành các đạo, cơ, đội chu-đáo và được tập-dượt cẩn-thận.

2.— Quấy-phá lãnh-thờ Trung-hoa : Nhà Tây-sơn còn lợi-dụng giặc Tàu-Ô để quấy rối bờ bể Trung-hoa, và giúp đảng « Thiên-địa hội » đánh Tứ-xuyên làm cho nước Trung - hoa rối - reng. Nhà Thanh phải đề-phòng nội-bộ không chú-ý đến công-cuộc tổ-chức của Quang-Trung nữa.

VII.— Nhà Tây-sơn suy

1.— Ý-định của vua Quang-Trung : Việc binh-bị đã xong, vua Quang-Trung cho sứ sang Bắc-kinh để thăm dò, lấy cớ xin vua Thanh trả lại đất Lưỡng-quảng và xin gả cho một vị Công-chúa xem phản-ứng của triều-đình Thanh thế nào. Nhưng khi sứ-giả đến Trung-hoa thì được tin vua Quang-Trung mất nên phải bỏ lời đề-nghị đó đi.

2.— Vua Quang - Trung mất : Quang-Trung mất ngày 29 tháng 7 năm 1792 thọ 40 tuổi. Con là Nguyễn-quang-Toản mới 10 tuổi lên kế-vị lấy niên-hiệu là Cảnh-Thịnh. Sứ thần của Tây-sơn sang tận Bắc-kinh dâng biểu cáo - tang và cầu - phong cho Quang - Toản. Trong biểu có nói dối rằng khi vua Quang - Trung mất có trời lai phải đem chôn ở Tây-hồ gần Bắc-thành để tỏ lòng quyến-luyến triều-đình Trung-quốc. Vua Thanh tưởng thật, phong cho Quang-Toản làm An-nam quốc-vương, đặt tên Thụy cho Quang-Trung là Trung-Thuần

lại làm một thơ sang viếng và cho Ấn-sát Quảng-lây là Thành-Lân sang tế. Trong bài văn-tế có đoạn khen vua Quang-Trung :

*Chầu ngôi Nam cực
Lòng trung-nghĩa hết đạo thờ vua :
Chón đất Tây hồ,
Nghĩa thần-tử vẫn còn mền Chúa.*

(Việt-nam sử-lược)

3.— Vua Nguyễn - Quang - Toàn : (1792-1802) lên làm vua hầy còn nhỏ tuổi, nên mọi việc đều ở trong tay người cậu ruột là Bùi-dắc-Tuyên quyết đoán cả. Các quan văn võ trong triều không ai phục, lại chia thành phe đảng chèn cựa chém giết nhau, làm cho nhà Tây-sơn mỗi ngày một suy-khiệt. Trong khi đó, Nguyễn-Ánh đã lấy được Gia-định đặt cơ - sở cho cuộc bắc-tiến để thu giang - sơn về một mối.

Những công cuộc kiến-thiết trùng-lu của vua Quang - Trung trước kia đã tỏ ra khá thực-tế và bạo-dạn. Nhưng nếp sống của dân-quê đâu vẫn hoàn đấy. Dân-chúng nghe theo Tây-sơn khởi - nghĩa tưởng sẽ cải-hóa được cuộc sống dễ chịu hơn, song khi làm vua thiết triều - đại rồi thì Tây - sơn cũng như vua Lê chúa Trịnh. Vả lại vua Quang - Trung chết mua lệ quá, việc cải - cách chưa được sâu rộng vững vàng. Nền chẳng bao lâu, sau khi vua Quang-Trung mất chưa được 10 năm lòng người chán nản, ngã theo Gia - Long, người có công thống-nhất lại sơn-hà.

CÂU HỎI

1. Tại sao vua Quang-Trung định lập kinh-đô ở Nghệ-an ? — **2.** Việc uở mang thương-mại của Quang-Trung có gì đặc-biệt — **3.** Nói qua về văn-học đời Tây-sơn ? — **4.** Vua Quang-Trung lo tổ-chức binh-bị có ý-định gì ? — **5.** Với đường lối chính-trị của Quang-Trung, dân-chúng có lợi gì không ? — **6.** Tình-hình triều-đình của vua Quang-Toàn thế nào ?

22 - NGUYỄN-ÁNH LẤY GIA-ĐÌNH

DÀN BÀI

I.— Tình-trạng xã-hội ở thế-kỷ 18.

II.— Cuộc sửa-soạn của Nguyễn-Ánh :

- 1) Ở hải-ngoại.
- 2) Ở trong nước.

III.— Nguyễn-Ánh lấy Gia-định :

- 1) Lấy thành Gia-định.
- 2) Kiến-thiết Gia-định.
- 3) Việc giao-thiệp với Giám-mục Bá-đa-Lộc.

I.— Tình-trạng xã-hội ở thế-kỷ 18

Nhà Tây-sơn dựa vào sức mạnh của dân-chúng để chiếm ngôi vua. Nhưng khi đặt xong triều-đại mới, anh em Tây-sơn quên những nguyện-vọng của nhân-dân. Khi Tây-sơn khởi-nghĩa dân ùa theo hy-vọng thoát khỏi áp-bức của Chúa Trịnh và Chúa Nguyễn vẫn đè nén họ từ lâu. Họ mong được giảm thuế, nhẹ sưu-dịch, lấy lại ruộng vườn đã bị quan-liêu cướp mất. Sự mong ước chính-đáng đó không thấy nhà Tây-sơn thực-hiện, dân lại còn bị loạn lạc mất an-ninh. Xã-hội không được cải-tổ gì ngoài việc thay đổi một vài ông quan. Hơn nữa nạn đói mất mùa năm 1786 làm cho bao người d'êu-đứng.

Không phải chỉ có nông-dân mà cả những người buôn bán, những nho-sĩ cũng phân-uất. Trước kia phú-thương giúp Tây-sơn tiền của để việc buôn bán của họ được dễ-dàng. Nhưng loạn-lạc làm cho họ khó đi lại. Chúa Nguyễn đánh chiếm Gia-định làm cho họ mất thị-trường. Nho-sĩ phản-đối nhà Tây-sơn vì chữ nôm được trọng-dụng, địa-vị và quyền-lợi của họ bị lung-lay.

Trong tình-trạng ấy, nhà Tây-sơn dần-dần mất uy-tin, dân-chúng mong một cuộc thay đổi vì không còn hy-vọng ở triều-đại Tây-

sơn. Vì thế sau này khi Nguyễn-vương ra Bắc được dân-chúng hăng-hái theo cũng như trước kia đã theo vua Quang-Trung đuổi Chúa Trịnh vậy.

II.— Nguyễn-Ánh lấy Gia-định

1.— **Cuộc sửa-soạn ở hải-ngoại** : Năm 1785, Nguyễn-Ánh nhờ quân Xiêm-la đánh Tây-sơn nhưng bị thua ở Mỹ-tho. Chúa



Hoàng-tử Cảnh

Ảnh vẽ của họa-sĩ Mạnh-Quỳnh

Nguyễn phải chạy sang Vọng-các nương-náu đợi ngày về nước khôi-phục. Vua Xiêm đề cho quan quân Nguyễn-Ánh ở Long-kỳ ngoài thành Vọng-các, tự-do tổ-chức binh-đội. Nguyễn-vương phân chia mỗi người một việc. Người thì đi làm ruộng lấy thóc gạo nuôi quân, người ra các đảo đóng chiến-thuyền, kẻ được gửi về quốc-nội để thăm dò tin tức và chiêu-mộ quân-sĩ.

Đạo quân nhỏ ấy do Lê-văn - Quân và Nguyễn - Văn-

Thành điều-khiển đã giúp vua Xiêm đánh đuổi quân Diên-diện(1780) và quân Mã-lai cướp phá bờ bề.

Năm 1787 người Bồ-đào-nha ở tỉnh Goa (Ấn-độ) đề-nghị với Chúa Nguyễn, xin giúp 56 chiến-thuyền để phục-hồi lại lãnh-tho đã mất. Nhưng sợ vua Xiêm phật-ý, Nguyễn-vương không nhận.

2.— **Lấy thành Gia-định** : Năm 1786 anh em Tây-sơn bất-bình. Nguyễn-Nhạc gọi quân ở Gia-định về giữ Qui-nhơn. Loạn nổi lên và lan rộng khắp trong nước. Được tin đó Nguyễn-Ánh mật truyền cho binh-đội lên đường. Vừa không muốn nhờ cậy vào viện-quân của Xiêm, vừa ngại vua Xiêm cản-ngăn nên Nguyễn-vương chỉ

đi lại thư từ-tạ rồi nửa đêm đem gia-quyển xuống thuyền về nước (tháng 7-1787). Đến Hà-tiên, Nguyễn-Ánh cho gia-quyển ở lại Phú-quốc rồi về đóng ở Long-xuyên.

Quân Nguyễn-vương mỗi ngày một lớn. Tướng Tây-sơn là Nguyễn-văn-Trương ra hàng. Nhiều đám tàn-quân của Trung-hoa (Thiên-địa-hội) cũng xin nhập ngũ. Tháng 9, quân Nguyễn vào cửa Cần-giờ. Nguyễn-Lữ hoảng sợ chạy lên Biên-hòa. Thấy lực-lượng của Tây-sơn còn mạnh, Nguyễn-Ánh dùng kế ly-gián. Ông làm một lá thư giả của Nguyễn-Nhạc gửi cho Nguyễn-Lữ bảo phải giết Phạm-văn-Tham đi. Lá thư đó vờ đưa nhằm đến tay Phạm-văn-Tham. Tham tưởng thật mang quân kéo cò trắng đến tạ tội với Nguyễn-Lữ. Nguyễn-Lữ lại tưởng nhầm là Phạm-văn-Tham đã hàng Nguyễn-vương rồi, nên vội-vàng kéo quân chạy về Qui-nhơn, được ít lâu thì mất.

Phạm-văn-Tham đem quân về giữ Gia-định đánh được quân Nguyễn. Nguyễn-Ánh hao binh tổn-tướng rất nhiều phải rút về Mỹ tho. Lúc ấy có tướng tài ở Gò-công là Võ-Tánh ra giúp lại mộ thêm được quân Cao-mên nên Nguyễn-vương mới chiếm được Gia-định (7-9-1788). Phạm-văn-Tham bị nghẽn ở Ba-thắc hết lương-thực, không lối thoát đành phải xin hàng (1789).

3.— Kiến-thiết Gia-định.

a) *Mở-mang nông-nghiệp* : Công việc đầu-tiên của Nguyễn-Ánh khi về đến Gia-định là tích-cực khai-khẩn đất hoang gây dựng kinh-tế. Nguyễn-vương đặt 12 viên diên-tuấn quan chuyên-môn khuyến-kích canh-nông. Trong số đó có Trịnh-hoài-Đức, Lê-quang-Đĩnh và Ngô-tòng-Chu. Dân-chúng ai cũng phải làm ruộng : dân cày ruộng đồng bằng phải nộp 100 cơ thóc, ai cày ruộng núi phải nộp 70 cơ. Ai không làm ruộng tức khắc phải ra lính, ai nộp đủ thuế thì được miễn dịch một năm. Nhà nước lại cho thuê đất, thuê trâu, thuê cày rồi phải trả bằng thóc. Nguyễn-Ánh lại mở đồn-diên, cho ai mộ được trên 10 người thì được làm cai trại và được trừ sưu-dịch. Các quan văn võ đều phải mộ người, lập thành đội, mỗi năm mỗi người phải nộp 6 hộc thóc.

Công-việc khai-khẩn có tổ-chức qui-mô nên miền Nam trở nên một miền trù-phú, đông người, giúp Nguyễn-vương làm căn-cứ chống với Tây-sơn và đề sau này làm bàn đạp thống-nhất sơn-hà.

b) *Việc cai-trị* : Nguyễn-Ánh chia đất Gia-định ra làm 4 doanh : Phiên-trấn, Trấn-biên, Trấn-vĩnh, Trấn-định. Làm sở cộng-đồng cho các quan văn võ luận-nghị. Năm 1791 có mở khoa thi, 12 người trúng cử. Cờ bạc và phù-thủ bị cấm triệt-đề.

Nhưng Nguyễn-vương chú-ý nhất đến vấn-đề binh-bị. Mua sắt, đồng, kẽm, lưu-hoàng của tàu bè ngoại-quốc chở đến để làm binh-khí và cho họ chở thóc gạo, đường về nước. Nguyễn-Ánh cho đúc súng và làm hai chiến-thuyền theo kiểu Âu-châu, lấy tên là Huỳnh-long và Xích-nhan. Lại mua được từ Macao 20.000 súng ngắn, 2.000 súng trường và 2.000 trái-pháo. Cũng trong lúc này, Giám-mục Bá-đa-Lộc cùng hoàng-tử Cảnh hồi hương mang theo một số viện-trợ đáng kể, mặc dầu nước Pháp không giúp đỡ gì.

3.— Việc giao-thiệp với Giám-mục Bá-đa-Lộc : Sau cuộc thất-bại năm 1785 Nguyễn-Ánh giao Hoàng-tử Cảnh cho Giám-mục Bá-đa-Lộc đưa sang Pháp đề thương-thuyết với vua Louis XVI.

Phải ngưng lại Pondichéry đến tháng 7-1786, Bá-đa-Lộc cùng Hoàng-tử Cảnh mới khởi hành qua Pháp. Tới thương-cảng Lorient vào tháng 2 năm sau. Trong khi triều-đình và các tư-đình quí-tộc tiếp rước yêu-chiêu vị Hoàng-tử non trẻ dễ thương, thì Bá-đa-Lộc vị đặc-sứ toàn-quyền của Nguyễn-vương điều-đinh với Tổng-trưởng ngoại-giao là Montmorin. Ngày 28-11-1787, một hiệp-ước tương-trợ đã được ký-kết. Theo đó, Pháp-hoàng cam-kết giúp đỡ Nguyễn-vương phục-hồi lại đất nước, Pháp-hoàng sẽ gửi qua 4 chiến-thuyền cùng 1.650 quân lính với đầy đủ súng ống đạn dược.

Đề đền bù lại, Nguyễn-vương nhường cho Pháp cửa Hội-an, đảo Côn-lôn và người Pháp đặc-quyền vào buôn bán ở Việt-nam. Khi nào nước Pháp cần đến lính, tàu bè, lương-thực thì Nguyễn-vương phải ứng-biện cho đủ. Việc thi-hành hiệp-ước này vua Pháp trao cho De Conway tổng-trấn thành Pondichéry ở Ấn-độ.

Nhưng 5 ngày sau khi ký-kết, vì thấy nền tài-chính của Pháp kiệt-quệ, chánh-phủ Pháp liền mật cho De Conway chỉ-thị có thể quyết-định tại chỗ việc thi-hành hay bỏ rơi hiệp-định đó. Vì thế, Bá-đa-Lộc mới ngạc-nhiên khi thấy De Conway lạnh-lùng trong việc tiếp-rước lúc Hoàng-tử Cảnh trở về tới Pondichéry. Tháng 3-1789, De Conway gửi về Pháp một bản tường-trình rất bi-quan đối với việc giúp đỡ Nguyễn-vương. Vả lúc đó cuộc cách-mạng 1789, cũng sắp nổi lên, vì thế chánh-phủ Pháp cũng bỏ lãng việc ấy đi.

Trong khi Bá-đa-Lộc chán-nản về sứ-mạng ngoại-giao với Pháp thất-bại, thì người Anh-cát-lợi đề-nghị xin giúp Nguyễn-vương. Bá-đa-Lộc từ chối (ta nên nhớ Giám-mục là một nhà truyền-bá đạo Công-giáo còn người Anh thì đa-số lại theo đạo Thệ-phản). Sau đó Bá-đa-Lộc lại được tin Nguyễn-Ánh đã từ Xiêm đem quân về chiếm Gia-định. Ông liền tự sức quyền tiền mua súng đạn, mộ quân, đem hai chiến-thuyền cùng Hoàng-tử Cảnh về Gia-định (tháng 7-1789).

Hiệp-ước viện-trợ của Pháp không được thi-hành, nhưng trong thân-tâm Nguyễn-Ánh rất vui mừng vì tránh được sự can-thiệp của Tây-phương mà ông đã nghi-ngờ thiện-chí.

Những người Pháp theo Giám-mục Bá-đa-Lộc như Olivier, Chaigneau, Vannier, Dayot, Forsans giúp Nguyễn-Ánh tổ-chức binh-đội theo phương-pháp Âu-châu. Vì thế hỏa-lực và thủy-quân của họ Nguyễn hơn hẳn nhà Tây-sơn.

Việc sửa-soạn đã đầy đủ, đất Gia-định đã kiến-thiết xong, Nguyễn-vương đem binh đánh Phú-xuân rồi tiến ra Bắc-hà thống-nhất lãnh-thổ.

CÂU HỎI

1. Vì lý-do gì dân-chúng không phù nhà Tây-sơn nữa? — 2. Yếu-tố thành-công của Nguyễn-Ánh trong việc thống-nhất lãnh-thổ? — 3. Nguyễn-vương đã làm gì để kiến-thiết miền Nam? — 4. Tại sao giao-ước Việt-Pháp ký năm 1787 không được thi hành? — 5. Kể lại cuộc giao-thiệp giữa Nguyễn-Ánh với Bá-đa-Lộc.

23 - NGUYỄN-ÁNH THỐNG NHẤT LÃNH THỜ

DÀN BÀI

I.— Giặc mùa :

- 1) Chiến-lược.
- 2) Tuyên-truyền trong dân-chúng.
- 3) Chiến-tranh.

II.— Nhà Tây-sơn suy-tàn :

- 1) Quân Cảnh-Thịnh chiếm Qui-nhơn.
- 2) Nội-loạn trong triều Tây-sơn.
- 3) Những cuộc thanh-trừng.

III.— Đánh Qui-nhơn :

- 1) Sửa-soạn.
- 2) Chiếm thành Qui-nhơn.
- 3) Quân Tây-sơn vây thành.
- 4) Võ-Tánh tự-tử.

IV.— Chiếm Phú-xuân.

V.— Đánh Bắc-hà :

- 1) Trận Trấn-ninh.
- 2) Chiếm Bắc-hà.

I.— Giặc mùa

1.— **Chiến-lược** : Tổ-chức xong miền Nam, Nguyễn-Ánh sửa-soạn chương-trình tấn-công nhà Tây-sơn.

Năm 1790, quân thủy bộ tiến ra Bắc, chiếm được Phan-rí và Bình-thuận. Nhưng không đủ sức chống lại cuộc phản-công của Tây-sơn, lại gió bắc thổi tới làm cho việc tiếp-tế khó khăn. Chúa Nguyễn phải ra lệnh rút lui.

Học được kinh-nghiệm trong trận ấy, Nguyễn-vương áp-dụng chiến-lược mới, dựa vào gió mùa để đánh Tây-sơn. Vào tháng 5, 6,

chuyển thuyền từ Gia-định theo gió nồm ra Bắc, có bộ binh đi theo và hẹn gặp nhau ở một địa-điểm đã định. Sau khi đã chiếm được miền nào thì đào hầm đắp lũy, để quân ở lại canh gác rồi theo gió bắc đại đội trở về Nam. Cứ theo kế-hoạch ấy quân Chúa Nguyễn tiến dần ra Bắc. Cuộc chiến-tranh này gọi là « Giặc mùa ».

2.— Tuyên-truyền trong dân-chúng : Chúa Nguyễn lại khéo biết vận-động nhân-lâm, Chúa cho người tâm-phúc lên đi tuyên-truyền trong miền Tây-sơn, kể tội Tây - sơn nào là bắt sưu cao thuế nặng, bắt lính bắt phu chinh-chiến cực-khổ. Họ lại đặt ra những câu vè câu hát gọi cho dân - chúng chán-ghét Tây-sơn, mong chờ Chúa Nguyễn đến giải-thoát.

« Lay giời cho chóng gió nồm,

« Đờ thuyền Chúa Nguyễn dong buồn thẳng ra ».

Lại có một vị hưu-quan của nhà Nguyễn ở chi-sĩ tại miền Thừa-thiên đặt ra bài ca « Hoài - nam khúc », tán - tụng công ơn nhà Nguyễn, kể chuyện Tây - sơn khởi - loạn tham - tàn và nhớ thương trông chờ Chúa Nguyễn.

3.— Chiến-tranh : Tháng 3 năm 1792, Nguyễn-Ánh được tin quân Tây-sơn đang sửa-soạn binh-thuyền ở Qui-nhơn để đánh Gia-định. Nguyễn-vương vội cho quân lãn-công trước. Chiến-thuyền của Chúa Nguyễn theo gió nồm tiến ra cửa Thị - nai đại phá thuyền bè của Nguyễn-Nhạc. Xong việc, quân Nguyễn lại trở về Nam.

Mùa thu năm ấy, vua Quang - Trung mất, con mới 10 tuổi lên kế vị lấy niên-hiệu là Cảnh-Thịnh.

Năm 1793, Nguyễn - vương tự dẫn binh thuyền ra chiếm Nha-trang, Diên - khánh, Bình-khang và Phú-yên. Bộ-binh, do Tôn-thất-Hội điều-khiển, chiếm Bình-thuận. Hai quân thủy bộ gặp nhau rồi Chúa Nguyễn cho vây thành Qui - nhơn. Nguyễn - Nhạc phải cầu cứu vua Cảnh-thịnh. Triều - đình Phú - xuân gửi 18 ngàn người, 80 thớt voi và 30 chiến-thuyền vào giải vây Qui-nhơn. Thấy quân Tây-sơn đã mạnh mà gió mùa sắp đổi chiều, Nguyễn - Ánh phải rút về Nam để các tướng ở lại giữ Diên-khánh và Bình-thuận.

II.— Nhà Tây-sơn suy-tàn

1.— Quân Cảnh-Thịnh chiếm Qui-nhơn : Quân vua Cảnh-Thịnh giải vây xong, kéo vào thành Qui-nhơn, chiếm giữ thành-trị và tịch-biên kho-tàng của Nguyễn-Nhạc. Nguyễn-Nhạc uất-ức quá chẳng bao lâu thì mất. Thái-sư Bùi-đắc-Tuyên con của Nguyễn-quang-Toản, ra lệnh cho quân ở lại giữ thành Qui-nhơn, phong cho con Nguyễn-Nhạc là Nguyễn-Bảo làm Hiến-công, cho ăn lộc một huyện gọi là « Tiêu-triều ».

Nhà Tây-sơn, lợi-dụng chiến thắng, cho quân chiếm lại mấy tỉnh miền Nam. Năm 1794, Trần-quang-Điệu lấy Phú-yên, Bình-Thuận và vây thành Diên-khánh.

2.— Nội-loạn trong triều Tây-sơn : Trong lúc ấy ở triều-đình Tây-sơn có loạn. Các đại-thần hiềm-khích nhau. Vũ-văn-Dũng ở Bắc-hà bị triệu về Phú-xuân. Uất-ức quá, tướng Dững mưu với các quan diệt-trừ Bùi-đắc-Tuyên và đồng đảng. Vua Cảnh-Thịnh bỏ tay không dám can-thiệp. Trần-quang-Điệu đang vây thành Diên-khánh, nghe tin ấy vội đem quân về Phú-xuân đóng ở hữu-ngạn sông Hương còn Vũ-văn-Dũng cũng bố-tri ở tả-ngạn. Nhưng Phan-huy-ích đã khéo điều-đinh để hai tướng rút binh. Từ đó thế-lực nhà Tây-sơn suy-tàn dần.

3.— Những cuộc thanh-trừng : Năm 1797 Nguyễn-Ánh lại mang quân đánh Qui-nhơn, Hội-an và Quảng-nam. Đến khi lương cạn và gió mùa đổi hướng quân Nguyễn rút về Nam. Năm sau 1798, Quang-Toản nghi Nguyễn-Bảo có ý đầu hàng Nguyễn-vương nên cho lệnh bắt, rồi xử-tử, những quan bị nghi là tòng phạm cũng bị giết. Thấy thế, nhiều người chán-nản Tây-sơn sang hàng chúa Nguyễn.

III.— Đánh Qui-nhơn

1.— Sửa-soạn : Sau nhiều lần tấn công, Nguyễn-Ánh vẫn không chiếm được Qui-nhơn, vì thế lần này Nguyễn-vương sửa-soạn kỹ-càng hơn. Đầu năm 1798, Nguyễn-Ánh sai sứ sang Vọng-các điều-đinh với vua Xiêm, xin viện-binh từ Ai-lao đánh vào miền

Nghệ - an, còn Nguyễn - Ánh thì tấn công phía Nam. Mặt khác Chúa Nguyễn cho sứ sang Trung-hoa giao-thiệp với nhà Thanh.

2. — Chiếm thành Qui-nhơn : Tháng ba năm 1799, Võ-Tánh đem chiến-thuyền vào cửa Thị-nại vây thành Qui-nhơn. Còn Nguyễn-văn-Thành theo đường bộ chiếm Phú-yên rồi liên-lạc với thủy-quân. Sau 4 tháng cầm-cự thành Qui-nhơn thất-thủ (tháng 7-1799), Nguyễn-Ánh đổi tên Qui-nhơn là Bình-định.

Nguyễn-vương đề Võ-Tánh và Ngô-tòng-Chu ở lại giữ thành rồi trở về Nam. Tháng 10 năm ấy Giám-mục Bá-da-Lộc mất ở Thị-nại. Nguyễn-vương đem về hậu-táng ở Gia-định. Và tháng 2 âm-lịch năm sau, Đòng-cung Cảnh cũng bị bệnh đậu mùa mà mất ở Gia-định mới thọ được 22 tuổi. Trước sự đau đớn đó, Nguyễn-Ánh lại càng quyết-tâm đánh thắng.

3. — Quân Tây-sơn vây thành Qui-nhơn : Năm sau tướng Tây-sơn là Trần-quang-Diệu mang bộ-binh vào đánh thành Bình-định còn Vũ-văn-Dũng đem chiến thuyền giữ cửa Thị-nại. Cuộc cầm cự kéo dài mãi đến tháng 2-1801. Lê-văn-Duyệt dùng thủy-quân phá tan thuyền của Vũ-văn-Dũng nhưng bộ-binh của Tây-sơn mạnh lắm, quân Nguyễn không thể giải vây được.

4. — Võ-Tánh tử-tiết : Bình-định bị vây chặt, Nguyễn-vương sai người lên vào bảo Võ-Tánh bỏ thành mà ra nhưng Võ-Tánh biên thư nói rằng : Tình-hình của Tây-sơn hiện ở cả Bình-định nên thừa cơ mà đánh lấy Phú-xuân. Nguyễn-vương theo kế ấy đề Nguyễn-văn-Thành ở lại cầm cự với Trần-quang-Diệu cho thuyền tiến ra Bắc. Nhưng bị bao vây Bình-định lâu ngày lương-thực cạn, Võ-Tánh viết thư cho Trần-quang-Diệu xin đừng giết quân lính trong thành, rồi tự thiêu mình trên lầu bát-giác. Còn Hiệp-trấn Ngô-tòng-Chu thì đã uống thuốc độc tự-tử trước rồi (tháng năm, 1801).

Trần-quang-Diệu vào thành tha cho quân lính và cho hậu-táng hai tướng anh-hùng đó. Tuy lấy được thành Qui-nhơn nhưng quân của Quang-Diệu bị cô-độc vì Phú-xuân đã thất-thủ,

VI.— Chiếm Phú-xuân

Theo lời bàn của Võ-Tánh, ngày 5-5-1801 Nguyễn-vương tiến ra Phú-xuân vào cửa Thuận-an. Vua Cảnh-Thịnh tự cầm quân chống giữ, nhưng sau mấy giờ ác chiến thì quân Tây-sơn tan. Nguyễn-vương vào thành Phú-xuân sáng ngày 15 tháng 6, sau 25 năm lưu-lạc từ bỏ cố-đò nay mới trở lại được kinh-thành của tổ-tiên cũ.

Nguyễn-vương vào thành treo biển an-dân rồi sai tướng Lê-Chất đem bộ-binh đuổi tàn-quân Tây-sơn, tướng Nguyễn-văn-Trương đem thủy-quân ra Linh-giang để chặn quân Tây-sơn rút ra Bắc.

V.— Đánh Bắc-hà

1.— Trận Trấn-ninh : Thua trận Phú-xuân, Cảnh-Thịnh chạy ra Bắc-hà đổi niên-hiệu là Bảo-Hưng mộ được hơn 3 vạn quân-sĩ lại tiếp-tục chống-giữ. Đầu năm 1802 Quang-Toản vượt sông Gianh. Bùi-thị-Xuân là vợ Trần-quang-Diệu cũng mang 5.000 thủ-hạ theo vua đi đánh trận. Quân Tây-sơn bị đánh chặn ở lũy Đồng-hới, vua Quang-Toản đã chán nản. Bùi-thị-Xuân lên mình voi thúc quân đánh rất hăng nhưng khi nghe thủy-quân Tây-sơn bị bại ở cửa Nhật-lệ quân lính hoảng sợ bỏ chạy cả.

Trần-quang-Diệu được tin ấy vội bỏ Qui-nhơn kéo qua dãy Trường-sơn ra Nghệ-an để hội với quân của Quang-Toản. Thế là tất cả miền Nam sông Gianh trở vào lại thuộc về Chúa Nguyễn.

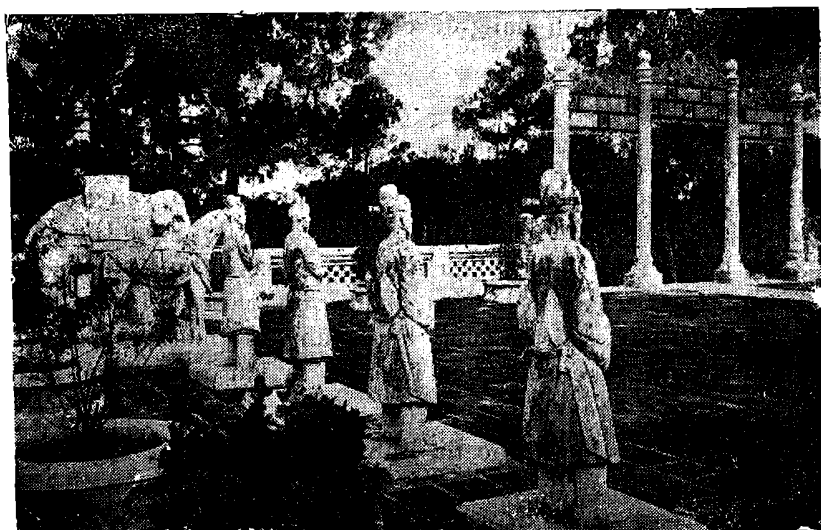
2.— Chiếm Bắc-hà : Ngày 1-6-1802 Chúa Nguyễn làm lễ tế trời đất rồi lấy niên-hiệu là Gia-long. Nguyễn-Ánh chưa xưng đế vội, còn giữ triều-đại Cảnh-Hưng của vua Lê-Hiến-Tôn để thu-phục lòng dân, lấy chính-nghĩa để chiếm Bắc-hà. Nguyễn-Ánh lại sai Trịnh-hoài-Đức sang Trung-hoa mang ấn của nhà Thanh để phong cho Tây-sơn nộp vua Thanh và cầu phong cho họ Nguyễn. Ngày 20 tháng 6, Nguyễn-Ánh làm hai tờ bá-cáo cho dân và cho quân-đội, rồi sai Nguyễn-văn-Trương điều-khiển thủy-quân, Lê-văn-Duyệt đốc-xuất bộ-binh tiến ra Bắc. Quân Nguyễn vượt sông Gianh, Nghệ-an, Thanh-hóa. Quân Tây-sơn ra hàng hay chạy cả. Ngày 20 tháng 7 Nguyễn-

Anh vào thành Thăng-long. Quang-Toản chạy qua sông Hồng-hà nhưng bị dân bắt nộp cho Nguyễn-Anh.

Nhà Tây-sơn làm vua được 14 năm (1788-1802) thì mất.

Nước Đại-việt sau hai thế-kỷ nội-chiến, chia-rẽ lại được thống-nhất.

Thêm vào đất-đai của nhà Lê cũ, các Chúa Nguyễn đã thâu về cho tổ-quốc tất cả miền nam Trung-phần hiện nay và toàn bộ bình-



Lăng Gia-Long, người đã thống-nhất nước Việt-nam

nguyên sông Cửu - long cho tới biên - thủy Cao-miên. Vua Gia-Long vừa là ông vua đầu-tiên cai-trị suốt dãy giang-sơn thống-nhất từ ải Nam-quan tới mũi Cà-mau. Đất đai tuy rộng lớn, nhưng người thừa của hiếm, vì 30 năm nội-chiến đã gây bao tang-thương đồ-nát. Dân Đại-việt còn mất nhiều năm nữa mới trùng-tu lại cơ-nghiệp cũ để sống cuộc đời thanh-bình trong ít lâu.

CÂU HỎI

1. Tại sao gọi là « Giặc mùa » ? Chiến-lược « giặc mùa » thế nào ? — 2. Tình-hình nhà Tây-sơn trong trận giặc mùa ? — 3. Tại sao Nguyễn-Anh tiến ra Bắc-hà dễ-dàng như thế ? — 4. Kế-sơ-lược hành-trình thống-nhất của Nguyễn-Anh. — 5. Nguyễn-Anh có công gì đối với giang-sơn ? — 6. Tại sao sau cuộc phân-chia chính-chiến này, phải trùng-tu bao lâu mới dần-hồi lại thanh-bình ?

MỤC - LỤC

BÀI

TRANG

Chương-trình

3

PHẦN THỨ NHẤT

Khởi-nghĩa chống Minh

1	Nước Việt-nam dưới thời Minh-thuộc	6
2	Cuộc khởi-nghĩa của Lê-Lợi	14
3	Lê-Lợi tổng phản-công	21
4	Sự-nghiệp Lê-Thái-Tổ	32
5	Lê-Thái-Tôn — Lê-Nhân-Tôn	36
6	Lê-Thánh-Tôn việc nội-trị	40

PHẦN THỨ HAI

Thời quân-chủ cực-thịnh

7	Cuộc Nam-tiến	45
8	Xã-hội và văn-hóa đời Lê-Thánh-Tôn	46
		53

PHẦN THỨ BA

Thời quân-chủ suy-vong

9	Nhà Lê suy-tàn	61
10	Nam Bắc Triều	67
11	Nhà Lê Trung-hưng	75
12	Trịnh Nguyễn phân-tranh	81
13	Sự-nghiệp họ Trịnh : nội-trị và ngoại-giao	89
14	Sự-nghiệp họ Trịnh : văn-hóa và xã-hội	97
15	Sự-nghiệp họ Nguyễn : chính-trị và văn-hóa	103
16	Sự-nghiệp họ Nguyễn : cuộc Nam-tiến	110
17	Việt-nam tiếp-xúc với Âu-châu	118

PHẦN THỨ TƯ

Thời-kỳ hợp nhất dân-tộc

18	Tây-sơn khởi-nghĩa	127
19	Tây-sơn diệt họ Trịnh, dứt nhà Lê	128
20	Nhà Tây-sơn đại phá quân Thanh	136
21	Công-nghiệp của vua Quang-Trung	143
22	Nguyễn-Ánh lấy Gia-định	149
23	Nguyễn-Ánh thống-nhất lãnh-thò	154
	Mục-lục	159
		165



NHÀ XUẤT-BẢN
NGUYỄN-DU

77, Thủ-khoa Huân, Sài-gòn
86, Nguyễn-Du, Sài-gòn — Đ.T. 20.881

BỘ LỊCH-SỬ TRUNG-HỌC

TỪ ĐỆ-THẤT TỚI ĐỆ-NHỊ
của TRẦN-HỮU-QUẢNG



BỘ ĐỊA-LÝ TRUNG-HỌC

TỪ ĐỆ-THẤT TỚI ĐỆ-NHỊ
của TRẦN-HỮU-QUẢNG



BỘ CÔNG-DẪN GIÁO-DỤC

TỪ ĐỆ-THẤT TỚI ĐỆ-NHỊ
của VŨ-QUỐC-THỨC
và HỒ-SĨ-KHUYÊ



BỘ PHÁP và ANH-VĂN

của NGUYỄN-QUANG-LÂM
J. SÁCH và HOÀNG-CHÂU